

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ
VIGEBA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở**

**“DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ GIAO LƯU”**

Địa điểm thực hiện: phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội

*(Báo cáo được chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 646/TB-STNMT ngày 08/4/2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)*

Hà Nội, tháng năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ
VIGEBA



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở**

**“DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU ĐÔ
THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU”**

Địa điểm thực hiện: phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội

*(Báo cáo được chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 646/TB-STNMT ngày 08/4/2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội)*

CHỦ CƠ SỞ th

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Dũng

Hà Nội, tháng năm 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	vi
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vii
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở.....	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.1. Quy mô của cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	27
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	27
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	28
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nước.....	28
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện	31
1.4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất	34
1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở	34
1.5.1. Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.....	35
1.5.1.1. Đánh giá tác động do bụi, khí thải.....	35
1.5.1.2. Đánh giá tác động do nước thải.....	41
1.5.1.3. Đánh giá tác động do chất thải	42
1.5.2. Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn vận hành	44
1.5.2.1. Đánh giá tác động do khí thải.....	44
1.5.2.2. Đánh giá tác động do nước thải.....	44
1.5.2.3. Đánh giá tác động do chất thải	45
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	48
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	49
3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	49
3.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công	49
3.1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành.....	49
3.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải	81
3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công	81
3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành.....	81
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	84
3.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công	84
3.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành.....	85

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	85
3.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công	85
3.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành.....	86
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	86
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành	86
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác	89
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	90
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	91
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	91
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải	91
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải	91
4.1.3. Dòng nước thải.....	91
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	91
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	92
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	93
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	93
4.2.2. Lưu lượng xả khí thải	93
4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải	93
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	93
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	93
4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	93
4.4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải	94
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN	95
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	95
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường	95
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	95
5.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....	98
5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở.....	99
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	100
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	100
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	100
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	100
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	100
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	100

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	101
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	101
CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH CƠ SỞ ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỀ ĐƯỢC XÁC NHẬN CƠ SỞ ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	102
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	103

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp phạm vi đề nghị cấp phép cho Cơ sở	6
Bảng 1.2. Bảng thay đổi diện tích sử dụng đất qua các thời điểm	7
Bảng 1.3. Hiện trạng diện tích đất sử dụng của Cơ sở theo GPMT số 234/GPMT-UBND và Quyết định điều chỉnh quy hoạch	8
Bảng 1.4. Chi tiết điều chỉnh chức năng sử dụng đất của Cơ sở.....	10
Bảng 1.5. Tổng hợp chức năng sử dụng đất và chi tiêu quy hoạch kiến trúc điều chỉnh	13
Bảng 1.6. Chi tiết quy mô diện tích hạng mục của Cơ sở.....	14
Bảng 1.8. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa đã xây dựng	18
Bảng 1.9. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải đã xây dựng	19
Bảng 1.10. Vị trí, công suất trạm biến áp sau điều chỉnh quy hoạch.....	25
Bảng 1.11. Bảng thống kê số liệu tầng hầm của các công trình	27
Bảng 1.12. Lượng nước cấp năm 2025 và các tháng đầu năm 2026	28
Bảng 1.13. Tính toán nhu cầu sử dụng nước khi các khu nhà thấp tầng lấp đầy	29
Bảng 1.14. Lượng nước cấp sinh hoạt dự kiến cho các ô chưa xây dựng.....	29
Bảng 1.15. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt và thoát nước thải của Cơ sở.....	30
Bảng 1.16. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở năm 2025	31
Bảng 1.17. Nhu cầu sử dụng điện hạng mục điều chỉnh.....	32
Bảng 1.18. Nhu cầu sử dụng hoá chất cho HTXL nước thải tại Cơ sở.....	34
Bảng 1.19. Tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp hạng mục điều chỉnh quy hoạch	35
Bảng 1.20. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình thi công.....	36
Bảng 1.21. Tải lượng các chất ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra	37
Bảng 1.22. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải rơi vãi trong quá trình xây dựng	38
Bảng 1.23. Nồng độ bụi từ quá trình thi công xây dựng.....	39
Bảng 1.24. Số giờ làm việc của các máy móc chính trên công trường.....	40
Bảng 1.25. Hệ số phát thải đặc trưng của phương tiện sử dụng trong thi công	40
Bảng 1.26. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện thi công	40
Bảng 1.27. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện thi công	40
Bảng 1.28. Quy định về tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	41
Bảng 1.29. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (hoạt động 8h/ngày)	41
Bảng 1.30. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm tại khu vực thi công.....	42
Bảng 1.31. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng.....	43
Bảng 1.32. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	45
Bảng 1.33. Thành phần đặc trưng của CTR sinh hoạt	45

Bảng 1.34. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh.....	46
Bảng 1.35. Bảng tổng hợp khối lượng CTR công nghiệp phải kiểm soát và CTNH phát sinh	46
Bảng 3.1. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở.....	50
Bảng 3.2. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải của Cơ sở.....	53
Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của HTXL nước thải 1.000 m ³ /ngày đêm	57
Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải 1.000 m ³ /ngày đêm	57
Bảng 3.5. Bảng chế độ vận hành của thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải 1.000 m ³ /ngày đêm.....	63
Bảng 3.6. Các thông số kỹ thuật của HTXL nước thải 1.210 m ³ /ngày đêm	69
Bảng 3.7. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải 1.210 m ³ /ngày đêm	69
Bảng 3.8. Bảng thống kê nguyên nhân và cách khắc phục sự cố HTXL nước thải	87
Bảng 3.9. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt	90
Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở tháng 01/2026	95
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải đầu vào HTXL nước thải năm 2025 và quý I/2026	96
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải đầu ra HTXL nước thải năm 2025 và quý I/2026	96
Bảng 5.4. Bảng thống kê số liệu quan trắc tự động liên tục.....	98
Bảng 5.5. Khối lượng CTNH phát sinh từ hoạt động của Cơ sở năm 2025.....	98

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh.....	2
Hình 1.2. Một số hình ảnh khu đô thị thành phố Giao Lưu	3
Hình 1.3. Mặt bằng hiện trạng sử dụng đất của Cơ sở	17
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa	50
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom thoát nước thải ô đất TT, NT, TH, THCS, THPT, HH2.....	52
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom thoát nước thải ô đất CT4	52
Hình 3.4. Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế (đã được cống hóa)	53
Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT 1.000 m ³ /ngày đêm	54
Hình 3.6. Một số hình ảnh của HTXL nước thải công suất 1.000 m ³ /ngày đêm	61
Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải công suất 1.210 m ³ /ngày đêm.....	66
Hình 3.8. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi của HTXL nước thải công suất 1.000 m ³ /ngày đêm	82
Hình 3.9. Sơ đồ thu gom mùi phát sinh từ HTXL nước thải 1.210 m ³ /ngày đêm	83

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
HTXL	Hệ thống xử lý
UBND	Ủy ban nhân dân

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên Chủ cơ sở: **Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A**
- Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Văn Hậu**
- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Điện thoại: 024 62651311
- Mã số thuế: 0101164854
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101164854, đăng ký lần đầu vào ngày 02/07/2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

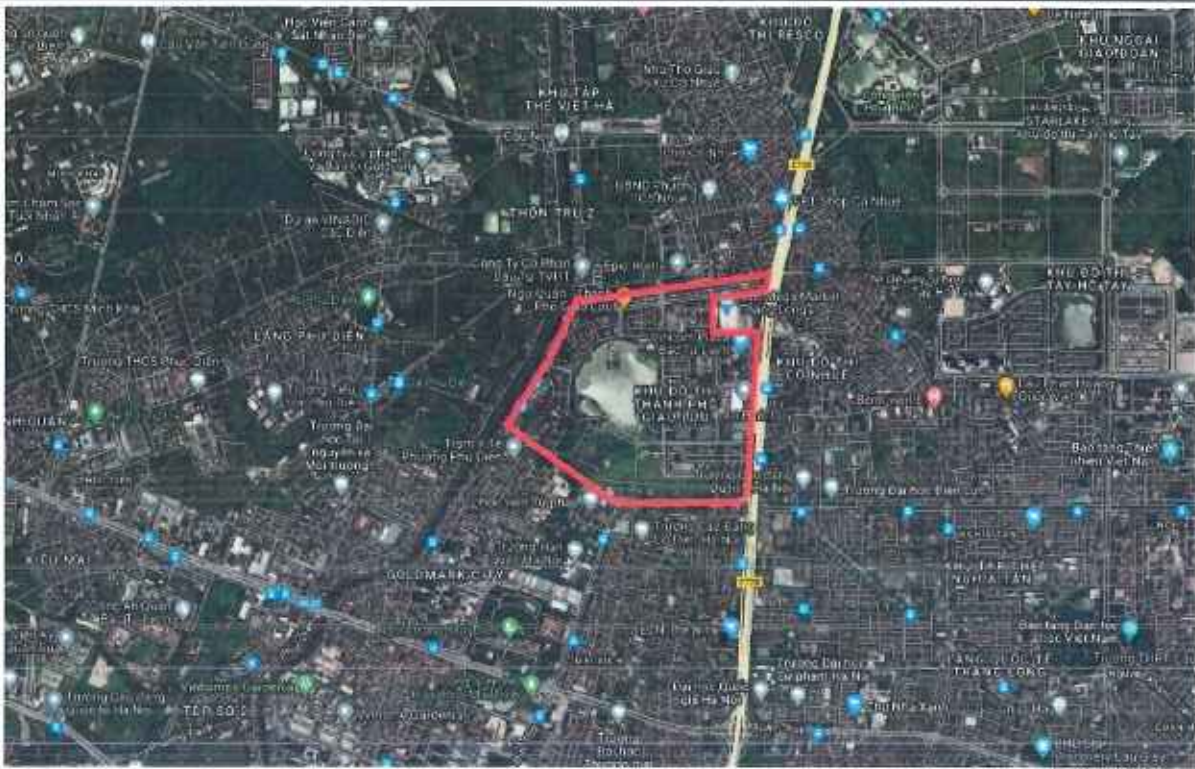
- Văn bản 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/5/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc Cho phép đầu tư và giao chủ đầu tư thực hiện cơ sở Khu đô thị thành phố giao lưu.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 68/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 20/5/2004, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 07/01/2026 do UBND thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Tên cơ sở

- Tên Cơ sở: **Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu**
- Địa điểm thực hiện cơ sở: phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội
- Vị trí của Cơ sở tiếp giáp như sau:
 - + Phía Bắc: Giáp tuyến mương thoát nước thành phố ra sông Nhuệ;
 - + Phía Nam: Trùng với tuyến chỉ đồ tuyến đường quy hoạch nối từ đường Hoàng Quốc Việt ra ga Phú Diễn;
 - + Phía Đông: Trùng với chỉ giới đường đỏ đường Phạm Văn Đồng (đường vành đai 3);
 - + Phía Tây: Trùng với chỉ giới đường đỏ tuyến Cầu Diễn – Cầu Noi.

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*



Hình 1.1. Vị trí cơ sở trên bản đồ vệ tinh

Một số hình ảnh thực tế của Cơ sở





Hình 1.2. Một số hình ảnh khu đô thị thành phố Giao Lưu

❖ **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường**

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 352/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 01 năm 2008.

- Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A thực hiện dự án đầu tư Khu đô thị “Thành phố Giao Lưu”.

❖ **Pháp lý về quy hoạch**

- Quyết định 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu tỷ lệ 1/500.

- Quyết định 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu.

- Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 973.977 m² đất tại thị trấn Cầu Diễn và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy; giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEB A để đầu tư xây dựng Khu đô thị “Thành phố Giao lưu”.

- Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung, thay thế một số Điều, Khoản tại Quyết định 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004.

- Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép tiếp tục thực hiện và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004.

- Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 11/04/2007 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007.

- Quyết định số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện Cơ sở Khu đô thị thành phố Giao Lưu và một số nội dung tại các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và số 1354/QĐ-UBND ngày 11/04/2007.

- Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4.

❖ **Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công theo quy định tại Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP)**

Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 68/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 20/5/2004, điều chỉnh lần thứ 2 ngày 07/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội, vốn đầu tư khoảng 7.013,043 tỷ đồng. Theo khoản 4, điều 9, Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Cơ sở tương đương dự án nhóm A.

❖ **Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Khoản 4 Điều 25:**

Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã được chỉnh sửa bổ sung tại khoản 6 Điều 1 - Nghị định 05/2025/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ **Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị.

❖ **Phân nhóm dự án đầu tư**

- Căn cứ theo số thứ tự 2, Phụ lục V Nghị định 05/2022/NĐ-CP => Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm. Do đó, Cơ sở thuộc đối tượng nhóm III.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường.

- Theo quy định tại Khoản 12, Điều 1, Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung điểm b, Khoản 5, Điều 30 Nghị định 08/2022/NĐ-CP: Cơ sở thuộc đối tượng cấp lại giấy phép môi trường (tăng quy mô dân số dẫn đến tăng lưu lượng nguồn thải).

- Căn cứ Khoản 11, Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường sửa đổi Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020: Cơ sở đang hoạt động thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

- Căn cứ theo Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 15/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội: UBND thành phố Hà Nội uỷ quyền Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy phép môi trường.

❖ Phạm vi đề nghị cấp phép

Theo quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị “Thành phố Giao Lưu”, tỷ lệ 1/500, tổng diện tích sử dụng đất là 953.337 m².

Ngày 19/7/2023, UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh đất thực hiện dự án Khu đô thị thành phố Giao Lưu tại Văn bản số 3674/QĐ-UBND, tổng diện tích đất được giao để thực hiện cơ sở (bao gồm diện tích đã xây dựng, chưa xây dựng và bàn giao cho các đơn vị khác) khoảng 857.778,9 m² (điều chỉnh giảm 53.761,1 m² giao cho đơn vị khác để thực hiện dự án mở rộng Bộ Công an).

Do đó, phạm vi diện tích đề nghị cấp phép thực hiện theo quyết định giao đất của UBND thành phố Hà Nội là 857.778,9 m² bao gồm:

- Các ô đất Công ty đã hoàn thành và đang quản lý gồm: thấp tầng (TT1, TT2, TT3, TT4); hồ điều hoà (HO); cây xanh cách ly (CL3); Hệ thống đường giao thông đã được UBND thành phố Hà Nội cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022.

- Các ô đất Công ty đang quản lý nhưng chưa triển khai xây dựng (bao gồm ô đất chưa giải phóng mặt bằng) gồm: nhà trẻ NT (NT1, NT2, NT3); tiểu học (TH); trung học cơ sở (THCS); trung học phổ thông (THPT); chung cư (CT4); chung cư hỗn hợp (HH2), cây xanh (CL4, CL5, CXĐT); bãi đỗ xe (P).

- Diện tích bàn giao cho các đơn vị khác không thuộc phạm vi xin cấp phép của báo cáo.

- Các công trình bảo vệ môi trường:

+ Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu công suất 1.000 m³/ngày đêm (ô CL3)

+ Kho chứa CTNH

+ Hệ thống xử lý nước thải bổ sung mới công suất 1.210 m³/ngày đêm (hầm B2, B3 của ô CT4)

Chi tiết các hạng mục được trình bày tại bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 1.1. Tổng hợp phạm vi đề nghị cấp phép cho Cơ sở

STT	Ô đất	Diện tích theo GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 (m ²)	Phạm vi đề nghị cấp phép	Ghi chú
I	Quy mô, diện tích	953.360	857.788,9	Điều chỉnh tăng quy mô dân số/số học sinh đối với các ô đất chưa xây dựng từ 2.471 người lên 4.987 người (+2.516 người)
II	Quy mô dân số	12.433	14.949	
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường			
1	Hệ thống xử lý nước thải	01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m ³ /ngày đêm	- 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m ³ /ngày đêm - 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.200 m ³ /ngày đêm	- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của các căn thấp tầng (TT) hiện hữu và dự kiến phát sinh từ nhà trẻ NT (NT1, NT2, NT3); tiểu học (TH); trung học cơ sở (THCS); trung học phổ thông (THPT); chung cư hỗn hợp (HH2) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m ³ /ngày đêm. - Nước thải sinh hoạt dự kiến phát sinh từ hoạt động của căn chung cư cao tầng (CT4) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.200 m ³ /ngày đêm
2	Hệ thống xử lý mùi từ hệ thống xử lý nước thải	01 hệ thống công suất 950 m ³ /giờ	- 01 hệ thống công suất 950 m ³ /giờ - 01 hệ thống công suất 9.000 m ³ /giờ	Bổ sung thêm HTXL mùi của HTXL nước thải 1.210 m ³ /ngày đêm
3	Kho chứa CTNH	01 kho chứa diện tích 5 m ²	- 01 kho chứa diện tích 5 m ² - 01 kho chứa diện tích 10 m ²	Bổ sung thêm kho chứa CTNH trong phạm vi khu vực HTXL nước thải 1.210 m ³ /ngày đêm

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Quy mô của cơ sở

1.3.1.1. Quy mô về diện tích

Tổng diện tích đất của Cơ sở thay đổi theo từng thời điểm được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.2. Bảng thay đổi diện tích sử dụng đất qua các thời điểm

STT	Tên văn bản	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/06/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 973.977 m ² đất giao cho Công ty CPĐT và XD VIGEB A đầu tư xây dựng Khu đô thị “Thành phố giao lưu”	973.977	
2	Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500	953.337	
3	Quyết định 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 điều chỉnh diện tích đất theo Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/06/2004	911.540	
4	Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 21/1/2008 về việc phê duyệt ĐTM của Dự án xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu”	953.337	Diện tích phê duyệt ĐTM theo Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006
5	Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội	953.360	Điều chỉnh diện tích cục bộ các ô đất theo Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006
6	Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện Dự án từ 911.540 m ² thành 857.778,9 m ²	857.778,9	Điều chỉnh giảm 53.761,1 m ² thực hiện dự án Mở rộng trụ sở Bộ Công an
7	Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 UBND thành phố Hà Nội phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXXV, CXĐVO, HO, CL4	857.778,9	Tổng diện tích phần điều chỉnh quy hoạch là 342.242m ² giữ nguyên không thay đổi so với Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/09/2006. Chi điều chỉnh, phân bố lại diện tích từng ô đất và thay đổi các chỉ tiêu xây dựng của mỗi ô đất. Phần diện tích điều chỉnh này thuộc quản lý của Chủ cơ sở

Chi tiết quy mô diện tích từng hạng mục như sau:

- Theo GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội với tổng diện tích là 953.360 m² trong đó diện tích ô đất thuộc quản lý của Chủ cơ

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

số là 626.921 m² (383.920 m² đã xây dựng hoàn thiện, 243.001 m² chưa xây dựng) và diện tích bàn giao cho đơn vị khác là 326.439 m². Đối với phần diện tích thuộc quản lý của Chủ cơ sở chưa xây dựng sẽ tiếp thực hiện theo Quyết định phê duyệt ĐTM số 352/QĐ-UBND ngày 21/01/2008.

Ngày 04/6/2025, UBND thành phố Hà Nội phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 với tổng diện tích khu vực điều chỉnh là 342.242 m².

Bảng 1.3. Hiện trạng diện tích đất sử dụng của Cơ sở theo GPMT số 234/GPMT-UBND và Quyết định điều chỉnh quy hoạch

STT	Ký hiệu	Diện tích bàn giao cho đơn vị khác (m ²)	Diện tích đã hoàn thiện (m ²)	Diện tích chưa xây dựng (m ²)		
				Tiếp tục thực hiện theo ĐTM	Điều chỉnh cục bộ theo QĐ 2785	Ghi chú
1	Đất an ninh (AN)	58.689				
2	Đất hỗn hợp (HH)					
	HH1	16.194				
	HH2			6.699	6.699	Thay đổi các chỉ tiêu xây dựng
3	Đất công cộng (CC)					
	TM1	21.631				
	NT	1.043				
	VP1	14.005				
	KS	9.973				
	TM2	22.693				
	VP2	12.874				
4	Đất quảng trường (CX1)	13.305				
5	Đất hồ (HO)		100.000	50.000	150.000	Điều chỉnh hình dáng hồ
6	Cây xanh (CXKV, CXĐVO)		51.602	30.306	82.591	Điều chỉnh tăng 683m ² diện tích đất cây xanh từ 81.908m ² theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025, tách từ ô đất CL4
7	Đường phân khu vực		68.650			
8	THPT			12.135	12.135	
9	HC	6.599				
10	TH			19.991	19.991	
11	THCS			20.559	20.559	
12	NT					
	NT1			5.620	5.620	
	NT2			5.000	5.000	

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

STT	Ký hiệu	Diện tích bản giao cho đơn vị khác (m ²)	Diện tích đã hoàn thiện (m ²)	Diện tích chưa xây dựng (m ²)		
				Tiếp tục thực hiện theo ĐTM	Điều chỉnh cục bộ theo QĐ 2785	Ghi chú
	NT3			4.435	3.524	Điều chỉnh giảm 911m ² diện tích ô NT3 sang phần đất GT
13	Đường giao thông nội bộ (GT)				911	Tách 911 m ² từ ô NT3
14	Đất bãi đỗ xe và đường giao thông (P)	17.476	61.845	51.301		
15	Đất ở cao tầng (CT)					
	CT1	20.949				
	CT5	15.400				
	CT2	34.636				
	CT3	22.818				
	CT4			33.932	33.932	
16	Đất thấp tầng (TT)					
	TT1		24.917			
	TT2		29.967			
	TT3		20.227			
	TT4		23.220			
	TT5	3.575				
17	Đất cây xanh cách ly (CL1)					
	M1	10.610				
	TT-A1	980				
	TT-A2	5.032				
	CL2					
	M2	10.749				
	TT-B	7.208				
	CL3		3.492			
	CL4			1.963	1.280	Điều chỉnh giảm diện tích 683m ² từ ô CL4 sang ô đất CXĐT theo Quyết định số 2785/QĐ- UBND ngày 04/6/2025
	CL5			1.060		
		326.439	383.920	243.001	342.242	

Chi tiết các hạng mục điều chỉnh theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 được tổng hợp tại Bảng dưới đây:

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu"

Bảng 1.4. Chi tiết điều chỉnh chức năng sử dụng đất của Cơ sở

TT	Theo Quy hoạch chi tiết được UBND Thành phố phê duyệt tại quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006						Đề xuất điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025								
	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao bình quân (tầng)	Dân số (người)/ số học sinh	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao công trình (tầng)	Dân số (người) / số học sinh	Ghi chú
1	Đất cây xanh khu vực, đơn vị ở, hồ điều hòa		231.908					Đất cây xanh sử dụng công cộng, hồ nước	CXDT-HO	232.591	5	0,1	1-2		- Giữ nguyên quy mô diện tích hồ nước, điều chỉnh tăng diện tích đất cây xanh (do điều chỉnh giảm 683 m ² tại ô đất cây xanh cách ly CL4). - Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đề xuất phù hợp định hướng QHPK H2- 1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt. - Mật độ xây dựng 5% được tính trên toàn bộ diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng và 50% diện tích mặt nước hồ điều hòa, phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt; QCVN 01:2021/BXD.
1.1	Đất cây xanh, thể dục thể thao, vui chơi giải trí	CXXV	51.601	10	0,1	1,0		Đất cây xanh sử dụng công cộng	CXDT	82.591					
1.2	Đất cây xanh đơn vị ở	CXDVO	30.307					Hồ nước	HO	150.000					
1.3	Hồ điều hòa	HO	150.000												
2	Đất cây xanh cách ly	CL4	1.963					Đất cây xanh chuyên dụng	CL4	1.280					- Điều chỉnh vị trí, ranh giới và khoảng 683m ² diện tích đất thành đất cây xanh sử dụng công cộng (Công ty nước sạch Hà Nội đã có công văn số 3571/NSHN-KT ngày 09/12/2024 về phương án di dời và hạ ngầm giếng khoan H15 tại ô đất).
3	Đất trường THPT	THPT	12.135	9,93	0,3	3,0	600	Đất trường THPT	THPT	12.135	40	1,6	4	1.213	- Giữ nguyên vị trí, ranh giới, diện tích ô đất, điều

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu”

TT	Theo Quy hoạch chi tiết được UBND Thành phố phê duyệt tại quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006							Đề xuất điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025							
	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao bình quân (tầng)	Dân số (người)/ số học sinh	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao công trình (tầng)	Dân số (người)/ số học sinh	Ghi chú
4	Đất trường THCS	THCS	20.559	10,36	0,29	2,8	994	Đất trường THCS	THCS	20.559	40	1,6	4	2.055	chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt; quy mô số học sinh đề xuất phù hợp Quy chuẩn xây dựng: QCVN 01:2021/BXD.
5	Đất trường TH	TH	19.991	13,32	0,37	2,8	1.243	Đất trường TH	THCS	19.991	40	1,2	3	1.999	Giữ nguyên vị trí, ranh giới, diện tích ô đất, điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt; quy mô số học sinh đề xuất phù hợp Quy chuẩn xây dựng: QCVN 01:2021/BXD.
6	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	NT	15.055	15,13	0,3	1,97	746	Đất trường MN	NT	14.144	40	1,2	3	1.177	Giữ nguyên vị trí, ranh giới, diện tích ô đất, điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt; quy mô số học sinh đề xuất phù hợp Quy chuẩn xây dựng: QCVN 01:2021/BXD.
6.1	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	NT1	5.620	14,95	0,3	2,0	280	Đất trường MN	NT1	5.620	40	1,2	3	468	
6.2	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	NT2	5.000	15,66	0,3	1,9	248	Đất trường MN	NT2	5.000	40	1,2	3	416	
6.3	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	NT3	4.435 (gồm đường GT nội bộ: 911m ²)	14,75	0,29	2,0	218	Đất trường MN Đất đường giao thông nội bộ	NT3 GT	3.524 911	40	1,2	3	293	Tại ô quy hoạch ký hiệu NT3 đề xuất điều chỉnh ranh giới, diện tích đất theo đúng chức năng đất trường MN và đất đường giao thông nội bộ.
7	Đất ở cao tầng	CT4	33.932	28,35	2,88	10,2	1.895	Đất nhà chung cư	CT4	33.932	35	9,9	30	4.411	- Giữ nguyên vị trí, ranh giới, quy mô diện tích đất,

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu”

TT	Theo Quy hoạch chi tiết được UBND Thành phố phê duyệt tại quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006							Đề xuất điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025							
	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao bình quân (tầng)	Dân số (người)/ số học sinh	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tầng cao công trình (tầng)	Dân số (người)/ số học sinh	Ghi chú
8	Đất ở hỗn hợp	HH2	6.699	34,02	3,83	11,3	576	Đất nhà chung cư hỗn hợp	HH2	6.699	45	11,9	4+30	576	chức năng sử dụng đất; điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt, QCVN 01:2021/BXD. Bổ sung quy mô dân số khoảng 2.516 người (gồm: 1.605 người từ ô đất ký hiệu CT3 và 911 người từ ô đất ký hiệu HH1 (đã được điều chỉnh thành đất an ninh để mở rộng trụ sở Bộ Công an), đảm bảo giữ nguyên tổng quy mô dân số Khu đô thị Thành phố Giao lưu được cấp thẩm quyền phê duyệt. - Giữ nguyên vị trí, ranh giới, quy mô diện tích đất, chức năng sử dụng đất; điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc phù hợp định hướng QHPK H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt, Quy chuẩn xây dựng: QCVN 01:2021/BXD.
Tổng			342.242				2.471			342.242			4+30	4.987	

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

Bảng 1.5. Tổng hợp chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc điều chỉnh

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao công trình (tầng)	Tầng hầm (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Dân số (người) /số học sinh
1	Đất cây xanh sử dụng công cộng, hồ nước	CXĐT-HO	232.591	7.880	5	1÷2	1	0,1	17.610	
1.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CXĐT	82.591							
1.2	Hồ nước	HO	150.000							
2	Đất cây xanh chuyên dụng	CLA	1.280							
3	Đất trường Trung học phổ thông	THPT	12.135	4.854	40	4	1	1,6	19.416	1.213
4	Đất trường Trung học cơ sở	THCS	20.559	8.224	40	4	1	1,6	32.894	2.055
5	Đất trường Tiểu học	TH	19.991	7.996	40	3	1	1,2	23.989	1.999
6	Đất trường Mầm non	NT	14.144	5.658	40	3		1,2	16.973	1.177
6.1	Đất trường Mầm non	NT1	5.620	2.248	40	3	1	1,2	6.744	468
6.2	Đất trường Mầm non	NT2	5.000	2.000	40	3	1	1,2	6.000	416
6.3	Đất trường Mầm non	NT3	3.524	1.410	40	3	1	1,2	4.229	293
7	Đất nhà chung cư	CT4	33.932	11.877	35	30	3	9,9	339.176	4.411
8	Đất nhà chung cư hỗn hợp	HH2	6.699	3.015	45	4÷30	5	11,9	79.722	576
9	Đất đường giao thông nội bộ		911							
Tổng			342.242	49.504		1÷30	1÷05		529.780	4.987

- Ngày 19/7/2023, UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh đất thực hiện Cơ sở tại Văn bản số 3674/QĐ-UBND, tổng diện tích đất được giao để thực hiện cơ sở khoảng 857.778,9 m² (điều chỉnh giảm 53.761,1 m² giao cho đơn vị khác để thực hiện dự án mở rộng Bộ Công an), cụ thể như sau:

Bảng 1.6. Chi tiết quy mô diện tích hạng mục của Cơ sở

Tên ô đất	Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 và Quyết định 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006		Quy mô theo báo cáo đề xuất cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 (m ²)		Quyết định 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007	Quy mô điều chỉnh Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội	Ghi chú
	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích bán giao	Diện tích (m ²)	Diện tích (m ²)	
Đất an ninh quốc phòng	AN	58.689	AN	58.689	58.689	58.689	Thực hiện theo dự án riêng của Bộ Công an
	HH	22.893	HH	22.893	22.955	6.761	
Đất hỗn hợp	HH1	16.194	HH1	16.194	16.194	-	Đã bán giao cho chủ đầu tư khác để mở rộng trụ sở Bộ Công an, điều chỉnh giảm diện tích thực hiện Cơ sở
	HH2	6.699	HH2	6.699	6.761	6.761	
Đất công cộng	CC	82.245	CC	82.219	88.838	82.239	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
	CC1	22.674	TM1	21.631	22.682	22.682	
			NT	1.043			
	CC2	14.005	VP1	14.005	14.005	14.005	
	CC3	9.999	KS	9.973	9.974	9.974	
	CC4	22.693	TM2	22.693	22.700	22.700	
	CC5	12.874	VP2	12.874	12.874	12.874	
Đất quang trường	QT	13.305	CX1	13.305	13.305	13.305	- Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất - Đã bán giao cho Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư Ngôi sao An Bình 2 theo quyết định số 6340/QĐ-UBND ngày 18/11/2016
Đất hồ điều hòa	HO	150.000	HO	150.000	149.951	149.951	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
Cây xanh	CXKV, CXDVO	81.908	CXKV, CXĐVO (CXĐT)	81.908	81.985	81.985	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
Đất đường phân khu vực		68.650		68.650	68.650	68.650	
Đất trường THPT	THPT	12.135	THPT	12.135	12.086	12.086	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu”

Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 và Quyết định 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006		Quy mô theo báo cáo đề xuất cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 (m ²)		Quyết định 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007	Quy mô điều chỉnh Quyết định 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội	Ghi chú
Đất công cộng hành chính	HC	6.599	HC	6.599	-	Đã bàn giao cho chủ đầu tư khác để mở rộng trụ sở Bộ Công an, điều chỉnh giảm diện tích thực hiện Cơ sở
	TH	19.991	TH	19.991	19.991	
Đất trường tiên học	THCS	20.559	THCS	20.559	20.559	
	NT	15.055	NT	15.061	15.061	
	NT1	5.620	NT1	5.620	5.620	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
	NT2	5.000	NT2	5.006	5.006	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
Đất nhà trẻ	NT3	4.435	NT3	4.435	3.524	
					911	Diện tích đường giao thông được tách từ ô NT3
Đất bãi đỗ xe và đường giao thông	P	130.622	P	85.759	84.207,9	- Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất - Đã bàn giao cho Sở Giao thông Vận tải tại các quyết định 2216/QĐ-UB ngày 19/5/2010, quyết định 3150/QĐ-UB ngày 28/6/2010 - Đã bàn giao cho Tổng cục Hậu Cần (Bộ Công An) tại quyết định 4891/QĐ-UBND ngày 22/9/2009
	CT	127.686		127.707	104.889	
	CT1	20.900	CT1	20.949	20.949	Đã bàn giao cho Sở Giao thông để thực hiện dự án riêng theo quyết định 755/QĐ-UBND ngày 22/2/2007 và 2352/QĐ-UBND ngày 07/6/2007
Đất ở cao tầng	CT5	15.400	CT5	15.338	15.338	
	CT2	34.636	CT2	34.660	34.660	Đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình để thực hiện dự án thành phần khu nhà ở cao tầng theo quyết định 876/QĐ-UBND ngày 07/2/2014

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu”

Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 và Quyết định 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006	Quy mô theo báo cáo đề xuất cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 (m ²)	Quyết định 749/QĐ- UBND ngày 15/02/2007	Quy mô điều chỉnh Quyết định 3674/QĐ- UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội	Ghi chú
CT3	22.818	22.818	-	Đã bàn giao cho chủ đầu tư khác để mở rộng trụ sở Bộ Công an, điều chỉnh giảm diện tích thực hiện Cơ sở
CT4	33.932	33.942	33.942	
TT	101.906	98.348	98.348	
TT1	24.917	24.927	24.927	
TT2	29.967	29.974	29.974	
TT3	20.227	20.227	20.227	- Ở TT5 được thực hiện theo dự án riêng. - Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
TT4	23.220	23.220	23.220	
TT5	3.575	-	-	
CL	41.094	41.057	41.057	
CL1	16.622	16.621	16.621	Đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công hòa mương Cổ Nhuế kết hợp làm bãi đỗ xe và khu nhà thấp tầng để bán theo quyết định 5745/QĐ-UBND ngày 17/11/2010
CL2	17.957	17.957	17.957	
CL3	3.492	3.495	3.495	
CL4	1.963	1.931	1.931	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
CL5	1.060	1.053	1.053	Điều chỉnh diện tích cục bộ theo QĐ giao đất
Tổng cộng	953.337	911.540	857.778,9	

→ Tổng diện tích của Cơ sở sau các quyết định điều chỉnh là 857.778,9 m². Trong đó: diện tích thuộc quản lý của Chủ cơ sở là 598.020,9 m² (HO, CXĐT, HH2, THPT, THCS, TH, NT, CT4, CL3, CL4, CL5, TT, CT4, CL3, CL4, CL5, TT, đường phân khu vực, đất giao thông, bãi đỗ xe); diện tích bàn giao là 259.758 m² (các ô đất còn lại).



Hình 1.3. Mặt bằng hiện trạng sử dụng đất của Cơ sở

1.3.1.2. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Cơ sở

a. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

(1). Giao thông

Đã hoàn thiện và đi vào hoạt động các đường khu vực, phân khu vực bao gồm:

- Tuyến 1: Lộ giới 30m; lòng đường 2x7,5 (m); vỉa hè 2x6 (m); dải phân cách 3m.
- Tuyến 2, Tuyến 3, Tuyến 4, Tuyến 5, Tuyến 6B: Lộ giới 21,5m; lòng đường 11,25 (m); vỉa hè 2x5 (m).
- Tuyến 23: Lộ giới 40m; lòng đường 2x11,25 (m); vỉa hè 2x7,25 (m); dải phân cách 3m.

(2). Thoát nước mưa

Hạ tầng thoát nước mưa đã được UBND thành phố Hà Nội cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022.

Trên dọc các tuyến công thoát nước mưa bố trí các miệng thu nước mặt đường với khoảng cách trung bình 35m/miệng và bố trí các hố ga thăm nước mưa D600 – D2000. Khi có mưa, nước mưa chảy theo các tuyến công thu nước mưa sau đó chảy qua hồ điều hòa rồi theo tuyến công hộp 3x3m hoặc xả trực tiếp Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế hoặc chảy ra phía Bắc cơ sở sau đó chảy ra sông Nhuế.

Một phần nước mưa sau khi được thu gom từ các tuyến công nhánh vào đường ống BTCT D2000 sẽ chảy ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế.

Khu đô thị có 2 cửa xả nước mưa ra kênh Đông Ngạc – Cổ Nhuế bao gồm:

- + Cửa xả cống BxH=3x3m kết nối từ hồ điều hòa ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế.
- + Cửa xả trực tiếp qua cống D2000 ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế.

Bảng 1.7. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa đã xây dựng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống thoát nước BTCT D400	m	630
2	Cống thoát nước BTCT D600	m	2.475
3	Cống thoát nước BTCT D750	m	384
4	Cống thoát nước BTCT D800	m	211
5	Cống thoát nước BTCT D1.000	m	758
6	Cống thoát nước BTCT D1.500	m	882
7	Cống thoát nước BTCT D2.000	m	552
8	Cống hộp BTCT BxH = 3x3m	m	178
9	Hố ga nước mưa các loại	cái	237

(3). Thoát nước thải

Hạ tầng thoát nước thải đã được UBND thành phố Hà Nội cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022. Hệ thống thu gom nước thải độc lập với hệ thống

thu gom nước mưa. Hệ thống thu gom được thiết kế đảm bảo việc thu gom tách riêng từng loại nước thải phát sinh.

Nước thải chỉ phát sinh từ các ô nhà thấp tầng TT1, TT2, TT3 và TT4 đã xây dựng và đang hoạt động: Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các căn hộ rồi thoát vào các hố ga thu nước thải thuộc tuyến rãnh thoát nước B300 chạy dọc theo các ô nhà, rồi tập trung vào các tuyến cống chính D400 và dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m³/ngày đêm ở phía Tây Bắc của cơ sở.

Hệ thống xử lý nước thải thuộc ô đất CL3 có diện tích 3.492 m². Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn xả thải sẽ được bơm cưỡng bức qua đường ống D125 qua hố ga thu nước mưa trên tuyến 23 rồi theo đường ống D400 chảy vào kênh tiêu Đông Ngạc – Cồ Nhuệ sau đó chảy ra sông Nhuệ.

Bảng 1.8. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải đã xây dựng

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước thải B300	m	1.928
2	Cống thoát nước thải D400	m	3.882
3	Ga thăm cống D400	Cái	98
4	Ga thăm rãnh B300	Cái	89

(4). Cấp nước

Mạng lưới cấp nước được thiết kế cho cơ sở theo nguyên tắc mạng vòng kết hợp với mạng cụt, cấp nước sinh hoạt kết hợp cứu hỏa. Nước cấp trực tiếp từ mạng lưới đường ống và cấp nước gián tiếp thông qua bể chứa, trạm bơm. Đối với tòa thấp tầng (TT) nước được cấp trực tiếp từ các tuyến ống phân phối và dịch vụ lên kết mái công trình. Trên mạng lưới cấp nước bố trí các van cổng. Tại những vị trí thấp bố trí hố van xả cạn, tại vị trí cao bố trí van xả khí. Tuyến ống cấp nước phân phối được bố trí trên vỉa hè, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với công trình ngầm khác, chiều sâu bảo vệ ống là 10m.

(5). Cấp điện và chiếu sáng

- Nguồn cấp: Khu vực nghiên cứu được cấp điện trung thế 22kV từ Trạm biến áp 110kV Cầu Diễn ở phía Tây Nam và Trạm biến áp 110kV Nghĩa Đô ở phía Đông.

- Mạng lưới điện trung thế:

+ Các tuyến điện trung thế 22kV gồm cáp ngầm và dây nổi, trong đó phần cáp ngầm nằm trong khu vực đầu tư xây dựng đồng bộ của cơ sở, phần dây nổi chưa được đầu tư xây dựng, vẫn là hệ thống điện trước đây.

+ Các trạm biến áp hạ thế chủ yếu là trạm xây.

- Mạng lưới điện hạ thế 0,4kV sinh hoạt và chiếu sáng:

+ Lưới điện hạ thế 0,4kV đi ngầm trong các tuynen đặt dưới vỉa hè, từ các trạm biến áp 22/0,4kV đến các tủ điện phân phối hạ thế trong khu vực.

+ Khu vực công viên hồ điều hòa đã xây dựng hệ thống chiếu sáng theo thiết kế riêng.

b. Hạ tầng quy hoạch điều chỉnh

(1). Hệ thống giao thông

*** Đường giao thông (đường bộ):**

Giữ nguyên ranh giới, diện tích các ô đất xác định theo quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (riêng đối với ô đất NT3, giảm diện tích do tách riêng chức năng sử dụng một phần tuyến đường giao thông nội bộ phía Đông, B=11,5m để phù hợp với hiện trạng sử dụng. Tuyến đường này giữ nguyên theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt) nên không ảnh hưởng đến quy hoạch các tuyến đường xung quanh ô đất theo quy hoạch chi tiết được duyệt.

*** Đường sắt đô thị:**

- Theo Quy hoạch phân khu đô thị H2-1 tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt: Dọc tuyến đường quy hoạch B=50m tiếp giáp phía Nam ô đất CT4 điều chỉnh có tuyến đường sắt đô thị số 8.

*** Đỗ xe:**

- Bãi đỗ xe tập trung:

Trong phạm vi các ô đất điều chỉnh không bố trí bãi đỗ xe tập trung, các công trình xây dựng tầng hầm để đảm bảo nhu cầu đỗ xe bản thân của công trình.

- Đỗ xe bản thân công trình:

Theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc Phê duyệt Quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe (BDX), trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn thành phố Hà nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các công trình công cộng, cơ quan, trường học xây dựng mới cần bố trí diện tích đỗ xe đảm bảo đáp ứng nhu cầu bản thân công trình và hỗ trợ một phần khu vực xung quanh, cụ thể theo bảng tính sau:

TT	Chức năng	Ký hiệu	Chỉ tiêu BDX theo QDD/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 (tỷ trọng BDX tính theo % dt sàn)	Theo QH được duyệt			Theo QH điều chỉnh				
				Diện tích ô đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Diện tích BDX bản thân (m ²)	Chức năng	Diện tích ô đất (m ²)	Tổng diện tích sàn (m ²)	Diện tích BDX bản thân (m ²)	Tổng diện tích sàn tầng hầm
1	Đất trường phổ thông trung học	THPT	0,12	12.135	3.600	432		12.135	19.416	2.330	5.693
2	Đất trường trung học cơ sở	THCS	0,12	20.559	5.964	716		20.559	32.894	3.947	9.880
3	Đất trường tiểu học	TH	0,12	19.991	7.458	895		19.991	23.989	2.879	7.988
4	Nhà trẻ, mẫu giáo	MN	0,12	5.620	1.680	202		5.620	6.744	809	2.783
5	Nhà trẻ, mẫu giáo	MN	0,12	5.000	1.488	179		5.000	6.000	720	1.762
6	Nhà trẻ, mẫu giáo	MN	0,12	4.435 (gồm	1.308	157		3.524	4.229	507	1.631

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

				dường gt 911m2)							
7	<i>Đất ở cao tầng</i>	CT4	0,30	33.932	97.745	29.324	Dịch vụ công cộng	33.932	108.466	32.540	101.796
			0,24				Nhà ở		230.710	55.370	
8	<i>Đất ở hỗn hợp</i>	HH2	0,30	6.699	25.926	7.778	Dịch vụ công cộng	6.699	52.229	15.669	33.495
			0,24				Nhà ở		27.493	6.598	
Tổng diện tích						39.681			121.370		

(2). Quy hoạch thoát nước mưa và san nền

Giữ nguyên ranh giới, diện tích các ô đất xác định theo quy hoạch chi tiết được duyệt vì vậy không ảnh hưởng đến giải pháp quy hoạch san nền và mạng lưới cống thoát nước mưa theo quy hoạch được duyệt.

*** Thoát nước mưa:**

- Đối với hồ điều hòa khu đô thị Thành phố Giao lưu:

+ Theo Quy hoạch chi tiết khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, xác định hồ điều hòa có diện tích 15ha. Quy mô diện tích, hình dáng hồ quy hoạch đã được cập nhật trong Quy hoạch phân khu đô thị H2-1 được phê duyệt. Hiện trạng Chủ đầu tư đã triển khai xây dựng một phần hồ phía Bắc với quy mô diện tích khoảng 10ha. Tuy nhiên, hồ có hình dáng, ranh giới khác so với quy hoạch chi tiết được duyệt (sử dụng khoảng 0,5ha đất hồ quy hoạch phía Bắc để xây dựng khu đảo trong lòng hồ; sử dụng khoảng 1,8ha đất hồ quy hoạch phía Đông và Tây để xây dựng cây xanh cảnh quan; sử dụng khoảng 0,2ha đất cây xanh cảnh quan quy hoạch phía Đông và Tây để xây dựng hồ).

+ Đối với phần diện tích đất cây xanh cảnh quan phía Đông Nam hồ điều hòa theo quy hoạch chi tiết được duyệt (hiện trạng là đất nghĩa trang, chưa hoàn thành công tác GPMB): Chủ đầu tư có Công văn số 156/2024/CV-VIGEBA ngày 09/12/2024 báo cáo về tình hình thực hiện công tác di dời các ngôi mộ hiện trạng nằm trong ranh giới thực hiện cơ sở (bao gồm cả các ngôi mộ thuộc phạm vi ô đất cây xanh quy hoạch ký hiệu CXKV, phía Đông Nam hồ điều hòa nêu trên), theo đó tính đến tháng 11/2024 đã hoàn thành di chuyển được khoảng 160 ngôi mộ nằm trong phạm vi ô đất cây xanh quy hoạch. Chủ đầu tư cam kết sẽ nỗ lực phối hợp với các đơn vị liên quan, chính quyền địa phương và người dân hoàn thành công tác di dời các ngôi mộ còn lại trong năm 2025 để triển khai cơ sở (chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về kinh phí di dời).

+ Ngoài ra, Chủ đầu tư đã làm việc với Công ty Nước sạch Hà Nội để thống nhất việc di dời hệ thống giếng khoan nước thô H15 hiện có (giáp phía Đông Nam hồ điều hòa) của Nhà máy nước Mai Dịch để thuận lợi trong việc quản lý, vận hành hệ thống

giếng và phù hợp với phương án sử dụng đất của cơ sở; Các chi phí liên quan đến việc di chuyển hệ thống giếng khoan H15. Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm chi trả. Công ty Nước sạch Hà Nội đã có Công văn số 3571/NSHN-KT ngày 09/12/2024 gửi Chủ đầu tư đồng ý chủ trương di chuyển hệ thống giếng khoan H15 nêu trên.

Căn cứ các thông tin nêu trên, đề xuất:

+ Thiết kế hồ theo nguyên tắc: điều chỉnh ranh giới, hình dáng hồ quy hoạch trên cơ sở phần hồ hiện trạng phía Bắc đã xây dựng (khoảng 10ha) và mở rộng về phía Nam (khoảng 5ha) gồm khu vực đất nghĩa trang, hệ thống giếng khoan nước thô H15 hiện có (sẽ được di chuyển như nêu trên) đảm bảo giữ nguyên quy mô diện tích hồ 15ha là không ảnh hưởng đến vai trò, chức năng điều hòa của hồ trong hệ thống thoát nước khu vực theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.

+ Giữ nguyên cao độ mực nước thiết kế $H_{mn}=4,95m$ theo Quy hoạch chi tiết khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt. Tuy nhiên để tăng khối tích điều tiết của hồ (trong đó vẫn phù hợp Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt), có thể tăng cao độ mực nước vận hành lớn nhất của hồ $H_{mn}=5,2m$ (phù hợp, đảm bảo cao độ các miệng xả đầu nối với hồ theo nguyên tắc công thoát nước tự chảy; phù hợp cao độ nền hoàn thiện xung quanh hồ).

*** Cao độ nền:**

- Đối với một số ô đất đã san nền tạo mặt bằng: Giữ nguyên, chỉ san gạt cục bộ.
- Đối với phần lớn khu công viên xung quanh hồ điều hòa đã thực hiện đầu tư xây dựng: Giữ nguyên theo hiện trạng.

- Đối với phần còn lại của khu công viên xung quanh hồ điều hòa: San nền bám sát cao độ khu vực đã san nền xây dựng hoàn thiện của khu công viên.

- Đối với các ô đất HH2, NT2, THCS, CT4 tiếp tục thực hiện san đắp nền theo Quy hoạch chi tiết khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

Hạng mục này giữ nguyên diện tích và đã được tính toán san nền trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định số 352/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 21 tháng 01 năm 2008. Do đó, trong phạm vi thực hiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường không thực hiện đánh giá nội dung san nền.

(3). Quy hoạch hệ thống cấp nước

- Ô đất THPT: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong khu đất được lấy từ tuyến ống cấp nước $\Phi 225mm$ ở phía Tây ô đất.

- Ô đất NT3: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong khu đất được lấy từ tuyến ống cấp nước $\Phi 110mm$ ở phía Tây Bắc ô đất.

- Các ô đất THCS, NT2: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong các khu đất được lấy từ tuyến ống cấp nước $\Phi 150\text{mm}$ ở phía Đông Bắc ô đất.

- Các ô đất ký hiệu TH, NT1: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong các khu đất lần lượt được lấy từ các tuyến ống cấp nước $\Phi 160\text{mm}$ hiện có ở phía Bắc và $\Phi 160\text{mm}$ ở phía Nam các ô đất.

- Ô đất HH2: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong khu đất được lấy từ tuyến ống cấp nước $\Phi 100\text{mm}$ ở phía Đông Bắc ô đất.

- Ô đất CT4: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho các công trình bên trong khu đất được lấy từ tuyến ống cấp nước $\Phi 150\text{mm}$ nằm ở phía Đông Bắc ô đất.

- Mạng lưới và các công trình cấp nước chính (đường ống, trụ cứu hỏa...) nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Đồ án này sẽ tiếp tục thực hiện theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt.

- Trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và quy hoạch giao thông, đề xuất tổ chức lại vị trí các họng cứu hỏa trong phạm vi nghiên cứu phù hợp đồng thời đảm bảo khoảng cách theo quy định

(4). Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

- Ô đất THPT: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm ở phía Tây ô đất.

- Ô đất NT3: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm ở phía Tây Nam ô đất.

- Các ô đất THCS, NT2: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm ở phía Tây Bắc ô đất.

- Các ô đất ký hiệu TH, NT1: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm trên tuyến đường quy hoạch giáp phía Đông ô đất.

- Ô đất HH2: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm trên tuyến đường quy hoạch giáp phía Đông Bắc ô đất.

- Ô đất CT4: Theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được phê duyệt, nguồn nước thải từ các công trình bên trong khu đất được thoát ra tuyến cống thoát nước thải D300mm trên tuyến đường quy hoạch giáp phía Đông Bắc ô đất.

+ Theo Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 đã phê duyệt có bổ sung tuyến cống thoát nước thải D500mm dọc tuyến đường Hoàng Quốc Việt kéo dài giáp phía Đông Nam và Tây Nam ô đất CT4.

- Các nội dung không điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện theo quy hoạch chi tiết và các điều chỉnh đã được phê duyệt trước đây.

(5). Quy hoạch hạ tầng cấp điện

Nguồn cấp: Giữ nguyên theo Quy hoạch chi tiết khu đô thị Thành phố Giao lưu, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, cụ thể từ Trạm biến áp 110/22kV HNT1 ở phía Đông Bắc, Trạm 110/22kV Nghĩa Đô ở phía Đông Nam và Trạm 110/22kV Cầu Diễn ở phía Tây Nam.

Bảng 1.9. Vị trí, công suất trạm biến áp sau điều chỉnh quy hoạch

Theo quy hoạch chi tiết đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006		Phương án đề xuất điều chỉnh						
Trạm biến áp	Vùng phụ tải	Công suất tính toán (kW)	Công suất trạm (kVA)	Trạm biến áp	Vùng phụ tải	Công suất tính toán (kW)	Công suất trạm (kVA)	Ghi chú
No1	THPT, CT1	950	2x750	No1	CT1	-	-	Ngoài ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Công suất trạm sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu của ô đất CT1, cụ thể trong dự án đầu tư xây dựng tại ô đất CT1.
				No24 (bổ sung)	THPT	1.031	1x1250	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu THPT để không phụ thuộc trạm trong khu cao tầng CT1, tránh khó khăn khi quản lý vận hành sau này. Theo đó, đề xuất không bố trí lộ cáp từ trạm No1 đến ô đất ký hiệu THPT.
No2	TH, NT1, TT4	658	2x560	No2	TT4	-	-	Ngoài ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Công suất trạm sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu của ô đất TT4, cụ thể trong dự án đầu tư xây dựng tại ô đất TT4.
				No25 (bổ sung)	TH	1.359	1x1600	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu TH để chủ động cấp điện, thuận lợi khi quản lý vận hành sau này.
No17	CT4, ĐX	1.061	3x630	No26 (bổ sung)	NT1	597	1x750	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu NT1 để chủ động cấp điện, thuận lợi khi quản lý vận hành sau này.
				No17	CT4	17.989	10x2000	Chuyển phụ tải ô đất ký hiệu ĐX không thuộc vùng cấp điện của trạm No17. Đề xuất bố trí trạm khác cấp điện riêng cho ô đất ký hiệu ĐX, nguồn điện 22kV cấp điện cho trạm lấy từ tuyến cáp ngầm

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu”

										22kV dọc tuyến đường giáp phía Bắc ô đất ký hiệu ĐX. Vị trí và công suất trạm này sẽ được thực hiện theo quy hoạch chi tiết/điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc theo dự án riêng tại ô đất ký hiệu ĐX.	
				No18			CT5	-			Ngoài ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch. Công suất trạm sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu của ô đất CT5, cụ thể trong dự án đầu tư xây dựng tại ô đất CT5.
				No28 (bổ sung)	2x560	688	THCS, CT5, NT2		1.397	1x1600	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu THCS để không phụ thuộc trạm trong khu cao tầng CT5, tránh khó khăn khi quản lý vận hành sau này. Theo đó, đề xuất không bố trí lộ cáp từ trạm No18 đến ô đất ký hiệu THCS.
				No29 (bổ sung)			NT2		530	1x630	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu NT2 để không phụ thuộc trạm trong khu cao tầng CT5, tránh khó khăn khi quản lý vận hành sau này. Theo đó, đề xuất không bố trí lộ cáp từ trạm No18 đến ô đất ký hiệu NT2.
No19	HH2	504		No19	2x400		HH2		5.140	3x2000	Nâng công suất trạm lên 3x2000kVA.
No20				No20	2x560		AN2, TT1, TT2		-	-	Công suất trạm sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh đảm bảo đáp ứng nhu cầu của các ô đất AN2, TT1, TT2, cụ thể trong dự án đầu tư xây dựng tại các ô đất AN2, TT1, TT2.
No21	NT3, AN2, TT1, TT2	1.169		No21	2x630		NT3		374	1x560	Xây dựng trạm mới bên trong ô đất ký hiệu NT3 để chủ động cấp điện, thuận lợi khi quản lý vận hành sau này.
No22	CXKV, TT3	509		No22	630+250		TT3, CXDT		-	630+250	Giữ nguyên theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt.
No16	CXDVO	76		No16	1x180				-	1x180	Giữ nguyên theo quy hoạch chi tiết đã phê duyệt.

(6). Quy hoạch không gian xây dựng ngầm

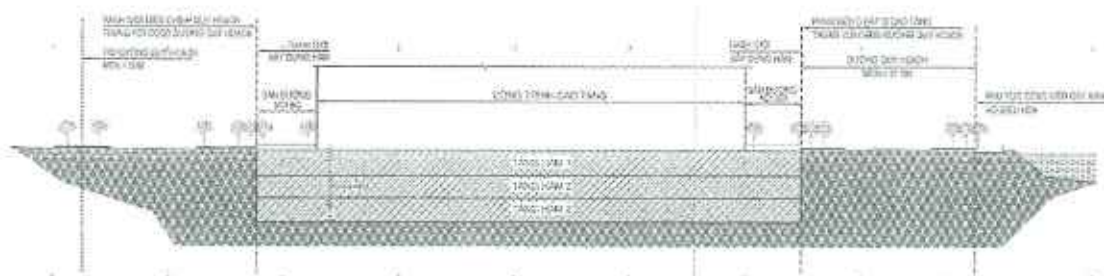
Chức năng sử dụng không gian ngầm bao gồm các chức năng: hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ và bãi đỗ xe cho bản thân công trình.

Bảng 1.10. Bảng thống kê số liệu tầng hầm của các công trình

TT	Kí hiệu hầm	Chức năng sử dụng	Diện tích đất dự kiến xây dựng tầng hầm	Tổng diện tích sàn tầng hầm	Số tầng hầm	Khối lượng đào		Khối lượng đắp	
			(m ²)	(m ²)		(m ³)	(tấn)	(m ³)	(tấn)
1	CXĐT	Hầm công trình	8.670	8.670	1	43.350	60.690	28.900	40.460
2	THPT		5.693	5.693	1	28.465	39.851	18.977	26.567
3	THCS		9.880	9.880	1	49.400	69.160	32.933	46.107
4	TH		7.988	7.988	1	39.940	55.916	26.627	37.277
5	NT1		2.783	2.783	1	13.915	19.481	9.277	12.987
6	NT2		1.762	1.762	1	8.810	12.334	5.873	8.223
7	NT3		1.631	1.631	1	8.155	11.417	5.437	7.611
8	CT4		33.932	101.796	3	441.116	617.562	294.077	411.708
9	HH2		6.699	33.495	5	140.679	196.951	93.786	131.300
	Tổng					773.830	1.083.362	515.887	722.241

Ghi chú:

- Tỷ trọng đất: 1,4 tấn/m³; khối lượng đất đắp tính bằng 2/3 khối lượng đào
- Khối lượng đất đào thừa đổ thải: m_{đất đào} – m_{đất đắp} = 361.121 tấn. Toàn bộ khối lượng này sẽ được tận dụng triệt để để nâng cao độ của phần cảnh quan cây xanh và đắp hạ tầng kỹ thuật. Khối lượng thừa sẽ được đổ thải theo đúng quy định.
- Mặt cắt không gian ngầm đô thị. Tầng hầm 1 sâu 5m, các tầng hầm khác sâu 4m.



1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Sau khi hoàn thiện cơ sở, chủ đầu tư thông qua các đơn vị phân phối bất động sản để đưa sản phẩm tới người sử dụng, các đơn vị thuê. Sau khi hoàn thành các thủ tục bán, cho thuê các căn hộ, toà nhà được bàn giao cho các đơn vị kinh doanh, hộ gia đình sử dụng. Quá trình sử dụng, các đơn vị kinh doanh, hộ dân cư thông qua ban quản lý khu đô thị để vận hành các khu nhà theo đúng các thông số kỹ thuật đã được phê duyệt.

Việc thành lập và hoạt động của ban quản lý khu đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Các sản phẩm của cơ sở bao gồm:

- Công trình dân sinh: Khu nhà ở thấp tầng, khu biệt thự, trường học, nhà hỗn hợp

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nước

(*) **Nguồn nước cấp:** được cung cấp từ Công ty TNHH một thành viên Nước sạch Hà Nội do Xí nghiệp kinh doanh nước sạch Cầu Giấy trực tiếp quản lý thông qua 01 điểm đầu nối nước sạch. Nước sạch từ điểm đầu nối được thu gom theo đường ống riêng dẫn về các ô đất.

(*) **Mục đích sử dụng:** nước cấp phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân sinh sống tại các ô đất thấp tầng (TT1, TT2, TT3, TT4 đã được xây dựng và đi vào hoạt động. Bàn giao nhà từ năm 2021), cao tầng (CT4), trường học (TH, THCS, THPT), nhà trẻ (NT1, NT2, NT3) và các mục đích khác như tưới cây, rửa đường, lau rửa sàn dịch vụ.

(*) **Nhu cầu cấp nước các ô đất:**

↓ **Đối với các ô đất đang hoạt động theo GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022:**

- Hiện tại, lượng nước cấp cho Cơ sở chủ yếu là nước cấp cho sinh hoạt của các khu nhà thấp tầng tại ô TT1, TT2, TT3 và TT4. Hiện nay dân cư khu thấp tầng đã về ở đạt 82%. Nhu cầu cấp nước năm 2025 và các tháng đầu năm 2026 như sau:

Bảng 1.11. Lượng nước cấp năm 2025 và các tháng đầu năm 2026

TT	Thời gian sử dụng	Lượng nước sử dụng theo hóa đơn nước (m ³ /tháng)	Lượng nước sử dụng trung bình ngày (m ³ /ngày)
1	Tháng 1/2025	20.114	670,47
2	Tháng 2/2025	18.928	630,93
3	Tháng 3/2025	16.837	543,13
4	Tháng 4/2025	20.292	676,40
5	Tháng 5/2025	21.275	686,29
6	Tháng 6/2025	21.149	704,97
7	Tháng 7/2025	22.360	721,29
8	Tháng 8/2025	24.617	794,10
9	Tháng 9/2025	24.021	800,70
10	Tháng 10/2025	26.066	840,84
11	Tháng 11/2025	28.139	937,97
12	Tháng 12/2025	26.695	861,13
Trung bình năm 2025		22.762	739,02
13	Tháng 1/2026	27.474	886,26
14	Tháng 2/2026	27.474	886,26
15	Tháng 3/2026	21.534	694,65
16	Tháng 4/2026	24.168	779,61

(Nguồn: Hóa đơn sử dụng nước năm 2025, 2026)

- Lưu lượng nước cấp dự kiến khi các khu nhà thấp tầng lấp đầy như sau:

Bảng 1.12. Tính toán nhu cầu sử dụng nước khi các khu nhà thấp tầng lấp đầy

TT	Nhu cầu cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước	Dự kiến khi lấp đầy	
			Quy mô	Lưu lượng m ³ /ngày
1	Nước sinh hoạt	200 lit/người/ngày 8 người/căn	326 căn	522
2	Tưới cây	3,0 lit/m ²	55.094m ²	165,28
3	Rửa đường nội bộ	0,4 lit/m ²	130.495m ²	52,20
Tổng cộng				739,48

Ghi chú: Lưu lượng nước cấp khi dự kiến lấp đầy các khu nhà thấp tầng chỉ tăng đối với nước thải sinh hoạt do người dân về ở thêm. Phần nước tưới cây, rửa đường sẽ không đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

TCXDVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế: định mức nước tưới cây là 3 lit/m²/lần, nước rửa đường là 4 lit/m²/lần. Thực hiện tưới cây, rửa đường 01 lần/ngày.

✦ **Đối với các ô đất thuộc quản lý của Chủ cơ sở dự kiến xây dựng:**

Trong tương lai, khi các ô đất trường học NT (gồm NT1, NT2, NT3), TH, THCS, THPT, CT4, HH2 hoàn thiện thì nhu cầu nước cấp dự kiến tối đa như sau:

Bảng 1.13. Lượng nước cấp sinh hoạt dự kiến cho các ô chưa xây dựng

Chức năng	Ký hiệu	Quy mô diện tích sàn dịch vụ (m ²)	Dân số/số học sinh	Tiêu chuẩn tính toán	Đơn vị	Lưu lượng m ³ /ngđ
Đất trường phổ thông trung học	THPT		1.213	15	L/hs.ngày	18,2
Đất trường trung học cơ sở	THCS		2.055	15	L/hs.ngày	30,8
Đất trường tiểu học	TH		1.999	15	L/hs.ngày	30,0
Nhà trẻ, mẫu giáo	NT1		468	75	L/cháu.ngày	35,1
Nhà trẻ, mẫu giáo	NT2		416	75	L/cháu.ngày	31,2
Nhà trẻ, mẫu giáo	NT3		293	75	L/cháu.ngày	22,0
Đất ở cao tầng	CT4		4.411	100	L/người.ngày	1.207,6
		108.466		3	L/m ² sàn	
Đất ở hỗn hợp	HH2		576	100	L/người.ngày	271,9
		52.229		3	L/m ² sàn	
Tổng						1.646,8

Ghi chú:

Áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, đề xuất chỉ tiêu cho khu đất điều chỉnh quy hoạch như sau:

- Sinh hoạt: 100 l/người.ngđ
- Trường học: 15 l/học sinh
- Nhà trẻ: 75 l/cháu
- Công trình thương mại, hỗn hợp: 3 l/m² sàn

- Tại ô đất CT4 bố trí khoảng 108.466 m² và ô đất HH2 bố trí khoảng 52.229 m² sản công cộng, dịch vụ, thương mại.

- Đối với phần nước cấp cho cây xanh và đường giao thông (nguồn nước cấp không thường xuyên), lưu lượng cấp nước ước tính theo quy hoạch như sau:

+ Diện tích đường giao thông 52.212 m² bao gồm 911 m² được tách từ ô đất NT3 và 51.301 m² sẽ tiếp tục thực hiện theo GPMT 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022. Định mức cấp 0,5 lít/m². Nhu cầu cấp nước là $52.212 \times 0,5 / 1000 = 26,1$ m³/ngày đêm.

+ Diện tích cây xanh 33.329 m² bao gồm: ô đất CXĐT diện tích 30.989 m² (30.306 m² sẽ tiếp tục thực hiện theo GPMT 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 và 683 m² được cắt từ ô đất CL4); ô đất CL4 diện tích 1.280 m² và ô đất CL5 diện tích 1.060 m². Định mức cấp 3 lít/m². Nhu cầu cấp nước là $33.329 \times 3 / 1000 = 100$ m³/ngày đêm.

→ **Tổng lưu lượng nước cấp tối đa cho hoạt động của Cơ sở (sinh hoạt, tưới cây, rửa đường) là: $739,48 + 1.646,8 + 26,1 + 100 = 2.512,38$ m³/ngày đêm.**

Nước cấp cho sinh hoạt đối với các ô đất thấp tầng đang hoạt động (TT) khi người dân về ở 100% là 522 m³/ngày đêm.

Nước cấp cho sinh hoạt dự kiến đối với các ô đất chưa xây dựng (thuộc quyền quản lý của chủ đầu tư) là 1.646,8 m³/ngày đêm.

→ **Tổng nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt cho toàn Cơ sở: $522 + 1.646,8 = 2.168,8$ m³/ngày đêm.**

Căn cứ theo Quyết định số 41/2017/QĐ-UBND ngày 06/12/2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Hà Nội. Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp. Do đó, nhu cầu sử dụng nước và phát sinh nước thải của Cơ sở như sau:

Bảng 1.14. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt và thoát nước thải của Cơ sở

TT	Hạng mục sử dụng nước	Nhu cầu cấp nước (m ³ /ngày đêm)	Lưu lượng nước thải (m ³ /ngày đêm)	Phương án xử lý nước thải
1	Các ô đang hoạt động	522	522	Nước thải được thu gom về HTXL nước thải của khu đô thị công suất 1.000m ³ /ngày.
	TT1, TT2, TT3, TT4			
2	Các ô chưa xây dựng	1.646,8	1.646,8	
	TH, NT1, NT2, NT3, THCS, THPT, HH2	439,2	439,2	Nước thải phát sinh được thu gom về HTXL nước thải hiện hữu công suất 1.000 m ³ /ngày đêm
	CT4	1.207,6	1.207,6	Nước thải phát sinh dự kiến từ ô đất CT4 được thu gom về HTXL nước thải công suất 1.210 m ³ /ngày đêm

→ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các ô đất TT (TT1, TT2, TT3, TT4) hiện hữu và dự kiến phát sinh từ các ô TH, NT1, NT2, NT3, THCS, THPT, HH2 khoảng 961,2 m³/ngày đêm được thu gom dẫn về HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm hiện hữu.

Nước thải phát sinh từ ô đất CT4 khoảng 1.207,6 m³/ngày đêm được thu gom về HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm đặt tại chân công trình.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

(*) **Nguồn cấp:** Nguồn điện trung áp cấp cho cơ sở là nguồn điện 22kV hiện có tại khu vực phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

(*) **Nhu cầu sử dụng điện:** Căn cứ theo hoá đơn sử dụng điện được cấp bởi Công ty Điện lực Ba Đình, nhu cầu sử dụng điện được tổng hợp tại Bảng sau:

Bảng 1.15. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở năm 2025 và các tháng đầu năm 2026

STT	Thời gian	Lượng điện tiêu thụ (kWh)
1	Tháng 1/2025	78.549
2	Tháng 2/2025	73.646
3	Tháng 3/2025	80.728
4	Tháng 4/2025	87.365
5	Tháng 5/2025	94.564
6	Tháng 6/2025	96.015
7	Tháng 7/2025	102.265
8	Tháng 8/2025	101.183
9	Tháng 9/2025	106.901
10	Tháng 10/2025	93.369
11	Tháng 11/2025	82.979
12	Tháng 12/2025	82.141
	Tổng năm 2025	1.079.705
13	Tháng 1/2026	84.778
14	Tháng 2/2026	78.330
15	Tháng 3/2026	89.875

Bảng 1.16. Nhu cầu sử dụng điện hàng mục điều chỉnh

Theo Quy hoạch chi tiết đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006		Phương án đề xuất điều chỉnh												
STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu ô đất	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị	Quy mô	Kết	Công suất (kW)	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu ô đất	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị	Quy mô	Kết	Công suất (kW)
1	Đất cây xanh khu vực	CXKV	25	kW/ha	5,16	1	129	Đất cây xanh sử dụng công cộng	CXDT	25	kW/ha	8,26	1	207
2	Đất cây xanh đơn vị ở	CXDVO	25	kW/ha	3,03	1	76	Đất trường phổ thông trung học	THPT	1,00	kW/học sinh	1.213	0,85	1.031
3	Đất trường phổ thông trung học	THPT	0,09	kW/học sinh	600	1	54	Đất trường trung học cơ sở	THCS	0,80	kW/học sinh	2.055	0,85	1.397
4	Đất trường trung học cơ sở	THCS	0,09	kW/học sinh	994	1	89	Đất trường tiểu học	TH	0,80	kW/học sinh	1.999	0,85	1.359
5	Đất trường tiểu học	TH	0,09	kW/học sinh	1.243	1	112	Đất trường mầm non	NT1	1,50	kW/học sinh	468	0,85	597
6	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	NT1	0,15	kW/học sinh	280	1	42	Đất nhà chung cư	CT4	0,04	kW/m ² sàn (tầng hầm)	101.796	0,85	3.461
		NT2	0,15	kW/học sinh	248	1	37							
		NT3	0,15	kW/học sinh	218	1	33							
7	Đất cao tầng	CT4	0,7	kW/người	1.895	0,8	1.061			0,065	kW/m ² sàn (công cộng)	108.466	0,85	5.993

Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu"

Theo Quy hoạch chi tiết đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006		Phương án đề xuất điều chỉnh												
STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu ô đất	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị	Quy mô	Kdt	Công suất (kW)	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu ô đất	Chỉ tiêu tính toán	Đơn vị	Quy mô	Kdt	Công suất (kW)
8	Đất hỗn hợp	HH2	0,05	kW/m ² sản	5.185	0,7	181	Đất nhà chung cư hỗn hợp	HH2	0,065	kW/m ² sản (công cộng thương mại)	52.229	0,85	2.886
											thương mại)	4.411	0,90	8.535
										2,15	kW/người	4.411	0,90	8.535

1.4.3. Nhu cầu sử dụng hoá chất

Hoá chất sử dụng cho hoạt động của Cơ sở chủ yếu dùng cho HTXL nước thải. Nhu cầu sử dụng hoá chất đối với các HTXL nước thải như sau:

Bảng 1.17. Nhu cầu sử dụng hoá chất cho HTXL nước thải tại Cơ sở

STT	Tên hoá chất	Đơn vị	Hiện trạng tháng 01/2026	Giai đoạn vận hành tổng thể
I	HTXL nước thải 1.000 m³/ngày đêm			
1	NaOH	Kg/ngày		
2	PAC	Kg/ngày	10	18,4
3	Polymer	Kg/ngày	-	-
4	NaOCl (Javen)	Kg/ngày	2	3,7
II	HTXL nước thải 1.210 m³/ngày đêm			
1	NaOCl 10%	Kg/ngày	-	18,2
2	NaOH 98%	Kg/ngày	-	18,2
3	Dinh dưỡng – metanol 99%	Kg/ngày	-	6,1

1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

Cơ sở đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 21/01/2008. Trong nội dung báo cáo đã đánh giá các tác động môi trường các giai đoạn san nền, giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc. Đối với các hạng mục đã hoàn thiện và đi vào hoạt động đã được cấp Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022. Đối với phần điều chỉnh quy hoạch có tổng diện tích 342.242m² (không thay đổi tổng diện tích theo quy hoạch), chỉ điều chỉnh, phân bổ lại diện tích giữa các ô đất và thay đổi các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc. Các nội dung khác không thay đổi so với Quy hoạch chi tiết được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006.

Do đó, trong phạm vi báo cáo cấp giấy phép môi trường của Cơ sở chỉ thực hiện đánh giá tác động trong hoạt động thi công xây dựng kết cấu hạ tầng các ô đất THPT, THCS, TH, NT, CT4, HH2 và giai đoạn vận hành tổng thể Cơ sở.

Phương án tổ chức thi công:

- Tiến độ triển khai các hạng mục của cơ sở trong khoảng thời gian là 3 năm (tiến độ đến Quý IV/2030). Chi tiết triển khai từng hạng mục cụ thể sẽ chi tiết các giai đoạn sau.

- Số lượng công trường thi công phụ thuộc vào kế hoạch thi công đồng thời hoặc cuốn chiếu và vị trí thi công các công trình trên mỗi ô đất. Về phương án thi công đề xuất lựa chọn 01 công trường thi công tại mỗi thời điểm với số lượng công nhân tối đa khoảng 50 người (bao gồm cán bộ phụ trách, quản lý dự án và tuyển dụng công nhân địa phương hoặc đến từ các tỉnh xung quanh địa bàn thành phố Hà Nội).

1.5.1. Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

1.5.1.1. Đánh giá tác động do bụi, khí thải

a. Bụi phát sinh từ quá trình đào đắp các hạng mục công trình

Khối lượng đất đào, đắp các hạng mục của Cơ sở đã được tổng hợp tại Bảng 1.11. Bụi phát sinh do quá trình đào, đắp được tính toán dựa vào hệ số ô nhiễm E (theo *Compilation of Air pollutant emission factors, volume I, Stationary point and area sources, Office of air quality and standards office of air radiation, January 1995*).

$$E = k \times 0,0016 \times \frac{(U/2,2)^{1,3}}{(M/2)^{1,4}} \text{ (kg bụi/tấn đất)}$$

Trong đó:

- E: Hệ số ô nhiễm (kg bụi/tấn đất).
- k: Cấu trúc hạt (có giá trị trung bình là 0,35).
- U: Tốc độ gió 2,5 m/s
- M: Độ ẩm trung bình của vật liệu (30%).

Kết quả tính toán hệ số ô nhiễm dựa vào công thức trên: E = 0,009 kg/tấn

Bụi phát sinh do quá trình đào đắp hạng mục công trình trong giai đoạn thi công xây dựng được tính toán trong bảng sau:

Bảng 1.18. Tài lượng bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp hạng mục điều chỉnh quy hoạch

STT	Khối lượng (m ³)	Hệ số (E) kg/m ³	Bụi phát sinh lớn nhất (kg)	Thời gian thực hiện (ngày)	Lượng bụi phát sinh (g/s)
Hạng mục đào	773.830	0,009	6.964,5	150	1,612
Hạng mục đắp	515.887	0,009	4.643		1,075

Đánh giá tác động chung của bụi phát sinh: Quá trình đào đắp làm phát sinh bụi với kích thước và trọng lượng hạt bụi lớn, do đó khả năng phát tán bụi không xa. Bụi phát sinh trong giai đoạn này mang tính cục bộ, tác động chủ yếu đến 50 CBCNV thi công. Bụi phát sinh gây ra một số tác động sau:

- Bụi tác động đến sức khỏe con người rõ nhất qua đường hô hấp, gây các bệnh như viêm phổi, viêm họng, hen suyễn,... Ngoài ra, còn gây ra các bệnh về da như dị ứng, ngứa, mọc mụn; các bệnh về mắt như đau mắt, mắt bị nhiễm khuẩn,...
- Lượng bụi phát sinh sẽ phát tán theo gió, bám vào lá cây làm giảm quá trình quang hợp, sinh trưởng và phát triển của cây trồng.

b. Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và đất đào đổ thải

Hoạt động vận chuyển đất đá và nguyên vật liệu cho xây dựng sẽ phát sinh bụi và các chất khí CO, NO_x, SO_x,... là sản phẩm cháy của quá trình đốt cháy nhiên liệu là

dầu diezen trong động cơ xe tải. Mức độ ô nhiễm phụ thuộc nhiều vào chất lượng đường xá, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe vận chuyển và lượng nhiên liệu tiêu thụ.

- Vận chuyển nguyên vật liệu cho thi công xây dựng: Theo thống kê dự kiến khối lượng nguyên vật liệu xây dựng chính cần vận chuyển của Cơ sở như sau:

Bảng 1.19. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu trong quá trình thi công

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng riêng	Khối lượng (tấn)
1	Bê tông	m ³	60.796	2,4 tấn/m ³	145.910
2	Xi măng	tấn	18.239	-	18.239
3	Cát vàng	m ³	30.398	1,6 tấn/m ³	48.637
4	Đá 1x2	m ³	48.637	1,5 tấn/m ³	72.956
5	Thép các loại	tấn	20.846	-	20.846
6	Phụ gia bê tông	tấn	150	-	150
7	Nước trộn	m ³	12.000	1,0 tấn/m ³	12.000
8	Que hàn	tấn	313	-	313
	Tổng				319.051

Trong quá trình thi công sử dụng xe có trọng tải 16 tấn để vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng. Với thời gian thi công xây dựng dự kiến là 36 tháng (khoảng 1.080 ngày) thì trung bình mỗi ngày có 18 xe vận chuyển, tương đương 36 lượt xe/ngày. Nguyên, vật liệu sử dụng trong quá trình thi công xây dựng được mua từ các nguồn cung cấp là các công ty liên doanh, các cơ sở nhà máy sản xuất sẵn có tại khu vực thành phố Hà Nội và các vùng lân cận.

- Vận chuyển chất thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng:

Chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng bao gồm đất, cát, sỏi, vò xi măng rơi vãi, vôi vữa, thép, bê tông thừa,... Việc dự báo lượng loại chất thải theo mỗi hạng mục thi công hầu như không thể thực hiện được do phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong quá trình thi công, loại hình vật liệu, kinh nghiệm thi công,... Dự kiến khối lượng vật liệu phục vụ thi công, xây dựng cơ sở khoảng 319.051 tấn, ước tính chất thải rắn chiếm khoảng 0,5% tổng khối lượng nguyên vật liệu cần thiết để phục vụ thi công xây dựng cơ sở (Định mức vật tư trong xây dựng – Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021).

Khối lượng chất thải từ quá trình thi công xây dựng là: $0,5\% \times 319.051 = 1.595,26$ tấn/giai đoạn thi công. Cơ sở sử dụng xe 16 tấn để vận chuyển thì số xe vận chuyển chất thải xây dựng ước tính khoảng 100 xe/giai đoạn thi công, tương đương 0,09 chuyến/ngày (làm tròn 01 chuyến/ngày, 02 lượt/ngày).

Theo Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải; Mức phát thải của chất ô nhiễm (i) trong khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ sử dụng loại nhiên

liệu (j) được xác định theo công thức sau:

$$E_{ij} = F_{cj} \times EF_{ij}$$

Trong đó:

+ E_{ij} : Mức phát thải của chất ô nhiễm (i) do sử dụng loại nhiên liệu (j) của phương tiện giao thông được xem xét (tính bằng gam);

+ F_{cj} : quãng đường di chuyển của phương tiện giao thông xem xét sử dụng loại nhiên liệu (j) (km);

+ EF_{ij} : Hệ số phát thải của chất ô nhiễm (i), sử dụng nhiên liệu (j) của phương tiện giao thông được xem xét (g/km).

Theo bảng 1.28 Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT; quãng đường di chuyển trung bình xe tải nặng (Hà Nội) đạt 73,3 km/xe/ngày.

Theo bảng 1.22 và 1.23 Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT (xe tải nặng chạy dầu 7,5-16 tấn) hệ số CO 2,13 g/km; NO₂ 8,92 g/km; PM_{2,5} 0,3344 g/km.

Bảng 1.20. Tài lượng các chất ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra

TT	Chất ô nhiễm	Tài lượng ô nhiễm (g/ngày)	Tài lượng ô nhiễm (mg/s)
I	Vận chuyển nguyên vật liệu		
1	CO	5,62	0,065
2	NO ₂	23,54	0,272
3	PM	0,88	0,01
II	Vận chuyển chất thải xây dựng		
1	CO	0,31	0,004
2	NO ₂	1,31	0,015
3	PM	0,05	0,0006

Áp dụng công thức tính toán Sutton xác định nồng độ trung bình của chất ô nhiễm tại một điểm ở khu vực cơ sở như sau:

$$C = \frac{0.8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\delta_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\delta_z^2} \right] \right\}}{\delta_z u}$$

Trong đó:

C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³);

E - Tài lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/ms);

z - Độ cao của điểm tính toán (m), z = 1,5m;

h - Độ cao của mặt đường so với mặt đất xung quanh (m), h = 0,5m;

u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s) u = 2,5 m/s;

δ_z - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương z (m);

Trị số hệ số khuếch tán chất ô nhiễm δ_z theo phương đứng (z) với độ ổn định của khí quyển tại khu vực là B, được xác định theo công thức:

$$\delta_z = 0,53x^{0,73} \text{ (m)}$$

x: Khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải, theo chiều gió thổi, m.

Bỏ qua sự ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm khác trong khu vực, các yếu tố ảnh hưởng địa hình... Dựa trên tải lượng ô nhiễm tính toán, thay các giá trị vào công thức tính toán, nồng độ các chất ô nhiễm ở các khoảng cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.21. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải rơi vãi trong quá trình xây dựng

TT	Khoảng cách x (m)	CO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	PM (mg/m ³)
I	Vận chuyển nguyên vật liệu			
1	5	0,038	0,158	0,006
2	10	0,019	0,08	2,9x10 ⁻³
3	20	0,012	0,048	1,8x10 ⁻³
4	50	0,006	0,025	9,1x10 ⁻⁴
5	100	0,004	0,015	5,5x10 ⁻⁴
II	Vận chuyển chất thải xây dựng			
1	5	0,002	0,009	0,0004
2	10	0,0011	0,004	1,8x10 ⁻⁴
3	20	0,0007	0,003	1,1x10 ⁻⁴
4	50	0,0004	0,001	5,5x10 ⁻⁵
5	100	0,0002	0,0008	3,3x10 ⁻⁵
QCVN 05:2023/BTNMT Trung bình 1h		30	0,2	-

Ghi chú: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1h).

Nhận xét: Từ kết quả trong bảng trên cho thấy, nồng độ bụi và các khí phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công, xây dựng đều nhỏ hơn so với các giá trị quy định trong QCVN 05:2023/BTNMT về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ), nồng độ các khí nhỏ hơn rất nhiều lần quy chuẩn cho phép. Điều đó chứng tỏ tác động của hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu đến môi trường là nhỏ.

(*) Bụi từ quá trình thi công trên công trường xây dựng

Theo Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải; Tính toán lượng bụi phát thải bằng cách nhân EF sẵn có cho từng loại công trình xây dựng, thời gian trung bình của công trình, diện tích chịu ảnh hưởng của công trình. Công thức cụ thể như sau:

$$EM_{PM} = EF_{PM} \times A_{af} \times d$$

Trong đó:

+ EM_{PM} : Phát thải bụi PM (kg PM)

+ EF_{PM} : hệ số phát thải của thông số bụi (kg PM/[m²xnăm])

- + A_{af} : Diện tích xây dựng (m^2)
- + D : Thời gian xây dựng công trình (năm)

Hệ số phát thải Bụi PM_{10} và $PM_{2.5}$ được tham khảo từ Bảng 3.1 mục 2.A.5.b trong hướng dẫn kiểm kê khí thải của Châu Âu (2023) với $EF_{PM_{10}} = 0,086kg/m^2/năm$ và $EF_{PM_{2.5}} = 0,0086 kg/m^2/năm$.

Với diện tích xây dựng là $49.504 m^2$, thời gian xây dựng là 3 năm. Như vậy, lượng bụi phát sinh trong quá trình xây dựng là:

- $EF_{PM_{10}} = 0,086kg/m^2/năm \times 49.504 m^2 \times 3 năm = 12.772 kg$
- $EF_{PM_{2.5}} = 0,0086 kg/m^2/năm \times 49.504 m^2 \times 3 năm = 1.277 kg$

Nồng độ bụi phát sinh do quá trình thi công xây dựng được tính toán cụ thể như sau:

Bảng 1.22. Nồng độ bụi từ quá trình thi công xây dựng

STT	Hạng mục tính	Đơn vị	Giá trị tính	
			PM_{10}	$PM_{2.5}$
1	Khối lượng bụi	Kg	12.772	1.277
2	Diện tích tính toán	m^2	49.504	
3	Độ cao tính toán	m	1,5	
4	Tải lượng ô nhiễm	mg/s	136,9	13,69
5	Nồng độ ô nhiễm	(mg/m^3)	0,0018	0,0002
QCVN 05:2023/ BTNMT Trung bình 24h		(mg/m^3)	0,1	0,05

Đánh giá tác động: Từ kết quả tính toán trên, so sánh với QCVN 05:2023/BTNMT cho thấy nồng độ bụi phát sinh từ quá trình thi công xây dựng nằm trong giới hạn cho phép. Do Cơ sở thực hiện trong thời gian ngắn, chủ yếu là cải tạo và xây dựng thêm một số hạng mục mới nên nồng độ phát sinh tương đối nhỏ.

(*) Bụi, khí thải phát sinh từ các máy móc thi công

Việc tính toán, dự báo bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công không bao gồm tính toán cho các phương tiện vận chuyển mà chỉ xem xét tới các phương tiện, thiết bị chủ yếu sử dụng liên tục tại công trường như máy xúc, máy ủi, máy lu,... Các loại máy móc, phương tiện này phần lớn sử dụng dầu diesel và thải khói bụi độc hại như TSP, NO_x , CO, SO_2 , tùy thuộc vào lượng tiêu hao nhiên liệu. Cơ sở xác định hàm lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện thi công, báo cáo dựa vào định mức tiêu hao nhiên liệu tương ứng của các máy móc thiết bị, phương tiện thi công.

Theo Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT về việc hướng dẫn kỹ thuật kiểm kê phát thải bụi và khí thải; Tính toán lượng khí ô nhiễm phát thải từ các loại máy công trình bằng cách nhân EF có sẵn với số giờ làm việc tại công trình (đối với các loại máy khác) theo công thức: $Em_i = A \times EF_i$

Trong đó:

- + Em_i : phát thải chất ô nhiễm i từ phương tiện A
- + A: số giờ làm việc đối với các loại máy công trình khác.

Bảng 1.23. Số giờ làm việc của các máy móc chính trên công trường

TT	Máy	Số lượng máy	Ca làm việc/ngày/máy	Số giờ làm việc/ca/máy	Tổng thời gian làm việc
1	Máy ủi/gạt	3	1	8	24
2	Máy lu đầm	5	1	8	40
3	Máy xúc/ đào	6	1	8	48
4	Xe tải (5 - 16 tấn)	19	1	8	152
	Tổng				264

+ EF: hệ số phát thải đặc trưng của các phương tiện (g/h hoặc g/km). Theo Bảng 1.15.5, Văn bản số 1074/BTNMT-KSONMT ngày 21/02/2024 của Bộ TNMT, hệ số phát thải đặc trưng của phương tiện sử dụng trong công trình xây dựng tại bảng như sau:

Bảng 1.24. Hệ số phát thải đặc trưng của phương tiện sử dụng trong thi công

STT	Máy móc	SO ₂	CO	NO ₂	NMVOC
		(g/h)			
1	Máy ủi/gạt	0,620	1,740	13,730	0,406
2	Máy lu đầm	0,387	3,054	7,320	0,670
3	Máy xúc/ đào	0,611	2,667	8,100	0,596
4	Xe tải (5 - 16 tấn)	0,198	2,13	8,92	0,696

Thay số liệu vào công thức tính toán được lượng khí thải từ các phương tiện sử dụng trong công trình xây dựng như sau:

Bảng 1.25. Tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện thi công

STT	Máy móc	SO ₂	CO	NO ₂	NMVOC
		(g)			
1	Máy ủi/gạt	14,88	41,76	329,52	9,74
2	Máy lu đầm	15,48	122,16	292,80	26,80
3	Máy xúc/ đào	29,33	128,02	388,80	28,61
4	Xe tải (5 - 16 tấn)	30,10	323,76	1355,84	105,79
	Tổng	89,78	615,70	2366,96	170,94

Với diện tích xây dựng cơ sở là 49.504 m², chiều cao chịu tác động lựa chọn là 1,5m. Tính toán được nồng độ chất ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện, thiết bị thi công là:

Bảng 1.26. Nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh từ phương tiện thi công

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/m ³)	QCVN 05:2023/ BTNMT Trung bình 1h
1	NMVOC	2,3	-
2	SO ₂	1,2	0,35
3	NO ₂	31,9	0,2
4	CO	8,3	30

Nhận xét: Kết quả tính toán nồng độ cộng hưởng với nền hiện trạng đối với khí NO₂ và SO₂ vượt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, các chỉ tiêu khác nằm trong quy chuẩn cho phép. Đồng thời, do các máy móc thi công hoạt động không đồng thời và thực hiện ở các thời điểm khác nhau nên hạn chế được phát sinh nồng độ bụi, khí thải.

1.5.1.2. Đánh giá tác động do nước thải

(*) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng chủ yếu phát sinh từ các khu nhà vệ sinh,.... Trong thành phần của nước thải này có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), chất dinh dưỡng (N,P) và vi khuẩn gây bệnh.

Giai đoạn xây dựng sử dụng 50 công nhân. Theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức nước cấp sinh hoạt là 45 lít/người.ngày cho công nhân xây dựng trên công trường.

Do đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt phát sinh tại công trường là:

$$Q = 50 \text{ người} \times 45\text{lit/người/ca} = 2.250 \text{ lit/ngày} = (2,25 \text{ m}^3/\text{ngày})$$

Lượng nước thải của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày (tính bằng 100%) lượng nước cấp.

Tổng tải lượng = Tải lượng ô nhiễm × số lượng công nhân (g/ngày)

$$C(\text{nồng độ ô nhiễm})(\text{mg/l}) = \frac{\text{Tổng tải lượng (g/ngày)}}{\text{Tổng lượng thải (m}^3/\text{ngày)}}$$

Dựa vào TCVN 7957:2023 - Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài, tiêu chuẩn thiết kế. Khối lượng chất gây ô nhiễm do con người thải vào môi trường mỗi ngày thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 1.27. Quy định về tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người/ngày)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	60 - 65
2	BOD ₅ của nước thải đã lắng	30 - 35
3	BOD ₅ của nước thải chưa lắng	55 - 60
4	Nitơ của các muối amoni (N-NH ₄)	8 -10,5
5	Tổng photpho	1,1-2,2

(Nguồn: TCVN 7957:2023)

Hệ số phát thải các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng trên tính cho thời gian là 24h, tuy nhiên công nhân chỉ làm việc 8h/ca do đó hệ số phát thải tính toán cho Cơ sở ước tính bằng khoảng 1/3 hệ số phát thải so với TCVN 7957:2023, thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.28. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt (hoạt động 8h/ngày)

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (g/người/ngày)
1	Chất rắn lơ lửng (SS)	20 – 21,6
2	BOD ₅ của nước thải đã lắng	10 – 11,6
3	BOD ₅ của nước thải chưa lắng	18,3-20
4	Nitơ của các muối amoni (N-NH ₄)	2,7- 3,5
5	Tổng photpho	0,4-0,7

Tải lượng chất ô nhiễm trong giai đoạn thi công xây dựng được tính theo công thức: $T = H \times M$ (Nguồn: TCVN 7957:2023)

Trong đó: T: Tải lượng các chất ô nhiễm; H: Hệ số phát thải có trong nước thải sinh hoạt; M: Số người làm việc.

Dựa trên lưu lượng nước thải phát sinh, kết quả tính toán nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt như sau:

Bảng 1.29. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm tại khu vực thi công

Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/ngày)	Lưu lượng thải (l/ngày)	Nồng độ trung bình (mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT cột A
Chất rắn lơ lửng (SS)	1.000-1.080	2.250	444-480	50
BOD ₅ của nước thải đã lắng	500-580		222-258	30
BOD ₅ của nước thải chưa lắng	915-1.000		407-444	30
Nitơ của các muối amoni (N-NH ₄)	135-175		60-78	5
Tổng photpho	20-35		9-16	-

Nhận xét: Từ kết quả tính toán tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt cho thấy: nồng độ chỉ tiêu phân tích trong nước thải sinh hoạt vượt giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A. Vì vậy, trong giai đoạn thi công, chủ cơ sở sẽ bố trí các nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển theo quy định.

Đánh giá tác động: Nước thải sinh hoạt nếu không được thu gom xử lý thải vào nguồn tiếp nhận sẽ làm gia tăng hàm lượng chất rắn lơ lửng, độ đục, độ màu, gia tăng hàm lượng chất hữu cơ, dẫn đến giảm lượng oxy hòa tan trong nước; tăng hàm lượng chất dinh dưỡng và gây ra hiện tượng phú dưỡng nguồn nước tiếp nhận. Ngoài ra, nước thải chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, phát sinh bọt gầy, ruồi, muỗi là nguyên nhân dẫn đến bùng nổ dịch bệnh như sốt rét, sốt xuất huyết, tiêu chảy,...

(*) Nước thải xây dựng

Ước tính nước thải thi công phát sinh từ quá trình rửa các thiết bị, dụng cụ xây dựng, nước rửa xe ra vào khu vào thi công khoảng 2,5 m³/ngày đêm.

Đặc trưng ô nhiễm trong nước thải từ thi công trên công trường chủ yếu gồm bùn đất và dầu mỡ với nồng độ cao nên khi không được thu gom xử lý triệt để trước khi thải vào môi trường có khả năng gây ra tắc nghẽn hệ thống thoát nước và có thể gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên, do có khối lượng phát sinh không thường xuyên, nên tác động do bùn đất và dầu mỡ có trong nước thải từ khu vực rửa xe, máy có mức độ tác động không lớn và có thể kiểm soát được.

1.5.1.3. Đánh giá tác động do chất thải

(*) Chất thải rắn sinh hoạt:

- **Nguồn phát sinh:** Từ hoạt động ăn uống, vệ sinh của công nhân xây dựng trên công trường.

- Thành phần: Thức ăn thừa, vỏ bao bì đựng thực phẩm, vỏ hoa quả thải, giấy vụn...

- Tài lượng:

Giai đoạn thi công sử dụng khoảng 50 công nhân. Căn cứ theo giáo trình “Quản lý chất thải rắn” - NXB Xây dựng - GS.TS Trần Hiếu Nhuệ, lượng rác thải trung bình của mỗi công nhân lao động thải ra là 0,4 kg/ngày. Do đó, lượng rác thải phát sinh khoảng:
 $50 \text{ người} \times 0,4 \text{ kg/người/ngày} = 20 \text{ kg/ngày}$.

(*) Chất thải rắn xây dựng:

- Thành phần: đất đá, vữa, tôn, sắt thép vụn, cát, gạch vỡ, bê tông thải, bia carton, xốp, pallet gỗ hỏng thải...

- Khối lượng phát sinh: 1.595,26 tấn/giai đoạn thi công (tính toán tại trang 36)

Nhận xét chung: Nhìn chung, các chất thải rắn xây phát sinh từ hoạt động công xây dựng đều khó phân hủy, không gây ra các tác động trực tiếp đối với môi trường nhưng nếu không được quản lý tốt có thể gây ra các tác động gián tiếp như: gây cản trở giao thông, gia tăng nguy cơ tai nạn lao động, tai nạn giao thông và làm tăng nguy cơ rửa trôi theo nước mưa chảy tràn bề mặt làm tăng độ đục dòng chảy, bồi lấp hệ thống cống thoát nước gây ngập úng cục bộ.

(*) Chất thải nguy hại:

Ước tính khối lượng CTNH phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng như sau:

Bảng 1.30. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/giai đoạn thi công)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	50
2	Vỏ hộp sơn đã qua sử dụng	18 01 02	200
3	Que hàn thải	07 04 01	3.130
4	Bóng đèn led thải	16 01 13	20
5	Dầu máy thải	17 02 03	663
Tổng			4.063

Như vậy, tổng khối lượng CTNH phát sinh từ giai đoạn thi công xây dựng khoảng 4.063 kg/giai đoạn thi công.

Nhận xét: CTNH của cơ sở phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu là các loại chất thải khó phân hủy, có khả năng tồn tại lâu trong môi trường nên tạo ra những khả năng tác động tiêu cực đối với môi trường tự nhiên và sức khỏe cộng đồng.

Nhìn chung, các tác động do CTNH gây ra đều được đánh giá với mức độ tác động và khả năng xảy ra cao. Do đó, nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tối đa tác động do CTNH gây ra, chủ cơ sở thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom, phân loại, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

1.5.2. Đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn vận hành

1.5.2.1. Đánh giá tác động do khí thải

- Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Cơ sở, nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ các phương tiện giao thông qua lại các tuyến đường sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu diezen. Do vậy, quá trình đi lại đốt cháy nhiên liệu phát sinh khí thải như NO_2 , CO, PM..

- Hoạt động xử lý nước thải phát sinh mùi hôi có thành phần chủ yếu là H_2S , CH_4 .

- Hoạt động tập kết rác thải sinh hoạt tại các trạm trung chuyển, trên các tuyến đường trong Cơ sở phát sinh mùi hôi, ruồi nhặng.

1.5.2.2. Đánh giá tác động do nước thải

Nước thải sinh hoạt có nguồn gốc khác nhau sẽ có thành phần và tính chất khác nhau. Tuy nhiên có thể chia làm 3 loại chính sau:

- Nước thải không chứa phân, nước tiểu từ các thiết bị vệ sinh và chậu rửa: Loại nước thải này chứa chủ yếu chất rắn lơ lửng, chất tẩy rửa và thường gọi là nước “xám”. Nồng độ các chất hữu cơ trong loại nước thải này thấp và thường khó phân hủy sinh học, trong nước thải chứa nhiều tạp chất vô cơ.

- Nước thải chứa phân, nước tiểu từ các khu vệ sinh (WC) còn được gọi là “nước đen”. Trong nước thải thường tồn tại các vi khuẩn gây bệnh và dễ lây mùi hôi thối. Hàm lượng chất hữu cơ (BOD) và các chất dinh dưỡng như: Nitơ (N), Photpho (P) cao. Loại nước thải này thường gây nguy hại đến sức khỏe và dễ làm nhiễm bẩn đến nguồn nước tiếp nhận.

- Nước thải nhà bếp chứa dầu mỡ và phế thải thực phẩm từ nhà bếp, khu vực rửa chén bát: loại nước thải này chứa nhiều chất hữu cơ (BOD, COD) và các nguyên tố dinh dưỡng khác (N, P). Các chất bẩn trong nước thải loại này dễ tạo mùi do phân hủy sinh học.

Thông số ô nhiễm chính: pH, BOD₅, TSS, TDS, H_2S , NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- Theo Mục 1.4.1, Chương I: lưu lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở giai đoạn vận hành tổng thể khoảng 2.168,8 m³/ngày đêm.

- Đánh giá tác động:

Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt nếu không được quản lý và xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận thì sẽ gây tác động xấu đến môi trường. Đặc biệt là môi trường nước do hàm lượng chất dinh dưỡng cao gây hiện tượng phú dưỡng làm chết các sinh vật trong nước, ảnh hưởng tới hệ sinh thái tự nhiên và đời sống người dân. Chất hữu cơ trong cơ phân hủy gây mùi hôi khó chịu phát tán trong không khí ảnh hưởng tới sức khỏe con người (sự phát triển của các vi sinh vật gây hại từ nguồn nước thải ra môi trường nước tự nhiên, khi con người sử dụng bị lây nhiễm các bệnh như: bệnh ngoài da, bệnh tả,...). Trong quá trình hoạt động, toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải nhà bếp phát sinh được thu gom và xử lý tại HTXL nước thải của Cơ sở (02 hệ xử lý nước thải)

đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A và QCVN 14:2025/BTNMT cột A trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

Tác động của một số chất ô nhiễm trong nước thải được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 1.31. Tác động của các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất (nguồn) ô nhiễm	Tác động
1	Chất cặn bã, chất lơ lửng	Khiến nước đục và mất khả năng làm sạch của nước do hạn chế sự xuyên thấu của ánh sáng.
2	Chất hữu cơ và vô cơ hòa tan (BOD/COD)	- Giảm nồng độ oxi hòa tan trong nước - Làm đục nước, phát sinh mùi, làm chết các VSV có lợi trong nước, hạn chế khả năng làm sạch của nước,...
3	N, P hòa tan	Gây hiện tượng phú dưỡng, phát triển rong, tảo trong nước,...

1.5.2.3. Đánh giá tác động do chất thải

a. Chất thải rắn thông thường

(*) CTR sinh hoạt

CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân sinh sống tại các ô đất gồm các chất vô cơ như: giấy, nilon gói thức ăn, giấy vệ sinh từ các khu vệ sinh,... và các chất hữu cơ dễ phân hủy như thức ăn thừa. Trong điều kiện nóng ẩm, nhiệt độ cao loại chất thải này phân hủy rất nhanh gây ra các mùi khó chịu, thu hút ruồi, chuột và các vi trùng gây hại sinh sôi nảy nở gây các bệnh truyền nhiễm và bệnh về đường hô hấp cho các công nhân vệ sinh cũng như ảnh hưởng tới cuộc sống của công nhân làm việc tại cơ sở.

Bảng 1.32. Thành phần đặc trưng của CTR sinh hoạt

Thành phần		Mô tả
Chất thải có thể phân hủy sinh học	Rác hoa quả	Vỏ hoa quả
	Thức ăn thừa	Bánh, kẹo,...
Chất thải có thể tái sinh, tái sử dụng	Kim loại	Can, vỏ lon nhôm, thiếc
	Thủy tinh	Chai, ly
	Nhựa có thể tái sinh	Chai, túi dẻo trong
Chất thải tổng hợp	Giấy có thể tái sinh	Khăn giấy, bao bì giấy, giấy in, giấy báo
	Giấy không thể tái sinh	Khăn giấy ăn, khăn giấy nhà vệ sinh,...
	Nhựa không thể tái sinh	Túi nhựa màu
	Khác	Mảnh gỗ, cát, bụi, cao su, vải,...

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, định mức phát sinh CTRSH là 1,3 kg/người/ngày (áp dụng đô thị loại đặc biệt).

Hiện tại, Công ty đang quản lý các căn nhà thấp tầng (TT) với tổng số dân khoảng 1.304 người và các ô đất NT, TH, THCS, THPT, HH2, CT4 khi đi vào hoạt động khoảng 4.987 người. Như vậy, tổng số dân sinh sống tại các ô đất giai đoạn vận hành là 6.291 người.

→ Khối lượng CTRSH phát sinh là $6.291 \times 1,3 = 8.178,3$ kg/ngày, tương đương 2.985,1 tấn/năm.

Đối với các công trình, tòa nhà chung cư, các khu vực của đơn vị thứ phát không thuộc sự quản lý của Công ty sẽ do đơn vị đó tự chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển CTR, CTNH theo quy định.

***) Bùn thải từ bể tự hoại**

Theo tài liệu “Bể tự hoại và bể tự hoại cải tiến của PGS.TS Nguyễn Việt Anh, Trường Đại học Xây dựng, Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội, 2007”, thể tích phân bùn được tính toán theo công thức sau:

$$V_{\text{bùn}} = \frac{aT(100-P1)bcN}{1000(100-P2)}$$

Trong đó:

+a: lượng cặn trung bình một người thải ra trong một ngày, a = 0,5 (l/người.ngày).

+P1, P2: độ ẩm cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%.

+b: hệ số kể đến giảm thể tích cặn khi lên men (giảm 30%), b = 0,7.

+c: hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để lại vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh chóng (để lại 20%), c = 1,2.

+T: Thời gian giữa 2 lần hút cặn, lấy T=365 ngày

+N: số người mà bể phục vụ (áp dụng 6.291 người)

Áp dụng công thức trên, thể tích bùn là $V_{\text{bùn}} = 482,2 \text{ m}^3$. Theo sách “Kỹ thuật xử lý nước thải – Thạc sĩ Lâm Vĩnh Sơn”, khối lượng riêng của bùn sinh học $d = 1,053 \text{ tấn/m}^3$. Vậy khối lượng bùn sinh ra mỗi lần hút là: $482,2 * 1,053 = 507,8 \text{ tấn/năm}$.

***) Bùn từ HTXL nước thải:**

Lượng bùn phát sinh ước tính khoảng 0,5% lưu lượng nước thải, tương đương khoảng $0,5\% * 2.168,8 = 10,84 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

Khối lượng riêng bùn lấy $1,0 \text{ tấn/m}^3$.

→ Khối lượng bùn: $10,84 * 365 * 1,0 = 3.956,6 \text{ tấn/năm}$.

Chi tiết các chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở như sau:

Bảng 1.33. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt từ các hộ dân	2.985,1
2	Rác thải từ khu vực công cộng	600
3	Bùn thải từ bể tự hoại	507,8
4	Bùn từ hệ thống XLNT	3.956,6
	Tổng cộng	8.049,5

b. Chất thải nguy hại

Khối lượng các loại CTNH và CTR công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Cơ sở được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.34. Bảng tổng hợp khối lượng CTR công nghiệp phải kiểm soát và CTNH phát sinh

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát (KS)		130
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại phát sinh từ hoạt động lau chùi máy móc thiết bị sản xuất	18 02 01	70
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	60

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

II	Chất thải nguy hại (NH)		5.006
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
4	Than hoạt tính từ HTXL mùi HTXL nước thải	12 01 04	5.000
	Tổng cộng		5.136

Ghi chú: Mã CTNH dựa trên Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 07/2025/TT-BTNMT.

Đánh giá tác động:

- CTNH dạng lỏng: Các chất thải này có độc tính khi tiếp xúc với da hoặc hít thở phải, có tác hại với sức khỏe của công nhân trực tiếp tiếp xúc. Chất thải dạng lỏng của dự án chủ yếu là dầu thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc. Đây là các chất dễ bắt cháy nên dễ gây ra sự cố cháy nổ. Đồng thời, đây là chất thải nguy hại gây tác động nhanh chóng đối với môi trường thông qua tích lũy sinh học và gây tác hại đến hệ sinh vật.

- CTNH dạng rắn: Là các chất thải có tác động mạnh đến môi trường nếu cháy. Các chất này nếu không được thu hồi sẽ phát tán vào môi trường gây ô nhiễm môi trường đất, nước.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Đối với việc đánh giá sự phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm đã được đánh giá trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt tại Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A thực hiện cơ sở đầu tư Khu đô thị “Thành phố Giao lưu” và không có sự thay đổi. Do đó, phạm vi thực hiện báo cáo không đánh giá nội dung này.

Đối với việc xả nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải số 1.210 m³/ngày đêm (xử lý nước thải phát sinh nội khu ô CT4) đặt tại tầng hầm của ô đất CT4 được thoát vào hố ga thoát nước mưa ngoài nhà.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công

3.1.1.1. Nước thải sinh hoạt

Với nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, Chủ cơ sở và nhà thầu thi công có các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Tại khu vực thi công Cơ sở không bố trí ăn ở cho công nhân thi công, nhà thầu và Chủ cơ sở ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương có điều kiện tự túc ăn ở góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân và giảm thiểu tối đa lượng CTR, nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Bố trí nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của pháp luật.

3.1.1.2. Nước thải thi công

Chủ cơ sở có các biện pháp giảm thiểu tác động từ nước thải thi công như sau:

- Cơ sở bố trí khu rửa xe tại vị trí ra vào các khu vực thi công của Cơ sở (tuỳ vào kế hoạch triển khai thi công thực tế sẽ bố trí khu vực phù hợp).

- Tại mỗi khu vực thi công xây dựng, nước thải từ hoạt động rửa xe, thiết bị thi công được thu gom vào 01 hố ga lắng 02 ngăn có thể tích khoảng 2,5 m³. Tại ngăn đầu tiên được bổ sung lớp vải thấm lọc dầu để tách dầu mỡ. Định kỳ 01 tuần/lần thực hiện nạo vét hố ga lắng và hệ thống thoát nước mặt.

- Nước tại hố ga sau khi xử lý được tận dụng lại để rửa xe, đập bụi khu vực thi công, không thải ra môi trường. Các công trình thu gom, xử lý nước thải thi công này sẽ được san lấp và hoàn trả mặt bằng sau khi thi công đưa vào hoạt động.

3.1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành

3.1.2.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được thu gom tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Trên dọc các tuyến cống thoát nước mưa bố trí các miệng thu nước mặt đường với khoảng cách trung bình 35m/miệng và bố trí các hố ga thăm nước mưa D600 – D2000. Khi có mưa, nước mưa chảy theo các tuyến cống thu nước mưa sau đó chảy qua hồ điều hòa rồi theo tuyến cống hộp 3x3m hoặc xả trực tiếp Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế hoặc chảy ra phía Bắc cơ sở sau đó chảy ra sông Nhuệ. (Hồ điều hòa có tác dụng điều tiết, điều hòa lượng nước, tiếp nhận nước mưa khi cần thiết).

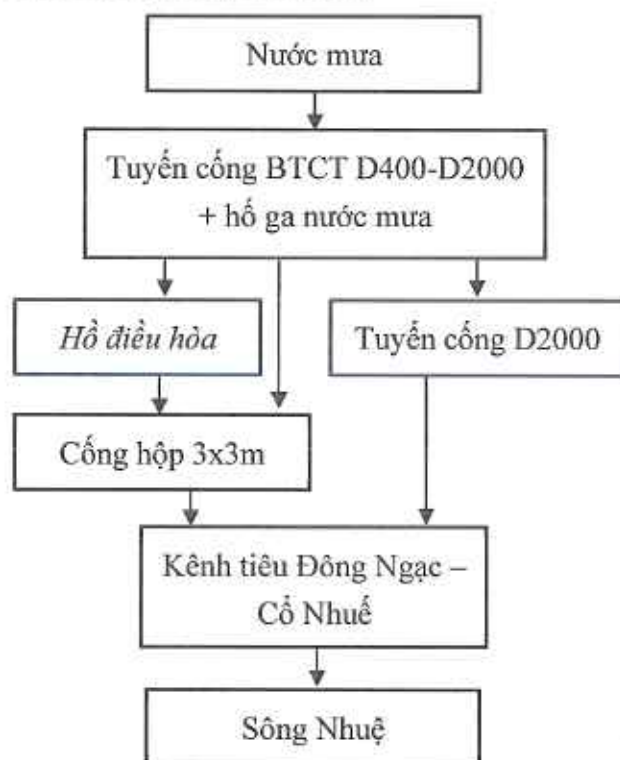
Một phần nước mưa sau khi được thu gom từ các tuyến cống nhánh vào đường ống BTCT D2000 sẽ chảy ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế.

Khu đô thị có 2 cửa xả nước mưa ra kênh Đông Ngạc – Cổ Nhuế bao gồm:

+ Cửa xả công BxH=3x3m kết nối từ hồ điều hòa ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế. Tọa độ: X: 2329233; Y: 580353.

+ Cửa xả trực tiếp qua công D2000 ra Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế. Tọa độ: X: 2329252; Y: 580535.

Ngoài ra, trong khuôn viên của khu đô thị còn có 04 cửa xả nước mưa vào hồ điều hòa qua các công xả D1000, D1500 và D2000.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa

Khối lượng đường công thoát nước mưa tại Khu đô thị Thành phố Giao lưu đã được đầu tư và xây dựng được khoảng 80%, còn khoảng 20% tại các ô đất chưa được giải phóng mặt bằng, chưa được xây dựng sẽ hoàn thiện ngay khi các ô đất hoàn thành GPMB.

Bảng 3.1. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Công thoát nước BTCT D400	m	800
2	Công thoát nước BTCT D600	m	3.500
3	Công thoát nước BTCT D750	m	420
4	Công thoát nước BTCT D800	m	310
5	Công thoát nước BTCT D1.000	m	1.050
6	Công thoát nước BTCT D1.500	m	960
7	Công thoát nước BTCT D2.000	m	650
8	Công hộp BTCT BxH = 3x3m	m	223
9	Hồ ga nước mưa các loại	cái	340

3.1.2.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Thu gom nước thải

Khu đô thị Thành phố giao lưu được thiết kế và xây dựng hệ thống thu gom nước thải độc lập với hệ thống thu gom nước mưa. Hệ thống thu gom được thiết kế đảm bảo việc thu gom tách riêng từng loại nước thải phát sinh.

- Đối với các ô đất đã xây dựng: Nước thải chỉ phát sinh từ các ô nhà thấp tầng TT (TT1, TT2, TT3 và TT4): Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại tại các căn hộ rồi thoát vào các hố ga thu nước thải thuộc tuyến rãnh thoát nước B300 chạy dọc theo các lô nhà, rồi tập trung vào các tuyến cống chính D400 và dẫn về HTXL nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m³/ngày đêm ở phía Tây Bắc của Cơ sở. Hạng mục thoát nước và xử lý nước thải đã được UBND thành phố Hà Nội cấp GPMT số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022.

- Đối với các ô đất thuộc quyền quản lý của chủ cơ sở nhưng chưa triển khai xây dựng:

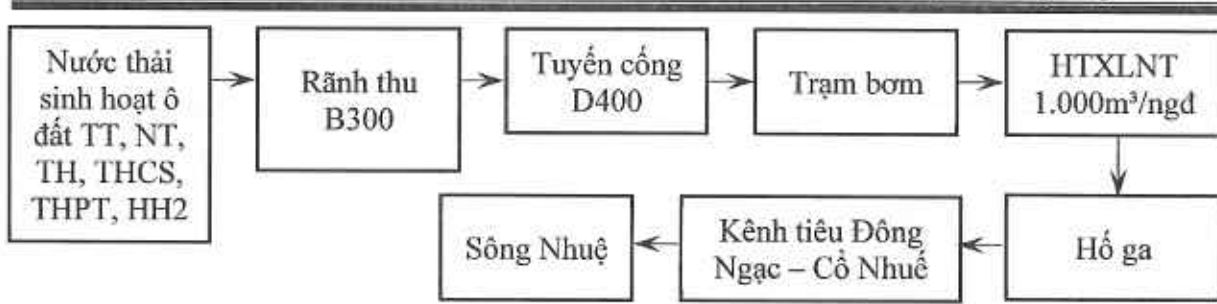
+ Nước thải phát sinh từ các ô NT1, NT2, NT3; TH; THCS; THPT; CT4; HH2: Nước thải sinh hoạt và nước thải từ nhà bếp sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và bể tách mỡ tại các khu vực, sau đó thoát vào các hố ga rồi theo đường ống thoát nước ngoài mỗi khu vực và chảy về tuyến cống chính D400 đã được xây dựng sẵn trên các tuyến đường đi qua các ô đất để thu gom về HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm ở phía Tây Bắc của Cơ sở.

+ Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà bếp phát sinh từ các toà nhà của ô CT4 được thu gom về bể tự hoại và bể gom, sau đó được bơm về xử lý tại HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm đặt tại tầng hầm B2 và B3. Nước thải sau xử lý sẽ được thoát vào hố ga thu gom nước mưa ngoài nhà.

- Đối với các ô đất đã bàn giao và dự kiến bàn giao cho chủ đầu tư thứ phát gồm các ô AN; TM1, NT, VP1, KS, TM2, VP2; CT1, CT5; CT2; M1, TTA-1, TT-A2; M2, TT-B, TT5, HC, CT3, HH: Nước thải phát sinh tại các ô đất này sẽ được các chủ đầu tư thứ phát tự xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải theo quy định hiện hành và xả ra hệ thống cống thoát nước mưa của khu đô thị thành phố giao lưu chạy dọc trên các tuyến đường qua từng khu đất.

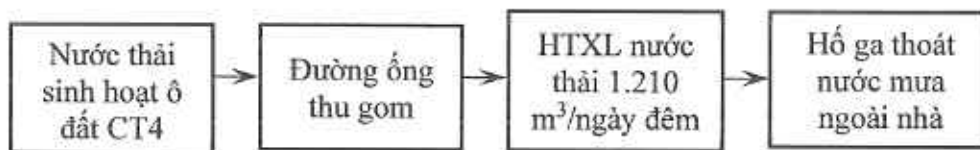
b. Thoát nước thải

- Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải tập trung công suất 1.000m³/ngày đảm bảo chất lượng đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1 được bơm ra tuyến cống thoát nước D400 ra kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế, sau đó chảy ra sông Nhuệ (theo GPMT số 234/GPMT- UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hà Nội).



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom thoát nước thải ô đất TT, NT, TH, THCS, THPT, HH2

- Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm đảm bảo chất lượng đạt QCVN 14:2025/BTNMT, cột A sau đó được bơm cưỡng bức thoát vào hố ga thoát nước mưa ngoài nhà.



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom thoát nước thải ô đất CT4

c. Vị trí xả thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm được thoát vào kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuê tại vị trí K4+210 bên bờ tả, thuộc phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

Tọa độ xả nước thải (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trục 105°00”, múi chiều 3⁰): X = 2329233; Y = 580353 (m).

Đặc điểm của kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuê: Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuê không thuộc danh mục công trình thủy lợi theo Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục các công trình thủy lợi phân cấp quản lý theo quy định tại Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 24/9/2020 của UBND thành phố Hà Nội. Hiện đoạn kênh tiêu này đang được giao cho Công ty TNHH MTV thoát nước Hà Nội quản lý với chức năng thoát nước cho khu vực.

Theo ĐTM đã phê duyệt, Chủ cơ sở có xây dựng các tuyến cống thu gom nước thải đến các ô đất đã bàn giao cho chủ đầu tư thứ phát. Tuy nhiên, các cơ sở này đều có hệ thống xử lý nước thải riêng để tự xử lý nước thải nội bộ. Nước thải tại các ô đất này được xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải và đổ thải vào đường ống thoát nước của Khu đô thị Thành phố Giao lưu nằm trên các trục đường đi qua mỗi ô đất (không xả vào đường cống thu gom nước thải của khu đô thị).

Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuê đoạn từ đường Phạm Văn Đồng ra sông Nhuê có chiều dài hơn 1km đã được cống hóa.



Hình 3.4. Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế (đã được cống hóa)

- Dòng thải số 02: Nước thải sau xử lý tại HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm được thoát vào hố ga 38E của hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà.

Tọa độ xả nước thải dự kiến (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00”, múi chiều 3⁰): X = 2328405; Y = 580381.

Khối lượng đường cống thoát nước thải đã được đầu tư và xây dựng được khoảng 80%, chỉ còn khoảng 20% tại các ô đất chưa được giải phóng mặt bằng do đó chưa được xây dựng.

Bảng 3.2. Khối lượng hệ thống thu gom thoát nước thải của Cơ sở

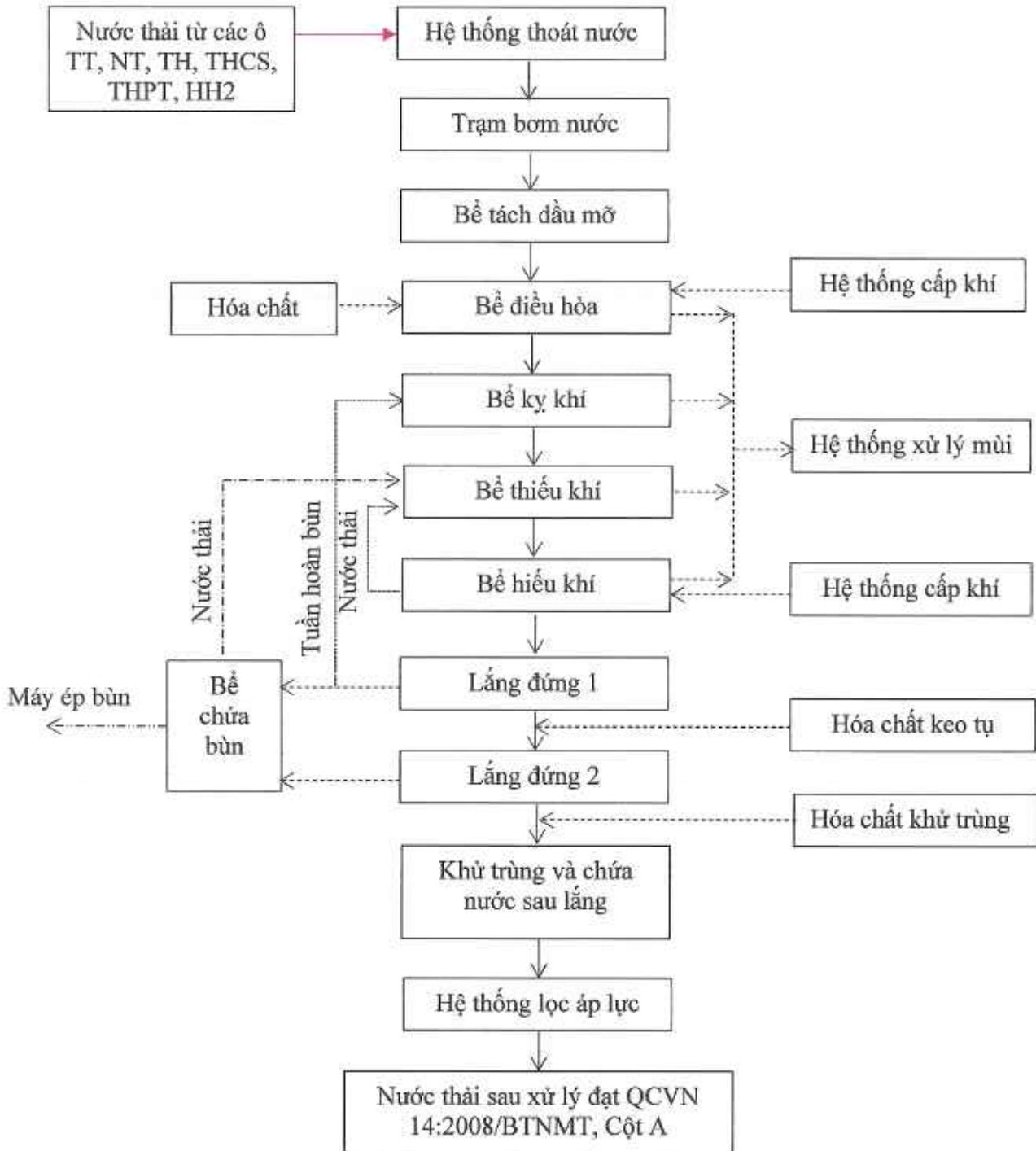
TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước thải B300	m	2.100
2	Cống thoát nước thải D400	m	4.100
3	Ga thăm cống D400	Cái	120
4	Ga thăm rãnh B300	Cái	105

3.1.2.3. Xử lý nước thải

a. Công trình xử lý nước thải các ô đất TT, NT, TH, THCS, THPT, HH2

Nước thải sinh hoạt dự kiến phát sinh tại các ô đất NT, TH, THCS, THPT, HH2 được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại bố trí tại chân mỗi công trình, dung tích mỗi bể khoảng

3m³, sau đó được dẫn về HTXL nước thải tập trung hiện hữu công suất 1.000 m³/ngày đêm bằng các đường ống D250 (xử lý cùng với nước thải sinh hoạt phát sinh tại các ô TT hiện hữu). Quy trình công nghệ của HTXL nước thải tập trung của Cơ sở công suất 1.000 m³/ngày đêm đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 được trình bày như sau:



Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT 1.000 m³/ngày đêm

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý:

Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý nước thải: Với đặc trưng của nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu là hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, thành phần bã thải lớn,

thành phần dinh dưỡng N, P cao, các chất kiềm hãm quá trình phát triển của vi sinh vật thấp. Dây truyền công nghệ xử lý gồm các loại bể như sau:

Trạm bơm nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh tại các ô đất được thu gom chảy về trạm bơm nước thải. Nước thải sau đó được bơm vào bể tách mỡ. Tại trạm bơm bố trí 02 bơm chìm (hoạt động luân phiên) công suất 4kw, Q=39-75m³/h.

❖ Bể tách dầu mỡ

Có chức năng tách dầu mỡ có lẫn trong nước thải trước khi đưa vào công đoạn xử lý tiếp theo. Nước thải sau bể tách mỡ sẽ chảy sang bể điều hòa.

❖ Bể điều hòa:

Bể điều hòa có vai trò ổn định lưu lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải, giúp tối ưu hóa năng lượng cũng như hóa chất sử dụng. Ngoài ra, bể này còn có vai trò như bể chứa khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì.

Bơm nước thải từ bể điều hòa sẽ bơm nước với lưu lượng ổn định sang cụm xử lý tiếp theo, lưu lượng này được điều chỉnh bởi lưu lượng kế.

❖ Bể kỵ khí:

Có chức năng làm giảm đáng kể hàm lượng BOD, COD trong nước thải bằng cách sử dụng lớp cặn lơ lửng (có chứa rất nhiều vi sinh vật yếm khí) trong dịch lên men nhờ hệ thống nước chảy từ phía dưới lên. Các dòng vào bể kỵ khí bao gồm nước từ bể điều hòa và bùn tuần hoàn từ bể lắng thứ cấp 1. (Theo thiết kế trong bể kỵ khí có thiết bị khuấy, tuy nhiên trong quá trình vận hành, thiết bị này sẽ không được bật)

❖ Bể thiếu khí:

Nước thải chảy vào bể này có nước từ bể kỵ khí, nước tuần hoàn từ bể hiếu khí. Các dòng này sẽ được hòa trộn bởi máy khuấy chìm.

Trong điều kiện thiếu khí và đảo trộn hoàn toàn bởi máy khuấy chìm, xảy ra quá trình khử nitrat hóa:

+ Quá trình khử nitrat hóa liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học các hợp chất hữu cơ trong nước thải sử dụng nitrate hoặc nitrite là chất nhận electron thay vì oxy:



+ Quá trình trao đổi chất này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat, có trong 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Đặc biệt, tốc độ khử nitrat dao động từ 0.04 đến 0.42 gNO₃⁻-N/g MLSS.ngày, giá trị F/M (chất hữu cơ/vi khuẩn) càng cao, tốc độ khử nitrat càng cao.

Ngoài ra, do quá trình chuyển hóa NH₄⁺ thành NO₃⁻ làm giảm pH của nước thải, NaOH sẽ được châm vào ngăn trung gian nhằm đảm bảo pH của bể hiếu khí luôn ổn định, tối ưu cho vi sinh vật sinh trưởng và phát triển.

Sau bể thiếu khí, nước thải chảy sang bể hiếu khí.

❖ **Bể hiếu khí:**

Giai đoạn xử lý hiếu khí là công đoạn xử lý triệt để nước thải, bể làm việc liên tục, khuấy trộn hoàn toàn. Hệ thống sục khí không chỉ có nhiệm vụ cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí hoạt động mà còn có vai trò khuấy trộn dòng nước. Ngoài ra, để tăng khả năng tiếp xúc giữa bùn hoạt tính với nước thải thì trong bể được lắp đặt lớp đệm vi sinh dạng tấm. Với bể mặt nhám của đệm vi sinh khoảng $250 \text{ m}^2/01 \text{ m}^3$, với diện tích bề mặt này khả năng dính bám của vi sinh vật được phát huy tối đa.

Bể hiếu khí của HTXL nước thải được chia thành 2 đơn nguyên hoạt động song song. Sau bể hiếu khí, nước thải được chảy sang bể lắng thứ cấp 1.

❖ **Bể lắng thứ cấp 1:**

Chức năng của bể này dùng để tách bùn lỏng hỗn hợp thành phần bùn và thành phần nước đã lắng trong ở trên. Việc tách chất rắn/lỏng xảy ra bởi trọng lực. Hỗn hợp bùn/ nước trong bể hiếu khí được dẫn sang bể lắng 1 theo nguyên tắc tự chảy. Nhờ trọng lực của bông cặn, hỗn hợp thải được phân ly ra ba pha riêng biệt (pha bùn cặn, pha huyền phù, pha nước trong). Do đó, việc phân tách hoàn toàn thể rắn và nước trong ra hai pha tách biệt; các hạt huyền phù, bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ dễ dàng lắng xuống dưới đáy. Bùn lắng được thu xuống đáy dốc của bể lắng và một phần được bơm hoàn lại bể kỵ khí, phần còn lại được bơm định kỳ sang bể chứa bùn.

Bể lắng thứ cấp 1 của HTXL nước thải được chia thành 2 đơn nguyên hoạt động song song.

Nước thải sau bể lắng thứ cấp 1 sẽ được chảy sang bể lắng thứ cấp 2.

❖ **Bể lắng thứ cấp 2:**

Tại bể lắng 2 được bổ sung thêm hóa chất trợ lắng PAC để lắng triệt để phần bùn trong nước thải. Phần nước trong sau khi lắng sẽ được chảy sang bể chứa nước sau lắng, phần bùn từ bể lắng thứ cấp 2 được bơm về bể chứa bùn.

Bể lắng thứ cấp 2 của HTXL nước thải được chia thành 2 đơn nguyên hoạt động song song.

❖ **Bể chứa nước sau lắng và khử trùng**

Bể có tác dụng để chứa nước sạch sau bể lắng thứ cấp 2. Tại đây, nước thải được châm thêm hóa chất khử trùng để loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform có trong nước thải.

Nước từ bể chứa sau đó sẽ được bơm vào hệ thống lọc áp lực.

❖ **Hệ thống lọc áp lực:**

Công đoạn xử lý hoàn toàn chất ô nhiễm và cặn lơ lửng còn lại trong nước thải. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Nước thải sau hệ thống lọc áp lực được bơm qua đường cống D400 và chảy ra Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế rồi chảy vào sông Nhuệ.

❖ **Bể chứa bùn**

Bùn từ bể lắng thứ cấp 2 và một phần bùn dư từ bể lắng thứ cấp 1 và bùn cặn từ hệ thống lọc áp lực (sau mỗi lần rửa ngược) được bơm về bể chứa bùn. Bùn từ bể chứa sau đó được đưa vào máy ép bùn bằng bơm bùn trục vít. Tại máy ép bùn được bổ sung thêm Polymer để tăng khả năng kết dính.

Bùn khô sau khi ép thành bánh sẽ được đóng bao và chuyển cho đơn vị thu gom xử lý theo quy định của chất thải rắn thông thường.

Nước từ bể chứa bùn được chảy về bể thiếu khí.

❖ **Thiết bị xử lý mùi**

Mùi phát sinh từ các bể điều hòa, bể kỵ khí, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng được quạt hút đưa về tháp khử mùi dùng than hoạt tính, khí sạch sau tháp khử mùi được dẫn bằng đường ống ra hồ ga thăm nước thải ở phía Bắc HTXL nước thải.

() Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải*

Bảng 3.3. Các thông số kỹ thuật của HTXL nước thải 1.000 m³/ngày đêm

STT	Tên bể	Số lượng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)	Thể tích
1	Trạm bơm nước thải	1	2,5	2,5	5,2	32,5
2	Bể tách mỡ	1	5,25	2,8	4	58,8
3	Bể điều hòa	1	(4,8x8,62x4) + (2,92x3,25x4)			203,5
4	Bể kỵ khí	1	6,714	5,456	4	146,53
5	Bể thiếu khí	1	7,985	5,456	4	174,26
6	Bể hiếu khí (2 đơn nguyên, kích thước mỗi đơn nguyên)	2	4,185	8,62	4	144,30
7	Bể lắng đứng 1 (2 đơn nguyên, kích thước mỗi đơn nguyên)	2	4,185	3,8	4	63,61
8	Bể lắng đứng 2 (2 đơn nguyên, kích thước mỗi đơn nguyên)	2	4,185	3,31	4	55,41
9	Bể khử trùng và chứa nước sau lắng	1	5,456	3,31	4	72,24
10	Bể nén bùn	1	5,456	3,8	4	82,93

() Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải*

Bảng 3.4. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải 1.000 m³/ngày đêm

TT	Tên hạng mục/Thiết bị chính	Số lượng	Đơn vị
I	BƠM NƯỚC THẢI TRẠM BƠM		
1	Lưới chắn rác inox Lưới inox 304	1	Cái
2	Bơm chìm nước thải tại trạm bơm	2	Cái

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	Tên hạng mục/Thiết bị chính	Số lượng	Đơn vị
	Loại: bơm chìm nước thải; Công suất: N=4kw + Q = 30-75 m ³ /h + H = 4-17 m		
II	BỂ TÁCH MỠ		
3	<i>Máy gạt văng mỡ tự động</i>	1	Cái
III	BỂ ĐIỀU HÒA		
4	<i>Bộ đo và điều khiển pH tự động</i>	1	Bộ
5	<i>Bơm định lượng (xút, axit)</i> + Lưu lượng: Q _{max} = 155L/h + N = 0,24 kw + Áp lực 8bar + Điện áp 230V/3pha/50Hz	2	Cái
6	<i>Tank chứa hóa chất</i> + Dung tích 1500L + Vật liệu composite	2	Cái
7	<i>Thiết bị khuấy trộn hóa chất</i> + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60v/p + Điện áp 230V/3pha/50Hz	2	Cái
8	<i>Máy thổi khí cạn</i> + Cột áp: H = 5m + Công suất động cơ: 7.5 kw + Điện áp: 380V/3pha/50Hz	2	Cái
9	<i>Bơm chìm nước thải bể điều hòa</i> Loại: bơm chìm nước thải Công suất: N = 2,2kw + Q = 50 - 65 m ³ /h + H = 4 -10m	3	Cái
10	<i>Đĩa phân phối khí</i> + Loại đĩa phân phối bọt thô D-127 + Lưu lượng Q = 0-26 m ³ /h	41	Cái
IV	BỂ KỸ KHÍ		
V	BỂ THIẾU KHÍ		
12	<i>Máy khuấy chìm bể thiếu khí</i> + Công suất: 2,2 kw + Điện áp: 380V/3pha/50Hz	2	Cái
VI	BỂ HIẾU KHÍ		
13	<i>Bơm nước thải tuần hoàn</i> Loại: bơm chìm nước thải Công suất: N =1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	4	Cái
14	<i>Máy thổi khí cạn</i> + Cột áp: H = 6m + Công suất động cơ: 12kw và 7,5KW + Điện áp: 380V/3pha/50Hz	2	Cái
15	<i>Đệm vi sinh dạng cầu</i> Kích thước D150	80	m ³

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	Tên hạng mục/Thiết bị chính	Số lượng	Đơn vị
16	<i>Đĩa phân phối khí min</i> + Loại đĩa phân phối khí dạng tinh + Chũng loại D-225 + Lưu lượng khí: Q = 0,02-0,12 m ³ .ph	130	Cái
VII	BỂ LẮNG ĐỨNG 1		
17	<i>Bơm chìm tuần hoàn bùn và bùn thải</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N = 1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	4	Cái
VIII	BỂ LẮNG ĐỨNG 2		
19	<i>Bơm chìm bùn thải</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N=1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	4	Cái
20	Bơm định lượng (PAC) + Lưu lượng: Q _{max} = 155L/h + N = 0,24 kw + Áp lực 8bar + Điện áp 230V/3pha/50Hz	4	Cái
21	Máy khuấy hóa chất (PAC) + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60 v/p + Điện áp 230V/3pha/50Hz	2	Cái
IX	BỂ KHỬ TRÙNG + CHỨA NƯỚC		
22	<i>Bơm định lượng (Clorine – Javen)</i> + Lưu lượng: Q _{max} = 155L/h + N = 0,24 kw + Áp lực 8bar + Điện áp 230V/3pha/50Hz	2	Cái
23	<i>Thiết bị khuấy trộn hóa chất</i> + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60 v/p + Điện áp 230V/3 pha/50Hz	1	Cái
X	BỒN LỌC ÁP LỰC		
24	Bơm ly tâm sau xử lý, bơm rửa lọc Loại: bơm ly tâm Công suất: N = 5,5 kw Lưu lượng: Q = 35-100 m ³ /h Chiều cao cột áp: H = 12,5 – 23m	2	Cái
25	<i>Đồng hồ đo lưu lượng</i> Loại đo lưu lượng điện tử	2	Cái
26	Bồn lọc cát và Bồn lọc than hoạt tính Vật liệu: Thép Kích thước D2200 x H3550 mm.	2	Cái
X	BỂ CHỨA NÉN BÙN		
27	<i>Bơm bùn trực vít</i> Công suất: P = 3kw	2	Cái

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	Tên hạng mục/Thiết bị chính	Số lượng	Đơn vị
	Lưu lượng: Q = 7 m ³ /h Cột áp: H = 6bar Điện áp: 380V/400V/50Hz, 3 pha		
28	<i>Máy ép bùn</i> Model: NBD-E75 Công suất P = 3kw Công suất xử lý: 3.7 m ³ /h Chiều dài băng tải: 750mm Trọng lượng: 740kg	1	Cái
29	<i>Máy nén khí</i> + Công suất (HP-KW): 1-0,75 + Lưu lượng (1 phút): 140 + Điện áp sử dụng (V): 220 + Tốc độ quay puly đầu nén (v/phút): 480	1	Cái
30	<i>Bơm rửa áp lực (máy ép bùn)</i> + Công suất 1,1 kw + Q = 1.5 – 6 m ³ /h + H = 25 – 40m	1	Cái
31	<i>Bơm định lượng (Polimer)</i> + Lưu lượng Qmax = 155 L/h + N = 0,24 kw + Áp lực 6 bar + Điện áp 230V/3 pha/50Hz	1	Cái
32	<i>Thiết bị khuấy trộn hóa chất</i> + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60 v/p + Điện áp 230V/3 pha/50Hz	1	Cái
33	<i>Tank chứa hóa chất</i> + Dung tích 1500L + Vật liệu: Composite	1	Cái
XI	THIẾT BỊ XỬ LÝ MÙI		
34	<i>Tháp xử lý mùi</i> + Vật liệu: Thép + Kích thước DxH=2000x3505mm + Than hoạt tính	1	Bộ
35	<i>Quạt hút</i> + Lưu lượng: Q = 950 m ³ /h + Công suất P = 3,7kw	1	Cái



Tủ điều khiển HTXL nước thải



Bồn lọc áp lực



Bồn chứa hóa chất khử trùng



Máy thổi khí



Bơm hoá chất

Hình 3.6. Một số hình ảnh của HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm

(*) Vận hành hệ thống xử lý nước thải

Vận hành thiết bị cụ thể:

+ Chọn chế độ Auto: Nhấn chuyển mạch Auto/Man trên màn hình để chọn chế độ Auto cho các bơm, thiết lập các thông số chạy tự động gồm thời gian luân phiên.

+ Chế độ Manual: Nhấn vào chuyển mạch Auto/Man để chọn chế độ Manual trên màn hình. Nhấn vào chuyển mạch On/Off để bật tắt bơm.

+ Thời gian luân phiên: Để thay đổi thông số hoạt động thời gian luân phiên của nhóm thiết bị khi ở chế độ tự động thì người vận hành nhấn vào cài đặt thời gian luân phiên của thiết bị, khi đó cửa sổ cài đặt giá trị sẽ xuất hiện cho phép người vận hành nhập thông số mới theo yêu cầu công nghệ.

+ Cài đặt thời gian chạy: Cài đặt thời gian chạy cho thiết bị được tính bằng phút.

+ Cài thời gian nghỉ: Cài đặt thời gian nghỉ cho thiết bị, khi hết thời gian nghỉ thì thiết bị sẽ tự động chạy. Chu trình được lặp lại liên tục.

+ Thời gian đã chạy: Thời gian chạy của thiết bị đã hoạt động trong chu trình được tính bằng phút.

+ Thời gian đã nghỉ: Thời gian đã nghỉ của thiết bị đã hoạt động trong chu trình được tính bằng phút.

- Khi giá trị cài đặt đúng theo yêu cầu thì người vận hành bấm nút Enter để cập nhật giá trị hoạt động mới cho nhóm thiết bị.

- Phao báo mức: thể hiện mức nước trong bể với mức Low (thấp), High (cao) trong bể, nếu tín hiệu nào tác động, đèn xanh sẽ báo sáng.

- Lưu ý:

+ Khi ở mức Low, các bơm sẽ không được phép hoạt động, nó sẽ tự kích hoạt lại khi tín hiệu phao mức thấp mất đi.

+ Khi hệ thống mất điện và có điện trở lại, các thiết bị nào vẫn đang chạy trước khi mất điện thì sau khi có điện sẽ tiếp tục chạy, các thiết bị nào dừng trước đó cũng sẽ dừng sau khi có điện trở lại.

+ Chế độ vận hành 01 đơn nguyên: HTXL nước thải chung các bể đầu vào là: Trạm bơm, Bể tách mỡ, Bể điều hòa, Bể kỵ khí và bể Thiếu khí nên khi vận hành 1 đơn nguyên thì các bể này vẫn chạy theo chế độ Auto đã được cài đặt. Chỉ các bể Hiếu khí, Bể lắng đứng 1, Bể lắng đứng 2 thì nước thải sẽ chỉ được bơm vào 1 đơn nguyên để vận hành, chế độ vận hành Auto theo bảng hướng dẫn; đơn nguyên còn lại máy móc sẽ tắt và không dẫn nước thải vào đó.

+ Nhật ký vận hành: Chủ cơ sở sẽ thực hiện theo dõi, ghi nhật ký vận hành theo quy định khi hệ thống xử lý nước thải được cấp phép. Mẫu nhật ký vận hành được đính kèm theo phần phụ lục báo cáo.

+ Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng: Chủ cơ sở đã lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải tại vị trí là sau hệ thống xử lý.

Bảng 3.5. Bảng chế độ vận hành của thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải 1.000 m³/ngày đêm

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ký hiệu	Chế độ chạy
I	Bơm nước thải trạm bơm			
1	Loại: bơm chìm nước thải; Công suất: N=4kw + Q = 30-75 m ³ /h + H = 4-17 m	2	P01	02 bơm chạy luân phiên theo phao báo mức: + Mức 1: 01 bơm chạy. + Mức 2: 02 bơm chạy
II	Bể điều hòa			
2	Bơm định lượng (xút, axit) + Lưu lượng: Qmax = 155L/h + N = 0,24 kw	2	P09C,D	02 bơm chạy độc lập theo dải đo pH. + Nồng độ pH<6 thì bơm xút chạy. + Nồng độ pH>6 thì bơm axit chạy.
3	Thiết bị khuấy trộn hóa chất + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60v/p	2	P10C,D	02 máy khuấy chạy độc lập cho 2 thùng hóa chất. + Chạy 5 phút nghỉ 1 tiếng.
4	Máy thổi khí 1 + Cột áp: H = 5m + Công suất động cơ: 7.5 kw	2	MKH1	02 máy thổi khí chạy luân phiên. + Chạy 5 phút nghỉ 1 tiếng.
5	Bơm nước thải bể điều hòa Loại: bơm chìm nước thải Công suất: N = 2,2kw + Q = 50 - 65 m ³ /h + H = 4 -10m	3	P02, P03	02 bơm P02 chạy luân phiên, 01 bơm P03 chạy sự cố theo phao báo mức. + Mức 1: 01 bơm chạy. + Mức 2: 02 bơm chạy. + Mức 3: 03 bơm chạy.
III	Bể kỵ khí			
6	Máy khuấy chìm bể kỵ khí + Công suất: 2,2 kw	2	P05A	02 máy khuấy chìm chạy độc lập + 02 máy khuấy chạy 1 tiếng nghỉ 20 phút.
IV	Bể thiếu khí			
7	Máy khuấy chìm bể thiếu khí + Công suất: 2,2 kw	2	P05B	02 máy khuấy chìm chạy độc lập + 02 máy khuấy chạy 1 tiếng nghỉ 20 phút.
V	Bể hiếu khí			
8	Bơm nước thải tuần hoàn Loại: bơm chìm nước thải Công suất: N =1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	4	P11	02 cụm, mỗi cụm 2 bơm. + Cụm 1: 2 bơm chạy luân phiên 1 tiếng nghỉ, 1 tiếng chạy. + Cụm 2: 2 bơm chạy luân phiên 1 tiếng nghỉ, 1 tiếng chạy.
9	Máy thổi khí cạn + Cột áp: H = 6m + Công suất động cơ: 12kw và 7,5KW	2	MTK2	02 máy thổi khí chạy luân phiên, mỗi máy chạy 1 tiếng.

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ký hiệu	Chế độ chạy
10	<i>Quạt hút khí</i> + Lưu lượng: 1.000m ³ /h + Công suất P=3kw	2	QH	Chạy luân phiên
VI	BỂ LẮNG ĐỨNG 1			
11	<i>Bơm chìm tuần hoàn bùn và bùn thải bể 05A</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N = 1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	2	P04	02 bơm chạy luân phiên, mỗi bơm chạy 1 tiếng.
12	<i>Bơm chìm tuần hoàn bùn và bùn thải bể 05B</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N = 1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	2	P04	02 bơm chạy luân phiên, mỗi bơm chạy 1 tiếng.
VII	BỂ LẮNG ĐỨNG 2			
13	<i>Bơm chìm bùn thải bể 06A</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N=1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	2	P08	Bơm chạy độc lập Chạy 1 tiếng nghỉ 1 tiếng.
14	<i>Bơm chìm bùn thải bể 06B</i> Loại: Bơm chìm Công suất: N=1,5kw + Q = 20-60 m ³ /h + H = 4-15 m	2	P08	Bơm chạy độc lập Chạy 1 tiếng nghỉ 1 tiếng.
15	<i>Bơm định lượng (PAC)</i> + Lưu lượng: Q _{max} = 155L/h + N = 0,24 kw + Áp lực 8bar + Điện áp 230V/3pha/50Hz	4	P09B	- 02 bơm chạy luân phiên 1 tiếng cấp vào máng thu của 01 bể lắng đứng 08A. - 02 bơm chạy luân phiên 1 tiếng cấp vào máng thu của 01 bể lắng đứng 08B. - Chạy theo tín hiệu bơm điều hòa
16	<i>Máy khuấy hóa chất (PAC)</i> + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60 v/p	2	P01B	02 máy khuấy chạy độc lập cho từng bồn hóa chất Chạy 5 phút nghỉ 1 tiếng.
VII	BỂ KHỬ TRÙNG + CHỨA NƯỚC			
17	<i>Bơm ly tâm sau xử lý, bơm rửa lọc</i> Công suất 5,5kw	2	P06	02 bơm chạy luân phiên theo phao báo mức + Mức 1: 02 bơm chạy luân phiên. + Mức 2: cả 2 bơm chạy.
18	<i>Bơm định lượng (Clorine – Javen)</i>	2	P09A	02 bơm luân phiên chạy 30 phút, cấp vào bể khử trùng.

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Ký hiệu	Chế độ chạy
	+ N = 0,24 kw			Chạy theo tín hiệu bể điều hòa
19	<i>Thiết bị khuấy trộn hóa chất</i> + N = 0,4 kw + Tốc độ: n = 60 v/p + Điện áp 230V/3 pha/50Hz	1	P10A	Máy khuấy chạy độc lập Chạy 5 phút, nghỉ 1 tiếng
IX	BỂ NÉN CHỨA BÙN			
20	<i>Bơm bùn trực vít</i> Công suất: P = 3kw Lưu lượng: Q = 7 m ³ /h	2	P07	02 Bơm chạy luân phiên, mỗi bơm chạy 1 tiếng (2 tuần chạy 1 lần)
21	<i>Máy ép bùn</i> Model: NBD-E75 Công suất P = 3kw	1	MEB	Chạy theo tín hiệu bơm bùn trực vít
22	<i>Máy nén khí</i> + Công suất (HP-KW): 1-0,75	1	MNK	Chạy theo tín hiệu bơm bùn trực vít
23	<i>Bơm rửa áp lực (máy ép bùn)</i> + Công suất 1,1 kw	1	BR	Chạy bằng tay để rửa màng MEB
24	<i>Bơm định lượng (Polimer)</i> + Lưu lượng Q _{max} = 155 L/h	1	P09E	Bơm chạy độc lập theo tín hiệu của bơm bùn trực vít
25	<i>Thiết bị khuấy trộn hóa chất</i> + N = 0,4 kw	1	P10E	Máy khuấy chạy độc lập Chạy 5 phút nghỉ 1 tiếng

b. Công trình xử lý nước thải ô đất CT4 (hạng mục bổ sung)

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các toà của ô đất CT4 được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó được dẫn về HTXL nước thải tập trung công suất 1.210 m³/ngày đêm. HTXL này đặt ngầm tại hầm B3 có diện tích 594,7 m².

Quy trình công nghệ của HTXL nước thải tập trung công suất 1.210 m³/ngày đêm như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

❖ **Bể tách mỡ, tách cát**

Dầu mỡ trong nước thải nhà bếp có thể đóng cặn trong ống khi nhiệt độ thấp hoặc có thể tạo một lớp màng trên mặt nước thải, làm giảm hiệu quả xử lý. Dầu mỡ, vẩn nổi trên bề mặt được phễu hút về thùng chứa và được nhân viên vận hành sẽ tiến hành thu gom định kỳ. Sau đó, nước thải nhà bếp chảy tràn sang bể gom.

❖ **Bể gom nước thải**

Bể gom có nhiệm vụ thu gom nước thải từ hệ thống thu gom nước thải bộ xí và bể phốt, nước thải nhà bếp và nước thải thoát sàn, từ đây nước thải sẽ được bơm lên cụm bể xử lý chính.

❖ **Bể điều hòa**

Nước thải đầu vào thay đổi lưu lượng, tải lượng theo khung thời gian sản xuất của nhà máy. Tuy nhiên yêu cầu của hệ thống xử lý sinh học cần thiết có sự ổn định về tải lượng ô nhiễm cũng như lưu lượng nước thải. Vì vậy cần điều hòa lưu lượng và tải lượng ô nhiễm trong nước thải.

Bể điều hòa được thiết kế với thời gian lưu nước thích hợp, đảm bảo lưu lượng và tải lượng ổn định cho hệ thống xử lý sinh học phía sau.

Máy khuấy chìm được lắp đặt trong bể điều hòa giúp đảo trộn đều nước thải, cân bằng nồng độ các chất ô nhiễm trong bể, tránh tạo điều kiện cho phân hủy yếm khí và gây mùi.

Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm nước sang cụm xử lý sinh học tiếp theo. Lưu lượng nước thải được điều chỉnh ổn định bởi lưu lượng kế.

❖ **Bể xử lý sinh học thiếu khí**

- Trong điều kiện thiếu khí và đảo trộn hoàn toàn bởi máy khuấy chìm, trong bể xảy ra quá trình khử nitrat hóa.

- Quá trình khử nitrat hóa liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học các hợp chất hữu cơ trong nước thải sử dụng nitrate hoặc nitrite là chất nhận electron thay vì oxy:



- Quá trình trao đổi chất này được thực hiện bởi vi khuẩn khử nitrat, có trong 10-80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Đặc biệt, tốc độ khử nitrat dao động từ 0,04 đến 0,42 gN-NO₃⁻/g MLSS.ngày, giá trị F/M (chất hữu cơ/vi khuẩn) càng cao, tốc độ khử nitrat càng cao.

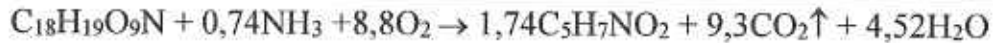
- Bể thiếu khí của trạm xử lý được chia thành hai đơn nguyên hoạt động song song. Sau bể thiếu khí, nước thải chảy sang bể hiếu khí.

❖ **Bể xử lý sinh học hiếu khí**

- Bể xử lý hiếu khí diễn ra hai quá trình xử lý chính: Khử các hợp chất hữu cơ trong nước thải và Nitrat hóa.

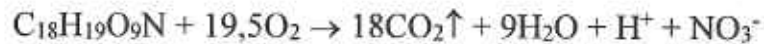
- Quá trình khử các hợp chất hữu cơ trong nước: Các vi sinh vật sống trong môi trường có oxy sẽ sử dụng các chất hữu cơ trong nước thải như là thức ăn để sinh trưởng và phát triển thành vi sinh vật mới. Một phần chất hữu cơ bị oxy hóa thành khí CO₂ và các hợp chất đơn giản khác. Nhờ quá trình trên mà nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải (thể hiện qua chỉ tiêu COD, BOD₅) sẽ giảm dần đến mức đạt quy chuẩn xả thải. Quá trình này được mô tả bằng các phản ứng sau:

+ Quá trình vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy và các chất hữu cơ tan trong nước tổng hợp các tế bào vi sinh vật mới được mô tả bằng phản ứng:



(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, *Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes*, trang 68)

+ Quá trình vi sinh vật hiếu khí sử dụng oxy để oxy hóa các hợp chất tan trong nước, chuyển hóa chúng thành khí (chủ yếu là CO₂) và các thành phần khác được mô tả bằng phản ứng:



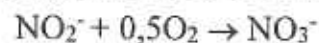
(Theo Mogens Henze, Poul Harremoës, Jes la Cour Jansen, Erik Arvin, *Wastewater Treatment: Biological and Chemical Processes*, trang 66)

- Quá trình nitrat hóa: Nhóm vi sinh vật tự dưỡng trong điều kiện có oxy sẽ thực hiện oxy hóa các hợp chất amoni thành nitrat. Quá trình này gồm 2 bước:

+ Bước 1: Ammoni được chuyển thành nitrite được thực hiện bởi loài *Nitrosomonas*



+ Bước 2: Nitrite được chuyển thành nitrate được thực hiện bởi loài *Nitrobacter*



- Photpho trong nước thải được vi sinh vật đồng hóa, tích lũy lại và tạo thành Polyphosphate bên trong vi khuẩn, nhờ quá trình này mà vi khuẩn tích lũy được một lượng dư Photpho. Trong điều kiện thuận lợi sẽ làm tăng lượng photpho trong bùn hoạt tính dư được thải ra.

- Máy thổi khí cung cấp khí tới hệ phân phối khí bọt mịn trong các ngăn bể hiếu khí đảm bảo DO trong bể 2-4 mg/L, giúp cho hệ vi sinh vật hiếu khí trong bể sinh trưởng phát triển.

- Bể hiếu khí của trạm xử lý được chia thành 2 đơn nguyên hoạt động song song.

- Nước thải từ các bể hiếu khí sẽ tiếp tục chảy sang bể lắng để phân tách bùn - nước thải. Lưu lượng nước thải tuần hoàn lại bể thiếu khí được điều chỉnh ổn định bởi lưu lượng kế.

- Bể được lắp đặt thiết bị đo DO để kiểm soát oxy trong quá trình xử lý sinh học hiếu khí.

- Ngoài ra, do quá trình chuyển hóa NH₄⁺ thành NO₃⁻ làm giảm pH của nước thải, NaOH sẽ được châm vào bể hiếu khí nhằm đảm bảo pH của bể hiếu khí luôn ổn định, điều khiển bằng thiết bị đo pH.

- Trong điều kiện hiếu khí, vi sinh vật tích lũy photpho (PAOs – *Phosphate Accumulating Organisms*) sẽ hấp thụ mạnh mẽ phosphate từ nước thải. Cơ chế là khi có oxy, PAOs sử dụng năng lượng từ quá trình oxy hóa chất hữu cơ dự trữ (chủ yếu là polyhydroxybutyrate – PHB) để đồng hóa lượng phosphate lớn hơn nhiều so với lượng đã giải phóng ở giai đoạn kỵ khí. Phosphate được tích trữ nội bào dưới dạng polyphosphate hạt. Khi bùn hoạt tính được tách ra khỏi hệ thống, phần photpho tích lũy cũng bị loại bỏ theo.

❖ **Bể lắng sinh học**

- Chức năng của bể này là để tách pha rắn ra khỏi pha lỏng. Vì khối lượng riêng của pha rắn (bùn hoạt tính) lớn hơn pha lỏng (nước sạch) nên khi để tĩnh một thời gian, hầu hết bùn sẽ lắng và có thể được loại bỏ dễ dàng khỏi pha lỏng.

- Một phần bùn hoạt tính sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí. Phần còn lại được định kỳ thải bỏ khỏi khối xử lý sinh học.

- Bể lắng sinh học của trạm xử lý được chia thành 2 đơn nguyên hoạt động song song.

- Nước thải sau lắng sẽ được chảy sang bể khử trùng

❖ **Bể khử trùng**

Tại bể này bổ sung dung dịch NaOCl (chất oxy hóa mạnh) để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh như E. Coli, Coliform,....

❖ **Bể chứa bùn**

Bùn dư của quá trình xử lý sinh học sẽ được gom lại bể chứa bùn. Trong bể này, không khí sẽ được cung cấp để tránh phân hủy bùn kỵ khí, tạo ra khí độc cũng như để giảm thể tích bùn và tăng nồng độ bùn. Định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý. Phần nước trong phía trên sẽ chảy tràn sang bể điều hòa.

() Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải*

Bảng 3.6. Các thông số kỹ thuật của HTXL nước thải 1.210 m³/ngày đêm

STT	Hạng mục	Ký hiệu	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)	V _n , (m ³)	T _{tr} , (giờ)
1	Bể điều hòa	TK01			93,59	421,16	8,35
2	Bể thiếu khí A	TK02-A	8,80	4,47	39,29	176,81	3,51
3	Bể thiếu khí B	TK02-B	8,80	4,47	39,29	176,81	3,51
4	Bể hiếu khí A	TK03-A	8,93	8,80	78,59	353,67	7,01
5	Bể hiếu khí B	TK03-B	8,93	8,80	78,59	353,67	7,01
6	Bể lắng A	TK04-A	8,05	4,90	39,48	177,65	3,52
7	Bể lắng B	TK04-B	8,05	4,90	39,48	177,65	3,52
8	Ngăn bơm A	TK05-A	2,33	1,25	2,91	13,09	0,26
9	Ngăn bơm B	TK05-B	2,33	1,25	2,91	13,09	0,26
10	Bể khử trùng và xả	TK06			28,12	112,48	2,23
11	Bể chứa bùn	TK07	7,2	3,312	23,85	107,31	2,13

() Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải*

Bảng 3.7. Danh mục máy móc, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải 1.210 m³/ngày đêm

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
VẬT TƯ THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ					
I	Đường ống công nghệ			Hệ	1
I.1	Hệ thống đường ống			Hệ	1

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Đường ống cấp khí	- Phần ngập trong nước: u.PVC, class 3; - Phần còn lại: Kim loại (Inox 304 - ống sản xuất tại nhà máy) + Kích thước ống: DN < 125, chiều dày SCH 10s; + Kích thước ống: DN ≥ 125, dày SCH5s;	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Thái Lan/ Trung Quốc/ htd	Hệ	1
2	Đường ống bơm và dẫn nước thải	- Đường ống dưới mặt đất: HDPE DN10; - Đường ống ngập trong nước, đường ống trong nhà: UPVC, class 3 - Phần còn lại: Kim loại (Inox 304 - ống sản xuất tại nhà máy) + Kích thước ống: DN < 125, chiều dày SCH 10s; + Kích thước ống: DN ≥ 125, dày SCH5s;	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Thái Lan/ Trung Quốc/ htd	Hệ	1
3	Đường ống bơm và dẫn bùn	- Đường ống dưới mặt đất: HDPE DN10; - Phần còn lại: Kim loại (Inox 304 - ống sản xuất tại nhà máy) + Kích thước ống: DN < 125, chiều dày SCH 10s; + Kích thước ống: DN ≥ 125, dày SCH5s;	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Thái Lan/ Trung Quốc/ htd	Hệ	1
4	Đường ống hóa chất	Vật liệu: u.PVC, Class 3/ HDPE PN10	Việt Nam	Hệ	1
5	Đường ống cấp nước sạch	Vật liệu: u.PVC, Class 3/ HDPE PN10	Việt Nam	Hệ	1
I.2	Hệ thống phụ kiện			Hệ	1
6	Phụ kiện đường ống (côn, tê, cút, bích,...)	Kích thước, chủng loại vật liệu của từng loại phụ kiện phù hợp với từng loại ống sử dụng. (Liên kết bích sử dụng: Tyren, ecu, long đen vật liệu inox 304)	- Phụ kiện ống nhựa: Việt Nam - Phụ kiện đường ống kim loại: Đài Loan/ Malaysia/ Trung Quốc/ Việt Nam/ htd	Hệ	1
7	Hệ thống van (van chặn,...)	- Van chặn: + Van công: vật liệu thân gang xám, cánh gang + Van bướm: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: thân gang xám, cánh thép không gỉ. + Van bi: loại tay gạt, vật liệu: Inox 304 - Van 1 chiều: + Van 1 chiều lá lật: kết nối mặt bích; vật liệu: thân gang xám, cánh gang. + Van 1 chiều lá lật: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: Inox 304 + Van 1 chiều cánh bướm: kết nối kiểu Wafer; vật liệu: thân gang xám, cánh thép	Malaysia/ Đài Loan/ Việt Nam/ Pháp/ Trung Quốc/ Hàn Quốc/ htd	Hệ	1

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
		không gì. - Van chặn, van 1 chiều nhựa: loại van bi			
I.3	Các vật tư gia công khác			Hệ	1
8	Giá đỡ ống	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam/ Trung quốc/ hđ	Hệ	1
9	Đường ống qua tường	Vật liệu: Inox 304/ PVC, Class 3	- Ống nhựa: Việt Nam - Ống kim loại: Việt Nam/ Thái Lan/ Đài Loan/ Trung Quốc/ hđ	Hệ	1
10	Vật tư phụ, vật tư tiêu hao thi công hệ thống đường ống công nghệ		Việt Nam/ Trung quốc/ hđ	Hệ	1
II	Khởi bể xử lý				
II.1	Bể điều hòa				
11	Bơm chìm bể điều hòa	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 28m ³ /giờ Cột áp: ≥ 6 m Cánh bơm: cánh channel dạng hở Kích thước vật rắn cho phép qua bơm D28mm Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: + Thân: Gang xám FC250 + Cánh: Gang xám FC250 + Trục: Thép không gỉ 420J2	EU/G7	Bộ	3
12	Khớp nối tự động bơm nước bể điều hòa	Vật liệu: GangBao gồm thanh dẫn hướng, xích kéo bơm Inox 304	Việt Nam	Bộ	3

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
13	Phao báo mức	Loại: loại thả chìm Phương pháp đo: Đo mức kiểu chênh áp thủy tĩnh. Dài đo: 0-6m Tín hiệu ra: 4-20 mA Nguồn cấp: 10...33 VDC Vật liệu vỏ: Thép 316L. Màng đo: Sứ Ceramics Vật liệu giữa sensor và vỏ: FPM	Thụy Sĩ	Bộ	1
14	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Loại: Lưu lượng kế điện từ Đường kính: DN 100 Độ chính xác: $\pm 0,4\% \pm 1$ mm/s của giá trị đo Vật liệu: Phần tiếp xúc bên trong cao su, mặt bích thép cacbon Cấp độ bảo vệ: IP67 Tín hiệu xuất: Analog 4 - 20 mA Màn hình hiển thị LCD	Pháp	Cái	1.00
15	Máy khuấy chìm	Kiểu: Khuấy chìm Động cơ: 400V/3phases/50Hz; P = 1,6 kW/; 1352rpm Đường kính cánh khuấy: 191 mm Cấp độ bảo vệ: IP68 Chuẩn cách điện: lớp H Vật liệu: + Cánh: Thép không gỉ + Motor: Gang + Trục: Thép không gỉ	Italia	Cái	4
16	Hệ giá đỡ máy khuấy	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế Bao gồm: xích nâng hạ Inox 304	Việt Nam	Bộ	4
II.2	Bể thiếu khí				
17	Máy khuấy chìm	Kiểu: Khuấy chìm Động cơ: 400V/3phases/50Hz; P = 1,4 kW/; 1352rpm Đường kính cánh khuấy: 191 mm Cấp độ bảo vệ: IP68 Chuẩn cách điện: lớp H Vật liệu: + Cánh: Thép không gỉ + Motor: Gang + Trục: Thép không gỉ	Italia	Cái	4
18	Hệ giá đỡ máy khuấy	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế Bao gồm: xích nâng hạ Inox 304	Việt Nam	Bộ	4
II.3	Bể Hiếu khí				
19	Hệ thống phân phối khí	Loại: đĩa phân phối khí dạng bọt mịn Dài lưu lượng: 2,5-5m ³ /h Kích thước đĩa: 9" Vật liệu màng: EPDM	EU/ G7	Hệ	2

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
20	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm: Transmitter + Đầu đo	Nhật Bản	Bộ	2
21	Hệ giá đỡ thiết bị đo pH	Tủ đặt transmitter và giá đỡ sensor Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	2
22	Thiết bị đo DO	Loại: Đo và điều khiển DO Khoảng đo: 0..20 mg/l Tín hiệu ra: 4..20mA Bao gồm: Transmitter + Đầu đo	Nhật Bản	Bộ	2
23	Hệ giá đỡ thiết bị đo DO	Tủ đặt transmitter và giá đỡ sensor Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	2
24	Bơm tuần hoàn nước thải	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 16 m ³ /giờ Cột áp: ≥ 6 m Cánh bơm: cánh channel dạng hở Kích thước vật rắn cho phép qua bơm D28mm Công suất: 0,75 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: + Thân: Gang xám FC250 + Cánh: Gang xám FC250 + Trục: Thép không gỉ 420J2	EU/G7	Bộ	4
25	Khớp nối động bơm tuần hoàn nước thải	Vật liệu: Gang Bao gồm thanh dẫn hướng, xích kéo bơm Inox 304	Việt Nam	Bộ	4
II.4	Bể lắng sinh học				
26	Bơm bùn bể lắng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 36 m ³ /giờ Cột áp: ≥ 6 m Cánh bơm: cánh channel dạng hở Kích thước vật rắn cho phép qua bơm D28mm Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: + Thân: Gang xám FC250 + Cánh: Gang xám FC250 + Trục: Thép không gỉ 420J2	EU/G7	Bộ	4
27	Khớp nối động bơm bùn bể lắng	Vật liệu: Gang Bao gồm thanh dẫn hướng, xích kéo bơm Inox 304	Việt Nam	Bộ	4

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
28	Ống phân phối trung tâm inox SUS304	Vật liệu: SUS304Độ dày: 1,5mmChế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	4
29	Tấm răng cửa và tấm chắn bọt trong bể lắng	Vật liệu: SUS 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	2
30	Phễu thu bọt	Vật liệu: nhựa ABS Miệng thu: D200 Đầu ra: D60	Việt Nam	Bộ	4
II.5	Bể khử trùng và xả thải				
31	Hệ thống phân phối khí thô	Loại: Ống đục lỗ Vật liệu: u.PVC Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1
32	Bơm bể khử trùng	Loại: Bơm chìm Lưu lượng: 28m ³ /giờ Cột áp: ≥ 6 m Cánh bơm: cánh channel dạng hở Kích thước vật rắn cho phép qua bơm D28mm Công suất: 1,5 kW; 380V/3ph/50Hz Cấp độ bảo vệ: IP68 Vật liệu: + Thân: Gang xám FC250 + Cánh: Gang xám FC250 + Trục: Thép không gỉ 420J2	EU/G7	Bộ	3
33	Khớp nối bơm tự động bơm nước bể điều hòa	Vật liệu: Gang Bao gồm thanh dẫn hướng, xích kéo bơm Inox 304	Việt Nam	Bộ	3
34	Phao báo mức	Loại: Phao quả Bảo 02 mức (cao, thấp) Vật liệu: PE Cấp bảo vệ: IP68	Italia	Bộ	1
35	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	Loại: Lưu lượng kế điện từ Đường kính: DN 100 Độ chính xác: ±0,4% ± 1 mm/s của giá trị đo Vật liệu: Phần tiếp xúc bên trong cao su, mặt bích thép carbon Cấp độ bảo vệ: IP67 Tín hiệu xuất: Analog 4 - 20 mA Màn hình hiển thị LCD	Pháp	Cái	1
II.6	Bể chứa bùn				

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
36	Hệ thống phân phối khí	Loại: đĩa phân phối khí dạng bọt mịn Dài lưu lượng: 0-12m ³ /h Kích thước đĩa: 9" Vật liệu màng: EPDM	EU/ G7	Hệ	1
37	Van điện	Loại: van bướm điện Chức năng: đóng mở ON/OFF Kích thước van: DN65 Vật liệu van: Thân gang, đĩa SUS304, trục thép không gỉ	Thụy Sĩ	Bộ	1
III	Phòng điều hành				
38	Máy thổi khí cạn bề Hiệu khí	Loại: Roots Lưu lượng: 6,42 m ³ /phút Cột áp: 50 kPa Công suất: P=11 kW/50Hz/380V/3 pha (Động cơ Eneritech- Úc) Tốc độ: 2840 rpm Pully: 1 Vật liệu : - Rotor : FCD450 - Vò máy, hộp số : Gang đúc FC200 - Oil seal : Fluororubber - Oil seal : N.B.R Một bộ gồm đầu thổi khí, giảm thanh đầu vào, van 1 chiều, van an toàn Đồng hồ áp suất, pully, V-belt (SX Nhật). Phần belt cover (cacte), chân đế (sản xuất Việt Nam)	EU/G7	Bộ	3
39	Bồn chứa hóa chất NaOH	Thể tích: 1500 L Vật liệu: LLDPE	Việt Nam	Cái	1
40	Bơm định lượng hóa chất NaOH	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 75 L/h Cột áp max: 10 bar Công suất: 0,25kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP Màng: PTFE	Italia	Bộ	2
41	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn NaOH	- Công suất: 0,75 Kw - Tốc độ đầu ra: 75,0 v/ph - Động cơ: 230/400V, 3 pha, 4 cực, 50hz, IP55, class F - Kiểu lắp: Đa hướng, mặt bích, trục thẳng	Singapore	Bộ	1
42	Trục khuấy hóa chất cho bồn NaOH	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1
43	Bồn chứa hóa chất dinh dưỡng	Thể tích: 1500 L Vật liệu: LLDPE	Việt Nam	Cái	1

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
44	Bơm định lượng hóa chất Dinh dưỡng	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 75 L/h Cột áp max: 10 bar Công suất: 0,25kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP Màng: PTFE	Italia	Bộ	2
45	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn Dinh dưỡng	- Công suất: 0,75 Kw- Tốc độ đầu ra: 75,0 v/ph- Động cơ: 230/400V, 3 pha, 4 cực, 50hz, IP55, class F- Kiểu lắp: Đa hướng, mặt bích, trục thẳng	Singapore	Bộ	1
46	Trục khuấy hóa chất cho bồn Dinh dưỡng	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1
47	Bồn chứa hóa chất NaOCl	Thể tích: 1500 L Vật liệu: LLDPE	Việt Nam	Cái	1
48	Bơm định lượng hóa chất NaOCl	Loại: Bơm màng Lưu lượng: 75 L/h Cột áp max: 10 bar Công suất: 0,25kW; 380V/3ph/50Hz Đầu bơm: PP Màng: PTFE	Italia	Bộ	2
49	Động cơ khuấy hóa chất cho bồn NaOCl	- Công suất: 0,75 Kw - Tốc độ đầu ra: 75,0 v/ph - Động cơ: 230/400V, 3 pha, 4 cực, 50hz, IP55, class F - Kiểu lắp: Đa hướng, mặt bích, trục thẳng	Singapore	Bộ	1
50	Trục khuấy hóa chất cho bồn NaOCl	Vật liệu: Inox 304 Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Bộ	1
51	Phao báo mức bồn hóa chất	Loại : Phao đo mức không tiếp xúc	Việt Nam	Bộ	3
52	Bộ đệm xung khí giảm chấn	Loại : uPVC DN15	Việt Nam	Bộ	3
53	Lưu lượng kế hóa chất	Kích thước: DN20 Vật liệu: nhựa	Trung Quốc	Bộ	3
54	Hệ thống bồn rửa mắt	Vật liệu: ống, đầu kết nối, shower: INOX SUS304 Đường kính chậu rửa mắt: D30cm Sử dụng được bằng chân (foot treadle)	Taiwan	Bộ	1
55	Louwer cách âm	Thép CT3 + sơn phủ Epoxy Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Cái	3
IV	Hệ thống xử lý mùi				

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở "Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu"*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
56	Tháp hấp thụ xử lý mùi	Kích thước:LxWxH =1200x1200x2000mm Vật liệu: PP Bao gồm đệm vi sinh dạng cầu, vật liệu PP	Việt Nam	Bộ	1
57	Bơm tuần hoàn dung dịch xử lý mùi số 1	Loại: Bơm ly tâm trục ngang cánh hờ Lưu lượng: 33 m ³ /giờ Cột áp: 11,7 m Công suất: 2,2 kW; 380V/3ph/50Hz Vật liệu: đầu bơm, cánh bơm SUS304	Italia	Bộ	2
58	Thiết bị đo pH	Loại: Đo và điều khiển pH Khoảng đo: 0..14 Tín hiệu ra: 4..20mA Nguồn cấp: AC 100 to 240 V ±10% Cáp đầu đo: 5m Bao gồm: Transmitter + Đầu đo	Nhật Bản	Bộ	1
59	Hệ giá đỡ thiết bị đo pH	Tủ đặt transmitter và giá đỡ sensor Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	1
60	Quạt hút mùi	Kiểu: ly tâm Lưu lượng: 5000-9000 m ³ /h Áp lực làm việc: 230-650 Pa Công suất: 2,2 kW; 380V/3ph/50Hz Vật liệu tiếp xúc trực tiếp: SUS304	Việt Nam	Cái	2
61	Đồng hồ đo áp suất	Loại: không màng Dải đo: 0 - 4 bar	Đài Loan	Cái	2
62	Sàn thao tác lấy mẫu khí	Vật liệu: Thép CT3 + sơn phủ Epoxy Chế tạo theo thiết kế	Việt Nam	Hệ	1
THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN, ĐIỆN ĐỘNG LỰC					
63	Bộ điều khiển PLC	Bộ điều khiển PLC S7-1500/ ET200SP - Cấu hình phần cứng : - Đầu vào số: DI, 24VDC - Đầu ra số: DO, relay 24VDC - Đầu vào Analog: AI/ 4-20mA - Đầu ra Analog: AO / 0-10V or 4-20mA - Hỗ trợ truyền thông Ethernet - Nguồn cấp: 24DC/ 220VAC	EU-G7/Châu á	Hệ	1
64	Chương trình điều khiển và giám sát (Hệ thống Scada)	Điều khiển Hệ thống theo 2 chế độ: tự động và bằng tay Chế độ tự động: Giám sát, điều khiển toàn bộ hoạt động của Trạm xử lý thông qua giao diện vận hành HMI (trên PC) bằng giao diện tiếng Việt; phần mềm Win CC bản quyền Chế độ bằng tay: Điều khiển hoạt động của trạm xử lý trên Panel nút bấm, Switch trên cánh tủ, duy trì giám sát trạng thái toàn bộ thiết bị bằng đèn báo Cảnh báo sự cố bằng tín hiệu còi, đèn báo	Việt Nam	Hệ	1
65	Máy tính điều khiển giám sát	Màn hình LCD 27" CPU: Core i5 RAM: 16GB	Châu Á	Bộ	1

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

TT	HẠNG MỤC	THÔNG SỐ, QUY CÁCH KỸ THUẬT	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
		Ổ cứng: 1Tb SATA Kèm mouse và keyboard Bao gồm window, office bản quyền			
66	Bộ lưu điện UPS	Điện áp vào: 230VAC (170~280VAC), 50Hz Điện áp ra: 230V +/-10% Công suất: 2200VA (Off line) Tần số nguồn ra: 50/60Hz +/-1Hz	Châu Á	Bộ	1
67	Tủ điện điều khiển Trạm xử lý nước thải	Hệ thống vỏ tủ bằng tôn sơn tĩnh điện, loại tủ trong nhà Điện áp : 3 pha, 380VAC, 50Hz Nguồn điều khiển: 24 VDC/ 220VAC 50Hz 02 chế độ: tự động và bằng tay Tích hợp toàn bộ điều khiển PLC, attomat, rơ le nhiệt, rơ le trung gian	Châu Á	Hệ thống	1
68	Biến tần điều khiển bơm bể điều hòa	Công suất 2,2 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Nhật Bản	Bộ	3
69	Biến tần điều khiển máy thổi khí hiếu khí	Công suất 15,0 kW - Điện áp vào: 3 pha, 380VAC - Điện áp ra: 3 pha, 380VAC	Nhật Bản	Bộ	3
70	Hệ thống cáp điện động lực, cáp điều khiển, tín hiệu	Cáp động lực: (Cu/XLPE/PVC)/ (Cu/PVC/PVC) Cáp điều khiển: CVV/ CVV-S	Việt Nam	Hệ thống	1
71	Hệ thống thang máng cáp, ống luồn cáp	Máng cáp luồn cáp điện nổi bằng tôn ZAM, Ống chôn ngầm: ống xoắn HDPE / PVC Ống đi nổi ngoài trời: Ống thép EMT Ống đi trong nhà: uPVC	Việt Nam	Hệ thống	1

(*) Quy trình vận hành:

1. Công tác kiểm tra

- Kiểm tra hệ thống thiết bị đang để trong trạng thái “Tự động điều khiển bằng phần mềm Scada” hay trong trạng thái “Điều khiển bằng tay” (Các nút điều khiển trên máy tính đang ở trạng thái Auto hay Hand), kiểm tra nguồn điện cấp cho các tủ điều khiển trong nhà điều hành trung tâm.

- Kiểm tra trạng thái hoạt động của các bể

- Kiểm tra các van chặn của đường ống cấp khí, đường ống bơm nước, đường ống hút bùn.

+ Quan sát mực nước tại bể gom và mực nước tại bể điều hòa

+ Kiểm tra vệ sinh máy tách rác.

+ Đảm bảo là điện được cấp tới các tủ động lực và tủ điều khiển tại chỗ (dù điện áp, đèn báo pha)

- + Đảm bảo dung dịch hóa chất phải đủ ngập ống hút trong hệ thống hóa chất.
- + Kiểm tra hệ thống báo mức nước
- + Kiểm tra dầu bôi trơn của các máy thổi khí cạn
- + Kiểm tra các đèn báo tại nút bấm điều khiển của các máy (để kiểm tra phát hiện sự cố).

2. Chuẩn bị hóa chất sử dụng

- Trước khi vận hành hệ thống phải chuẩn bị đầy đủ các yêu cầu cần thiết của hệ thống như hóa chất cung cấp cho quá trình vận hành. Luôn có kế hoạch thống kê dự trữ đủ hóa chất sử dụng không để tình trạng thiếu hóa chất vận hành làm ảnh hưởng đến quá trình xử lý của Trạm xử lý.

- Kiểm tra các thùng chứa hóa chất xem đã đến lúc phải pha thêm hóa chất cho việc vận hành không.

- Đảm bảo nguyên tắc an toàn lao động trước khi làm việc, pha chế hóa chất.
- Đảm bảo luôn có nguồn nước sạch cạnh khu vực pha chế hóa chất.
- Tuyệt đối không tự ý pha chế hóa chất vào ca trực đêm.
- Nắm rõ nguyên lý pha chế các loại hóa chất trong hệ thống, đảm bảo pha đúng nồng độ, số lượng cần thiết.

3. Các điều kiện chế độ vận hành

Trước khi tiến hành vận hành toàn bộ hệ thống, cần tiến hành các thao tác:

- Khởi động kỹ thuật
- + Kiểm tra hệ thống cung cấp điện cho toàn bộ hệ thống.
- + Kiểm tra hóa chất cần cung cấp và mực nước trong các bể.
- Khởi động hệ thống sinh học: Quá trình khởi động hệ thống sinh học cần xem xét các thông số sau:

+ Các thông số nước thải đầu vào: COD, BOD, N, P, pH

+ Thể tích sinh khối: thể tích bùn lắng sau 30 phút

+ Chỉ số thể tích sinh khối: SVI (mg/l) = thể tích sinh khối lắng/hàm lượng sinh khối

+ Tải trọng hữu cơ bề hiếu khí

+ Tải sinh khối: $F/M = (\text{COD (kg/m}^3) \times Q(\text{m}^3/\text{ngày)}) / V \text{ bể (m}^3) \times \text{MLSS (kg/m}^3)$

+ Tải trọng nước bề mặt bể lắng sinh học

+ Thời gian lưu trung bình của sinh khối: tuổi của sinh khối

+ Hàm lượng oxy hòa tan trong nước DO.

- Trong quá trình vận hành

+ Lưu lượng: quyết định khả năng chịu tải của hệ thống, tải lượng bề mặt của hệ thống.

+ Điều kiện hoạt động thích hợp đối với bể thiếu khí – hiếu khí:

• pH: thích hợp 6,5 - 8,5

• Hàm lượng oxy hòa tan DO tại bể thiếu khí: Duy trì DO ở $\leq 0,5$ mg/L.

- Hàm lượng oxy hòa tan trong nước DO tại ngăn hiếu khí: Duy trì DO ở khoảng 2-4 mg/L.
- Chỉ số MLSS: Duy trì nồng độ bùn hoạt tính trong bể hiếu khí theo quy định.
- Tỷ lệ BOD/COD: Kiểm tra thường xuyên BOD, COD tránh hiện tượng thiếu tải và quá tải, Tỷ lệ này các cao thì càng phù hợp với quá trình xử lý sinh học.
- Tỷ lệ C:N:P đảm bảo phù hợp với hệ thiếu khí – hiếu khí.
- F/M: thích hợp khoảng 0,1-0,3; hạn chế tình trạng pH giảm, bùn nổi, lắng kém,
- Tải trọng bề mặt bể lắng thứ cấp: Chỉ số này cao sẽ ảnh hưởng tới quá trình lắng, Sinh khối trôi ra ngoài.

4. Hệ thống điều khiển tự động hóa

- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành tự động sẽ tiết kiệm được chi phí cho nhân công vận hành, giảm thiểu rủi ro do các sự cố, vận hành an toàn và phù hợp với xu thế hiện nay, Hệ thống có thêm chế độ vận hành bằng tay để đảm bảo hệ thống hoạt động 24/24 trong trường hợp hệ thống điều khiển tự động gặp sự cố. Một số đặc điểm chính của hệ thống điều khiển:

+ Trạm điều khiển tự động hóa là trung tâm điều khiển toàn bộ hoạt động của các thiết bị trong trạm.

+ Áp dụng công nghệ, thiết bị điều khiển hiện đại, tiên tiến và thông dụng với các chương trình phần mềm điều khiển chuyên dụng tích hợp sẵn trong tủ điều khiển, các thiết bị, cảm biến đo lường tự động hiện đại.

+ Có khả năng mở rộng hệ thống trong tương lai khi có yêu cầu mở rộng phạm vi điều khiển.

+ Hệ thống có hai chế độ vận hành: Tự động và bằng tay.

+ Hệ thống có khả năng tự kiểm tra, thông báo, báo động khi có sự cố bằng đèn, còi báo.

+ Hệ thống được lập trình hoạt động dựa trên các yêu cầu của phần công nghệ xử lý nước thải, yêu cầu quản lý kỹ thuật của hệ thống.

+ Các thiết bị của hệ thống điều khiển được trang bị đồng bộ về thể hệ, chủng loại thiết bị, toàn bộ thiết bị của tủ điện đã được nhiệt đới hóa hoạt động ổn định, trong điều kiện khí hậu Việt Nam, vì sự uy tín của các hãng trên thế giới.

- Chức năng của hệ thống điều khiển: Hệ thống điều khiển có chức năng giám sát, điều khiển tất cả các công đoạn xử lý của hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các chức năng.

+ Thu thập, hiển thị các tham số đo lường qua các thiết bị được lắp đặt tại hiện trường (Thiết bị đo mức nước, cảm biến đo độ pH, cảm biến đo DO ...).

+ Tính toán các thông số công nghệ theo các thông tin thu thập được từ các thiết bị đo lường (Mức nước, độ pH, DO, ...).

+ Thông qua việc cài đặt các cảm biến, ngưỡng, hệ thống sẽ ra quyết định hoạt động đối với các thiết bị.

+ Hiện thị trạng thái hoạt động của từng thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải,

+ Kiểm tra lỗi, cảnh báo, bảo vệ hệ thống khi gặp sự cố.

+ Có thiết bị giám sát, theo dõi theo thời gian thực, thời gian hoạt động của từng thiết bị trong hệ thống, từng thiết bị có bộ phận bảo vệ riêng biệt,

+ Lưu trữ dữ liệu.

+ Nội dung liên quan tới hệ thống điều khiển tự động hóa được mô tả chi tiết trong phần thuyết minh điện tự động hóa.

3.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công

(*) Biện pháp giảm thiểu tác động do phương tiện vận chuyển

- Sử dụng phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Các xe vận chuyển nguyên vật liệu không chở quá tải, nắp ben đóng kín hoặc phủ bạt kín tránh rơi vãi vật liệu làm phát tán bụi ra môi trường.

- Khu vực thi công dự án quây tôn, lưới che chắn để hạn chế phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các phương tiện và máy móc thi công định kỳ tại các gara trên địa bàn.

- Tưới ẩm các tuyến đường giao thông.

- Quy định tốc độ ra vào khu vực công trường 5-10km/h. Bố trí gờ giảm tốc và biển hạn chế tốc độ, đặt biển báo hiệu công trường đang thi công.

- Bố trí khu vực rửa xe tại các khu vực thi công để làm sạch lốp xe và gầm xe, hạn chế bụi phát sinh từ xe vận tải.

- Bố trí nhân viên thực hiện công tác quét dọn, thu gom rác thải vào các thiết bị lưu chứa.

(*) Biện pháp giảm thiểu bụi từ quá trình thi công xây dựng

- Công nhân dùng vòi phun nước trực tiếp lên bề mặt các khu vực thi công vào thời điểm nắng to và nhiều gió với tần suất 1-2 lần/ngày.

- Trang bị bảo hộ và công cụ lao động thích hợp cho công nhân để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi, khí thải và đảm bảo an toàn lao động.

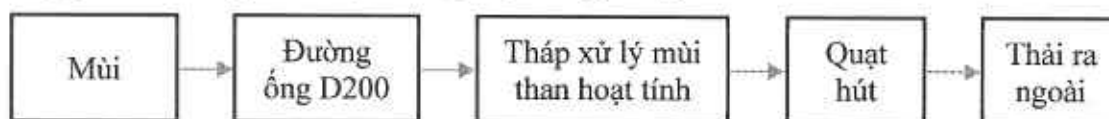
- Phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị thi công được bố trí khu vực hợp lý. Tránh tập trung nhiều máy móc thiết bị tại 1 vị trí.

- Sử dụng máy móc thi công còn niên hạn sử dụng và được kiểm tra đảm bảo hoạt động tốt tại Cục đăng kiểm.

3.2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành

a. Hệ thống xử lý mùi từ HTXL nước thải hiện hữu công suất 1.000 m³/ngày đêm

Quy trình thu gom xử lý mùi tại hệ thống xử lý nước thải như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ thu gom, xử lý mùi của HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm

Các bể xử lý nước thải được xây dựng ngầm và có nắp đậy kín, mùi hôi từ các bể xử lý được thu gom bằng đường ống PVC D200 về thiết bị xử lý mùi bằng quạt hút công suất 3,7KW (950m³/h). Khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài qua ống PVC D200 và dẫn ra hố ga nước thải gần nhất (G29) nằm trên tuyến đường số 23. Tọa độ vị trí xả khí thải X = 2329155; Y = 580305 (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00", múi chiều 3^o).

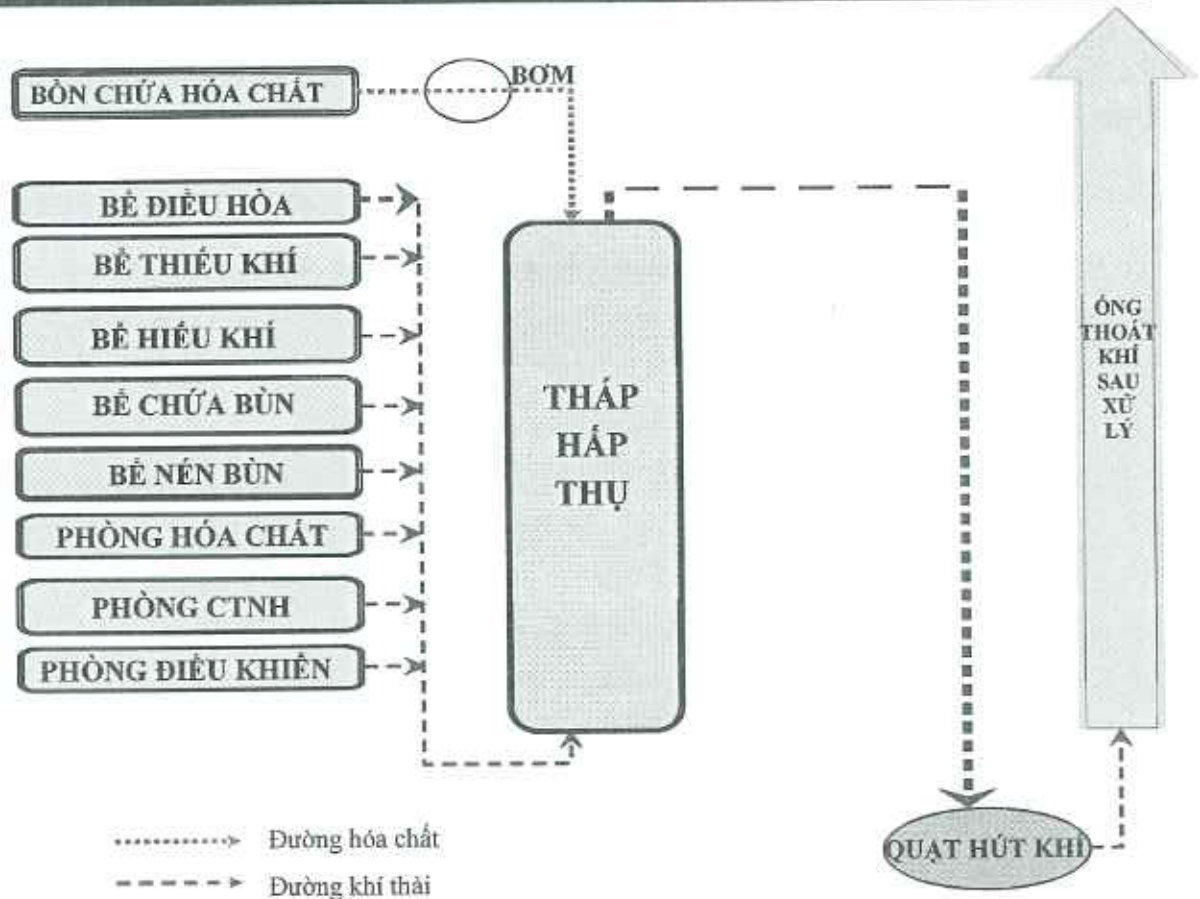
Tháp xử lý mùi của HTXL nước thải sử dụng phương pháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Thiết bị xử lý mùi có kích thước DxH=2000x3505mm (bao gồm cả phần chân đế). Chiều dày lớp than hoạt tính là 1,4m.

Than hoạt tính sử dụng trong tháp hấp phụ được định kỳ thải bỏ với tần suất 1-2 năm/lần, khối lượng thải bỏ khoảng 2,5 tấn/lần. Lượng than thải bỏ này được công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển theo quy định của rác thải thông thường.

b. Hệ thống xử lý mùi từ HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm (hạng mục bổ sung)

Tại trạm xử lý nước thải mùi sinh ra chủ yếu từ bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể chứa bùn, bể nén bùn, phòng hóa chất, phòng chất thải, phòng điều khiển. Toàn bộ mùi sinh ra từ bể sẽ được thu gom về tháp hấp thụ mùi. Khí thải phát sinh từ bể này chủ yếu là H₂S; CH₄; CO₂, NH₃. Trong đó, H₂S là yếu tố gây mùi cần xử lý chính.

Công nghệ xử lý mùi áp dụng: Hấp thụ xử lý mùi bằng dung dịch NaOH và NaOCl.



Hình 3.9. Sơ đồ thu gom mùi phát sinh từ HTXL nước thải 1.210 m³/ngày đêm

Các bể xử lý nước thải được xây dựng ngầm và có nắp đậy kín, mùi hôi từ các bể xử lý được thu gom bằng đường ống PVC D200 về thiết bị xử lý mùi bằng quạt hút công suất 2,2 kW, lưu lượng 5.000-9.000 m³/h.

Khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài qua ống PVC D200 và dẫn vào đường thông hơi của nhà điều khiển HTXL nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải dự kiến X = 2328390; Y = 580342(m) (Hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00", múi chiều 3⁰).

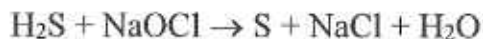
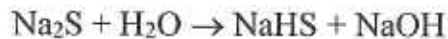
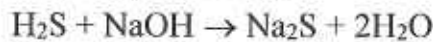
Tháp xử lý mùi của HTXL nước thải sử dụng phương pháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH và NaOCl. Thiết bị xử lý mùi có kích thước L*W*H=2x1,2x1,2 (m).

Nguyên lý tháp hấp thụ:

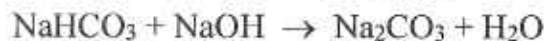
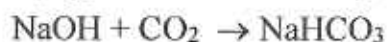
- Trong tháp hấp thụ mùi dòng khí thải sẽ đi từ đầu tháp đến cuối tháp và dòng dung dịch hấp thụ sẽ được phân bố theo chiều từ trên xuống dưới.
- Dung dịch hóa chất hấp thụ xử lý mùi gồm NaOH và NaOCl được bơm ly tâm vận chuyển từ vùng chứa dung dịch hấp thụ ở đáy tháp bơm lên phía trên tháp, qua bộ phân phối tạo thành những giọt lỏng chất lỏng và phủ đều bề mặt tháp.
- Tháp có vật liệu đệm tiếp xúc với bề mặt riêng lớn và độ rỗng cao giúp tăng cường quá trình tiếp xúc giữa 2 pha khí – lỏng.
- Dung dịch hấp thụ sau khi được tiếp xúc với khí thải qua lớp vật liệu đệm sẽ rơi xuống đáy tháp. Từ đây dung dịch này tiếp tục được bơm tuần hoàn lên phía trên tháp

theo chu trình xử lý. Nước sạch và hóa chất được bổ sung hoặc thay mới vào tháp theo thực tế từ quá trình vận hành. Phần dung dịch đã bão hòa được xả về bể điều hòa để xử lý tần suất khoảng 3-6 tháng/lần.

- Các phản ứng xử lý khí H₂S xảy ra như sau:



Đồng thời NaOH cũng tác dụng với khí CO₂ có trong khí thải xảy ra phản ứng sau:



3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công

(*) Biện pháp giảm thiểu chất thải sinh hoạt

Áp dụng một số biện pháp giảm thiểu đối với chất thải sinh hoạt của công nhân như sau:

- Lập nội quy tại khu vực xây dựng, nghiêm cấm việc vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi ra xung quanh hay các cống thoát nước.

- Tập huấn, nâng cao nhận thức của công nhân về vệ sinh và bảo vệ môi trường.

- Phân loại chất thải phát sinh:

+ CTR có khả năng tái chế: giấy, nhựa, kim loại, vỏ lon,... được thu gom và tập kết tại kho CTR thông thường.

+ CTR không có khả năng tái chế: túi nilon, vỏ hoa quả, thủy tinh, nhựa không có khả năng tái chế,... được thu gom vào các thùng chứa rác.

- Bố trí các thùng chứa rác dung tích 60-120 lít tại các khu vực thi công xây dựng và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom cuối mỗi ngày.

(*) Biện pháp giảm thiểu chất thải công nghiệp thông thường

- Phân loại chất thải đối với những chất thải có khả năng tái chế như bao bì xi măng thu gom riêng để bán; những chất thải rắn trơ như gạch, vữa... thu gom vào đúng nơi quy định. Tận dụng một phần phế thải như bao xi măng, đầu mẩu thép, tôn,... để bán cho đơn vị có nhu cầu thu mua phế liệu. Phần chất thải xây dựng không thể tận dụng được thu gom, vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống hồ lắng nước khu vực rửa xe, hồ thu lắng định kỳ nạo vét với tần suất 01 lần/tuần. Bùn thải được đổ lên xe tải chuyên dụng và vận chuyển đến bãi đổ thải theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển toàn bộ lượng phế thải xây dựng đi xử lý với tần suất khoảng 01 lần/tháng.

3.3.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành

Chất thải rắn của khu đô thị “Thành phố giao lưu” chủ yếu là chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà ở.

- Đối với rác thải thông thường (sinh hoạt, rác công cộng): Công ty Cổ phần Xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội là đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt với phân hạ tầng, công viên hồ điều hoà các tuyến đường của Cơ sở. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm là đơn vị thực hiện công tác duy trì vệ sinh các tuyến đường 1, 2 và 23 trong khuôn viên của Cơ sở. Các đơn vị này thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ dân và người dân tự trả phí xử lý theo quy định chung của địa phương, Chủ cơ sở không tự đứng ra hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường.

- Bùn thải từ bể tự hoại tại các căn nhà: Các hộ dân tự thuê đơn vị thu hút định kỳ 1 năm/lần.

- Bùn thải từ HTXL nước thải 1.000 m³/ngày đêm: được lưu chứa tại bể chứa bùn (01 bể thể tích 82,93 m³, kích thước D_xR_xH=5,456 x 3,8 x 4 (m); Đối với HTXL nước thải 1.210 m³/ngày đêm: bùn thải được chuyển giao định kỳ cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Đối với các công trình, tòa nhà chung cư, các khu vực của đơn vị thứ phát không thuộc sự quản lý của Công ty sẽ do đơn vị đó tự chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển CTR thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn thi công

- Máy móc, thiết bị thi công không sửa chữa tại công trường mà được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tại các gara chuyên dụng trên địa bàn.

- Phân loại CTNH theo qui định, chứa tại các thùng chứa khác nhau, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường.

- Bố trí tại công trường thi công các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng loại 60 lít/thùng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu chứa an toàn, không rò rỉ, không bay hơi, không phát tán ra môi trường và có dán mã chất thải nguy hại theo quy định để thu gom phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh và tập kết về kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công diện tích khoảng 20 m²; kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định, kho lưu chứa sẽ được dỡ bỏ khi kết thúc giai đoạn xây dựng; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu giai đoạn vận hành

Công ty bố trí 01 kho chứa CTNH hiện hữu có diện tích 5m² đặt tại vị trí khu nhà của Ban quản lý cơ sở khu đô thị và bổ sung thêm 01 kho chứa CTNH đặt tại tầng hầm B3 diện tích 10 m².

Thiết kế, cấu tạo:

- Kho CTNH 5m² có mái che, tường bao xung quanh bằng gạch, nền bê tông chống thấm và có gờ chống tràn, có thiết bị PCCC, có biển báo;
- Kho CTNH 10m² đặt tại tầng hầm trong khu vực thiết kế HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm, tường xung quanh bằng gạch, nền bê tông chống thấm có gờ chống tràn, có thiết bị PCCC, có biển báo.

Trong mỗi kho bố trí các thùng rác dung tích 60-120 lit/thùng để lưu chứa từng loại CTNH phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, trên mỗi thùng có dán nhãn CTNH cho từng loại tương đương.

Than hoạt tính từ HTXL khí thải của HTXL nước thải được lưu giữ tại tháp xử lý mùi, định kỳ thay bỏ 1-2 lần/năm.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.

Đối với các công trình, tòa nhà chung cư, các khu vực của đơn vị thứ phát không thuộc sự quản lý của Công ty sẽ do đơn vị đó tự chịu trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển CTNH theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực cơ sở như xe ô tô, xe gắn máy, tiếng ồn từ HTXL nước thải.

Để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh ban quản lý khu đô thị quy định khung giờ được phép bấm còi, kiểm soát phương tiện ra vào cơ sở tránh tình trạng ảnh hưởng tới các hộ dân đang sinh sống ở khu vực.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi cơ sở đi vào vận hành

a. Sự cố cháy nổ

Cơ sở đã xây dựng 32 trụ cứu hỏa, các họng cứu hỏa được đầu nối vào mạng lưới cấp nước phân phối có đường kính $D \geq 100\text{mm}$ và được bố trí gần ngã ba, ngã tư hoặc trục đường lớn thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy.

Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa trên mạng lưới khoảng 100m - 150m. Tại khu vực hồ điều hòa cần bố trí các họng lấy nước cứu hỏa và đường vào cho xe cứu hỏa để thuận tiện cho việc chữa cháy khi cần thiết.

Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, tiêu chuẩn hiện hành như TCVN 2622-95 phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình. Tuân thủ đúng quy định theo chỉ thị Số:

07/2007/CT-BXD ngày 05 tháng 11 năm 2007 Về tăng cường công tác quản lý xây dựng đối với công trình xây dựng nhà cao tầng.

b. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín an toàn nhất.

c. Đối với sự cố HTXL nước thải

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống để kịp phát hiện những thiết bị có khả năng xảy ra hỏng hóc.

- Người vận hành hệ thống được đào tạo kiến thức về cách vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị, xử lý các tình huống sự cố.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố không vận hành được hệ thống xử lý thì đơn vị quản lý sẽ dùng bơm nước thải từ trạm bơm về hệ thống xử lý nước thải và tận dụng khoảng không gian của các tuyến cống, rãnh thu gom nước thải để lưu chứa chờ khắc phục sự cố, trong trường hợp tuyến cống quá tải thì chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng tới hút và đem đi xử lý, không thải nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Phần xử lý sinh học của hệ thống xử lý nước thải (bao gồm bể hiếu khí, bể lắng) được thiết kế 2 đơn nguyên chạy song song, vì vậy trong trường hợp gặp sự cố về bùn hoạt tính trong bể hiếu khí thì một đơn nguyên vẫn có thể hoạt động để xử lý cho bên còn lại khắc phục sự cố. Ngoài ra các thiết bị máy móc như bơm, máy thổi khí đều được bố trí 02 cái (01 hoạt động và 01 dự phòng).

❖ **Sự cố đối với HTXL nước thải**

Bảng 3.8. Bảng thống kê nguyên nhân và cách khắc phục sự cố HTXL nước thải

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Sửa chữa, khắc phục
Bể điều hòa	Nước thải có nhiều cặn	- Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô. - Quá trình sản xuất tạo ra nhiều cặn bã...	- Vệ sinh song và lưới tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không. - Hiệu chỉnh quá trình sản xuất.
	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức hôi hằng ngày	- Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa.	- Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể
Bể hiếu khí	Bùn bị đen và phát sinh mùi	Bùn bị phân hủy yếm khí. Vi sinh vật chết	Kiểm tra lại hệ thống phân phối khí, đảm bảo rằng khí được phân phối đều trong bể để tránh tạo điều kiện yếm khí trong bể.
	Xuất hiện nhiều bọt trắng	Quá trình bị quá tải, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột. Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ)	Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay không (2000-4000mg/L)
Bể lắng	Nước thải ra khỏi máng	Bể lắng sinh học hoạt động không hiệu quả	Kiểm tra chế độ phân phối nước vào.

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Sửa chữa, khắc phục
	thu nước có nhiều cặn		
	Bùn nổi	Quá trình khử nitrat và phân hủy yếm khí xảy ra tại đáy bể lắng sinh học sinh ra khí N ₂ , CH ₄ , NH ₃ và sẽ bám vào bông bùn hoạt tính và kéo theo bùn nổi lên bề mặt.	Hút bùn tại đáy bể lắng sinh học để tránh gây ra hiện tượng phân hủy yếm khí. Điều chỉnh quá trình xử lý sinh học tại bể hiếu khí để giảm tới mức tối đa hàm lượng chất hữu cơ (COD) vì đây là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho quá trình khử nitrat hóa.
Bể khử trùng	Nước thải vẫn còn vi khuẩn	Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý.	Cần phải kiểm tra để điều chỉnh chất lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào.

❖ **Sự cố khi ngừng hoạt động:**

Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng 2 nguyên đơn (từ bể hiếu khí, bể lắng) vì vậy trong trường hợp 1 nguyên đơn gặp sự cố thì nước thải được lưu chứa tại bể điều hòa và nguyên đơn còn lại sẽ vận hành hết công suất trong thời gian chờ khắc phục sự cố.

Ngoài ra, các máy móc trang thiết bị cho các bể xử lý đều được lắp đặt 2 bộ (1 chạy và 1 dự phòng), vì vậy nếu có sự cố xảy ra đối với thiết bị thì sẽ sử dụng thiết bị dự phòng trong thời gian chờ khắc phục.

Khi xảy ra sự cố lưu lượng nước thải lớn bất thường, hoặc có mùi hôi nồng nặc tức là hệ thống đã bị quá tải. Trong trường hợp này, cán bộ vận hành sẽ có trách nhiệm kiểm tra ngay để tìm hiểu nguyên nhân và liên hệ với đơn vị cung cấp xử lý để xem xét áp dụng một số biện pháp như:

- Tăng lưu lượng lưu thông nước (trong trường hợp nguyên nhân làm tăng lưu lượng nước là nước sạch bị rò rỉ vào hệ thống thoát nước).
- Tăng lưu lượng khí thổi vào bể xử lý
- Tăng lượng bùn tuần hoàn
- Bổ sung thêm chế phẩm vi sinh.

❖ **Sự cố về các thiết bị của HTXL nước thải**

Hằng ngày kiểm tra thiết bị có hoạt động bình thường hay không, để phát hiện kịp thời các hiện tượng bất thường của thiết bị. Bất cứ hiện tượng bất thường nào của mỗi thiết bị cần được ghi nhận và báo cáo cho người trách nhiệm. Khi thiết bị có tiếng kêu lạ cũng cần ngừng bơm lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố trên. Cần sửa chữa thiết bị theo từng trường hợp cụ thể và theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Có các biện pháp ứng phó kịp thời khi có sự cố về máy móc:

- Máy bơm không làm việc: Kiểm tra nguồn điện, cáp điện.

- Máy bơm làm việc nhưng có tiếng kêu ngấm: Kiểm tra và khắc phục lại nguồn điện. Tháo các vật bị chèn cứng ra khỏi cánh bơm. Kiểm tra và bổ sung thêm, hoặc thay nhớt mới. Kiểm tra vệ sinh sạch sẽ.

- Máy bơm hoạt động nhưng không lên nước: Đảo lại chiều quay. Kiểm tra phát hiện và khắc phục lại, nếu hư hỏng phải thay van mới. Kiểm tra phát hiện chỗ bị nghẹt và khắc phục lại. Mở van. Thay màng bơm khác.

- Lưu lượng bơm bị giảm: Kiểm tra, khắc phục lại. Tắt bơm ngay. Kiểm tra nguồn điện và khắc phục. Tháo và rửa sạch bằng xà phòng hoặc dung dịch đặc biệt.

- Máy bơm làm việc với dòng điện vượt quá giá trị ghi trên nhãn máy: Tắt máy, khắc phục lại tình trạng điện áp. Sấy nâng cao độ cách điện. Phát hiện chỗ hư hỏng về cơ để khắc phục

❖ **Yêu cầu đối với cán bộ vận hành, giám sát an toàn, môi trường**

Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng đã được thiết lập cho HTXL nước thải.

Lập nhật ký vận hành để lưu trữ các thông tin về quá trình hoạt động của hệ thống làm cơ sở để theo dõi và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống, phòng ngừa những sự cố có thể xảy ra.

Hàng ngày kiểm tra lưu lượng nước thải, tính chất nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, lượng hóa chất sử dụng, pH của nước thải đầu vào.

Lấy mẫu bùn từ các bể hiếu khí xem kích cỡ bông bùn, màu bùn, khảo sát chỉ số SVI của bùn hoạt tính.

- Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra.

- Tiến hành giải quyết các sự cố theo thứ tự ưu tiên: Bảo đảm an toàn về người, tài sản và công việc.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được, phải hợp tác với các đơn vị chức năng.

- Lập hồ sơ ghi chép sự cố.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Bảng 3.9. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường phê duyệt

TT	Nội dung trong Quyết định phê duyệt ĐTM số 352/QĐ-UBND ngày 21/01/2008	Phương án thực hiện	Giải trình sự thay đổi
I	Công trình xử lý nước thải		
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 1000 m ³ /ngày đêm	Không thay đổi	
2	Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.210 m ³ /ngày đêm	Bổ sung mới	Do Cơ sở đi vào hoạt động phát sinh thêm nước thải từ các toà nhà ở CT4 khoảng 1.207 m ³ /ngày đêm được thu gom xử lý tại HTXL nước này được bố trí tại tầng hầm của ô đất.
II	Công trình thu gom nước thải		
1	Đường ống thu gom nước thải từ các căn thấp tầng (TT)	Không thay đổi	
2	Đường ống thu gom nước thải từ toà nhà lô CT4	Nước thải phát sinh từ các toà nhà được thu gom về HTXL nước thải được đặt tại tầng hầm. - Nước đen (hồ tiêu, tiều) thu gom về bể tự hoại - Nước xám (nước rửa tay chân) thu gom về bể gom. - Nước thải bếp ăn thu gom bể tách mỡ => Toàn bộ nước thải sau xử lý sơ bộ được bơm chuyên về HTXL nước thải công suất 1.210 m ³ /ngày đêm	Do điều chỉnh quy hoạch tăng số lượng dân số tại các toà ô đất CT4 nên tính toán và đề xuất HTXL nước thải nhằm xử lý nước thải cục bộ tại toà nhà, đảm bảo hiệu quả kinh tế trong việc xử lý nước thải.
3	Đường ống thu gom nước thải từ các căn tại ô TH, THCS, THPT, NT, HH2	Nước thải phát sinh được thu gom về HTXL nước thải công suất 1.000 m ³ /ngày đêm hiện hữu.	Thực hiện đúng theo quyết định phê duyệt ĐTM đã phê duyệt

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô thấp tầng TT1
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô thấp tầng TT2
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô thấp tầng TT3
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô thấp tầng TT4
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô THPT
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô THCS
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô TH
- Nguồn số 08: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô NT1
- Nguồn số 09: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô NT2
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô NT3
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô HH2
- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt (nước đen và nước xám) khu vực ô CT4

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 2.210 m³/ngày đêm.

4.1.3. Dòng nước thải

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống XLNT công suất 1.000 m³/ngày đêm (tương ứng xử lý nước thải từ nguồn số 01 đến số 11).
- Dòng nước thải số 02: Nước thải sinh hoạt sau hệ thống XLNT công suất 1.210 m³/ngày đêm (tương ứng xử lý nước thải nguồn số 12).

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và Quy chuẩn 14:2025/BTNMT, cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A), K=1 áp dụng đến hết 31/12/2031	QCVN 14:2025/ BTNMT (cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng nước thải số 01					
1	pH	mg/l	5-9	6-9	Thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	≤50		
	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	≤4		
3	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	30	≤30		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	-		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1	≤0,2		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	-		

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/ BTNMT (cột A), K=1 áp dụng đến hết 31/12/2031	QCVN 14:2025/ BTNMT (cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	≤10		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	-		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6	-		
10	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	≤3.000		
II Dòng nước thải số 02						
1	pH	mg/l	Không áp dụng	6-9	Thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ	Thuộc đối tượng phải quan trắc tự động liên tục
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l		≤50		
	Amoni (tính theo N)	mg/l		≤4		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l		≤30		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l		-		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l		≤0,2		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l		-		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l		≤10		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l		-		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l		-		
10	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	≤3.000			

Ghi chú:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Cột A: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Cột A quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải khi xả nước thải ra nguồn tiếp nhận có chức năng cấp nước cho mục đích sinh hoạt.

Dòng nước thải số 01: áp dụng QCVN 14:2025/BTNMT (cột A) từ ngày 01/01/2032.

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng nước thải số 01:

+ Vị trí xả nước thải: Kênh tiêu Đông Ngạc - Cổ Nhuế phía Bắc cơ sở

+ Toạ độ vị trí cửa xả thải: Theo hệ toạ độ VN 2000, Kinh tuyến trục 105°00”, múi chiếu 3⁰: X = 2329233; Y = 580353.

- Dòng nước thải số 02:

+ Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà tại phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội

+ Toạ độ vị trí cửa xả thải: Theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00”, vĩ độ 3°: X = 2328405; Y = 580381.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế, sau đó tiêu vào sông Nhuệ tại vị trí K4+210 bên bờ tả, thuộc phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

- Phương thức xả nước thải:

+ Dòng nước thải số 01: Bơm cưỡng bức, dẫn qua hệ thống đường ống D400 sau tự chảy vào Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế.

+ Dòng nước thải số 02: Bơm cưỡng bức thoát vào hệ thống thoát nước mưa ngoài nhà và thoát vào Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế.

- Chế độ xả thải: gián đoạn.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả lớn nhất là 950 m³/giờ (theo công suất quạt hút)

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả lớn nhất là 9.000 m³/giờ (theo công suất quạt hút)

4.2.3. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Mùi, khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm. Tọa độ X = 2329155; Y = 580305 (Theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00”, vĩ độ 3°).

- Dòng khí thải số 02: Mùi, khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý mùi của trạm xử lý nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm. Tọa độ X = 2328390; Y = 580342 (Theo hệ tọa độ VN 2000, Kinh tuyến trực 105°00”, vĩ độ 3°).

- Phương thức xả thải: xả liên tục 24/24h

- Quy chuẩn so sánh: Không yêu cầu về chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường do chưa có quy chuẩn kỹ thuật so sánh về mùi.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy móc của HTXL nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực đặt máy móc của HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm

4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung đến hết ngày 31/12/2026, cụ thể như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung:

Bảng 4.3. Giá trị giới hạn đối với độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng QCVN 26:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

4.4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.4. Bảng khối lượng chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát và chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát (KS)		130
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại phát sinh từ hoạt động lau chùi máy móc thiết bị sản xuất	18 02 01	70
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	18 01 01	60
II	Chất thải nguy hại (NH)		5.006
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	6
4	Than hoạt tính từ HTXL mùi HTXL nước thải	12 01 04	5.000
	Tổng cộng		5.136

4.4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường

Bảng 4.5. Bảng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt từ các hộ dân	2.985,1
2	Rác thải từ khu vực công cộng	600
3	Bùn thải từ bể tự hoại	507,8
4	Bùn từ hệ thống XLNT	3.956,6
	Tổng cộng	8.049,5

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Chủ Cơ sở đã thực hiện đầy đủ các nội dung về công tác bảo vệ môi trường đã được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022, cụ thể như sau:

- Thực hiện phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn) thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định được hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 48/2026/NĐ-CP và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

- Xử lý nước thải phát sinh tại Cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thoát vào sông Nhuệ.

- Thực hiện đúng và đầy đủ chương trình quản lý, giám sát môi trường và định kỳ nộp đầy đủ báo cáo công tác bảo vệ môi trường tới Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội. Thực hiện truyền dữ liệu quan trắc online nước thải hàng ngày tới Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

- Thực hiện xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường gồm sự cố cháy nổ, sự cố đối với vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Trong quá trình hoạt động Nhà máy luôn đảm bảo các công trình bảo vệ môi trường, vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

a. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải

Căn cứ nhật ký xả nước thải, lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh như sau:

Bảng 5.1. Lưu lượng nước thải phát sinh tại Cơ sở tháng 01/2026

STT	Ngày	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	STT	Ngày	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)
1	Ngày 1	235	16	Ngày 16	191
2	Ngày 2	117	17	Ngày 17	609
3	Ngày 3	138	18	Ngày 18	524
4	Ngày 4	33	19	Ngày 19	501
5	Ngày 5	237	20	Ngày 20	449
6	Ngày 6	158	21	Ngày 21	460
7	Ngày 7	273	22	Ngày 22	279
8	Ngày 8	224	23	Ngày 23	306
9	Ngày 9	225	24	Ngày 24	387
10	Ngày 10	223	25	Ngày 25	444

*Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư xây dựng
Khu đô thị Thành phố giao lưu”*

STT	Ngày	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	STT	Ngày	Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)
11	Ngày 11	203	26	Ngày 26	474
12	Ngày 12	199	27	Ngày 27	454
13	Ngày 13	171	28	Ngày 28	474
14	Ngày 14	174	29	Ngày 29	435
15	Ngày 15	195	30	Ngày 30	499
			31	Ngày 31	493

- Trong quá trình hoạt động, Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý được tổng hợp tại các bảng sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải đầu vào HTXL nước thải năm 2025 và quý I/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích					QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
			12/02/2025	05/05/2025	01/08/2025	05/11/2025	Quý I/2026 (02/02/2026)	
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	115,5	120,3	11	98,4	67,2	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	503	920	560	350	260	500
3	Sunfua	mg/L	0,48	0,51	0,42	0,82	0,92	1
4	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/L	34,01	7,94	21,98	0,21	0,25	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	4,6	4,7	4,0	<LOQ (3,0)	<LOQ (3,0)	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	5,125	6,125	9,803	8,178	11,455	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	13,15	3,73	4,07	5,65	6,52	6
8	Coliform	MPN/100ml	13000	12000	3600	3100	3800	3000

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc nước thải đầu ra HTXL nước thải năm 2025 và quý I/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích					QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
			12/02/2025	05/05/2025	01/08/2025	05/11/2025	Quý I/2026 (02/02/2026)	
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	9,5	<LOQ(6)	11	8,7	10,0	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	221	390	350	300	190	500
3	Sunfua	mg/L	0,18	<LOQ (0,15)	<LOQ (0,15)	<LOQ (0,15)	<0,05	1
4	Nitrat (NO ₃ -) (tính theo N)	mg/L	4,61	2,2	0,54	14,25	9,8	30

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả phân tích					QCVN 14:2008/ BTNMT (Cột A)
			12/02/ 2025	05/05/ 2025	01/08/ 2025	05/11/ 2025	Quý I/2026 (02/02/ 2026)	
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<LOQ (3,0)	<LOQ (3,0)	<1,0	<1,0	<LOQ (3,0)	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,872	0,291	1,94	0,186	0,206	5
7	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	0,43	0,61	1,42	1,13	3,94	6
8	Coliform	MPN/	140	1100	410	790	120	3000

Nhận xét: Từ kết quả bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu phân tích trong nước thải đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A.

- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị: từ khi hoạt động đến nay, hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định. Định kỳ, Chủ cơ sở kiểm tra và thay thế máy móc thiết bị của hệ thống.

- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải:

+ Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt có thành phần ô nhiễm đặc trưng gồm BOD₅, TSS, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform. Nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn và dẫn về HTXL nước thải hiện hữu công suất 1.000 m³/ngày đêm.

+ Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của HTXL nước thải hiện hữu có giá trị nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A.

→ Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt. Đồng thời, với công nghệ xử lý như trên đảm bảo xử lý được thành phần ô nhiễm có trong nước thải (về nguyên lý của HTXL nước thải được trình bày tại Mục 3.2.1, Chương III). Như vậy, hệ thống xử lý nước thải này hoàn toàn phù hợp và đáp ứng xử lý được nước thải sinh hoạt từ hoạt động của Cơ sở đáp ứng yêu cầu của QCVN 14:2008/ BTNMT, cột A trước khi thoát vào sông Nhuệ.

b. Kết quả quan trắc nước thải liên tục, tự động

Danh mục thông số quan trắc, giá trị QCVN so sánh:

+ Thông số quan trắc: pH, COD, TSS, Amoni.

+ Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 14:2008/ BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0).

- Thông tin về hoạt động hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị:

+ Hiệu chuẩn, kiểm tra bằng chất chuẩn: tần suất 01 tháng/lần.

+ Kiểm định thiết bị: Đã thực hiện 14/12/2024. Dự kiến kiểm định lại trong tháng 1/2026.

Trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục được lắp đặt vào tháng 12/2024. Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xác nhận tiếp nhận dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 26/TTCNTT-KTDV của Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên môi trường (nay là Trung tâm Công nghệ thông tin và chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường Hà Nội) ngày 15/01/2025; với các chỉ tiêu: pH, TSS, Nhiệt độ, COD, Amoni, lưu lượng nước thải đầu vào và lưu lượng nước thải đầu ra. Dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục truyền số liệu ổn định về Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội từ tháng 01/2025 đến nay.

Bảng 5.4. Bảng thống kê số liệu quan trắc tự động liên tục

Thông số	pH	TSS	COD	Amoni
Số giá trị quan trắc theo thiết kế	105120	105120	105120	105120
Số giá trị quan trắc nhận được	104265	104265	104265	104265
Số giá trị quan trắc lỗi/bất thường	855	855	855	855
Tỉ lệ số liệu nhận được so với số giá trị theo thiết kế (%)	99,19%	99,19%	99,19%	99,19%
Tỉ lệ số liệu lỗi/bất thường so với số giá trị nhận được (%)	0,81%	0,81%	0,81%	0,81%

5.3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Trong kỳ thực hiện báo cáo, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội và Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ CTR sinh hoạt và CTNH phát sinh từ hoạt động của Cơ sở.

- Đối với CTR sinh hoạt:

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh năm 2025 khoảng 330 m³, tương đương 165 tấn (trọng lượng riêng 0,5 tấn/m³).

- Đối với CTR công nghiệp thông thường: Không có

- Đối với chất thải nguy hại:

Căn cứ theo chứng từ bàn giao CTNH của Cơ sở năm 2025, danh sách chủng loại, khối lượng CTNH phát sinh được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5.5. Khối lượng CTNH phát sinh từ hoạt động của Cơ sở năm 2025

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
Giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	32	Công ty CP Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn
Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	06	
Bao bì mềm thải	18 01 01	27	
Tổng		75	

5.4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

a) Nội dung yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Theo Biên bản kiểm tra Giám sát hệ thống quan trắc tự động, liên tục của Hệ thống xử lý nước thải của Khu đô thị Thành phố Giao Lưu - Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A ngày 29/05/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội, ghi nhận các yêu cầu:

- Khắc phục khắc phục trạng thái báo lỗi của thiết bị đo theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

- Điều chỉnh, lắp đặt lại hệ thống đường ống tại kênh hở đưa nước thải sau xử lý về Trạm quan trắc tự động liên tục.

b) Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Đã khắc phục lỗi của thiết bị và mua chất hiệu chuẩn mới cho các đầu đo và tiến hành hiệu chuẩn lại nước theo quy định Thông tư 10/2021/TT-BTNMT.

Đã thực hiện điều chỉnh lại đường ống tại kênh hở đưa nước thải sau xử lý về Trạm quan trắc tự động liên tục.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Căn cứ theo Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 đã được UBND thành phố Hà Nội cấp, công trình xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm được tiếp tục thực hiện, không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 09/01/2026, hệ thống xử lý nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.210 m ³ /giờ	Không quá 06 tháng sau khi hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình xây dựng và các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Cơ sở	≥50% so với công suất thiết kế

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, cụ thể:

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định
- Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong vòng 03 ngày liên tiếp
- Vị trí lấy mẫu: Nước thải sinh hoạt sau xử lý của HTXL nước thải công suất

1.210 m³/ngày đêm

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, Amoni (tính theo N), BOD₅, Sunfua (tính theo H₂S), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý của HTXL nước thải công suất 1.000

m³/ngày đêm.

+ NT2: Nước thải sinh hoạt sau xử lý của HTXL nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm.

- Thông số giám sát:

+ NT1: pH, TSS, Amoni (tính theo N), BOD₅, Tổng chất rắn hoà tan, Sunfua (tính theo H₂S), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms (áp dụng đến hết ngày 31/12/2031). Từ ngày 01/01/2032, giám sát các thông số: pH, TSS, Amoni (tính theo N), BOD₅, Sunfua (tính theo H₂S), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms.

+ NT2: pH, TSS, Amoni (tính theo N), BOD₅, Sunfua (tính theo H₂S), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms (áp dụng sau khi được cấp GPMT).

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh:

+ NT1: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), K=1 áp dụng đến hết 31/12/2031, QCVN 14:2025/ BTNMT (cột A) áp dụng từ ngày 01/01/2032.

+ NT2: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A) áp dụng sau khi được cấp GPMT.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Cơ sở thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Hồ ga thoát nước thải sau HTXL công suất 1.000 m³/ngày đêm

+ NT2: Hồ ga thoát nước thải sau HTXL công suất 1.210 m³/ngày đêm

- Thông số quan trắc: pH, COD, TSS, Amoni.

- Giá trị giới hạn cho phép:

+ NT1: QCVN 14:2008/BTNMT (cột A), K=1 áp dụng đến hết 31/12/2031, QCVN 14:2025/ BTNMT (cột A) áp dụng từ ngày 01/01/2032.

+ NT2: QCVN 14:2025/BTNMT (cột A) áp dụng sau khi được cấp GPMT.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự trù kinh phí thực hiện quan trắc môi trường của cơ sở hàng năm khoảng 50.000.000 VNĐ.

**CHƯƠNG VII. NỘI DUNG THUYẾT MINH CƠ SỞ ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU
CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN CƠ SỞ ĐẦU TƯ THUỘC DANH
MỤC PHÂN LOẠI XANH**

Cơ sở không thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04/7/2025 quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận cơ sở đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh. Do đó, phạm vi thực hiện báo cáo không đánh giá nội dung này.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ Cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ Cơ sở chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động được thu gom và xử lý theo đúng quy định tại Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành Cơ sở được phân loại, thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Điều 71 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Cam kết có trách nhiệm thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh về 02 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.000 m³/ngày đêm và 1.210 m³/ngày đêm đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT cột A (áp dụng đối với hệ 1.000 m³/ngày đêm đến hết 31/12/2031) và QCVN 14:2025/BTNMT cột A (áp dụng đối với hệ 1.000 m³/ngày đêm từ ngày 01/01/2032 và hệ 1.210 m³/ngày đêm sau khi được cấp GPMT).

Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Kể từ ngày 01/01/2027, áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT và QCVN 27:2025/BNNMT.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I. DANH MỤC PHÁP LÝ

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101164854, đăng ký lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26/11/2025.
2. Văn bản số 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/5/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép đầu tư và giao Chủ đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị “Thành phố giao lưu”.
3. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 68/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/5/2004, cấp điều chỉnh lần thứ 2 ngày 07/01/2026.
4. Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị “Thành phố Giao lưu”, tỷ lệ 1/500.
5. Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/06/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi 973.977m² đất tại thị trấn Cầu Diễn và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy; giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A để đầu tư xây dựng Khu đô thị “Thành phố giao lưu”.
6. Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc bổ sung, thay thế một số Điều, Khoản tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004.
7. Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép tiếp tục thực hiện và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của UBND thành phố Hà Nội.
8. Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 11/04/2007 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND thành phố.
9. Quyết định số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu và một số nội dung tại các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và số 1354/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của UBND Thành phố.
10. Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4.
11. Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 21/1/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu”.
12. Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022 cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A.
13. Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ngày 31/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty Cổ phần xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội. Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ/VIGEB A-MTHN-BTL ngày 02/01/2026.
14. Hợp đồng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường số 239/HDDV 2015 v/v duy trì VSMT các tuyến đường số 1, 2 và 23 trong Khu đô thị Thành phố Giao Lưu ngày 20/10/2015 giữa

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA và Công ty Cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm. Phụ lục bổ sung Hợp đồng số 12/PL-HDDV ngày 31/12/2025.

15. Hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại số 000188/2024/HĐCNK giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn.

16. Biên bản, hoá đơn bàn giao chất thải rắn sinh hoạt 2025.

17. Chứng từ CTNH năm 2025.

18. Hoá đơn điện, nước năm 2025, 2026.

19. Kết quả phân tích chất thải nước thải năm 2025, quý I/2026.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0101164854

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 07 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 26 tháng 11 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIGEB A INTERNATIONAL INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIGEB A JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 62651311

Số Fax: 024 62651310

Thư điện tử: *hanhchinhhansuvgb@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ: 740.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 74.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: **VŨ VĂN HẬU**

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *26/08/1971*

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: *034071003957*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *Lô 6, Khu 1,3 ha, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Quang Hưng

Hà Nội, Ngày 20 tháng 5 năm 2004

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBÀ

UBND thành phố Hà Nội nhận được tờ trình số 06/TT-VIGEBÀ 2004 ngày 11/5/2004, tờ trình số 05/TT-VIGEBÀ 2004 ngày 27/4/2004, 03/TT-VIGEBÀ 2004 ngày 28/02/2004(kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Khu đô thị "Thành phố giao lưu" - Dự án thuộc nhóm A, không sử dụng nguồn vốn ngân sách) của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEBÀ đề nghị UBND Thành phố thẩm tra và cho phép đầu tư dự án.

Căn cứ Nghị định 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ, Thông tư số 04/2003/TT-BKH ngày 17/6/2003 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về thẩm tra dự án; văn bản số 192/CP-CN ngày 11/02/2004 của Chính phủ ủy quyền cho Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội thẩm tra và cho phép đầu tư dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu"; Sau khi nghiên cứu ý kiến của các Bộ : Bộ Xây dựng(Công văn số 381/BXD-KSTK ngày 26/3/2004), Bộ Kế hoạch và Đầu tư(công văn số 2326/BKH-KCHT&ĐT ngày 19/4/2004), Bộ Tài chính(Công văn số 3832/TC-ĐT ngày 13/4/2004), Bộ Tài nguyên và môi trường(Công văn số 974/BTNMT-KHCN ngày 01/4/2004); Xét báo cáo số 103/BC-KH&ĐT ngày 13/5/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội về việc thẩm tra dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị "Thành phố giao lưu", UBND Thành phố Hà Nội có ý kiến như sau :

I. Việc đầu tư xây dựng Khu đô thị "Thành phố giao lưu" phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của Thành ủy và UBND Thành phố Hà Nội; Về quy hoạch dự án phù hợp với quy hoạch chung thành phố Hà Nội đến năm 2020, UBND Thành phố Hà Nội đã có quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 01/03/2002 phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị "Thành phố giao lưu" - Tỷ lệ 1/2000.

UBND Thành phố chấp thuận cho phép đầu tư và giao Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBÀ là chủ đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu"; Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEBÀ chịu trách nhiệm trước pháp luật theo các quy định hiện hành đối với Chủ đầu tư.

II. Để đảm bảo việc triển khai dự án theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, UBND Thành phố Hà Nội yêu cầu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGEBÀ thực hiện :

1. Bổ sung hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại điều 24 Nghị định 52/1999/NĐ-CP của Chính phủ và ý kiến của các Bộ: Bộ Xây dựng(Công văn số 381/BXD-KSTK ngày 26/3/2004), Bộ Kế hoạch và Đầu tư(công văn số 2326/BKH-KCHT&ĐT ngày 19/4/2004), Bộ Tài chính(Công văn số 3832/TC-ĐT ngày 13/4/2004), Bộ Tài nguyên và môi trường(Công văn số 974/BTNMT-

KHCN ngày 01/4/2004) - Bản sao đính kèm công văn.

- Trên cơ sở quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt xác định rõ ranh giới dự án, hoàn thiện thuyết minh tổng thể Báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ thiết kế sơ bộ (phần hạ tầng kỹ thuật + phần các công trình kiến trúc bên trên).
 - Thuyết minh rõ phương án tổ chức thực hiện dự án (bao gồm cả phương thức đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu nhà ở) đảm bảo đồng bộ, hoàn chỉnh theo quy hoạch đã được duyệt; phương án phân chia giai đoạn (phân kỳ đầu tư).
 - Công ty cần giải trình rõ năng lực tài chính, năng lực tổ chức thực hiện dự án của Công ty để đảm bảo việc triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ đề ra.
 - Phương án đầu tư tổng thể dự án và phương án tài chính phải tuân thủ quy định hiện hành của nhà nước và thành phố Hà Nội.
2. Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEBEA có trách nhiệm hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi theo các nội dung nêu trên, tổ chức thẩm định và phê duyệt dự án theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định 52/1999/NĐ-CP, 12/2000/NĐ-CP và 07/2003/NĐ-CP của Chính phủ; Khi bổ sung, hoàn chỉnh dự án (trước khi thẩm định và phê duyệt dự án theo thẩm quyền), Công ty có trách nhiệm :
- + Làm việc với Sở Quy hoạch - Kiến trúc để được thống nhất về phương án quy hoạch đảm bảo phù hợp với quy hoạch chi tiết 1/2000 đã được UBND Thành phố phê duyệt; thỏa thuận phương án kiến trúc công trình, các giải pháp thiết kế đầu nổi hạ tầng kỹ thuật của dự án với hạ tầng kỹ thuật khu vực; và được hướng dẫn các thủ tục lập và trình phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 làm cơ sở để triển khai thiết kế kỹ thuật theo quy định hiện hành. Việc trình UBND Thành phố phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án tỷ lệ 1/500 phải hoàn thành trong tháng 5/2004.
 - + Làm việc với Sở Tài chính để thống nhất về phương án tài chính của dự án và năng lực tài chính của Chủ đầu tư.
 - + Chủ đầu tư trình bày rõ trách nhiệm với Thành phố và địa phương khu vực triển khai dự án (hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề...) và phải được Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất, UBND huyện Từ Liêm và UBND quận Cầu Giấy chấp thuận.
 - + Làm việc với Sở Xây dựng Hà Nội để được thống nhất về năng lực quản lý, tổ chức thực hiện dự án của Chủ đầu tư; tuân thủ sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về kỹ thuật, chất lượng công trình của Sở Xây dựng Hà Nội.
 - + Làm việc với Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất để được hướng dẫn về các chính sách sử dụng đất đai, về giao đất, cho thuê đất của dự án và thực hiện quyết định 123/2001/QĐ-UB ngày 06/12/2001 của UBND Thành phố, các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư các công trình trong khu đô thị mới, các khu nhà ở trên địa bàn Thành phố.
3. Đồng thời với việc hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định và phê duyệt dự án Công ty có trách nhiệm phối hợp với các Sở : Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất, Sở Xây dựng Hà Nội lập và trình dự thảo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu" đồng thời với việc phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án tỷ lệ 1/500.

4. Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A có trách nhiệm thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, và các quy định tại Thông tư số 03/2003/TT-BKH ngày 19/5/2003 của Bộ Kế hoạch và đầu tư.

UBND Thành phố Hà Nội yêu cầu Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Quốc tế VIGEB A thực hiện nghiêm túc các nội dung nêu trên và triển khai dự án theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành./.

Nơi nhận :

- Như trên.
- Văn phòng Chính phủ.
- Thường trực HĐND TP.
- Chủ tịch UBND Thành phố.
- Các đ/c Phó chủ tịch UBND T. phố.
- Các Bộ : KH&ĐT, XD, TC, TN&MT.
- Các Sở : KH&ĐT, QH-KT, Xây dựng, TN-MT & ND; Tài chính; GT-CC.
- UBND huyện Từ Liêm.
- UBND quận Cầu Giấy.
- Lưu VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ TỊCH



HOÀNG VĂN NGHIÊN



Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(cấp lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2004)
(điều chỉnh lần thứ 2 ngày.....tháng.....năm 2026)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 và các Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27/11/2023 và các Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024 và các Nghị định hướng dẫn thi hành của Chính phủ;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-TTg ngày 27/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

Căn cứ Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 của UBND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư kinh doanh có sử dụng đất của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND thành phố Hà Nội về phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 4279/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Danh mục cập nhật các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị trong các Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2021-2025 (đợt 1);

Căn cứ Văn bản số 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/5/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép đầu tư và giao chủ đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu;

Căn cứ Quyết định số 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành Điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu;

Căn cứ các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 5961/QĐ-UBND ngày 17/8/2005, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007, số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu hồi đất, giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba để đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu;

Căn cứ các Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 01/3/2002, số 202/2005/QĐ-UB ngày 29/11/2005, số 154/QĐ-UBND ngày 01/9/2006, số 2959/QĐ-UBND ngày 23/7/2008, số 705/QĐ-UBND ngày 04/02/2010, số 967/QĐ-UBND ngày 25/02/2015, số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu;

Căn cứ Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu tại các phường Cổ Nhuế 1, Cổ Nhuế 2, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;

Căn cứ Thông báo số 162-TB/ĐU ngày 14/11/2025 của Đảng ủy UBND thành phố Hà Nội về kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu tại phường Đông Ngạc và phường Phú Diễn;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba tại Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ngày 28/8/2025 và Văn bản báo cáo giải trình số 157/CV-Vigeba ngày 16/10/2025 kèm theo hồ sơ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu tại phường Đông Ngạc và phường Phú Diễn (trước đây thuộc các phường Cổ Nhuế 1, Cổ Nhuế 2, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy);

Xét ý kiến của các đơn vị: Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Văn bản số 2346/BTL-TM ngày 22/9/2025); Sở Quy hoạch - Kiến trúc (Văn bản số 4788/QHKT-TH ngày 01/10/2025); Sở Xây dựng (Văn bản số 13180/SXD-PTĐT ngày 02/10/2025); Thuế thành phố Hà Nội (Văn bản số 21765/HAN-QLĐ ngày 09/10/2025); Cục An ninh kinh tế - Bộ Công an (Văn bản số 14026/ANKT-BCA ngày 09/10/2025); Sở Nông nghiệp và Môi trường (Văn bản số 8161/STNMT-QHKHSDĐ ngày 16/10/2025); UBND phường Phú Diễn (Văn bản số 561/UBND-KTHT&ĐT ngày 16/10/2025); Sở Tài chính (Báo cáo số 12885/BC-STC ngày 15/10/2025 và Văn bản số 16133/STC-HTĐT ngày 15/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Thành phố giao lưu tại các phường Cổ Nhuế 1, Cổ Nhuế 2, Phú Diễn,

quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy (trước đây) về các nội dung sau:

1. Địa điểm xây dựng: Tại các phường Đông Ngạc và phường Phú Diễn, thành phố Hà Nội.

2. Quy mô đầu tư: Quy mô sử dụng đất khoảng 857.778,9 m² với ranh giới, vị trí xác định theo các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 5961/QĐ-UBND ngày 17/8/2005, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007, số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND thành phố Hà Nội; chức năng sử dụng đất, quy mô công trình (diện tích xây dựng, tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, diện tích sàn xây dựng...), quy mô dân số điều chỉnh xác định theo Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025.

3. Vốn đầu tư: Khoảng 7.013,043 tỷ đồng.

4. Tiến độ thực hiện: Đến Quý IV/2030.

Điều 2. Các nội dung về chủ trương đầu tư khác thực hiện theo nội dung ghi tại Văn bản số 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/5/2004, các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007, số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023, số 5128/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thành phố Hà Nội và quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện:

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

- Liên hệ với UBND phường Phú Diễn để tiếp tục thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Liên hệ Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường và xác định nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định; thực hiện quy định tại Điều 95 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Liên hệ với Sở Xây dựng để thực hiện các quy định pháp luật về xây dựng, kinh doanh bất động sản và các quy định có liên quan; đảm bảo phù hợp Chương trình và Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành phố và nội dung quy hoạch xây dựng, chủ trương đầu tư đã được chấp thuận; không được phép bán nhà cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

- Liên hệ với Thuế thành phố Hà Nội để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu, lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh Dự án đảm bảo tuân thủ đúng nội dung quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện đúng nội dung, tiến độ dự án và quy hoạch đã được UBND Thành phố chấp thuận, đảm bảo chất lượng và tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng. Đầu tư đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo đúng quy định, nội dung đầu tư, cam kết đầu tư. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để khớp nối đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khu vực; lập phương án trồng cây xanh tạo cảnh quan đô thị.

- Sử dụng đất đúng mục đích để xây dựng công trình, không được chuyển đơn vị khác thực hiện Dự án khi chưa được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với Nhà nước và Thành phố theo đúng quy định. Đảm bảo vốn chủ sở hữu tham gia thực hiện Dự án trong suốt quá trình triển khai đầu tư theo quy định. Thực hiện đúng theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và thành phố Hà Nội;

- Chỉ được thực hiện đầu tư kinh doanh tại dự án khi đáp ứng các điều kiện pháp luật quy định.

2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

- UBND phường Đông Ngạc và phường Phú Diễn: Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo quy định; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng đất, xây dựng công trình, đảm bảo vệ sinh môi trường của Nhà đầu tư; xử lý dứt điểm các nội dung kiến nghị của các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án; không cho phép Nhà đầu tư xây dựng công trình trước khi hoàn thành các thủ tục, nghĩa vụ theo quy định; kịp thời phát hiện, xử lý những vi phạm theo thẩm quyền, báo cáo UBND thành phố Hà Nội.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn, kiểm tra việc Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường và xác định nghĩa vụ tài chính về đất theo quy định; chủ trì thực hiện quy định tại Điều 95 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Sở Xây dựng: Hướng dẫn, kiểm tra việc Nhà đầu tư thực hiện các quy định pháp luật về xây dựng, kinh doanh bất động sản và các quy định có liên quan; đảm bảo phù hợp Chương trình và Kế hoạch phát triển nhà ở của Thành

phổ và nội dung quy hoạch xây dựng chủ trương đầu tư đã được chấp thuận; thực hiện quy định tại Điều 95 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ.

- Ngoài các nội dung nêu trên, các Sở, Ngành Thành phố, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Công an thành phố Hà Nội, Thuế thành phố Hà Nội hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc Nhà đầu tư thực hiện, kinh doanh, khai thác Dự án theo chức năng nhiệm vụ quản lý chuyên ngành đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không thể tách rời của Văn bản số 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/5/2004 và Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND thành phố Hà Nội.

2. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Quy hoạch - Kiến trúc; Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô, Giám đốc Công an thành phố Hà Nội; Trưởng Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các phường Đông Ngạc và Phú Diễn; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba một bản, một bản được lưu tại UBND thành phố Hà Nội và một bản lưu tại Sở Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP,
- Các Phòng: KTTH, ĐT, NNMT;
- Lưu: VT, KTTH, Sở TC (03 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị
"Thành phố Giao lưu", tỷ lệ 1/500

Địa điểm: Xã Cổ Nhuế, Thị trấn Cầu Diễn- huyện Từ Liêm,
Phường Mai Dịch- quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Xây dựng;
- Căn cứ Pháp lệnh Thủ đô Hà Nội;
- Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch Xây dựng.
- Căn cứ Quyết định số 108/1998/QĐ - TTg ngày 20/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2020;
- Căn cứ Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Quy hoạch chi tiết khu đô thị "Thành phố giao lưu" tỷ lệ 1/2000 đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 1/3/2002;
- Căn cứ Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu đô thị "Thành phố giao lưu" tỷ lệ 1/2000 đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 202/2005/QĐ-UB ngày 29/11/2005;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1249/TTr-QHKT, ngày 7/8/2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị "Thành phố Giao lưu", tỷ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội lập tháng 6 năm 2006 với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, ranh giới và quy mô:

1.1- Vị trí:

- Khu đất lập quy hoạch nằm phía Tây thành phố Hà Nội, thuộc địa giới hành chính xã Cổ Nhuế, thị trấn Cầu Diễn - huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch - quận Cầu Giấy, Hà Nội.

1.2- Ranh giới:

+ Phía Bắc giáp tuyến đường thoát nước của Thành phố ra sông Nhuệ.

+ Phía Nam trùng với chỉ giới đường đỏ tuyến đường quy hoạch nối từ đường Hoàng Quốc Việt ra ga Phú Diễn.

+ Phía Đông trùng với chỉ giới đường đỏ đường Phạm Văn Đồng (đường vành đai 3).

+ Phía Tây trùng với chỉ giới đường đỏ tuyến đường Cầu Diễn – Cầu Noi.

1.3- Quy mô:

- Tổng diện tích đất nghiên cứu khoảng: 953.337m² (95,3337Ha).

- Quy mô dân số khoảng 12433 người.

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

- Cụ thể hoá Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị “Thành phố Giao Lưu” tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt.

- Khớp nối quy hoạch chi tiết các khu vực dân cư, cơ quan hiện có và một số dự án khác đang triển khai trong khu vực để đảm bảo đồng bộ về tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật và nâng cao môi trường sống cho nhân dân trong khu vực, giải quyết một phần đất tái định cư giải phóng mặt bằng của Thành phố.

- Xác định chỉ giới mở đường, bao gồm các tuyến đường khu vực và đường nhánh trong phạm vi nghiên cứu.

- Xác định quỹ đất còn lại sau khi mở đường. Căn cứ tình hình hiện trạng, quy hoạch chung khu vực và tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế hiện hành để đề xuất chức năng sử dụng cũng như các chỉ tiêu về tầng cao, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất phù hợp cho từng lô đất.

- Nghiên cứu, đề xuất, đưa ra giải pháp tối ưu cho việc tổ chức không gian kiến trúc trong khu vực nghiên cứu. Nhằm tạo được bộ mặt kiến trúc trên tuyến đường Phạm Văn Đồng, gắn kết không gian hồ nước, nhà vườn biệt thự và các công trình cao tầng thành một quần thể kiến trúc hiện đại thống nhất.

- Thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực nghiên cứu, trên cơ sở tính toán các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành cũng như phù hợp với quy hoạch chung khu vực.

- Tạo được một khu vực có quy hoạch ổn định lâu dài phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội cũng như phù hợp với quy hoạch chung thủ đô Hà Nội.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết:

3.1- Các chỉ tiêu đạt được:

Bảng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

Số TT	Hạng mục	Ký hiệu ô đất	Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật			Chỉ tiêu m ² đất/ người; (m ² đất/ học sinh)
			Diện tích m ²	Tỉ lệ		
				%	%	
	Tổng cộng		953337	100		
I	Đất an ninh, quốc phòng	AN	58689	6,16		
II	Đất hành lang cách ly và đất công trình kỹ thuật	CL	41094	4,31		

III	Đất hỗn hợp	HH	22893	2,41		
IV	Đất công cộng thành phố khu vực	CC	82245	8,63		
V	Đất hồ điều hoà	HO	150000	15,73		
VI	Đất cây xanh, thể dục thể thao, vui chơi giải trí	CXKV	51601	5,40		
VII	Đất đường khu vực, phân khu vực		68650	7,20		
VIII	Đất quảng trường, đường dạo	QT	13305	1,40		
IX	Đất trường trung học phổ thông	THPT	12135	1,27		
X	Đất đơn vị ở		452725	47,49	100	
1	Đất công cộng, hành chính đơn vị ở	HC	6599		1,48	0,53
2	Đất trường học, nhà trẻ mẫu giáo	TH, THCS, NT	55605		12,28	4,47 (18,64)
3	Đất đường giao thông, bãi đỗ xe	P	130622		28,85	10,51
4	Đất cây xanh, sân chơi	CXDVO	30307		6,69	2,44
5	Đất ở	CT, TT	229592		50,71	18,47
	Số người dự kiến theo quy hoạch					12433

3.2- Quy hoạch sử dụng đất:

Khu đô thị "Thành phố giao lưu" bao gồm các chức năng sử dụng đất chính như sau: Đất công cộng Thành phố và khu vực; Đất cây xanh thể dục thể thao; Hồ điều hoà; Đất trường học, nhà trẻ; Đất ở cao, thấp tầng; Công cộng đơn vị ở; Bãi đỗ xe; Đất an ninh quốc phòng;.... Cụ thể như sau:

- Đất an ninh quốc phòng có ký hiệu AN được thực hiện theo dự án riêng và tuân thủ quy định của Chính phủ về chế độ quản lý và sử dụng đất an ninh quốc phòng, bao gồm:

+ Lô đất xây dựng trụ sở Bộ Công an được thực hiện theo Quyết định số 1150/QĐ-UB ngày 3/3/2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và quy định khác có liên quan.

+ Lô đất hiện là doanh trại Tiểu đoàn VT987 Bộ tư lệnh Tăng thiết giáp được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Đất công trình kỹ thuật kể cả hành lang cách ly (có ký hiệu là CL) được thực hiện theo đúng quy chuẩn, quy phạm hiện hành bao gồm: Đất xây dựng trạm bơm nước thải; Đất mương; Giếng khoan khai thác nước ngầm Nhà máy nước Mai Dịch.

- Đất hỗn hợp (ký hiệu HH) dành để xây dựng các công trình có chức năng hỗn hợp như nhà ở, văn phòng cơ quan dịch vụ công cộng. Trong đất hỗn hợp phải

dành đủ diện tích sàn để di dân tái định cư tại chỗ, một phần cho quỹ nhà ở của Thành phố, phần diện tích sàn còn lại để ưu tiên giải quyết lao động việc làm cho người dân (như kinh doanh dịch vụ, thương mại...).

- Đất công cộng thành phố và khu vực (ký hiệu CC) bao gồm 5 lô đất để xây dựng khách sạn, văn phòng cao cấp, trụ sở cơ quan, dịch vụ thương mại, giao lưu văn hoá...

- Đất hồ điều hoà (có ký hiệu HO) diện tích 150.000m² theo yêu cầu điều hoà thoát nước của Thành phố.

- Đất cây xanh, thể dục thể thao vui chơi giải trí (có ký hiệu CXKV) bố trí các hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao của khu vực và thành phố trong đó bố trí các hoạt động dành cho giao lưu văn hoá văn nghệ như nhà thuyền, sân khấu ngoài trời, sân tennis, bể bơi... Đất cây xanh thể thao khu vực, kết hợp cây xanh đơn vị ở (có ký hiệu CXĐVO) và hồ điều hoà và các dự án khác trong khu vực này phải được quy hoạch trong một tổng thể thống nhất tạo cảnh quan môi trường và điều hoà vi khí hậu.

- Đất đường khu vực, phân khu vực, đường nhánh phải đảm bảo mối liên hệ thuận tiện về giao thông với các khu vực khác của thành phố.

- Đất quảng trường, đường dạo (có ký hiệu QT) là trục không gian đi bộ, nằm tại khu vực trung tâm và phải gắn kết hài hoà với các công trình công cộng thành phố.

- Đất trường trung học phổ thông (có ký hiệu THPT) phải đảm bảo quy mô phục vụ cho "Thành phố Giao Lưu" và dân cư trong khu vực.

- Đất công cộng đơn vị ở (có ký hiệu HC) dành để bố trí các công trình công cộng phục vụ hàng ngày của dân cư trong khu vực (như: Trụ sở uỷ ban nhân dân, công an, câu lạc bộ, trạm y tế, chợ... tương đương cấp phường)

- 01 đất trường tiểu học (có ký hiệu TH), 01 đất trường trung học cơ sở (có ký hiệu THCS), 03 nhà trẻ mẫu giáo (có ký hiệu NT) phải đảm bảo quy mô phục vụ cho nhu cầu học tập của các cháu học sinh trong khu đô thị.

- Bãi đỗ xe tập trung kết hợp điểm đỗ tuyến đường sắt nội đô (có ký hiệu P) có thể xây dựng cao tầng hoặc bố trí thêm tầng hầm. Ngoài bãi đỗ xe tập trung nêu trên, các bãi đỗ xe phân tán trong đất ở và đất cây xanh phải đảm bảo đủ chỗ đỗ xe cho nhu cầu hoạt động của công trình.

- Đất ở bao gồm nhà ở cao tầng và nhà ở thấp tầng:

+ Đất ở cao tầng ký hiệu CT, gồm 5 lô đất: CT1, CT2, CT3, CT4 và CT5 (Lô đất CT6 theo điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 trong đồ án này được đổi tên thành CT5). Các công trình nhà ở cao tầng dành diện tích sàn tầng 1 để sử dụng với chức năng công cộng theo quy định, việc xây dựng các công trình này phải tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn thiết kế nhà cao tầng đã quy định.

Lô đất có ký hiệu CT2 thực hiện theo quy hoạch tổng mặt bằng được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận ngày 23/5/2005 kèm theo Công văn số 588/QHKT-P1 ngày 25/3/2005 của Sở Quy hoạch Kiến trúc về việc quy hoạch mặt bằng và phương án thiết kế sơ bộ nhà ở chung cư cao tầng tại khu đô thị "Thành phố giao lưu".

+ Lô đất ở cao tầng có ký hiệu CT1 và CT5 dành để xây dựng khu tái định cư phục vụ dự án phát triển giao thông đô thị Hà Nội theo chỉ đạo của Thành phố,

thực hiện theo quy hoạch tổng mặt bằng và phương án thiết kế kiến trúc sơ bộ được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận kèm theo Công văn số 931/QHKT-PI ngày 26/6/2006 và được thực hiện theo dự án riêng (lô đất CT6 được chấp thuận trên nay được đổi là lô CT5).

+ Đất ở thấp tầng ký hiệu TT, gồm 5 lô đất: TT1, TT2, TT3, TT4 và TT5. Các lô đất nhà ở thấp tầng xây mới được xây dựng nhà ở kiểu biệt thự hoặc nhà vườn với quy mô khoảng 120m² -160m² đất/hộ. Riêng lô đất ký hiệu TT5 hiện một phần là nhà ở cán bộ, chiến sỹ Tiểu đoàn VT987, xen kẽ đường nội bộ và đất trống cần được lập quy hoạch tổng mặt bằng chung để quản lý cải tạo xây dựng theo quy hoạch và bàn giao cho Thành phố quản lý xây dựng theo quy định. Giao Sở Tài nguyên Môi trường - Nhà đất kiểm tra ranh giới, diện tích đất, hướng dẫn triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố (trong đó quỹ đất trống ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe, cây xanh sử dụng chung cho khu vực).

3.3- Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc và cảnh quan:

- Các công trình cao tầng được bố trí dọc theo các trục đường lớn và trục trung tâm khu đô thị. Các công trình này phải được thiết kế hợp khối có hình thức đẹp, hài hoà về không gian và cảnh quan tạo bộ mặt kiến trúc cho trục đường.

- Các công trình thấp tầng biệt thự, nhà vườn được bố trí linh hoạt tạo các lối sân chung, nơi đây có thể bố trí các bãi đỗ xe, sân tập luyện thể thao hoặc cây xanh đường dạo.

- Cụm công trình trường học kết hợp cây xanh nằm gần các khu nhà ở thuận tiện cho sử dụng.

- Quảng trường trung tâm và lối đi bộ chính cần có thiết kế đô thị để tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan đặc thù cho khu đô thị "Thành phố giao lưu".

- Không gian cây xanh, mặt nước hồ điều hoà, nơi đây tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao như các công trình nhà thuyền, sân khấu ngoài trời có thể tổ chức trình diễn thời trang, biểu diễn văn nghệ... các công trình thể thao vui chơi giải trí như bể bơi, sân tennis, bóng chày...

- Hồ nước được khai thác cho hoạt động chung vui chơi giải trí và một số môn thể thao nhẹ kết hợp hệ thống chiếu sáng ban đêm để khai thác giá trị của cảnh quan mặt nước hồ có hiệu quả.

3.4- Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

3.4.1- Quy hoạch giao thông:

a) Đường chính thành phố, liên khu vực:

Được tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể thủ đô Hà Nội, các quận, huyện và các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt. Bao gồm các tuyến đường:

- Đường Phạm Văn Đồng ở phía Đông có mặt cắt ngang điển hình B=68m (được thực hiện theo dự án riêng).

- Đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến ga Phú Diễn ở phía Nam có mặt cắt ngang điển hình B = 50m (được thực hiện theo dự án riêng).

b) Đường khu vực và phân khu vực:

- Đường khu vực Xuân La - Cổ Nhuế - Ga Phú Diễn - Xuân Phương ở phía Bắc có mặt cắt ngang điển hình $B=40m$ gồm dải phân cách trung tâm rộng $3m$, lòng đường mỗi bên rộng $11,25m$ (3 làn xe), vỉa hè mỗi bên rộng $7,25m$.

- Đường phân khu vực có mặt cắt ngang $B=30m$, gồm dải phân cách trung tâm rộng $3m$, lòng đường mỗi bên rộng $7,5m$ (2 làn xe), vỉa hè mỗi bên rộng $6m$.

c/ Đường nhánh:

+ Tuyến đường Cầu Diễn - Cầu Noi (đường ven sông Nhuế) có $B = 17,5m$ gồm lòng đường $7,5m$, vỉa hè mỗi bên rộng $5,0m$.

+ Tuyến đường có $B = 21,5m$ gồm lòng đường $11,5m$, vỉa hè mỗi bên rộng $5,0m$.

+ Đường có $B = 15,5m$ gồm lòng đường rộng $7,5m$, vỉa hè mỗi bên rộng $4,0m$.

+ Đường nhánh kết hợp trục không gian có mặt cắt ngang $B = 20m$ và $50m$.

d/ Đường nối bộ (lối vào nhà):

Được áp dụng mặt cắt ngang $B = 11,5m$.

e/ Quảng trường giao thông:

Quảng trường giao thông kết hợp đi bộ ở khu vực trung tâm khu đô thị.

g/ Bãi đỗ xe:

Tính toán nhu cầu bãi đỗ xe công cộng cho khu vực nghiên cứu được xác định gồm:

+ Bãi đỗ xe công cộng tập trung có diện tích khoảng $9954m^2$ dành cho nhu cầu đỗ xe công cộng từ nơi khác đến (với thời gian đỗ ≤ 6 tiếng), có thể xây dựng gara cao tầng hoặc bố trí thêm tầng hầm và kết hợp với điểm đỗ đường sắt đô thị. Các bãi đỗ xe phân tán kết hợp trong khu công viên cây xanh và trong khu nhà ở cao tầng, công trình hỗn hợp, công trình công cộng được tính toán theo quy định, đảm bảo nhu cầu sử dụng.

+ Đối với các công trình công cộng, biệt thự trong quá trình thiết kế phải đảm bảo nhu cầu đỗ xe cho bản thân các công trình này.

h/ Giao thông công cộng:

Bố trí các tuyến xe buýt hoạt động trên các tuyến đường từ cấp phân khu vực và một số tuyến đường nhánh, dọc theo các tuyến đường này cần thiết kế các điểm đỗ xe buýt, khoảng cách giữa các điểm đỗ này từ $350m$ đến $500m$.

3.4.2- Quy hoạch san nền và thoát nước mưa:

a/ Quy hoạch san nền:

- Cao độ khống chế từ $6,4m \div 7,6m$ dốc dần về phía Tây Bắc ô đất, nền trong từng ô đất được san với độ dốc nền $i \geq 0,004$ ra các tuyến đường bao quanh phù hợp với cao độ đường để đảm bảo yêu cầu thoát nước cho ô đất xây dựng công trình

- Tại khu vực dân cư hiện có được cải tạo chỉnh trang cục bộ trên cơ sở cao độ nền hiện trạng. Do đó cần có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo yêu cầu thoát nước để không gây úng ngập cho khu vực này

- Đối với tuyến đường ven sông Nhuế, đường được cải tạo, mở rộng dựa theo cao độ hiện trạng. Cần phối hợp với chính quyền địa phương để có kế hoạch đầu tư xây dựng cho phù hợp tránh chồng chéo.

- Khuyến khích sử dụng tối đa khả năng đào đắp tại chỗ.

b/ Quy hoạch thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa thoát nước mưa và thoát nước bẩn.

- Hệ thống cống thoát nước mưa được xây dựng là cống bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn có đường kính D600÷D2000 hướng thoát chính ra mương Cổ Nhuế ở phía Tây Bắc. Trên hệ thống thoát nước bố trí các công trình kỹ thuật như: giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra... v.v... theo quy định hiện hành. Cống được nối theo phương pháp nối đỉnh được thoát tự chảy ra sông Nhuế khi mức nước sông Nhuế thấp và bằng trạm bơm khi mức nước sông Nhuế cao. Hồ điều hòa nước mưa được bố trí trong khu vực có diện tích 15 ha dung tích và chế độ mực nước trong hồ sẽ được quản lý đảm bảo yêu cầu điều hoà nước mưa theo quy hoạch do cơ quan chuyên ngành thực hiện.

- Mương Cổ Nhuế, hồ điều hoà, trạm bơm Cổ Nhuế là những công trình đầu mối thoát nước mưa quan trọng của lưu vực Cổ Nhuế – Xuân Đình được thực hiện theo dự án riêng và các yêu cầu kỹ thuật của công trình sẽ được khẳng định tiếp trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu thoát nước cho toàn lưu vực

- Đảm bảo yêu cầu cảnh quan và môi trường nước bản không cho chảy vào hồ và nước mưa không trực tiếp xả vào hồ. Trên hệ thống thoát nước bố trí bể lắng tại các điểm xả vào hồ. Nước mưa được tập trung tại các bể lắng sau khi lắng cặn và tách nước mưa đợt đầu mới xả vào hồ.

3.4.3- Quy hoạch cấp nước:

a/ Nguồn nước:

- Được cấp từ nhà máy nước hiện có của Thành phố ở lân cận: (Nhà máy nước Mai Dịch công suất 60.000 m³/ngày, nhà máy nước Cáo Đình công suất 60.000 m³/ngày) thông qua tuyến truyền dẫn D800mm ở đường Phạm Văn Đồng và đường ống D400mm dự kiến đặt theo đường quy hoạch giáp phía Bắc và phía Nam. Cụ thể sẽ do cơ quan quản lý hệ thống cấp nước xem xét quyết định.

b/ Mạng lưới đường ống:

- Mạng lưới cấp nước là mạng vòng kết hợp với nhánh cụt. Trong đó các tuyến phân phối chính được thiết kế hình thành mạng vòng nhằm đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục đến từng công trình.

- Đường ống cấp nước phân phối chính có đường kính D225mm - D90mm mạng ống phân phối này được đấu nối với đường ống truyền dẫn tại một số điểm theo quy định.

- Giải pháp cấp nước đối với các công trình thấp tầng được cấp trực tiếp từ các tuyến ống phân phối và dịch vụ.

- Đối với các công trình cao tầng trường hợp áp lực nước của mạng cấp nước không đảm bảo yêu cầu được cấp thông qua trạm bơm và bể chứa cục bộ của công trình.

- Trong khu vực có hệ thống giếng khoan khai thác nước và tuyến nước thô của nhà máy nước Mai Dịch cần có biện pháp đảm bảo hoạt động bình thường và trồng cây xanh cách ly bảo vệ theo quy chuẩn.

c/ Cấp nước cứu hỏa:

Các họng cứu hỏa được bố trí thuận lợi cho công tác phòng cháy, chữa cháy. Khoảng cách giữa các họng cứu hỏa theo quy chuẩn khoảng 150m. Bố trí 3 hố lấy nước cứu hỏa tại hồ điều hoà.

3.4.4- Thoát nước bản và vệ sinh môi trường:

a/ Quy hoạch thoát nước bản:

Hệ thống thoát nước thải là hệ thống cống riêng giữa nước mưa và nước thải được thiết kế theo nguyên tắc:

Nước thải của công trình phải được xử lý sơ bộ bên trong lô đất, sau đó thoát vào hệ thống cống thoát nước thải được xây dựng dọc theo các tuyến đường tự chảy về trạm bơm, để đưa về xử lý tại trạm xử lý Cổ Nhuế. Trước mắt khi trạm xử lý Cổ Nhuế chưa được xây dựng, nước thải sau trạm bơm thoát tạm ra mương thoát nước của thành phố ở phía Bắc khu vực nghiên cứu khi đã đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường và được cơ quan quản lý môi trường cho phép.

Trạm bơm được đặt trong đất hạ tầng kỹ thuật, xung quanh trạm bơm được trồng cây xanh cách ly theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành.

Hệ thống cống thoát nước bản là cống bê tông cốt thép đúc sẵn. Trên hệ thống, tại các đường cống giao nhau và trên các đoạn cống có đặt giếng thăm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

b/ Vệ sinh môi trường:

- Rác phải được phân loại: rác hữu cơ và rác vô cơ, sau đó được thu gom, vận chuyển tới nơi quy định của thành phố.

- Đối với khu vực xây nhà ở thấp tầng có thể giải quyết rác theo phương thức: Tổ chức các đội thu gom rác theo từng khu vực vào giờ cố định, hoặc đặt các thùng rác nhỏ dọc theo các tuyến đường, hoặc xe chở rác thu gom theo giờ quy định.

- Đối với khu vực xây nhà cao tầng cần tổ chức hệ thống thu gom rác từ trên cao xuống hợp lý đảm bảo vệ sinh và thuận tiện trong việc thu gom.

- Đối với các cơ quan và các công trình công cộng, rác được thu gom thông qua hợp đồng trực tiếp với đơn vị có chức năng.

- Khi lập dự án đầu tư xây dựng cần bố xung nghiên cứu xây dựng khu vệ sinh và đặt các thùng rác công cộng đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị tại khu vực thường diễn ra hoạt động sinh hoạt công cộng chung của cộng đồng.

3.4.5- Quy hoạch cấp điện:

a/ Nguồn cấp điện:

- Được cấp điện từ trạm 110KV HNT1 xây dựng ở phía Đông Bắc hoặc từ trạm 110KV Nghĩa Đô hiện có, trạm 110KV Cầu Diễn dự kiến xây dựng ở phía Tây Nam khu đô thị. Cụ thể sẽ do cơ quan quản lý ngành điện xem xét giải quyết.

- Việc di chuyển thay thế đối với tuyến 110 KV hiện có chạy qua ô đất được thực hiện theo dự án riêng và có sự thống nhất của ngành điện.

- Nguồn trung thế cấp cho các trạm hạ thế trong khu vực nghiên cứu được sử dụng thống nhất cấp điện áp 22KV. Các tuyến 22KV dùng cáp ngầm. Mạng lưới trung thế là mạch vòng vận hành hở.

b/ Trạm biến thế:

Các trạm biến thế là các trạm kín được đặt gần trung tâm phụ tải (với bán kính phục vụ khoảng 300 mét), gần đường giao thông để tiện thi công và quản lý. Đối với các toà nhà cao tầng có phụ tải lớn có thể kết hợp đặt các trạm biến thế ngay trong tầng 1 của toà nhà để tiện cho việc xuất tuyến các lộ hạ thế cấp điện cho các phụ tải.

c/ Hệ thống hạ thế, chiếu sáng đường và chiếu sáng sinh hoạt:

Từ trạm biến áp tới công trình thiết kế cáp ngầm theo đường quy hoạch.

d/ Chiếu sáng đường:

Chiếu sáng các trục đường phố và đường nội bộ bằng đèn thuỷ ngân cao áp. Nguồn chiếu sáng được lấy từ các trạm biến thế trong khu vực.

3.4.7- Đánh giá tác động môi trường:

Chủ đầu tư tiếp tục thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

* Trên cơ sở đồ án quy hoạch chi tiết khi lập dự án đầu tư xây dựng chủ đầu tư cần rà soát, xác định khối lượng xây dựng hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu của quy hoạch.

Điều 2: Sở Quy hoạch Kiến trúc Thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, bản vẽ phù hợp với quyết định phê duyệt này trong vòng 15 ngày, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực; Chủ trì phối hợp với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA và UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Từ Liêm tổ chức công bố công khai quy hoạch chi tiết Khu đô thị "Thành phố Giao lưu", tỷ lệ 1/500 được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện; Hướng dẫn Chủ đầu tư tổ chức nghiên cứu, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với đồ án quy hoạch chi tiết khu đô thị mới này, trình cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở: Quy hoạch Kiến trúc, Xây dựng, Giao thông Công chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Nông nghiệp và phát triển Nông thôn; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBEA; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, Chủ tịch UBND huyện Từ Liêm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mai Dịch, xã Cổ Nhuế, thị trấn Cầu Diễn; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, Ngành, các tổ chức, cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3
- VP Chính phủ
- Bộ Xây dựng, KH&ĐT, TN&MT
- Chủ tịch UBND TP
- Các PCT UBND TP
- CPVP, TH, NN, XD, Xn
- Lưu VT.



Đỗ Hoàng Ân

Số: 3823./QĐ-UB

Hà Nội, Ngày 18 tháng 06 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Về việc thu hồi 973.977 m² đất tại Thị trấn Cầu Diễn và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy; giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A để đầu tư xây dựng Khu đô thị “Thành phố giao lưu”.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND;
- Căn cứ Luật Đất đai;
- Căn cứ Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 và Nghị định số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số: 2960/TTr-TMND-KH ngày 21 tháng 05 năm 2004 và Tờ trình số: 3764/TTr-TMND-KH ngày 18 tháng 06 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. 1/ Thu hồi 973.977 m² đất (chín trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm bảy mươi bảy mét vuông) tại Thị trấn Cầu Diễn và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, do UBND các xã phường và thị trấn quản lý, sử dụng vào mục đích nông nghiệp (diện tích này UBND Thành phố đã tạm giao để lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng tại Quyết định số 5994/QĐ-UB ngày 28/8/2002 và số 8918/QĐ-UB ngày 25/12/2002).

Vị trí ranh giới, diện tích khu đất giới hạn bởi các mốc: 38, 1, từ 37 đến 28, 27*, từ 27 đến 19, từ 58 đến 43, 59*, 60, 61, 4*, 3, 3*, 39 được xác định tại Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai QH-05, tỷ lệ 1/2000, do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội lập tháng 1/2002, được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 30/QĐ-UB ngày 01/03/2002, Kiến trúc sư trưởng Thành phố, nay là Sở Quy hoạch kiến trúc xác nhận ngày năm 2002 và Bản vẽ xác định ranh giới Khu đô thị mới “Thành phố giao lưu” QH-02, tỷ lệ 1/2000 do Công ty Liên doanh VIC lập tháng 6/2002; được Kiến trúc sư trưởng Thành phố, nay là Sở Quy hoạch kiến trúc xác nhận ngày 3/7/2002; Giám đốc Sở Địa chính Nhà đất, nay là Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất xác nhận các ngày 19/8/2002 và ngày 17/12/2002.

2/ Giao diện tích đất thu hồi tại Khoản 1/ Điều này cho Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A để đầu tư xây dựng Khu đô thị



“Thành phố giao lưu”, theo Dự án đầu tư do Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGÉBA phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-VIGÉBA ngày 25/8/2003 và được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép đầu tư và giao chủ đầu tư thực hiện dự án tại Văn bản số 1694/UB-KHĐT ngày 20/5/2004.

Trong tổng số 973.977 m² đất có:

+ 158.512 m² đất để xây dựng nhà ở chung cư cao tầng, gồm các ô đất CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, CT6 trong đó phải bàn giao cho Thành phố các ô CT1, CT6 có tổng diện tích 36.033 m² đất (chiếm 22,6% diện tích đất xây dựng nhà ở) kể cả hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở bổ sung vào quỹ nhà của Thành phố; dành 50% diện tích nhà ở chung cư cao tầng còn lại để bán cho các đối tượng CBCNV của các cơ quan đơn vị theo quy định;

+ 80.431 m² đất để xây dựng nhà ở biệt thự, nhà vườn gồm các ô đất BT1, BT2, BT3, BT4; Phần chênh lệch giữa giá bán và giá bảo toàn vốn của 25% diện tích nhà ở biệt thự, nhà vườn Chủ đầu tư phải nộp Ngân sách Thành phố thông qua Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để đầu tư xây dựng các công trình xã hội khu vực ;

+ 73.679 m² đất để xây dựng trường trung học phổ thông, trường tiểu học, trung học cơ sở, nhà trẻ, mẫu giáo, là ô đất có ký hiệu: THPT, TH1, TH2, TH3, TH4, NT1 và NT2;

+ 21.514 m² đất để làm công trình hỗn hợp là ô đất có ký hiệu HH1, HH2, HH3, trong đó dành một phần diện tích sàn cho tái định cư và quỹ nhà ở của Thành phố tại lô HH2 và HH3;

+ 88.418 m² đất để xây dựng công trình công cộng gồm các ô đất có ký hiệu: CC1, CC2, CC3, CC4, CC5, HC1, HC2.

+ 149.643 m² đất để làm hồ điều hoà là ô đất ký hiệu H.

+ 69.971 m² đất làm hành lang cách ly gồm các ô đất ký hiệu CL1, CL2, CL4, CL5, CL6.

+ 92.000 m² đất để làm khu thể thao, vui chơi, giải trí, bãi đỗ xe, trồng cây xanh gồm các ô đất ký hiệu CX, BX

+ 239.809 m² đất giới hạn bởi các mốc: 38, 1, từ 37 đến 28, 27*, từ 27 đến 19, từ 58 đến 43, 59*, 60, 61, 4*, 3, 3*, 39 tới ranh giới các ô đất CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, CT6, BT1, BT2, BT3, BT4, : THPT, TH1, TH2, TH3, TH4, NT1 và NT2, HH1, HH2, HH3, CC1, CC2, CC3, CC4, CC5, HC1, HC2, H, CL1, CL2, CL4, CL5, CL6, CX, BX để làm vỉa hè, đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tuyệt đối không được xây dựng công trình.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGÉBA thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1/ Thực hiện đúng các yêu cầu tại Văn bản số 1694/UB-KHĐT ngày 20/5/2004 của UBND Thành phố về hoàn thiện báo cáo khả thi, trình duyệt quy hoạch chi tiết 1/500, phương án tài chính, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, phương án tổ chức thực hiện dự án phân chia giai đoạn đầu tư... và sử dụng diện tích đất đúng mục đích nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này;

2/ Liên hệ với UBND huyện Từ Liêm và UBND quận Cầu Giấy để hoàn thành công tác bồi thường thiệt hại cho người đang sử dụng đất theo quy định;

3/ Liên hệ với Cục Thuế Hà Nội để làm thủ tục nộp tiền sử dụng đất theo quy định;

4/ Liên hệ với Sở Tài chính vật giá để xác định phần chênh lệch giữa giá bán và giá thành xây dựng đối với 25% diện tích nhà ở biệt thự, nhà vườn (xác định giá thành xây dựng theo tổng mức đầu tư của Dự án được phê duyệt), nộp Ngân sách Thành phố theo quy định;

5/ Sau khi thực hiện xong khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để nhận bàn giao mốc giới khu đất trên bản đồ và ngoài thực địa, lập trích lục bản đồ khu đất;

6/ Kể khai đăng ký quyền sử dụng đất tại UBND xã Cổ Nhuế, UBND thị trấn Cầu Diễn và UBND phường Mai Dịch;

7/ Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bàn giao quỹ đất quy định tại Khoản 2 Điều 1 cho Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất quản lý để thực hiện theo Quyết định của UBND Thành phố.

8/ Bán 50% diện tích nhà chung cư cao tầng cho các đối tượng theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Sau 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định này, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A chưa thực hiện xong Khoản 1, 2, Điều 2 Quyết định này hoặc sử dụng không đúng nội dung ghi tại Điều 1 thì Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất trình UBND Thành phố thu hồi Quyết định giao đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Chủ tịch: UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Từ Liêm, UBND phường Mai Dịch, UBND Thị trấn Cầu Diễn, UBND xã Cổ Nhuế; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Như Điều 4.

- Chủ tịch UBND TP (để B/C)
- PCT Đỗ Hoàng Ân,
- Lưu VT.

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quý Đôn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4437/QĐ-UB

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Về việc: bổ sung, thay thế một số Điều, Khoản tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của UBND thành phố về việc giao 973.977m² đất tại thị trấn Cầu Giấy, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy cho Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Quốc tế VIGIBA để đầu tư xây dựng khu đô thị "Thành phố Giao lưu".

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
- Căn cứ Luật Đất đai;
- Căn cứ Quyết định số 76/2004/QĐ-UB ngày 19 tháng 5 năm 2004 của UBND thành phố về việc ban hành quy định quản lý đầu tư các dự án cải tạo, xây dựng khu nhà ở và khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Bổ sung, thay thế một số Điều, Khoản tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18 tháng 6 năm 2004 của UBND Thành phố như sau:

1- Thay thế Khoản 5/ Điều 2:

"5/ Sau khi thực hiện xong Khoản 1/2/3/4 Điều này, liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để nhận bàn giao mốc giới khu đất trên bản đồ và ngoài thực địa, lập trích lục bản đồ khu đất, nhận Quyết định giao đất;"

2- Thay thế Khoản 7/ Điều 2:

"7/ Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật, bàn giao các ô đất ký hiệu CT1, CT6 có diện tích 33.033 m² cho Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất để quản lý, lập phương án sử dụng theo quy định của UBND thành phố."

3- Bổ sung Khoản 9/ Điều 2:

"9/ Bàn giao toàn bộ tầng 1 các nhà ở chung cư cao tầng; toàn bộ diện tích đất xây dựng các công trình cho mục đích kinh doanh, đất hỗn hợp, đất dự phòng cho công trình công cộng với đầy đủ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch cho Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất quản lý, lập phương án sử dụng theo đúng quy định tại Điều 7/ Quyết định số 76/2004/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của UBND thành phố."

4- Bổ sung Khoản 10 Điều 2:

“10/ Chịu sự quản lý của các Sở, Ngành thành phố, UBND: huyện Từ Liêm, quận Cầu Giấy:

a- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với việc đầu tư xây dựng của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A từ khi bắt đầu triển khai đầu tư đến lúc đưa vào sử dụng và bảo hành công trình theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 76/2004/QĐ-UB ngày 19/5/2004 của UBND thành phố; kịp thời phát hiện vi phạm và xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

b- Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất kiểm tra việc sử dụng đất của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A theo đúng mục đích, nội dung quyết định này;

c- Ủy ban nhân dân: quận Cầu Giấy, huyện Từ Liêm phối hợp với các Sở, Ngành chức năng kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng công trình của Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A.”

Điều 2: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Quy hoạch – Kiến trúc; Cục trưởng Cục Thuế Hà Nội; Chủ tịch UBND: huyện Từ Liêm, quận Cầu Giấy, phường Mai Dịch, thị trấn Cầu Diễn, xã Cổ Nhuế; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Chủ tịch UBND thành phố,
(để báo cáo),
- Phó Chủ tịch Đỗ Hoàng Ân,
- Như Điều 2,
- Lưu VT, Nth,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quý Đôn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG VĂN SỐ: 443 /QĐ-UBND
Số: 05
Ngày: 21 tháng 02 năm 2007

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép tiếp tục thực hiện và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2003 và số 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Công văn số 192/CP-CN ngày 11/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện Dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu";

Căn cứ Thông báo số 206/TB-VPCP ngày 28/12/2006 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Trương Vĩnh Trọng về Dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu";

Căn cứ Công văn số 5196/BTNMT-ĐĐ ngày 23/11/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai Dự án Khu đô thị Thành phố Giao lưu;

Căn cứ Công văn số 1560/UB-KH&ĐT ngày 25/04/2005, số 3952/UB-NN&DC ngày 9/9/2005 và số 1694/UB-KH&ĐT ngày 20/05/2004 của UBND Thành phố về việc triển khai dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu" và cho phép đầu tư, giao Chủ đầu tư thực hiện Dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu";

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 09/TB-VP ngày 14/07/2006, số 220/TB-UB ngày 05/10/2006 và Văn bản số 261/UBND-NN&DC ngày 12/01/2007 về thông báo chỉ đạo của Thường trực UBND Thành phố tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để triển khai thực hiện Dự án Khu đô thị "Thành phố giao lưu" và kết luận của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố tại cuộc họp ngày 30/09/2006; về tháo gỡ vướng mắc trong việc giao đất để thực hiện các dự án khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số: 609/TTr-TM&ND-KH ngày 09 tháng 02 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tiếp tục thực hiện Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao đất để thực hiện Dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố, cụ thể như sau:

1/ Diện tích đất để thực hiện Dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu, là 911.540 m² đất (chín trăm mười một ngàn, năm trăm bốn mươi mét vuông) tại Thị trấn Cầu Diễn và xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy.

Vị trí ranh giới, diện tích khu đất được xác định tại Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất QH-04C, tỷ lệ 1/500 do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội lập, được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND và số 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/09/2006.

2/ Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị “Thành phố giao lưu” được Ủy ban nhân dân Thành phố cho phép đầu tư tại Văn bản số 1694/UB-KHĐT ngày 20/5/2004, được Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm tra và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-VIGEB A.2006 ngày 18/9/2006. Công ty đã cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và những nội dung đóng góp của các Bộ ngành Trung ương tại Công văn số 43/CV-VIGEB A/2006 ngày 03/10/2006.

3/ Bổ sung Điểm d, Khoản 10, Điều 2 Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố:

"d. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra việc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A thực hiện Văn bản số 1766/KH&ĐT-TĐ ngày 15/09/2006, Văn bản số 1911/KH&ĐT-TĐ ngày 02/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ Dự án Khu đô thị “Thành phố giao lưu” và cam kết của Công ty tại Văn bản số 43/CV-VIGEB A/2006 ngày 03/10/2006."

4/ Bổ sung Điều 3^a Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

"Điều 3^a : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A chỉ được thực hiện các quyền của người sử dụng đất và xây dựng công trình sau khi: Hoàn thành xong nghĩa vụ của người sử dụng đất quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 2 Quyết định này."

Điều 3. Bãi bỏ khoản 3, điều 1 Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 4. Cơ cấu sử dụng quỹ đất, nhà của Dự án:

Trong tổng số diện tích 911.540 m² đất, có:

- 127.707 m² đất (chiếm 56,5% diện tích nhà ở của dự án) để xây dựng nhà ở chung cư cao tầng, gồm các ô đất CT1, CT2, CT3, CT4, CT5, trong đó phải bàn giao cho Thành phố các ô CT1, CT5 có tổng diện tích 36.287 m² đất để xây dựng nhà ở bổ sung vào quỹ nhà của Thành phố; dành 50% diện tích nhà ở chung cư cao tầng còn lại để bán cho các đối tượng CBCNV của các cơ quan đơn vị theo quy định. Hình thức sử dụng đất: giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- 98.348 m² đất để xây dựng nhà ở biệt thự, nhà vườn gồm các ô đất TT1, TT2, TT3, TT4. Hình thức sử dụng đất: giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- 22.955 m² đất để làm công trình hỗn hợp là ô đất có ký hiệu HH1, HH2. Hình thức sử dụng đất: Thuê đất với thời hạn 50 năm, Công ty có trách nhiệm ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất theo quy định.

- Các công trình công cộng có mục đích kinh doanh, hình thức sử dụng đất: thuê đất với thời hạn 50 năm, Công ty có trách nhiệm ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất theo quy định; gồm:

+ 88.838 m² đất để xây dựng công trình công cộng gồm các ô đất có ký hiệu: CC1, CC2, CC3, CC4, CC5, HC.

+ 67.697 m² đất để xây dựng trường trung học phổ thông, trường tiểu học, trung học cơ sở, nhà trẻ, mẫu giáo, là ô đất có ký hiệu: THPT, TH, THCS, NT1, NT2, NT3.

+ 9.954 m² đất để làm bãi đỗ xe, gồm các ô đất ký hiệu P.

- Các công trình công cộng, hình thức sử dụng đất: giao đất không thu tiền sử dụng đất, gồm:

+ 149.951 m² đất để làm hồ điều hoà là ô đất ký hiệu HO.

+ 41.057 m² đất làm mương và hành lang cách ly và hạ tầng kỹ thuật gồm các ô đất ký hiệu CL1, CL2, CL3, CL4, CL5.

+ 95.275 m² đất để làm quảng trường và cây xanh gồm các ô QT, CXKV, CXĐVO.

+ 209.758 m² đất để làm vỉa hè, đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, tuyệt đối không được xây dựng công trình."

Điều 5. Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A có trách nhiệm thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất quy định tại Luật Đất đai năm 2003, Quyết định 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/8/2006 của UBND Thành phố và nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố, đồng thời thay thế Quyết định số 5861/QĐ-UB ngày 17/8/2005, số 4548/QĐ-UBND ngày 12/10/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội; Chủ tịch: UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Từ Liêm, UBND phường Mai Dịch, UBND Thị trấn Cầu Diễn, UBND xã Cổ Nhuế; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP; để B/C
- Bộ Xây dựng;
- Bộ TN&MT;
- PCT Đỗ Hoàng Ân;
- Lưu VT, V5, NNĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quý Đôn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1354 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND Thành phố về việc cho phép tiếp tục thực hiện và điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất tại Tờ trình số: 1419/TTr-TMND-KH ngày 09 tháng 04 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của UBND Thành phố như sau:

1. Bãi bỏ Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Điều chỉnh Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 là: Bổ sung Điều 3^a Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

"Điều 3^a : Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A chỉ được thực hiện các quyền của người sử dụng đất và xây dựng công trình sau khi: Hoàn thành xong nghĩa vụ của người sử dụng đất quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Quyết định này."

3. Bổ sung Khoản 5 Điều 2 Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố là:

"Điều chỉnh Điểm a, Khoản 10 Điều 2 Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với việc đầu tư xây dựng của Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A từ khi bắt đầu triển khai đầu tư đến lúc đưa vào sử dụng và bảo hành công trình theo đúng nội dung quy định tại Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 31/08/2006 của UBND Thành phố; kịp thời phát hiện vi phạm và xử lý theo thẩm quyền quy định của pháp luật."

4. Điều chỉnh Điều 3 Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 là:

“Bãi bỏ Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004 và Khoản 3, Điều 1 Quyết định số 4437/QĐ ngày 15/7/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố.”

5. Điều chỉnh nội dung về việc dành 50% diện tích nhà ở chung cư cao tầng tại Điều 4 Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 như sau:

“...dành 50% diện tích nhà ở chung cư cao tầng còn lại để bán cho các đối tượng cán bộ công nhân viên của các cơ quan đơn vị theo giá kinh doanh của Dự án...”

6. Các nội dung khác của Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố không thay đổi, vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Điều 2. Giao Cục Thuế Thành phố Hà Nội chủ trì việc xác định cụ thể về nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Chủ đầu tư dự án theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Tài chính, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Quy hoạch Kiến trúc, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế Thành phố Hà Nội; Chủ tịch: UBND quận Cầu Giấy, UBND huyện Từ Liêm, UBND phường Mai Dịch, UBND Thị trấn Cầu Diễn, UBND xã Cổ Nhuế; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEDA và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Thành ủy;
- Chủ tịch UBND TP; để B/C
- Bộ Xây dựng;
- Bộ TN&MT;
- PCT Đỗ Hoàng Ân;
- Lưu VT, V5, NNĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~3674~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu và một số nội dung tại các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và số 1354/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của UBND Thành phố.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định của Chính Phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Khoản 7 Điều 60 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023) của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4135/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND Thành phố về việc công bố Danh mục thu tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 2718/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giai quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5313/TTT-STNMT-QIIKHISDD ngày 18 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giảm diện tích đất thực hiện Dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu từ "911.540m²" (diện tích đã được UBND Thành phố giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGIBA tại Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, được điều chỉnh tại các Quyết định số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007, số 1354/QĐ-UBND ngày 11/4/2007) thành "857.778,9m²".



Diện tích đất điều chỉnh giảm là 53.761,1m² (Năm mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi một phẩy một mét vuông), được giới hạn bởi tọa độ các mốc ký hiệu X1, X2, X3, X4, X5, B, C, D, E, X7, G, H, K, X1 tại Bản định vị tọa độ mốc ngày 06/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường (được xác định căn cứ Bản vẽ Sơ đồ ranh giới đất thực hiện dự án TS02-12 tại phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy do Cục Hậu cần – Bộ Công an đề xuất kèm theo Văn bản số 890/H07-P5 ngày 18/5/2023, Sở Quy hoạch – Kiến trúc xác nhận kèm theo Văn bản số 2313/QHKY-IITKT-ND-NSH(M) ngày 25/5/2023).

Lý do điều chỉnh: Thực hiện dự án Mở rộng trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, thành phố Hà Nội theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 09/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 4181/QĐ-BCA-H02 ngày 15/6/2023 của Bộ Công an và chỉ đạo của UBND Thành phố tại Thông báo số 276/TB-VP ngày 12/6/2023 của Văn phòng UBND Thành phố.

Điều 2. Các nội dung khác của các Quyết định số 3823/QĐ-UB ngày 18/6/2004, số 4437/QĐ-UB ngày 15/7/2004, số 749/QĐ-UBND ngày 15/02/2007 và số 1354/QĐ-UBND ngày 11/4/2007 của UBND Thành phố giữ nguyên hiệu lực.

Điều 3. Căn cứ Điều 1 và Điều 2 Quyết định này, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGIBA có trách nhiệm:

1. Phối hợp với UBND quận Cầu Giấy để cung cấp các tài liệu liên quan và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án Mở rộng trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, thành phố Hà Nội theo quy định.

2. Phối hợp với Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan để thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch xây dựng; điều chỉnh dự án đầu tư và rà soát nghĩa vụ tài chính của Dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của UBND quận Cầu Giấy và các Sở, ngành:

1. UBND quận Cầu Giấy có trách nhiệm thực hiện thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng khu đất thực hiện dự án Mở rộng trụ sở Bộ Công an số 47 Phạm Văn Đồng, thành phố Hà Nội theo quy định; tổng hợp những vướng mắc vượt thẩm quyền (nếu có), đề xuất phương án giải quyết báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

2. Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn UBND quận Cầu Giấy và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGIBA thực hiện theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch – Kiến trúc; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND: quận Cầu Giấy, phường Mai Dịch; Chủ

tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng quốc tế VIGIBA và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND TP (để b/cáo);
- PCT UBND Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBND P.CVP Cù Ngọc Trang, P.TN;
- Lưu VT.

HS 25093.QHKHSDD.2023.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông

PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2785/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 04 tháng 6 năm 2025



QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4
Địa điểm: các phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy; thành phố Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010; Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/5/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật kiến trúc; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 và Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Quyết định số 6632/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 3920/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND Thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 (phần quy hoạch sử dụng đất) tại các ô quy hoạch ký hiệu E2-HH2, E2-NO11, E2-CC2 và đất đường giao thông (thực hiện chủ trương mở rộng trụ sở làm việc Bộ Công an tại số 47 Phạm Văn Đồng);

Căn cứ Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND Thành

phổ về việc phê duyệt Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại xã Cổ Nhuế, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm (nay là phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm) và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy;

Căn cứ Quyết định số 155/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND Thành phố về việc ban hành điều lệ quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị "Thành phố Giao lưu" tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 3674/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh diện tích đất thực hiện dự án Khu đô thị Thành phố giao lưu và một số nội dung tại các văn bản pháp lý liên quan;

Căn cứ Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 10/10/2023 của UBND Thành phố về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu đô thị Thành phố Giao lưu;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND Thành phố quy định về phương pháp xác định chỉ tiêu dân số với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp và một số công trình có lưu trú khác trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 2161-TB/TU ngày 19/5/2025 của Thành ủy Hà Nội về Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy thống nhất về nguyên tắc chủ trương đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, C XKV, CXĐVO, HO, CL4;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội tại Tờ trình số 366/TTr-QHKT-NSH-HTKT ngày 24/01/2025, Báo cáo thẩm định 367/BC-QHKT-NSH-HTKT ngày 24/01/2025 và công văn số 2422/QHKT-NSH-HTKT ngày 30/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, C XKV, CXĐVO, HO, CL4.

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, C XKV, CXĐVO, HO, CL4.

Địa điểm: Phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn - quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch - quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí, ranh giới và quy mô nghiên cứu:

a) Vị trí, ranh giới nghiên cứu: Các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, C XKV, CXĐVO, HO, CL4 nằm trong phạm

vi đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500, thuộc địa giới hành chính các phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy; thành phố Hà Nội.

b) Quy mô nghiên cứu quy hoạch:

- Tổng diện tích các ô đất điều chỉnh cục bộ quy hoạch: khoảng 342.242m².

3. Mục tiêu và nguyên tắc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết:

a) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa chức năng sử dụng đất phù hợp với định hướng Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 và Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao Lưu, tỷ lệ 1/500 được duyệt; quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng.

- Khớp nối đồng bộ về phạm vi, ranh giới các ô quy hoạch, không gian kiến trúc cảnh quan, giao thông và khu vực xây dựng công trình ngầm trên ô đất; phù hợp với nhu cầu khai thác, vận hành và quản lý; tạo lập công trình có hình thức kiến trúc đẹp, hiện đại, hài hòa không gian kiến trúc cảnh quan tại khu đô thị.

- Là cơ sở pháp lý để Chủ đầu tư lập dự án đầu tư xây dựng và để các cơ quan chức năng quản lý quy hoạch kiến trúc và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

b) Nguyên tắc:

- Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 trên nguyên tắc phù hợp chức năng sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc theo định hướng Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 đã được phê duyệt; Quy chuẩn xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Đảm bảo khớp nối đồng bộ về phạm vi, ranh giới các ô đất với hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, giao thông của Khu đô thị theo quy hoạch đã được xác định trong đồ án Quy hoạch chi tiết, tỷ lệ 1/500; định hướng đồ án Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 và đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt (để thực hiện Dự án mở rộng trụ sở làm việc Bộ Công an); phù hợp với Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và quy định hiện hành có liên quan.

- Các khu vực khác không thuộc nội dung Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 được giữ nguyên theo Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 và các Quyết định, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền.

4. Nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết:

4.1. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 với tổng diện tích đất khoảng 342.242m², cụ thể tại bảng sau:

**Bảng tổng hợp Chức năng sử dụng đất
và chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc điều chỉnh:**

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao công trình (tầng)	Tầng hầm (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Tổng diện tích sàn xây dựng ⁽¹⁾ (m ²)	Dân số (người) /số học sinh
1	Đất cây xanh sử dụng công công. hồ nước	CXĐT-HO	232.591	7.880	5	1+2	1	0.1	17.610	
1.1	Đất cây xanh sử dụng công công	CXĐT	82.591							
1.2	Hồ nước	HO	150.000							
2	Đất cây xanh chuyên dụng	CL4	1.280							
3	Đất trường Trung học phổ thông	THPT	12.135	4.854	40	4	1	1.6	19.416	1.213
4	Đất trường Trung học cơ sở	THCS	20.559	8.224	40	4	1	1.6	32.894	2.055
5	Đất trường Tiểu học	TH	19.991	7.996	40	3	1	1.2	23.989	1.999
6	Đất trường Mầm non	NT	14.144	5.658	40	3		1.2	16.973	1.177
6.1	Đất trường Mầm non	NT1	5.620	2.248	40	3	1	1,2	6.744	468
6.2	Đất trường Mầm non	NT2	5.000	2.000	40	3	1	1,2	6.000	416
6.3	Đất trường Mầm non	NT3	3.524	1.410	40	3	1	1,2	4.229	293
7	Đất nhà chung cư	CT4	33.932	11.877	35	30	3	9.9	339.176	4.411
8	Đất nhà chung cư hỗn hợp	HH2	6.699	3.015	45	4+30	5	11.9	79.722	576
9	Đất đường giao thông nội bộ		911							
Tổng			342.242	49.504		1+30	1+05		529.780	4.987

⁽¹⁾ - Tổng diện tích sàn xây dựng công trình đề xuất hệ số sử dụng đất được tính toán theo quy định của QCVN 01:2021/BXD; Tổng diện tích sàn xây dựng gồm cả tầng hầm (trừ các diện tích sàn phục vụ cho hệ thống kỹ thuật, PCCC, gian lánh nạn và đỗ xe của công trình).

- Tại ô đất ký hiệu CT4 (nhà chung cư) bố trí khoảng 230.710m² diện tích sàn nhà ở (khoảng 69% tổng diện tích sàn xây dựng) và 108.466m² sàn công cộng, dịch vụ, thương mại... (khoảng 31% tổng diện tích sàn xây dựng).

- Tại ô đất ký hiệu HH2 (nhà chung cư hỗn hợp) bố trí khoảng 27.493m² diện tích sàn nhà ở (khoảng 35% tổng diện tích sàn xây dựng) và 52.229m² sàn công cộng, dịch vụ, thương mại... (khoảng 65% tổng diện tích sàn xây dựng).

*** Ghi chú:**

- Quy mô tổng diện tích sàn xây dựng công trình, diện tích sàn các khu chức năng của công trình và diện tích sàn các công trình kỹ thuật, phụ trợ sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn tiếp theo khi lập phương án thiết kế công trình (hồ sơ thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật...), lập dự án đầu tư (được cơ quan chức năng chuyên ngành có ý kiến thỏa thuận), trên cơ sở phải đảm bảo phù hợp các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã được phê duyệt nêu trên và tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD), về nhà ở chung cư (QCVN 04:2021/BXD); Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành; phù hợp Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND Thành phố quy định về phương pháp xác định chỉ tiêu dân số với nhà chung cư, nhà chung cư hỗn hợp và một số công trình có lưu trú khác trên địa bàn thành phố Hà Nội; đảm bảo phù hợp với

quy mô và công năng công trình tại các ô đất quy hoạch. Diện tích xây dựng công trình phải đảm bảo phù hợp với mật độ xây dựng được duyệt. Tầng cao công trình phần nổi [chưa bao gồm lửng, tum thang kỹ thuật (nếu có)]: tuân thủ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng. Tổng chiều cao công trình phù hợp theo công văn số 451/TC-QC ngày 25/10/2024 của Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu về chấp thuận độ cao tầng không xây dựng công trình tại Dự án.

- Giải pháp thiết kế các công trình tại khu đất phải đảm bảo các yêu cầu phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, chống động đất; tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN06:2022/BXD và Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16/10/2023 của Bộ Xây dựng.

- Chỉ tiêu tính toán bình quân khoảng 3,6 người/căn hộ theo Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND Thành phố. Theo đó, tại ô đất ký hiệu CT4 bố trí khoảng 1.225 căn hộ và tại ô đất ký hiệu HH2 bố trí khoảng 160 căn hộ; đảm bảo phù hợp quy mô dân số theo quy hoạch chi tiết được duyệt tại các ô quy hoạch, giữ nguyên tổng quy mô dân số Khu đô thị Thành phố giao lưu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.

- Về nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội tại Dự án: Quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGIBA có trách nhiệm liên hệ Sở Xây dựng để được hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội tại Dự án (nếu có) đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Nhà ở, Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan về quản lý phát triển nhà ở xã hội hiện hành.

- Tại ô đất CXĐT-HO bố trí khu công viên (vườn hoa, cây xanh, đường dạo, vui chơi, giải trí, TDTT, các công trình dịch vụ tiện ích phục vụ Khu công viên... phù hợp định hướng Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD), Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành có liên quan.

- Ranh giới xây dựng phần ngầm công trình được xác định tại Bản đồ Quy hoạch không gian ngầm tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị. Giải pháp thiết kế, quy mô diện tích xây dựng tầng hầm cụ thể sẽ được nghiên cứu tính toán và xác định chính xác trong giai đoạn lập phương án kiến trúc công trình, lập dự án đầu tư xây dựng, đảm bảo các yêu cầu phòng cháy chữa cháy, quản lý không gian ngầm theo quy định và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Trước khi triển khai thi công xây dựng phải tiến hành khảo sát cụ thể hiện trạng sử dụng đất, các công trình ngầm và nổi hiện có tại dự án và có liên quan theo quy định của Nhà nước, đồng thời phải đảm bảo việc tiêu thoát nước chung cho khu vực (được cơ quan có thẩm quyền thỏa thuận).

4.2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan:

- Đảm bảo quy mô số tầng cao công trình (01÷30 tầng nổi) phù hợp định hướng Quy hoạch phân khu đô thị H2-1, tỷ lệ 1/2000 được duyệt; giải pháp quy hoạch, bố cục mặt bằng công trình trên lô đất theo hình thức đơn giản và hiện đại, đảm bảo phù hợp với công năng sử dụng và nhu cầu khai thác, vận hành dự án.

- Khi thiết kế phương án kiến trúc công trình phải đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và định vị mặt bằng công trình theo các chỉ tiêu đã khống chế tại

Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất và Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; Tuân thủ quy định của Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành, các quy định hiện hành khác có liên quan và phải được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận.

b) Thiết kế đô thị:

- Nghiên cứu giải pháp thiết kế kiến trúc công trình đẹp, hiện đại (chi tiết kiến trúc công trình, màu sắc, hình thức kiến trúc mặt đứng, vật liệu trang trí hoàn thiện, chiếu sáng...) phù hợp với công năng sử dụng, kết nối hài hòa với không gian kiến trúc cảnh quan của các dự án xung quanh và trong Khu đô thị Thành phố giao lưu.

- Phương án thiết kế công trình nghiên cứu trên cơ sở phân tích về các điều kiện hiện trạng của khu đất, vị trí cảnh quan, tranh thủ hướng gió mát, hạn chế tối đa nhu cầu sử dụng năng lượng cho điều hòa không khí hoặc sưởi ấm công trình.

- Chỉ giới xây dựng phần nổi của công trình và khoảng lùi xây dựng công trình so với chỉ giới đường đỏ, khoảng cách giữa các công trình (tuân thủ kích thước không chế tại bản vẽ Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan điều chỉnh của đồ án quy hoạch); chiều cao công trình phần đế và phần tháp được xác định tương ứng với mật độ xây dựng, tuân thủ Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Yêu cầu về cây xanh:

+ Lựa chọn và trồng cây xanh đô thị đúng chủng loại và phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, bổ cục không gian kiến trúc và kết hợp hài hòa với hệ thống cây xanh hiện có trong khu đô thị để tạo thành tuyến, điểm, diện.

+ Phát huy vai trò trang trí, phân cách, chống bụi, chống ồn, tạo cảnh quan, cải tạo vi khí hậu, không gây độc hại, tránh cản trở tầm nhìn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đô thị (đường dây, đường ống, kết cấu vỉa hè, mặt đường), đáp ứng các yêu cầu về quản lý sử dụng, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về thiết kế cây xanh đô thị.

- Yêu cầu về chiếu sáng, tiện ích đô thị: Nghiên cứu sử dụng trang thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng, các loại vật liệu thân thiện môi trường, các thiết bị hiệu suất cao tiết kiệm năng lượng (sử dụng đèn Led chiếu sáng, hệ thống sử dụng năng lượng mặt trời...). Khuyến khích khai thác nghệ thuật ánh sáng nhất là hình ảnh về đêm như chiếu sáng công trình, chiếu sáng đường phố, chiếu sáng cây xanh, sân vườn nội bộ... Có giải pháp, yêu cầu chiếu sáng phù hợp đối với các khu chức năng khác nhau.

4.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

Mạng lưới đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật xung quanh các ô đất quy hoạch điều chỉnh cơ bản tuân thủ theo quy hoạch chi tiết khu đô thị Thành phố giao lưu tỷ lệ 1/500 được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006; Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung hạ tầng kỹ thuật, cụ thể như sau:

- Bãi đỗ xe: Tổng nhu cầu diện tích đỗ xe tối thiểu của các công trình 121.370m² được bố trí tại tầng hầm công trình (các công trình nhà trẻ, trường học không bố trí đỗ xe ô tô tại tầng hầm) và các điểm đỗ xe trên mặt bằng trong phạm vi ô đất xây dựng công trình. Giải pháp thiết kế (vị trí, quy mô diện tích...) khu vực đỗ xe bố trí trong tầng hầm công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập

dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các quy định hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, quản lý không gian ngầm...

- Hồ điều hòa: Giữ nguyên quy mô diện tích 15ha theo quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu được duyệt; điều chỉnh ranh giới, hình dáng hồ quy hoạch trên cơ sở phần hồ hiện trạng phía Bắc đã xây dựng (khoảng 10ha) và mở rộng về phía Nam (khoảng 5ha).

- Xây dựng các trạm biến áp: No17-10x2000KVA cấp điện cho ô đất CT4; No19-3x2000KVA cấp điện cho ô đất HH2; Xây dựng bổ sung 06 trạm biến áp công suất (560-1600)KVA và các tuyến cáp ngầm 22KV cấp điện cho 06 ô đất nhà trẻ, trường học. Các trạm biến áp bố trí trong phạm vi ô đất xây dựng công trình (xây dựng trong hoặc ngoài công trình; sử dụng trạm cột hoặc trạm treo để tiết kiệm đất). Thiết kế cụ thể của trạm biến áp (vị trí, hình thức, diện tích, công suất...), các tuyến cáp ngầm trung, hạ thế sẽ được xác định chính xác trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng.

- Viễn thông thụ động: Nguồn cấp thông tin liên lạc cho khu quy hoạch từ tổng đài vệ tinh khu vực, dung lượng 15.000lines (ngoài phạm vi các ô đất điều chỉnh quy hoạch).

- Quy hoạch không gian ngầm: Xây dựng 01-05 tầng hầm dưới các công trình và dưới một phần ô đất cây xanh đô thị với tổng diện tích xây dựng khoảng 79.038m² chỉ phục vụ việc bố trí các hạ tầng kỹ thuật phụ trợ công trình và phục vụ nhu cầu đỗ xe của bản thân công trình, hỗ trợ một phần nhu cầu đỗ xe của khu vực (không bố trí các chức năng khác) theo đúng các quy định hiện hành của Thành phố, đảm bảo phù hợp với các quy định về phòng cháy, chữa cháy, quản lý không gian ngầm...; cho phép ranh giới xây dựng tầng hầm tối đa trùng chỉ giới đường đỏ các tuyến đường hoặc ranh giới các ô đất xây dựng công trình.

- Giải pháp bảo vệ môi trường: Khi triển khai lập dự án đầu tư xây dựng, Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

- Khi triển khai các công việc tiếp theo, chủ đầu tư có trách nhiệm: Liên hệ với Ban quản lý đường sắt đô thị Hà Nội để được thỏa thuận các nội dung liên quan đến tuyến đường sắt đô thị số 8 quy hoạch đi ngầm dọc tuyến đường B=50m giáp phía Nam khu quy hoạch theo quy định tại Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt; liên hệ với các cơ quan quản lý chuyên ngành, chính quyền địa phương để được thỏa thuận giải pháp tháo dỡ, dịch chuyển và hoàn trả các công trình hạ tầng kỹ thuật (nghĩa trang, hệ thống giếng khoan nước thô H15, trạm biến áp...) trong phạm vi điều chỉnh (chủ đầu tư chịu trách nhiệm về kinh phí phát sinh) đồng thời thỏa thuận về giải pháp đầu nối, cấp nguồn điện, nước, viễn thông, thoát nước thải... phục vụ nhu cầu khu quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc kiểm tra, xác nhận hồ sơ, bản vẽ đồ án Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500 tại các ô đất quy hoạch ký hiệu HH2, CT4, NT1, NT2, NT3, TH, THCS, THPT, CXKV, CXĐVO, HO, CL4 phù hợp với Quyết định này; Cập nhật nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nêu trên vào hồ sơ đồ án Quy hoạch chi tiết Khu đô thị Thành phố giao lưu, tỷ lệ 1/500.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với UBND quận Bắc Từ Liêm, UBND quận Cầu Giấy và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBASE tổ chức công bố công khai nội dung điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết được phê duyệt để các cơ quan, tổ chức có liên quan và nhân dân biết theo quy định.

- Chánh Thanh tra Sở Xây dựng; Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm và quận Cầu Giấy; Chủ tịch UBND phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn (quận Bắc Từ Liêm) và phường Mai Dịch (quận Cầu Giấy) chịu trách nhiệm: Kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo quy hoạch, kịp thời xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch (nếu có) theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Giao các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng và các cơ quan liên quan của Thành phố theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành có trách nhiệm kiểm tra các nội dung liên quan sau khi điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt và hướng dẫn Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBASE thực hiện các thủ tục về đầu tư dự án, quản lý đất đai, nghĩa vụ phát triển nhà ở xã hội tại Dự án (nếu có), nghĩa vụ tài chính phát sinh do Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết và các nội dung khác có liên quan theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về quản lý đầu tư và xây dựng.

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND quận Bắc Từ Liêm và quận Cầu Giấy; UBND phường Cổ Nhuế 1, Phú Diễn (quận Bắc Từ Liêm) và phường Mai Dịch (quận Cầu Giấy) và các đơn vị có liên quan kiểm tra, xem xét chính xác ranh giới, mốc giới, quy mô diện tích lô đất trên thực địa, đảm bảo phù hợp quy hoạch, không chồng lấn giữa các dự án trong khu vực.

- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBASE căn cứ các nội dung điều chỉnh quy hoạch đã được phê duyệt, có trách nhiệm liên hệ với các Sở, Ngành và các cơ quan liên quan của Thành phố để được hướng dẫn các thủ tục liên quan về dự án đầu tư, quản lý đất đai, nghĩa vụ tài chính theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Quy hoạch - Kiến trúc, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương; Chủ tịch UBND quận Bắc Từ Liêm, Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy, Chủ tịch UBND phường Cổ Nhuế 1, Chủ tịch UBND phường Phú Diễn, Chủ tịch UBND phường Mai Dịch; Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEBASE và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- VPUBTP: CVP, các PCVP,
- các phòng: TH, ĐT;
- Lưu VT (bản), ĐT.

627(5)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Đức Tuấn

Số: 352/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 21 tháng 1 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu”
của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEBEA tại
Xã Cổ Nhuế – Thị trấn Cầu Diễn – Huyện Từ Liêm và
Phường Mai Dịch – Quận Cầu Giấy - Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 08 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu” của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEBEA tại xã Cổ Nhuế – Thị trấn Cầu Diễn – Huyện Từ Liêm và Phường Mai Dịch – Quận Cầu Giấy - Hà Nội;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu” của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEBEA đã được chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội tại Tờ trình số 223 /TNMTNĐ-QLMT ngày 16 tháng 1 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng và kinh doanh khu đô thị “Thành phố giao lưu” của Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEBEA (sau đây gọi là Chủ Dự án) tại xã Cổ Nhuế – Thị trấn Cầu Diễn – Huyện Từ Liêm và Phường Mai Dịch – Quận Cầu Giấy - Hà Nội.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

2.1. Chủ Dự án phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu và xử lý ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của Dự án, đặc biệt lưu ý các vấn đề sau đây:



- Quá trình thi công xây dựng và phá dỡ các công trình phải thực hiện đúng quy định về đảm bảo trật tự an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình trên địa bàn Thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-UB ngày 19/01/2007 và các biện pháp làm giảm bụi theo quy định tại Quyết định số 02/2004/QĐ-UB ngày 10/01/2005 của UBND Thành phố Hà Nội;

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng của Dự án đều phải được thu gom và xử lý, đảm bảo đạt tiêu chuẩn TCVN 6772: 2000 trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung trong khu vực;

- Phải thực hiện xây dựng Trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn bộ Dự án, nước thải phát sinh trong quá trình dự án đi vào hoạt động phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 7222/2002 mức II trước khi thải ra môi trường tiếp nhận;

- Bụi và khí thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình vận hành khai thác Dự án phải có các biện pháp giảm thiểu, đạt tiêu chuẩn Chất lượng không khí – Tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh TCVN 5937-2005;

- Tiếng ồn và rung động trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án phải có biện pháp giảm thiểu, đạt tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành;

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định về quản lý rác thải của Thành phố Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3093/QĐ-UB ngày 21/09/1996 của UBND Thành phố Hà Nội;

2.2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt các hạng mục xử lý môi trường, Chủ Dự án phải gửi văn bản báo cáo Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội để tiến hành kiểm tra, giám định các chỉ tiêu về môi trường. Dự án chỉ được phép đi vào hoạt động chính thức khi các chỉ tiêu nêu trên đạt Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành;

2.3. Chủ Dự án phải thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả giám sát môi trường định kỳ phải gửi đến Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội để kiểm tra và giám sát.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội theo dõi, giám sát việc thực hiện Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên, Môi trường và Nhà đất Hà Nội, Chủ tịch UBND Huyện Từ Liêm, Chủ tịch UBND Quận Cầu Giấy, Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEBEA, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận : *nh*

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND. TP (để b/c);
- V5, TH, NN;
- Lưu: VT. *nh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (sau đây gọi là Chủ dự án đầu tư) tại Văn bản số 97/CV ngày 09/12/2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án xây dựng và kinh doanh Khu đô thị "Thành phố giao lưu" (sau đây gọi là Dự án);

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 10080/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 21 tháng 12 năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A, địa chỉ trụ sở chính: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư: Khu đô thị "Thành phố giao lưu" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Khu đô thị "Thành phố giao lưu".
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy và phường Cổ Nhuế 1, Cổ Nhuế 2, Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần: mã số doanh nghiệp 0101164854, đăng ký lần đầu ngày 02/7/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 03/6/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- 1.4. Mã số thuế: 0101164854
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu đô thị.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất Khu đô thị: 953.360 m². quy mô dân số khoảng 12.433 người; gồm: (1). Diện tích đất khu vực dự án (diện tích các lô đất thuộc quản lý của Chủ dự án đầu tư): 626.921 m². (2). Diện tích đất bàn giao cho các đơn vị khác: 326.439m²; do các đơn vị chủ động đầu tư xây dựng dự án và thực hiện các thủ tục pháp lý về môi trường đối với hoạt động của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường. (theo Quyết định số 154/2006/QĐ-UBND ngày 01/9/2006 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị "Thành phố giao lưu", tỷ lệ 1/500, các quyết định phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch, các quyết định thu hồi đất và giao đơn vị khác thực hiện).

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGIBA:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(từ ngày ~~29~~. tháng ~~12~~. năm 2022 đến ngày ~~29~~ tháng ~~12~~ năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và UBND các quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận: *NHHC*

- Chủ tịch UBND Thành phố (đề b/c);
- PCT UBNDTP Nguyễn Trọng Đông;
- VPUBTP: CVP, PCVP *C.N.Trang*;

Các phòng: TH, TNMT

- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT Hà Nội;
- UBND các quận Cầu Giấy, Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội;
- Công ty CP ĐT&XD quốc tế Vigeba;
- Lưu: VT, TNMT; *trg*

(Mã hồ sơ: 36290.CCMT).



1935 (6)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *trg*



Nguyễn Trọng Đông *trg*

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

04 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt (nước xám và nước đen), cụ thể gồm: (1) Lô đất thấp tầng TT1, (2) Lô đất thấp tầng TT2, (3) Lô đất thấp tầng TT3, (4) Lô đất thấp tầng TT4.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế, sau đó tiêu vào sông Nhuệ tại vị trí K4+210 bên phía bờ tả, thuộc phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí: Tại Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2 329 233 Y = 580 353.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.000 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức, dẫn qua hệ thống đường ống D400 sau đó tự chảy vào Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1,0); cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần	Thực hiện bắt đầu từ ngày 01/01/2025
2	COD hoặc TOC	mg/l	-		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
5	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	03 tháng/lần	Không thực hiện
6	Tổng rắn hòa tan	mg/l	500		

7	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
12	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án.

- Mạng lưới thu gom nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) từ các lô đất ký hiệu TT (thấp tầng: TT1, TT2, TT3, TT4) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại từng căn hộ (thể tích 3m³/căn hộ); theo tuyến rãnh thoát nước B300 dọc theo các lô nhà, rồi tập trung vào các tuyến cống chính D400 và dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất 1.000m³/ngày đêm (xây dựng ngầm ở phía Tây Bắc của dự án – Lô đất CL3 thuộc phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội).

+ Nước thải vệ sinh (vệ sinh sàn, bồn rửa, tắm giặt) xả ra tuyến rãnh thoát nước B300, cùng với nước thải sinh hoạt (xí, tiểu) về Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1, công suất 1.000m³/ngày đêm.

- Mạng lưới thoát nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm ra tuyến cống thoát nước D400 ra kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế, sau đó chảy ra sông Nhuệ tại vị trí K4+210 bên bờ tả, thuộc phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Trạm bơm nước → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Lắng đứng 1 → Lắng đứng 2 → Bể khử trùng và chứa nước sau lắng → Lọc áp lực → Hồ ga thoát nước → Hệ thống đường ống D400 → Kênh tiêu Đông Ngạc – Cổ Nhuế.

- Công suất thiết kế: 1.000m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Clorine, Polimer.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: chưa lắp đặt. Thời hạn lắp đặt chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp: hệ thống hoạt động không hiệu quả hoặc ngừng hoạt động, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến hệ thống các thiết bị, máy móc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian bắt đầu: tháng 01/2023, thời gian kết thúc: tháng 04/2023 (03 tháng).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 1.000 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 mẫu nước thải đầu vào (bể gom) và 01 mẫu nước thải sau xử lý (sau bể khử trùng).

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của thông số: theo các nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của thông số tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn I, công suất 1.000 m³/ngày đêm đã hoàn thành.

- Kiểm soát việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước của Khu đô thị từ các lô đất bàn giao cho các đơn vị khác; yêu cầu các đơn vị chủ động thu gom, xử lý nước thải phát sinh đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi xả vào hệ thống thoát nước của Khu đô thị và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục theo quy định tại khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Yêu cầu cơ bản đối với hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

+ Thông số quan trắc chính của hệ thống gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD hoặc TOC, NH₄⁺;

+ Có camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động;

+ Kết nối, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022
của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

01 dòng khí thải từ hệ thống xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí: Đường ống dẫn PVC D200 (sau tháp xử lý) dẫn ra hố ga nước thải (G29) nằm trên đường số 23 phía Bắc Hệ thống xử lý nước thải.

- Tọa độ xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0):
X=2 329 155; Y = 580 305.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $950 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24 h.

- Không yêu cầu về chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường do chưa có quy chuẩn kỹ thuật so sánh về mùi.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom: Khí thải từ các bể xử lý của hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống PVC D200 về tháp xử lý mùi sau đó thoát ra môi trường bằng quạt hút. Không khí sau khi qua tháp xử lý sẽ được dẫn bằng đường ống PVC D200 đi ra hố ga nước thải (G29) nằm trên đường số 23 ở phía Bắc Hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi) → Đường ống PVC D200 → Tháp xử lý mùi → Quạt hút → Thải ra ngoài.

- Thiết kế tháp xử lý mùi: vật liệu thép, kích thước D x H = 2.000 x 3.505 (mm) (bao gồm cả phần chân đế); lớp than hoạt tính dày 1,4m; quạt hút công suất P = 3,7kw; lưu lượng $950 \text{ m}^3/\text{h}$.

- Công suất thiết kế: $950 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Định kỳ kiểm tra thiết bị xử lý mùi, theo dõi thường xuyên quá trình vận hành, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **234/GPMT-UBND** ngày **29** tháng **12** năm **2022**
của UBND thành phố Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Tiếng ồn, độ rung từ các máy thổi khí, máy bơm, quạt hút và các thiết bị được lắp đặt tại hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí: tại khu vực đặt Hệ thống xử lý nước thải (Lô CL3, phía Tây Bắc của dự án).

- Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , mũi chiếu 3^0): X = 2329153;
Y = 580304.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu mỡ, vệ sinh cánh quạt...); duy trì các thiết bị máy móc hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn tới mức thấp nhất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bố trí thiết bị giảm chấn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh trung bình (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính hoá chất	18 02 01	50
2	Bao bì mềm chứa hóa chất	18 01 01	200
3	Bóng đèn huỳnh quang cháy, hỏng	16 01 06	5
4	Thiết bị, linh kiện, điện tử thải	16 01 12	5
	Tổng		260

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình khoảng 238 tấn/năm (tương đương với 652 kg/ngày đêm).

- Khối lượng rác thải từ khu vực công cộng phát sinh khoảng 300 tấn/năm (tương đương 821.91 kg/ngày đêm).

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Bùn thải từ hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 41 tấn/năm (tương đương 112.3 kg/ngày đêm).

- Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải của Hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 2.5 tấn/lần, tần suất thay bỏ từ 1-2 lần/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại (CTNH):

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí các thùng chứa riêng biệt, dung tích 120 lit, bằng nhựa composit, dán nhãn mã CTNH theo quy định

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 5 m², đặt tại vị trí khu nhà của Ban quản lý dự án khu đô thị.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: có sàn bê tông có khả năng

chống thấm; không phát tán, rò rỉ. Kho chứa có mái che, biển cảnh báo khu vực lưu giữ CTNH theo quy định.

2.1.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: được lưu chứa tại bể chứa bùn (01 bể, thể tích 82,93 m³, kích thước DxRxH = 5,456 x 3,8 x 4 (m)).

- Than hoạt tính từ hệ thống xử lý khí thải của Hệ thống xử lý nước thải: được lưu giữ tại tháp xử lý mùi, định kỳ 1-2 lần/năm được thải bỏ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: lưu chứa ngay tại bể chứa bùn (bùn thải), tháp xử lý mùi (than hoạt tính), định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: các hộ dân tự thu gom tại hộ gia đình bằng túi riêng trước khi bỏ vào thùng rác theo quy định. Đơn vị vệ sinh môi trường của khu vực sẽ thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt từ khu đô thị theo quy định chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của Thành phố.

2.3.2. Kho lưu chứa: không bố trí, thu gom trực tiếp từ các hộ gia đình.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 234/GPMT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2022 của UBND thành phố Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG :

1. Đã hoàn thành các hạng mục công trình xử lý chất thải: hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 1.000 m³/ngày đêm (lô đất CL3); các yêu cầu về bảo vệ môi trường liên quan đến phạm vi phục vụ của công trình xử lý chất thải được phê duyệt tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

2. Các nội dung của Dự án sẽ được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 21/01/2008 của UBND thành phố Hà Nội (các hạng mục công trình trên đất thuộc phân quản lý của Chủ đầu tư dự án), cụ thể như sau:

2.1. Xây dựng hạng mục công trình chính:

- Khối nhà cao tầng (lô đất CT4): diện tích 33.932 m²; mật độ xây dựng 28,35%; tầng cao bình quân 10,2.

- Khối nhà trẻ (lô đất NT: NT1, NT2, NT3): diện tích 15.055 m², mật độ xây dựng 15,13%; tầng cao bình quân 1,97.

- Khối trường học (lô đất TH): diện tích 19.991 m²; mật độ xây dựng 13,32%; tầng cao bình quân 2,8.

- Khối trường học (lô đất THCS): diện tích 20.559 m²; mật độ xây dựng 10,36%; tầng cao bình quân 2,8.

- Khối trường học (lô đất THPT): diện tích 12.135 m²; mật độ xây dựng 9,93%; tầng cao bình quân 3,0.

- Đất hỗn hợp (lô đất HH2): diện tích 6.699 m²; mật độ xây dựng 13,32%; tầng cao bình quân 2,8.

2.2. Xây dựng, hoàn thiện các công trình hạ tầng:

- Đất cây xanh khu vực, cây xanh đơn vị ở (lô đất CXXV, CXĐVO): diện tích 30.306 m².

- Đất Cây xanh cách ly, hành lang kỹ thuật (lô đất CL4, CL5): diện tích 1.963 m³ (CL4) và 1.060 m² (CL5).

- Đất bãi đỗ xe (lô đất P) và đất giao thông: diện tích 51.301 m².

2.3. Xây dựng, hoàn thiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 2, quy mô công suất sẽ theo lưu lượng nước thải cần xử lý của Khu đô thị, đảm bảo 100% nước thải phát sinh từ Khu đô thị được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn và thực hiện việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường./.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Số: 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL

- Căn cứ Bộ Luật dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 03/06/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố;

- Căn cứ Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND thành phố Hà Nội ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội sửa đổi Quyết định số 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố;

- Căn cứ Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty CP xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội cho ông Ngô Bá Quang chức vụ Phó giám đốc về việc ký kết hợp đồng dịch vụ;

- Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-QLDA ngày 27/12/2023 của Ban QLDA Đầu tư Xây dựng, UBND quận Bắc Từ Liêm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thu gom, vận chuyển rác thải và duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm giai đoạn năm 2024 - 2025;

- Căn cứ kết quả thực hiện năm 2023 và khảo sát, xác định khối lượng rác phát sinh thực tế bình quân từ ngày 1/12/2023 đến 10/12/2023 được hai bên thống nhất.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2023, tại văn phòng Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở : Số 232 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.62651311 Fax: 024.62651310

Mã số thuế : 0101164854

Tài khoản số : 21510000501298

Mở tại : Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy

Đại diện Ông : **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP xử lý Chất thải xây dựng và Đầu tư phát triển Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở : G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Mã số thuế : 0105 117 534

Tài khoản số : 002 1000 294 740 Mã ngân hàng: 01203001

Mở tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Đại diện Ông : **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Sau khi thảo luận hai bên đồng ý ký hợp đồng với những nội dung sau:

Điều 1. Nội dung của hợp đồng.

Bên A thuê bên B thực hiện phân loại rác theo quy định, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của bên A với phân hạ tầng, công viên Hồ điều hoà và các tuyến đường (không bao gồm phần rác thải sinh hoạt của cư dân trong khu nhà ở thấp tầng) trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm đến bãi đổ quy định của Thành phố, cụ thể sau:

- Khối lượng chất thải thực hiện: 82,5 m³/tháng

- Tần suất thực hiện: Hàng ngày

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật thực hiện hợp đồng

- Chất thải sinh hoạt phải được thu gom vào dụng cụ thu chứa chuyên dùng phù hợp với công nghệ vận chuyển rác (xe gom hoặc thùng container loại nhỏ).

- Chất thải thu gom, tập kết phải là chất thải rắn sinh hoạt không lẫn các loại chất thải nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

- Địa điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo các điều kiện giao thông cho người và phương tiện ra vào bốc xếp cũng như các điều kiện về môi trường.

- Công nhân lao động thực hiện bốc xếp, vận chuyển rác phải được trang bị đầy đủ thiết bị, quần áo bảo hộ lao động.

- Xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo các điều kiện an toàn kỹ thuật và môi trường.

Điều 3. Địa điểm, thời gian thực hiện.

- Địa điểm thực hiện: các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm. Ngoài địa điểm kể trên bên B không có trách nhiệm bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bất kỳ một địa điểm nào khác, khi bên A có nhu cầu thì phải thỏa thuận và ký kết hợp đồng khác với bên B.

- Thời gian thực hiện: 24 tháng, từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 31/12/2025.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên:

4.1. Bên A:

- Trang bị đầy đủ dụng cụ thu chứa đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường cũng như chứa hết khối lượng rác phát sinh hàng ngày.

- Đảm bảo tập kết rác thải sinh hoạt của bên A phải đảm bảo điều kiện về an toàn giao thông cho người và phương tiện ra vào thực hiện vận chuyển rác.

- Chịu trách nhiệm phân loại rác trong quá trình thu gom đến nơi tập kết đảm bảo không lẫn các loại chất thải nguy hại, rác thải y tế, phế thải xây dựng và các loại chất thải nguy hại khác.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người và phương tiện của bên B thực hiện bốc xếp, vận chuyển chất thải tại địa điểm tập kết của bên A.

- Cử người phối hợp với bên B xác nhận khối lượng bốc xếp, vận chuyển làm căn cứ nghiệm thu, thanh toán và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có). Trong trường hợp bên A không cử người phối hợp với bên B để nghiệm thu thì bên A phải thanh toán cho bên B theo khối lượng mà bên B đã nghiệm thu.

- Bổ sung khối lượng khi có phát sinh ngoài khối lượng đã ký kết (nếu có).

- Thanh toán đủ, đúng tiến độ thỏa thuận tại hợp đồng này.

4.2. Bên B:

- Cử người phối hợp với bên A thực hiện nghiệm thu, thanh toán, khảo sát khối lượng, và xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có).

- Bố trí người và phương tiện thực hiện bốc xếp, vận chuyển hết khối lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tại địa điểm của bên A.

- Đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường cho người và phương tiện trong suốt quá trình bốc xếp và vận chuyển rác đến nơi xử lý.

- Được quyền từ chối thực hiện bốc xếp, vận chuyển chất thải nếu các loại chất thải không được phân loại theo đúng yêu cầu trong hợp đồng này.

- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A.

Điều 5. Đơn giá, giá trị hợp đồng và phương thức nghiệm thu – thanh toán.

5.1. Giá trị hợp đồng 01 năm:

- Khối lượng rác thực hiện: $82,5 \text{ m}^3/\text{tháng} \times 189.090,909 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 187.200.000 \text{ đồng}$

- Thu dọn, vệ sinh: $6.363.636,364 \text{ đồng}/\text{tháng} \times 12 \text{ tháng} = 76.363.636 \text{ đồng}$.

- **Tổng giá trị hợp đồng 01 năm là: 263.563.636 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT)**

(Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi ba triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi

ba đồng/.)

* Đơn giá sẽ được thay đổi khi Thành phố ban hành đơn giá mới.

* Khối lượng rác thực hiện không thay đổi cho đến hết ngày 31/12/2025.

5.2. Phương thức nghiệm thu – thanh toán - thanh lý:

5.2.1. Phương thức nghiệm thu:

- Căn cứ vào kết quả nghiệm thu, đánh giá chất lượng công việc cũng như khối lượng rác bình quân hai bên sẽ lập biên bản nghiệm thu.

- Thời gian nghiệm thu thanh toán: 3 tháng/lần (hàng quý) vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.

5.2.2. Phương thức thanh toán:

- Trên cơ sở khối lượng nghiệm thu bên A thanh toán 100% giá trị thực hiện cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán. Quá thời hạn thanh toán trên bên A vẫn không thanh toán thì bên A phải chịu chi phí nợ quá là 2%/tháng cho số tiền chậm trả và bên B có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc Tiền mặt

5.2.3. Thanh lý:

- Khi hết thời hạn hợp đồng và các bên đã hoàn thành mọi nghĩa vụ theo hợp đồng này và không có thắc mắc gì thêm thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý.

Điều 6. Các trường hợp tạm dừng và chấm dứt hợp đồng.

6.1. Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Bên A chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn.

- Khi bên B hoặc cơ quan quản lý nhà nước khác phát hiện các loại rác thải y tế, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng lẫn trong rác thải sinh hoạt kể trên.

6.2. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng:

- Khi bên A để lẫn các loại chất thải khác (ngoài phạm vi hợp đồng) vào dụng cụ thu chứa rác của bên A mà bên B đã có ý kiến bằng văn bản đến lần thứ 2.

- Khi bên A không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 5 và đã tạm dừng thực hiện hợp đồng đến 05 (năm) ngày.

- Khi hết thời hạn hợp đồng.

Điều 7. Ngôn ngữ áp dụng, luật áp dụng và giải quyết tranh chấp.

Hợp đồng này sẽ được giải thích và áp dụng theo hệ thống pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mọi tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết theo pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh sẽ được giải quyết trước tiên bằng phương pháp thương lượng, hòa giải. Trường hợp mâu thuẫn không thể giải quyết được bằng phương pháp hòa giải trong vòng 30 ngày kể từ ngày có văn bản đầu tiên về việc giải quyết mâu thuẫn, thì tranh chấp có thể được một trong hai bên khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại thành phố Hà Nội.

Hợp đồng này gồm 04 (bốn) trang và được lập thành 06 (sáu) bản tiếng Việt, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm giữ 01 (một) bản để quản lý, Ban duy tu các công trình HTKT đô thị - Sở Xây dựng giữ 01 (một) bản để theo dõi, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.

Trong trường hợp các bên tiến hành ký kết các phụ lục hợp đồng thì các phụ lục hợp đồng đó được xem là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG**

SỐ: 01/PLHĐ/VIGEBA-MTHN-BTL

(Kèm theo Hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba và Công ty Cổ phần Xử lý chất thải Xây Dựng và Đầu tư phát triển Môi Trường Hà Nội (gọi tắt là hợp đồng);

- Căn cứ văn bản số 6906/UBND-NNMT về việc đảm bảo công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Thành phố từ ngày 01/01/2026;

- Căn cứ Giấy ủy quyền của Giám đốc Công ty CP xử lý chất thải xây dựng và đầu tư phát triển môi trường Hà Nội cho ông Ngô Bá Quang chức vụ Phó giám đốc về việc ký kết hợp đồng dịch vụ;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, tại văn phòng Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEBA, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba

Đại diện là Ông : **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ : Số 232 đường Phạm Văn Đồng, phường Phú Diễn , TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62651311

Mã số thuế : 0101164854

Tài khoản : 2150501298 Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Cầu Giấy

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải Xây Dựng và Đầu tư phát triển Môi Trường Hà Nội

Đại diện là Ông : **Ngô Bá Quang** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

Địa chỉ : G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.62651311 Fax: 024. 62651310

Mã số thuế : 0105117534

Tài khoản : 002 1000 294 740 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hà Nội

Hai bên thống nhất ký kết

Phụ lục số 01/PLHĐ/VIGEBA-MTHN-BTL của hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ngày 31/12/2023 với những điều khoản sau:

Điều 1: Điều chỉnh tại Điều 1 “Nội dung của hợp đồng” của Hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL như sau:



Bên A thuê Bên B thực hiện phân loại rác theo quy định, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của bên A với phần hạ tầng, công viên Hồ điều hòa và các tuyến đường (Không bao gồm phần rác thải sinh hoạt của cư dân trong khu nhà ở thấp tầng) trong Dự án Khu đô thị “Thành phố giao lưu” phường Phú Diễn đến bãi đổ quy định của Thành phố, cụ thể như sau:

- Khối lượng chất thải thực hiện hợp đồng gốc: 82,5m³/tháng;
- Khối lượng chất thải thực hiện sau khi điều chỉnh: 20 tấn/tháng (căn cứ theo kết quả khảo sát thực tế từ ngày 20/12/2025 đến ngày 30/12/2025).

Điều 2: Điều chỉnh khoản 5.1 tại Điều 5 “Đơn giá, giá trị hợp đồng” của Hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL như sau:

- Giá trị hợp đồng gốc: 263.563.636 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT).
- Giá trị điều chỉnh bổ sung: 144.436.364 đồng (Chưa bao gồm thuế VAT).
- Giá trị Hợp đồng sau điều chỉnh bổ sung: **408.000.000 đồng** (Chưa bao gồm thuế VAT) (Bằng chữ: Bốn trăm linh tám triệu đồng chẵn)

Cụ thể như sau:

- + Khối lượng rác thực hiện: 20 tấn/tháng x 1.175.000 đồng x 12 tháng = 23.500.000 đồng
- + Thu dọn, vệ sinh: 10.500.000 đồng/tháng x 12 tháng = 126.000.000 đồng.

* Đơn giá sẽ được thay đổi khi Thành phố ban hành đơn giá mới

* Khối lượng rác thực hiện sẽ được điều chỉnh khi hai Bên ký nhận biên bản xác nhận thay đổi khối lượng thực hiện làm căn cứ tính lại giá trị hợp đồng.

Điều 3. Điều chỉnh địa điểm, thời gian thực hiện tại Điều 3 “Địa điểm, thời gian thực hiện” của Hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL như sau:

- Địa điểm thực hiện: các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Phú Diễn, TP. Hà Nội. Ngoài địa điểm kể trên bên B không có trách nhiệm bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại bất kỳ một địa điểm nào khác, khi bên A có nhu cầu thì phải thỏa thuận và ký kết hợp đồng khác với bên B.

- Gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng: bổ sung thêm 12 tháng, từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 (hoặc kết thúc sớm hơn khi hai bên có thống nhất bằng văn bản).

Điều 4: Điều khoản chung:

- Phụ lục số 01/PLHĐ/VIGEBA-MTHN-BTL là một phần không thể tách rời của hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ngày 31/12/2023 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba và Công ty CP Xử lý chất thải Xây Dựng và Đầu tư phát triển Môi Trường Hà Nội.

- Ngoài các điều khoản thỏa thuận ở trên, các nội dung khác trong Hợp đồng và các tài liệu liên quan vẫn áp dụng như đã thống nhất trong hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ngày 31/12/2023 và các tài liệu pháp lý liên quan.

- Phụ lục số 01/PLHĐ/VIGEBA-MTHN-BTL có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau.


ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn


ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ DUY TRÌ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Số: ~~229~~ 239/HĐDV 2015

**(V/v duy trì VSMT các tuyến đường số 1, 2 và 23 trong khu đô thị
Thành phố Giao Lưu)**

- Căn cứ Luật Thương mại, Luật Dân sự và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt đơn giá thanh toán cho các sản phẩm dịch vụ công ích đô thị năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc “Quy định mức thu dịch vụ vệ sinh đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường trên địa bàn Thành phố Hà Nội”;
- Căn cứ nhu cầu, khả năng và sự thoả thuận giữa hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 10 năm 2015, tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế VIGEB A. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A

Đại diện : Ông Phạm Hồng Sơn - Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ : Số 232 Đường Phạm Văn Đồng – Cổ Nhuế - Từ Liêm – Hà Nội

Điện thoại : 04.62651311 Fax: 04.62651310

Tài khoản số: 2151 0000 501298 Chi nhánh Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy.

MST : 0101164854

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Đại diện : Ông Nguyễn Lê Anh - Chức vụ: Phó giám đốc

(Căn cứ theo giấy uỷ quyền số 02/GUQ-CPMTĐT ngày 10/8/2015 của Giám đốc Công ty cổ phần dịch vụ MTĐT Từ Liêm về việc “giao uỷ quyền ký, nghiệm thu, thanh lý các hợp đồng dịch vụ VSMT”).

Địa chỉ : Đường CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 04.37805381.

Tài khoản số: 0200 2943 1818.

Tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đống Đa. Mã NH: 01303001.

MST : 0106893917

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0106893917, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 22 tháng 7 năm 2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội.



Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng này với một số nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

- Bên A thuê bên B thực hiện công tác duy trì vệ sinh các tuyến đường (cụ thể: tuyến 1, 2 và 23) trong khuôn viên của Khu đô thị Thành phố Giao Lưu theo hạng mục công việc và khối lượng như sau:

- + Quét gom rác đường bằng thủ công: 10,2 ha/tháng;
- + Quét gom rác hè bằng thủ công: 32,5 ha/tháng;
- + Tua vỉa hè, thu dọn phế thải gốc cây, miệng cống hàm ếch: 54,7 km/tháng;
- + Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt tại khu TT4: 30m³/tháng;

(có bảng chi tiết khối lượng công việc thực hiện kèm theo)

- Chu kỳ thực hiện: 02 lần/tuần;

Điều 2: Trách nhiệm của mỗi bên:

1. Trách nhiệm của bên A:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện duy trì vệ sinh môi trường trong Khu đô thị Thành phố Giao Lưu .

- Có biện pháp tuyên truyền, ngăn chặn và xử lý các đơn vị vứt rác thải, đổ vật liệu xây dựng, phế thải công nghiệp.....ra khuôn viên của Khu đô thị.

- Xử lý và yêu cầu các đơn vị thi công xây dựng, vận chuyển vật liệu rời làm rơi vãi đất, cát, bùn... ra hè đường phải khắc phục trả lại nguyên trạng mặt đường, hè.

- Cử cán bộ cùng bên B theo dõi xác nhận khối lượng công việc, nghiệm thu chất lượng công tác duy trì VSMT các trục đường vào ngày 30 hàng tháng.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Bố trí lao động thực hiện và đảm bảo chất lượng các hạng mục công việc duy trì vệ sinh các trục đường trong khuôn viên Khu đô thị theo điều 1 của hợp đồng này;

- Đảm bảo đúng chu kỳ thời gian duy trì vệ sinh môi trường;

- Không chịu trách nhiệm về việc thu dọn rác thải, vật liệu xây dựng phát sinh do các đơn vị vứt, đổ không đúng quy định ra khuôn viên chung của Khu đô thị;

- Cử cán bộ phụ trách cùng bên A xác nhận và ký nghiệm thu chất lượng hoàn thành công tác duy trì VSMT các trục đường vào ngày 30 hàng tháng.

Điều 3: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

- Giá trị hợp đồng: 50.595.000 đồng/tháng x 12 tháng = 607.140.000 đồng

(Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT)

(Bằng chữ: Sáu trăm linh bảy triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Phương thức thanh toán: hàng quý bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

- Thời gian thanh toán: bên A làm thủ tục thanh toán cho bên B trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (bao gồm: hoá đơn GTGT, đề nghị chuyển tiền, biên bản xác nhận khối lượng nếu có) của bên B.

Điều 4: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng:

1. Trong một số trường hợp sau đây có thể xem xét điều chỉnh hợp đồng:

- Điều chỉnh khi Thành phố có sự thay đổi về đơn giá.

- Thay đổi đột biến về khối lượng hoặc quy mô so với hợp đồng đã ký (mức thay đổi trên 10%)

2. Trường hợp một trong hai bên vi phạm hợp đồng, sau 02 lần thông báo vẫn không có khắc phục, bên B sẽ đơn phương tạm ngừng thực hiện hợp đồng. Hoặc ngược lại bên A có quyền tạm ngưng hợp đồng đã ký kết với bên B.

3. Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

- Bên A chậm trả tiền 01 tháng thì bên B sẽ ngừng cung cấp dịch vụ.

- Bên B cung ứng dịch vụ không đạt yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định của nhà nước trong quá trình thu gom.

- Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hoả hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

Điều 5: Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Bắt đầu: từ ngày 01 tháng 11 năm 2015

- Đến ngày: ngày 31 tháng 10 năm 2016

Điều 6: Các cam kết chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi. Nếu bên A muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải thông báo cho bên B trước một tháng; bên A chỉ có nghĩa vụ thanh toán đối với các dịch vụ được thực hiện hoàn tất cho đến ngày hợp đồng chấm dứt.

2. Bất kể bên nào vi phạm gây thiệt hại vật chất phải bồi thường cho bên kia và sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Hết thời gian thực hiện hợp đồng, nếu có yêu cầu, hai bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận ký hợp đồng mới hoặc phụ lục gia hạn hợp đồng. Sau khi hai bên hoàn tất nghĩa vụ trong hợp đồng này và hai bên không có thoả thuận khác thì mặc nhiên hợp đồng được hoàn thành và thanh lý.

3. Mọi sự sửa đổi, bổ sung đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản và được ký kết bởi người đại diện hợp pháp của hai bên.



4. Hợp đồng này không có bất cứ giá trị nào đối với bên thứ ba.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.



Phạm Hồng Sơn



Nguyễn Lê Anh

**BẢNG GIÁ TRỊ CÔNG TÁC DUY TRÌ VSMT TUYẾN ĐƯỜNG
KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU
(Kèm theo hợp đồng số /HDDV ký ngày / /2015)**



*** Các căn cứ lập:**

- Bảng khối lượng công tác duy trì VSMT
- Đơn giá theo Quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của UBND Thành phố Hà Nội.
- Đơn giá theo Quyết định số 7936/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND Thành phố Hà Nội.

*** Khối lượng và giá trị sau đây được tính cho 1 tháng**

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN (trong 1 ngày)	KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN (trong 1 tháng)	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN	Thuế VAT phải nộp 10%	GHI CHÚ
I	Công tác duy trì VSMT bằng thủ công					40.322.864	44.355.151	
1	Công tác quét gom đường bằng thủ công	ha	1,27	10,2	906.437	9.207.551	10.128.306	Tần suất quét: 2 lần/tuần
2	Công tác quét gom hè bằng thủ công	ha	4,06	32,5	652.635	21.196.449	23.316.094	Tần suất quét: 2 lần/tuần
3	Công tác tua vĩa miệng cống hàm ếch	km	6,84	54,7	181.287	9.918.864	10.910.751	Tần suất quét: 2 lần/tuần
II	Công tác vận chuyển, xử lý rác thải					5.672.700	6.239.970	
1	Công tác vận chuyển cự ly TB 55 - 60km	m3	1,0	30,0	189.090	5.672.700	6.239.970	Tần suất thu gom: hàng ngày
III	Tổng cộng (I +II)/tháng					45.995.564	50.595.121	
	Làm tròn:					45.996.000	50.595.000	
IV	Tổng cộng (III x 12 tháng)/năm					551.952.000	607.140.000	

*** Ghi chú:**

- Giá trị trên chưa bao gồm thuế VAT
- Giá trị trên chưa bao gồm mức thu phí cho công tác thu gom rác thải sinh hoạt tại khu TT4



**BẢNG SỐ LIỆU TUYẾN ĐƯỜNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG
KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU**



STT	Nội dung công việc	Số liệu tuyến đường và tần suất duy trì các tuyến đường						
		Chiều dài (m)	Chiều rộng đường (m)	Chiều rộng đường cần quét (m)	Diện tích quét đường (m ²)	Diện tích quét hè (m ²)	Chiều dài tua vĩa (m)	Tần suất thực hiện (lần/tuần)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)*(5)	(7)=(3)*(5)	(8)=(3)*2	(9)
I	Tuyến 1: đường rộng 7,5 m							
1	Quét đường bằng thủ công	981,0	7,5	3,0	2.943			2,0
2	Quét hè bằng thủ công (2 bên)	981,0		6,0		11.771		2,0
3	Tua vĩa miệng cống, hàm ếch (2 bên)	981,0					1.962	2,0
II	Tuyến 2: đường rộng 11,5 m							
1	Quét đường	1.452,0	11,0	4,0	5.808			2,0
2	Quét hè bằng thủ công (2 bên)	1.452,0		5,0		14.520		2,0
3	Tua vĩa miệng cống, hàm ếch (2 bên)	1.452,0					2.904	2,0
III	Tuyến 23: đường rộng 11,25 m							
1	Quét đường	986,7	11,25	4,0	3.947			2,0
2	Quét hè bằng thủ công (2 bên)	986,7		7,25		14.306		2,0
3	Tua vĩa miệng cống, hàm ếch (2 bên)	986,7					1.973	2,0
	Tổng DT quét đường				12.697			
	Tổng DT quét hè					40.598		
	Tổng chiều dài tua vĩa						6.839	
	* Ghi chú: Quy đổi khối lượng từ m ² = ha; từ m = km				1,27	4,06	6,84	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC BỔ SUNG HỢP ĐỒNG

Số: 12/PL-HDDV

(Đính kèm theo hợp đồng số 239/HDDV ký ngày 20/10/2015)

Căn cứ Hợp đồng số 239/HDDV ký ngày 20/10/2015 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (bên A) và Công ty cổ phần Dịch vụ Môi trường Đô thị Từ Liêm (bên B) về việc duy trì VSMT các tuyến đường số 1, 2 và 23 trong Dự án Khu đô thị Thành phố Giao lưu;

Căn cứ vào công văn số 136/CV – VIGEB A ngày 23 tháng 12 năm 2015;
Căn cứ vào công văn số 99/CV – VIGEB A ngày 29 tháng 7 năm 2016;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 01/PL-HDDV ký ngày 01/11/2016;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 02/PL-HDDV ký ngày 03/3/2017;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 03/PL-HDDV ký ngày 01/6/2017;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 04/PL-HDDV ký ngày 8/2/2018;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 05/PL-HDDV ký ngày 04/01/2019;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 06/PL-HDDV ký ngày 02/01/2020;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 07/PL-HDDV ký ngày 02/01/2021;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 08/PL-HDDV ký ngày 02/01/2022;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 09/PL-HDDV ký ngày 31/12/2022;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 10/PL-HDDV ký ngày 31/12/2023;
Căn cứ phụ lục bổ sung hợp đồng số 11/PL-HDDV ký ngày 31/12/2024;
Căn cứ vào sự thoả thuận giữa hai bên;

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025. Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A

Đại diện : Ông Phạm Hồng Sơn Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ : Số 232 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam
Điện thoại : 024.62651311 - Fax: 024.62651310
Tài khoản số: 2150501298 Ngân hàng Thương mại CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
– Chi nhánh Cầu Giấy.
MST : 0101164854

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Bích Hường Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Địa chỉ : Đường CN7, cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Từ Liêm, Phường
Xuân Phương, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại : 04.37805381.
Tài khoản số: 0200 2943 1818. Tại Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Đống Đa.
MST : 0106893917



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số: 0106893917, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Sở Tài chính Thành Phố Hà Nội.

Hai bên cùng thống nhất ký phụ lục bổ sung số 12/PL-HĐDV điều chỉnh một số nội dung của hợp đồng số 239/HĐDV và các phụ lục liên quan, cụ thể:

1. Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng:

- Bắt đầu: từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

- Đến ngày: ngày 31 tháng 12 năm 2026

2. Điều khoản chung:

Các nội dung khác trong hợp đồng và các tài liệu liên quan hai bên không bàn đến mặc nhiên vẫn còn hiệu lực.

Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 239/HĐDV ký ngày 20/10/2015 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A (Bên A) và Công ty cổ phần Dịch vụ môi trường đô thị Từ Liêm (Bên B).

Phụ lục này có giá trị kể từ ngày ký và lập thành 06 bản, mỗi bên giữ 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau.


**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Hồng Sơn


**ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Thị Bích Hương




CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI

Số: **000188**/2024/HĐCNK

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII, thông qua ngày 24/11/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;

- Căn cứ giấy phép môi trường bộ tài nguyên môi trường số:438/GPMT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2022 cấp phép cho Công ty Cổ Phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn;

- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 234/GPMT-UBND do UBND Thành phố Hà Nội cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A ngày 29/12/2022;

- Căn cứ Đề xuất của Phòng Đất đai đô thị, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A về việc Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ sự thỏa thuận của hai bên.

Hai bên chúng tôi gồm:

I. CHỦ NGUỒN THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A (BÊN A)

Địa chỉ trụ sở chính : Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.62651311 Fax: 024.62651310

Mã số thuế : 0101164854

Tài khoản số : 21510000501298 tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Cầu Giấy

Người đại diện : **Ông Phạm Hồng Sơn** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

II. CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)

Địa chỉ ĐKKD : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ văn phòng : Tầng 2, số 2, ngõ 15 đường An Dương Vương, phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, Hà Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax : 024.6275 4827

Tài khoản : 113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long – PGD Sông Cầu

Mã số thuế : 0102961796

Người đại diện : **Ông Trần Vũ Hiệp** Chức vụ : **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

Ngày lập: 17/04/2024

Người lập: Hồ Viết Đức

HĐCNK: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A – Urenco Bắc Sơn

Người kiểm tra: Đinh Huy Đệ

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.
- (2) Hợp đồng này có thời hạn từ ngày 17 tháng 04 năm 2024 đến ngày 16 tháng 04 năm 2025

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn
- (2) Địa điểm giao nhận chất thải: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A
- (3) Địa chỉ giao rác: Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 0969 716 336 (Điều hành xe)

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Đường dây nóng: Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 024 62754826, fax : 024 62754827

- (4) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- (5) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn. Địa chỉ: Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

- (1) Bảng Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế GTGT) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Phương pháp	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)	Trọng gói/chuyển
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Theo quy định	01Kg	13.000	15.000.000 VNĐ (Đã bao gồm Thuế GTGT)
2	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Theo quy định	01Kg	12.000	
3	Bao bì mềm thải nhiễm TPNH	18 01 01	Theo quy định	01Kg	11.000	
4	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Theo quy định	01Kg	12.000	
5	Linh kiện điện tử thải	15 01 09	Theo quy định	01Kg	12.000	
6	Bùn thải		Theo quy định	01Kg	11.000	
7	Than hoạt tính đã qua sử dụng	02 11 02	Theo quy định	01Kg	11.000	

- (2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại được tính như sau:
- + Nếu khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển xử lý bao gồm nhưng không giới hạn các chất thải tại Bảng Đơn giá nêu trên **không lớn hơn 1 tấn/01 lần vận chuyển** thì bên B vẫn tính chi phí là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn) – đã bao gồm thuế GTGT.
 - + Nếu khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển xử lý **lớn hơn 1 tấn/01 lần vận chuyển** thì ngoài 15.000.000 đồng phải trả, bên A phải chịu mức giá theo đơn giá tại Bảng Đơn giá trên áp dụng cho khối lượng bị dư ra so với 1 tấn. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.
 - + Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng.
- (3) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- (1) Thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành của nhà nước, Thuế GTGT sẽ do bên A chịu.
- (2) Bên A thanh toán tiền tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: **15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng chẵn./.) đã bao gồm thuế GTGT** tương ứng với 01 lần vận chuyển ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B xuất hóa đơn tài chính. Nếu Bên A có nhu cầu vận chuyển nhiều hơn thì sẽ phải tạm ứng số tiền tương ứng trước khi vận chuyển, xử lý. Bên B sẽ không hoàn lại tiền tạm ứng cho bên A khi hết hạn hợp đồng (kể cả trong trường hợp Bên A không chuyển giao chất thải).
- (3) Bên A thanh toán phí phát sinh theo ĐIỀU 3 (2) bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.
- (4) Trong trường hợp bên A không phát sinh khối lượng trong thời gian hợp đồng có hiệu lực thì Bên B cũng không phải hoàn lại số tiền trên.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3,4 của Hợp đồng.
- (2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)
- (3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.
- (4) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xe nâng và công nhân vận hành xe nâng (nếu cần) xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (5) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

- (6) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- (7) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

- (1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
- (2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- (5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- (6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
- (7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quản lý chất thải, bảo vệ môi trường.
- (8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 7. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 8. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng hết hạn;
 - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
 - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3,4 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 9.**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 10.**BẤT KHẢ KHÁNG**

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- (2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 11.**CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- (1) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- (2) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký. Sau khi hai bên hoàn thành hết nghĩa vụ theo hợp đồng và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên được thanh lý.
- (3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Trần Vũ Hiệp

Số: 190-1/2025/MTHN

"V/v đề nghị thanh toán chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt
quý I/2025

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong quý I/2025;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý I/2025.
- Căn cứ Biên bản chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý I/2025.

Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A thanh toán tiền dịch vụ thu dọn, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt quý I/2025 như sau:

- Số tiền thanh toán: **71.162.182 đồng**
- Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm tám mươi hai đồng chẵn.
- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY CP XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
- Tài khoản số : 002 1000 294 740
- Mã ngân hàng : 01203001
- Mở tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Rất mong nhận được sự quan tâm giải quyết của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên (để phối hợp);
- Lưu VT.

CÔNG TY CP XỬ LÝ CTXD & ĐTPT
MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang

BIÊN BẢN

*Nghiệm thu khối lượng, chất lượng bốc xếp, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn sinh hoạt quý I/2025*

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A trong quý I/2025.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế: 0105117534

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, như sau:

1. Khối lượng và giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện trong quý I/2025

Nội dung	Khối lượng(m ³)	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Tiền thuế (8%)	Tổng cộng
Thu gom bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trong quý I/2025	82,5	189.090,909	3	46.800.000	3.744.000	50.544.000

Số tiền ghi bằng chữ: Năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 06 (sáu) bản Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận Bắc Từ Liêm giữ 01 (một) bản để quản lý, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 03 (ba) bản để thực hiện./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang

BIÊN BẢN

Nghiệm thu công tác thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý I/2025

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý I/2025.
- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt do bên B thực hiện cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, như sau:

1. Giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Trong quý I/2025

Nội dung	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng cộng
Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý I/2025	6.363.636	3	19.090.909	1.527.273	20.618.182

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn, một trăm tám hai đồng./.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HÓA ĐƠN CHUYÊN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB
Số: 183

Mã cơ quan thuế cấp: 002B98BE8E059A4D8F88CD0467529E39A9

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt thực hiện quý 1/2025	tháng	3	6.363.636,3636	19.090.909

Cộng tiền hàng: 19.090.909

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.527.273

Tổng cộng tiền thanh toán: 20.618.182

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng

Người chuyển đổi:
(Ký, ghi rõ họ tên):

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày chuyển đổi: 31 / 03 / 2025

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Ngày ký: 31 / 03 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracuu.lienson.vn> Mã số tra cứu: 1MA4NG48D9FN
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VI TÍNH LIÊN SƠN, MST: 0301452923



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
 Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB
 Số: 182



Mã cơ quan thuế cấp: 00887410681D5F442AA28E1E2D795D3E69

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)	
1	Bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện quý 1/2025	m3	247,5	189.090,90909	46.800.000	
Cộng tiền hàng:					46.800.000	
Thuế suất GTGT: 8%					Tiền thuế GTGT:	3.744.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					50.544.000	

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

Người chuyển đổi:
(Ký, ghi rõ họ tên):

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên):

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên):

Ngày chuyển đổi: 31 / 03 / 2025

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Ngày ký: 31 / 03 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracuu.lienson.vn> Mã số tra cứu: 2AJPFQQUA8EL
 Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VI TÍNH LIÊN SƠN, MST: 0301452923

Số:190-1/2025/MTHN

"V/v đề nghị thanh toán chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt
quý II/2025

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong quý II/2025;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý II/2025.
- Căn cứ Biên bản chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý II/2025.

Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A thanh toán tiền dịch vụ thu dọn, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt quý II/2025 như sau:

- Số tiền thanh toán: **71.162.182 đồng**
- Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm tám mươi hai đồng chẵn.
- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY CP XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
- Tài khoản số : 002 1000 294 740
- Mã ngân hàng : 01203001
- Mở tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Rất mong nhận được sự quan tâm giải quyết của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên (để phối hợp);
- Lưu VT.

CÔNG TY CP XỬ LÝ CTXD & ĐTPT
MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



THÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang

BIÊN BẢN

Nghiệm thu công tác thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý II/2025

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý II/2025.
- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt do bên B thực hiện cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lư, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, như sau:

1. Giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Trong quý II/2025

Nội dung	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng cộng
Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý II/2025	6.363.636	3	19.090.909	1.527.273	20.618.182

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi hai đồng./.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



XLCTXD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HÓA ĐƠN CHUYÊN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB
Số: 537

Mã cơ quan thuế cấp: 006F9C65A869364B978C485EB2EE64294A

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA**

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt thực hiện quý 2/2025	tháng	3	6.363.636,36	19.090.909

Cộng tiền hàng: 19.090.909

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.527.273

Tổng cộng tiền thanh toán: 20.618.182

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng

Người chuyển đổi:

(Ký, ghi rõ họ tên):

Ngày chuyển đổi: 25 / 06 / 2025

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Ngày ký: 25 / 06 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracuu.lienson.vn> Mã số tra cứu: 23E8R7UXNG7J
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VI TÍNH LIÊN SƠN, MST: 0301452923

BIÊN BẢN

*Nghiệm thu khối lượng, chất lượng bốc xếp, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn sinh hoạt quý II/2025*

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A trong quý II/2025.

Hôm nay, ngày 30 tháng 6 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 Phạm Văn Đồng, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế: 0105117534

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, như sau:

1. Khối lượng và giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện trong quý II/2025

Nội dung	Khối lượng(m ³)	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Tiền thuế (8%)	Tổng cộng
Thu gom bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trong quý II/2025	82,5	189.090,909	3	46.800.000	3.744.000	50.544.000

Số tiền ghi bằng chữ: Năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 06 (sáu) bản, Chủ đầu tư giữ 01 (một) bản để quản lý, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 03 (ba) bản để thực hiện ./.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



XLCTXD

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
HÓA ĐƠN CHUYÊN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày 25 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB
Số: 536

Mã cơ quan thuế cấp: 007D8D41595E644848A3F7E44986DF0517

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA**

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện quý 2/2025	m ³	247,5	189.090,90909	46.800.000

Cộng tiền hàng: 46.800.000

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 3.744.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 50.544.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng

Người chuyển đổi:

(Ký, ghi rõ họ tên):

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày chuyển đổi: 25 / 06 / 2025

Signature valid

Được ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Ngày ký: 25 / 06 / 2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracuu.lienson.vn> Mã số tra cứu: 2MU3S2ZQRRAY
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VI TÍNH LIÊN SON. MST: 0301452923

"V/v đề nghị thanh toán chi phí bốc xếp, vận
chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt
quý III/2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2025

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng dịch vụ bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong quý III/2025;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý III/2025.
- Căn cứ Biên bản chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý III/2025.

Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A thanh toán tiền dịch vụ thu dọn, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt quý III/2025, cụ thể như sau:

+ Chi phí Thu gom bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: 50.544.000 đồng

+ Chi phí thu dọn, phân loại rác thải: 20.618.182 đồng

Số tiền thanh toán: **71.162.182 đồng**

- Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi một triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm tám mươi hai đồng chẵn.
- Đơn vị thụ hưởng: CÔNG TY CP XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
- Tài khoản số : 002 1000 294 740
- Mã ngân hàng : 01203001
- Mở tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Rất mong nhận được sự quan tâm giải quyết của Quý Công ty.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên (để phối hợp);
- Lưu VT.

CÔNG TY CP XỬ LÝ CTXD & ĐTPT

MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Bá Quang

BIÊN BẢN

*Nghiệm thu khối lượng, chất lượng bốc xếp, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn sinh hoạt quý III/2025*

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A trong quý III/2025.

Hôm nay, ngày 08 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế: 0105117534

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Đông Ngạc như sau:

1. Khối lượng và giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện trong quý III/2025

Nội dung	Khối lượng(m ³)	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Tiền thuế (8%)	Tổng cộng
Thu gom bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trong quý III/2025	82,5	189.090,909	3	46.800.000	3.744.000	50.544.000

Số tiền ghi bằng chữ: Năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 06 (sáu) bản, Chủ đầu tư giữ 01 (một) bản để quản lý, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 03 (ba) bản để thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



XLCTXD



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

HÓA ĐƠN CHUYÊN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB

Số: 813

Mã cơ quan thuế cấp: 005FBE77249BFC4AFE891CAC085BD154A4

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA**

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện quý 3/2025	m3	247,5	189.090,90909	46.800.000

Cộng tiền hàng: 46.800.000

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 3.744.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 50.544.000

Số tiền viết bằng chữ: *Năm mươi triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*

Người chuyển đổi:
(Ký, ghi rõ họ tên):

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày chuyển đổi: 14/10/2025

Signature valid
Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI
Ngày ký: 4/10/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Trà cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracu.henson.vn> Mã số tra cứu: 23Q5DRB8FSG0
Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VI TÍNH LIÊN SƠN, MST: 0301452923

BIÊN BẢN

Nghiệm thu công tác thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý III/2025

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý III/2025.
- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt do bên B thực hiện cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Đông Ngạc, như sau:

1. Giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Trong quý III/2025

Nội dung	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng cộng
Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý III/2025	6.363.636	3	19.090.909	1.527.273	20.618.182

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi hai đồng./.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

HÓA ĐƠN CHUYỂN ĐỔI TỪ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày 24 tháng 09 năm 2025

Ký hiệu: 1C25TAB

Số: 814

Mã cơ quan thuế cấp: 0001916030F4EA4BE1977554A7227907D9

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**

Mã số thuế: 0105117534

Địa chỉ: G18 ngõ 28 đường Xuân La, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số tài khoản: 0021000294740 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA

Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt thực hiện quý 3/2025	tháng	3	6.363.636,36	19.090.909

Cộng tiền hàng: 19.090.909

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.527.273

Tổng cộng tiền thanh toán: 20.618.182

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu sáu trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi hai đồng

Người chuyển đổi:

(Ký, ghi rõ họ tên):

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày chuyển đổi: 14/10/2025

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Ngày ký: 24/09/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Tra cứu hóa đơn điện tử tại trang web: <https://tracu.lienson.vn> Mã số tra cứu: 1JTUCNYS9R68

Đơn vị cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử: CÔNG TY TNHH GIẤY VỊ TÍNH LIÊN SƠN, MST: 0301452923

BIÊN BẢN

*Nghiệm thu khối lượng, chất lượng bốc xếp, vận chuyển và xử lý
chất thải rắn sinh hoạt quý IV/2025*

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý CTXD & ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A trong quý IV/2025.

Hôm nay, ngày 12 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã số thuế: 0105117534

Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng thu dọn vệ sinh, bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt do bên B thực hiện thực tế cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Đông Ngạc như sau:

1. Khối lượng và giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện trong quý IV/2025

Nội dung	Khối lượng (m ³)	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Tiền thuế (8%)	Tổng cộng
Thu gom bốc xếp, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện trong quý IV/2025	82,5	189.090,909	3	46.800.000	3.744.000	50.544.000

Số tiền ghi bằng chữ: Năm mươi triệu, năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí bốc xếp, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HĐDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 06 (sáu) bản, Chủ đầu tư giữ 01 (một) bản để quản lý, bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 03 (ba) bản để thực hiện ./.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Sơn



PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Bá Quang

BIÊN BẢN

Nghiệm thu công tác thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý IV/2025

- Căn cứ hợp đồng số: 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A và Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội;
- Căn cứ chất lượng công việc thực hiện thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý IV/2025.
- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm có:

Bên A: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Quốc tế VIGEB A

Địa chỉ trụ sở: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, TP Hà Nội
Mã số thuế: 0101164854
Đại diện Ông: **Phạm Hồng Sơn** Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bên B: Công ty CP Xử lý chất thải xây dựng và ĐTPT Môi trường Hà Nội

Địa chỉ trụ sở: G18 Ngõ 28 Đường Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Đại diện Ông: **Ngô Bá Quang** Chức vụ: Phó Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất lập biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt do bên B thực hiện cho bên A tại các tuyến đường trong dự án Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, phường Đông Ngạc, như sau:

1. Giá trị thực hiện:

- Thời gian thực hiện: Trong quý IV/2025

Nội dung	Đơn giá	Số tháng	Thành tiền	Thuế GTGT	Tổng cộng
Chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt trong quý IV/2025	6.363.636	3	19.090.909	1.527.273	20.618.182

Số tiền ghi bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm mười tám nghìn, một trăm tám mươi hai đồng./.

2. Chất lượng:

- Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc trên, đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của bên A.
- Trên đây là khối lượng và giá trị thực hiện làm căn cứ để bên A thanh toán cho bên B chi phí thu dọn, phân loại rác thải sinh hoạt theo hợp đồng số 190/2024/HDDV-MTHN-BTL ký ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Biên bản được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Ngô Bá Quang



URENCO BAC SON

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BM.09.05.00

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025

SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI SỐ: 0018041

Căn cứ hợp đồng số:

Khách hàng:

Nơi giao hàng (địa chỉ):

Công Ty Cổ Phần - DT và XD Quốc Tế - V.G.C.B.A
232 Phạm Văn Đồng - P. Cổ Nhuế 1

Liên 1: Lưu tại cương (Trắng) Liên 2: Trả khách hàng (Hồng) Liên 3: Phòng kinh doanh (Xanh) Liên 4: Phòng KTTH (Vàng)

TT	Mã chất thải	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Trạng thái	Loại bao bì		Biển số xe vận chuyển	Ghi chú
						Thu của khách hàng	Trả khách hàng		
1		giẻ lau gang tay dính dầu	kg	32				294.81153	
2		bóng đèn huỳnh quang	kg	06					
3		bao bì mềm thải	kg	37					

- Số này có sốtrang, đánh từ trang số đến trang.....

- Ngày mở số.....

* Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các chủng loại và nguồn gốc xuất xứ của các loại chất thải bàn giao trên.
* Toàn bộ khối lượng chất thải trên đã được bốc xếp lên xe vận chuyển theo đúng các quy định đã được thông nhất giữa hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Văn Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Văn Tuấn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN
Số: 508 /BBNT-URENCOBS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THÁNG 4 NĂM 2025

(Kèm theo hoá đơn số: 1043 ngày 18/7/2024)

- Căn cứ hợp đồng số: 000188/2024/HĐCNK ký ngày 17/04/2024 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba.

- Căn cứ nhật ký vận chuyển chất thải công nghiệp giữa Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn và Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng quốc tế Vigeba ngày 3/4/2025.

Hôm nay, ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn.

I. Chúng tôi gồm:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA (Bên A)

- Địa chỉ: Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ giao nhận chất thải: Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại : 02462651311

- Mã số thuế: 0101164854

- Người đại diện: Ông Phạm Hồng Sơn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

2. CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (Bên B)

- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024 62754826

- Mã số thuế: 0102961796

- Người đại diện: Ông Trần Vũ Hiệp

Chức vụ: Giám đốc

II. Nội dung:

Cùng lập Biên bản nghiệm thu tháng 4/2025 với khối lượng và kinh phí cụ thể như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
				(VNĐ)	(VNĐ)
1	Găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ	Kg	32	12.000	384.000
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	6	13.000	78.000
3	Bao bì mềm thải	Kg	37	11.000	407.000
	Tổng	kg	75		869.000
Theo điều 3 của hợp đồng : Nếu chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải < 15.000.000 đồng/ 01 chuyến vận chuyển (Mười lăm triệu đồng trên một chuyến vận chuyển) thì bên B vẫn tính là 15.000.000 đồng (Đã bao gồm thuế VAT)					
Tổng					13.888.889
Thuế VAT 8%					1.111.111
Tổng giá trị thanh toán và xuất hóa đơn (VNĐ)					15.000.000
Kinh phí bên A đã tạm ứng cho bên B (VNĐ)					15.000.000
Kinh phí bên A còn phải thanh toán cho bên B (VNĐ)					-

III. Kinh phí thanh toán:

Tổng giá trị thanh toán Bên A phải trả cho Bên B là:

- VNĐ

Bằng chữ : Không đồng./.

Biên bản này được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
QUỐC TẾ
VIGEBA
TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
VÀ CÔNG NGHIỆP
BẮC SƠN
GIÁM ĐỐC
Trần Vũ Hiệp

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 638 /2025/438/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH: Công ty cổ phần Môi trường đô Thị và Công nghiệp Bắc Sơn

Mã số QLCTNH: 438/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Số 2, Ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP Hà Nội

ĐT: 024.6275 4826

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐT: 024. 62918876

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc tế VIGEB A Giấy phép môi trường: 234/GPMT-UBND ngày 29/12/2022

Địa chỉ văn phòng: Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội ĐT: 024.62651311

Địa chỉ cơ sở: Số 232 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội ĐT: 024.62651311

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý ^a
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu	X			18 02 01	32	Thiếu đốt
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	06	Nghiễn, hóa rắn
3	Bao bì mềm thải	X			18 01 01	37	Thiếu đốt

^a Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

6. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H 81153

6.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Hồ Viết Đức Ký: Đức Ngày: 03/04/2024

6.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

7. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Sơn

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2025



PHỤ GIÁM ĐỐC
Vũ Bá Tuấn Anh

@Liên số: 1☐- 2☐ - 3☐- 4☐

Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Chi tiết hóa đơn



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tổ Dân phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K251BN

Số (No): 234268

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Địa chỉ (Address): Số 252 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiền thụ tháng 1 năm 2025 từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025 <i>(Xem theo bảng kê số 1379132859 ngày 03 tháng 02 năm 2025)</i>	kWh	78.549	-	175.206.954
Cộng tiền hàng (Total amount):					175.206.954
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.016.556



Tải về

File .xml

[Xem lịch sử thanh toán >](#)

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP.HÀ NỘI

Địa chỉ: 69 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (084)24 22200898

Fax: (084)24 22200899

Email: evnhanoi@evnha noi.vn

Trà cứu thông tin

Thanh toán hóa đơn

Chính sách và quy định

Lịch tạm ngừng cung cấp điện

Hóa đơn tiền điện

Chính sách thanh toán

Trà cứu chỉ số công tơ

Thanh toán trực tuyến

Chính sách xử lý khiếu nại

Chỉ số công tơ

Thanh toán tại điện thu tiền điện

Chính sách bảo mật thông tin

Điều thụ

Lịch sử thanh toán

Chính sách bảo vệ dữ liệu cá nhân của khách



**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tổ Dân phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBN

Số (No): 353736

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2025 từ ngày 01/02/2025 đến ngày 28/02/2025 (kèm theo bảng kê số 1382897586 ngày 03 tháng 03 năm 2025)	kWh	73.646	-	165.296.978
Cộng tiền hàng (Total amount):					165.296.978
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 13.223.758
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 178.520.736
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bảy mươi tám triệu năm trăm hai mươi nghìn bảy trăm ba mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM
Ngày ký: 03/03/2025 11:18:58



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tô Dán phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBN

Số (No): 473359

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2025 từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/03/2025 (kèm theo bảng kê số 1386504176 ngày 03 tháng 04 năm 2025)	kWh	80.728	-	183.398.372
Cộng tiền hàng (Total amount):					183.398.372
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.671.870
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 198.070.242
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi tám triệu không trăm bảy mươi nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM
Ngày ký: 03/04/2025 09:19:02



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tô Dán phố Phú Đò, Phường Phú Đò, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBN

Số (No): 593774

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/04/2025 (kèm theo bảng kê số 1389953896 ngày 03 tháng 05 năm 2025)	kWh	87.365	-	189.356.931
Cộng tiền hàng (Total amount):					189.356.931
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.148.554
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 204.505.485
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh bốn triệu năm trăm linh năm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỬ LIÊM
Ngày ký: 03/05/2025 08:04:51



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tô Dãn phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBN

Số (No): 714197

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1393895165 ngày 03 tháng 06 năm 2025)	kWh	94.564	-	204.815.010
Cộng tiền hàng (Total amount):					204.815.010
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.385.201
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 221.200.211
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm nghìn hai trăm mười một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM
Ngày ký: 03/06/2025 16:20:03



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-013

Địa chỉ (Address): Tô Dãn phố Phú Đô, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM - Số TK: 1500201092086 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TBN

Số (No): 834340

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025 (kèm theo bảng kê số 1396278852 ngày 30 tháng 06 năm 2025)	kWh	96.015	-	208.989.334
Cộng tiền hàng (Total amount):					208.989.334
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.719.147
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 225.708.481
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm linh tám nghìn bốn trăm tám mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BẮC TỪ LIÊM
Ngày ký: 30/06/2025 10:02:10

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201023939 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 08 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCA

Số (No): 271238

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TMCK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2025 từ ngày 01/07/2025 đến ngày 31/07/2025 (kèm theo bảng kê số 1400607768 ngày 03 tháng 08 năm 2025)	kWh	102.265	-	224.642.488
Cộng tiền hàng (Total amount):					224.642.488
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.971.399
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 242.613.887
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm bốn mươi hai triệu sáu trăm mười ba nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

 Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/08/2025 16:16:09

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201023939 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 09 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCA

Số (No): 387866

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2025 từ ngày 01/08/2025 đến ngày 31/08/2025 (kèm theo bảng kê số 1403986811 ngày 03 tháng 09 năm 2025)	kWh	101.183	-	217.668.764
Cộng tiền hàng (Total amount):					217.668.764
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 17.413.501
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 235.082.265
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm ba mươi lăm triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/09/2025 09:28:18

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Bà Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 10 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCA

Số (No): 1044989

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PDS0000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2025 từ ngày 01/09/2025 đến ngày 30/09/2025 (kèm theo bảng kê số 1407401946 ngày 03 tháng 10 năm 2025)	kWh	106.901	-	231.493.592

Tổng tiền hàng (Total amount): 231.493.592

Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%

Tiền thuế GTGT (VAT amount): 18.519.487

Tỷ giá (Exchanged rate):

Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 250.013.079

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm năm mươi triệu không trăm mười ba nghìn không trăm bảy mươi chín đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được lập bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày lập: 04/10/2025 09:38:20

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bùn, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCA

Số (No): 1338679

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại:

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 10 năm 2025 từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/10/2025 (kèm theo bảng kê số 1410888480 ngày 03 tháng 11 năm 2025)	kWh	93.369	-	207.698.796
Cộng tiền hàng (Total amount):					207.698.796
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.615.904
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 224.314.700

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

 Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/11/2025 16:18:31

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 12 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): IK25TCA

Số (No): 1739483

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 11 năm 2025 từ ngày 01/11/2025 đến ngày 30/11/2025 (kèm theo bảng kê số 1413971495 ngày 03 tháng 12 năm 2025)	kWh	32.979	-	188.111.336
Cộng tiền hàng (Total amount):					188.111.336
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		15.048.907
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		203.160.243
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh ba triệu một trăm sáu mươi nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/12/2025 18:17:26



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TCA

Số (No): 244750

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 12 năm 2025 từ ngày 01/12/2025 đến ngày 31/12/2025 (kèm theo bảng kê số 1415754549 ngày 03 tháng 01 năm 2026)	kWh	82.141	-	191.073.692
Cộng tiền hàng (Total amount):					191.073.692
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.285.895
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 206.359.587
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh sáu triệu ba trăm năm mươi chín nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/ 01/ 2026 11:22:00



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TCA

Số (No): 671020

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2026 từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2026 (kèm theo bảng kê số 1420617663 ngày 03 tháng 02 năm 2026)	kWh	84.778	-	194.252.646
Cộng tiền hàng (Total amount):					194.252.646
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 15.540.212
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 209.792.858
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm linh chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/ 02/ 2026 16:12:56



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-002

☎ 19001288

Số bảng kê: 1420617663

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 671020 ngày 03 tháng 02 năm 2026)

Khách hàng: **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa**

Địa chỉ: **Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam**

Điện thoại: **0966481171**

Email: **ketoanvigeba@gmail.com**

Mã số thuế: **0101164854**

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 1/2026 (31 ngày từ 01/01/2026 đến 31/01/2026)

Tổng số điểm đo đếm: 4

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 84.778 kWh

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PD30000111326001

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT3)

Mục đích sử dụng điện: 40 % Kinh doanh - Giờ bình thường
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
40 % Kinh doanh - Giờ cao điểm
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
40 % Kinh doanh - Giờ thấp điểm
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

CẤP ĐIỆN ÁP SỬ DỤNG	DƯỚI 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
22262371				
Khung giờ cao điểm	200	932	763	33.800
			Điện năng trừ phụ	23.009
Khung giờ thấp điểm	200	751	620	26.200
			Điện năng trừ phụ	4.901
Khung giờ bình thường	200	2.262	1.870	78.400
			Điện năng trừ phụ	78.400

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	2.226	6.475	14.413.350
Toàn thời gian	2.226	12.779	28.446.054
Khung giờ cao điểm	5.422	4.316	23.401.352
Khung giờ thấp điểm	1.918	8.520	16.341.360

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PD30000111326002

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố giao lưu(TT4)

Mục đích sử dụng điện: 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm



Mã khách hàng

PD30000111326



Số tiền thanh toán

209.792.858 đồng



Hạn thanh toán

10/02/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

☎ 19001288

✉ evnhanoi@evnhanoi.vn

🌐 <https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi>

📺 EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

📱 Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/02/2026 16:12:56

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20407250					
Khung giờ cao điểm	240	3.523	3.372	36.240	
				Điện năng trừ phụ	36.240
Khung giờ thấp điểm	240	2.053	1.967	20.640	
				Điện năng trừ phụ	11.060
Khung giờ bình thường	240	9.356	8.971	92.400	
				Điện năng trừ phụ	92.400
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	9.580	21.325.080	

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 3 : PD30000111326003

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT1)
Mục đích sử dụng điện: 35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
Còn lại Sản xuất - Giờ bình thường
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ cao điểm
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20032471					
Khung giờ bình thường	200	1.280	1.060	44.000	
				Điện năng trừ phụ	44.000
Khung giờ thấp điểm	200	445	372	14.600	
				Điện năng trừ phụ	3.076
Khung giờ cao điểm	200	525	428	19.400	
				Điện năng trừ phụ	17.981
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	497	1.106.322	
Toàn thời gian		2.226	4.033	8.977.458	
Khung giờ cao điểm		3.640	922	3.356.080	
Khung giờ thấp điểm		1.300	7.491	9.738.300	

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 4 : PD30000111326004

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT2)
Mục đích sử dụng điện: 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20032370					
Khung giờ cao điểm	240	539	443	23.040	
				Điện năng trừ phụ	12.744
Khung giờ bình thường	240	1.392	1.152	57.600	
				Điện năng trừ phụ	57.600
Khung giờ thấp điểm	240	511	420	21.840	
				Điện năng trừ phụ	1.971
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	10.296	22.918.896	
Toàn thời gian		2.226	19.869	44.228.394	

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh) **84.778**

Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)	194.252.646
Thuế suất GTGT	8%
Thuế GTGT (đồng)	15.540.212
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)	209.792.858

Bằng chữ: Hai trăm linh chín triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tám đồng.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TCA

Số (No): 973957

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2026 từ ngày 01/02/2026 đến ngày 28/02/2026 (kèm theo bảng kê số 1423627377 ngày 03 tháng 03 năm 2026)	kWh	78.330	-	179.884.198
Cộng tiền hàng (Total amount):					179.884.198
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 14.390.736
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 194.274.934
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/ 03/ 2026 18:24:03



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-002

☎ 19001288

Số bảng kê: 1423627377

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 973957 ngày 03 tháng 03 năm 2026)

Khách hàng: Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa
Địa chỉ: Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 0966481171
Email: ketoanvigeba@gmail.com
Mã số thuế: 0101164854

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 2/2026 (28 ngày từ 01/02/2026 đến 28/02/2026)

Tổng số điểm đo do đếm: 4

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 78.330 kWh

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PD30000111326001

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT3)
Mục đích sử dụng điện: 40 % Kinh doanh - Giờ bình thường
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
40 % Kinh doanh - Giờ cao điểm
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
40 % Kinh doanh - Giờ thấp điểm
Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

CẤP ĐIỆN ÁP SỬ DỤNG	DƯỚI 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
22262371				
Khung giờ bình thường	200	2.574	2.262	62.400
			Điện năng trừ phụ	62.400
Khung giờ thấp điểm	200	863	751	22.400
			Điện năng trừ phụ	4.111
Khung giờ cao điểm	200	1.062	932	26.000
			Điện năng trừ phụ	15.937

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	2.226	6.038	13.440.588
Toàn thời gian	2.226	10.973	24.425.898
Khung giờ cao điểm	5.422	4.025	21.823.550
Khung giờ thấp điểm	1.918	7.316	14.032.088

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PD30000111326002

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố giao lưu(TT4)
Mục đích sử dụng điện: 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm



Mã khách hàng

PD30000111326



Số tiền thanh toán

194.274.934 đồng



Hạn thanh toán

10/03/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vì phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

☎ 19001288

✉ evnhanoi@evnhanoi.vn

🌐 <https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi>

📺 EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

📱 Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/03/2026 18:24:03

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V		
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20407250				
Khung giờ thấp điểm	240	2.130	2.053	18.480
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ cao điểm	240	3.642	3.523	28.560
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ bình thường	240	9.669	9.356	75.120
				Điện năng trừ phụ
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian		2.226	8.480	18.876.480

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 3 : PD30000111326003

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT1)
Mục đích sử dụng điện: 35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
Còn lại Sản xuất - Giờ bình thường
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ cao điểm
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V		
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20032471				
Khung giờ cao điểm	200	603	525	15.600
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ bình thường	200	1.464	1.280	36.800
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ thấp điểm	200	508	445	12.600
				Điện năng trừ phụ
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian		2.226	416	926.016
Toàn thời gian		2.226	3.595	8.002.470
Khung giờ cao điểm		3.640	773	2.813.720
Khung giờ thấp điểm		1.300	6.676	8.678.800

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 4 : PD30000111326004

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT2)
Mục đích sử dụng điện: 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V		
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
20032370				
Khung giờ bình thường	240	1.600	1.392	49.920
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ cao điểm	240	621	539	19.680
				Điện năng trừ phụ
Khung giờ thấp điểm	240	593	511	19.680
				Điện năng trừ phụ
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian		2.226	12.030	26.778.780
Toàn thời gian		2.226	18.008	40.085.808

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh) **78.330**

Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)	179.884.198
Thuế suất GTGT	8%
Thuế GTGT (đồng)	14.390.736
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)	194.274.934

Bằng chữ: Một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi bốn đồng.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-002

Địa chỉ (Address): Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH - Số TK: 1506201020092 - Tại NH: Ngân hàng Agribank



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial): 1K26TCA

Số (No): 1361742

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa

Mã số thuế (Tax code): 0101164854

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PD30000111326

Số tài khoản (Account No): 2151000501298 Tại

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2026 từ ngày 01/03/2026 đến ngày 31/03/2026 (kèm theo bảng kê số 1425745590 ngày 03 tháng 04 năm 2026)	kWh	89.875	-	207.949.332
Cộng tiền hàng (Total amount):					207.949.332
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 16.635.947
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 224.585.279
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/ 04/ 2026 11:04:26



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TP HÀ NỘI

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH

Số 6 phố Hàng Bún, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
MST: 0100101114-002

☎ 19001288

Số bảng kê: 1425745590

BẢNG KÊ CHI TIẾT HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN

(kèm theo hóa đơn số 1361742 ngày 03 tháng 04 năm 2026)

Khách hàng	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế ViGeBa
Địa chỉ	Số 232 đường Phạm Văn Đồng, Phường Phú Diễn, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại	0966481171
Email	ketoanvigeba@gmail.com
Mã số thuế	0101164854

Lưu ý: Trong trường hợp khách hàng có nhu cầu thay đổi về các thông tin như số điện thoại, địa chỉ email, chủ thể hợp đồng... đề nghị khách hàng liên hệ với điện lực.

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2026 (31 ngày từ 01/03/2026 đến 31/03/2026)

Tổng số điểm đo đếm: 4

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong kỳ hóa đơn: 89.875 kWh

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 1 : PD30000111326001

Địa chỉ lắp công tơ:	Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT3)
Mục đích sử dụng điện	40 % Kinh doanh - Giờ bình thường Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường 40 % Kinh doanh - Giờ cao điểm Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm 40 % Kinh doanh - Giờ thấp điểm Còn lại Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng	Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
22262371				
Khung giờ thấp điểm	200	988	863	25.000
			Điện năng trừ phụ	4.405
Khung giờ bình thường	200	2.973	2.574	79.800
			Điện năng trừ phụ	79.800
Khung giờ cao điểm	200	1.222	1.062	32.000
			Điện năng trừ phụ	18.894

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Toàn thời gian	2.226	7.864	17.505.264
Toàn thời gian	2.226	12.357	27.506.682
Khung giờ cao điểm	5.422	5.242	28.422.124
Khung giờ thấp điểm	1.918	8.238	15.800.484

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 2 : PD30000111326002

Địa chỉ lắp công tơ:	Dự án khu đô thị thành phố giao lưu(TT4)
Mục đích sử dụng điện	100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm



Mã khách hàng

PD30000111326



Số tiền thanh toán

224.585.279 đồng



Hạn thanh toán

10/04/2026

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ <https://evnhanoi.vn> và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNHANOI

Khu Liên cơ số 258 đường Võ Chí Công, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội Hà Nội

☎ 19001288

✉ evnhanoi@evnhanoi.vn

🌐 <https://www.facebook.com/Ngoinhaevnhanoi>

🌐 EVN HANOI - TCT Điện lực TP Hà Nội

📱 Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BA ĐÌNH
Ngày ký: 03/04/2026 11:04:26

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20407250					
Khung giờ cao điểm	240	3.788	3.642	35.040	
				Điện năng trừ phụ	35.040
Khung giờ bình thường	240	10.075	9.669	97.440	
				Điện năng trừ phụ	97.440
Khung giờ thấp điểm	240	2.219	2.130	21.360	
				Điện năng trừ phụ	11.280
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	10.080	22.438.080	

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 3 : PD30000111326003

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT1)
Mục đích sử dụng điện: 35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
Còn lại Sản xuất - Giờ bình thường
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ cao điểm
35 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm
Còn lại Sản xuất - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20032471					
Khung giờ cao điểm	200	700	603	19.400	
				Điện năng trừ phụ	18.020
Khung giờ bình thường	200	1.704	1.464	48.000	
				Điện năng trừ phụ	48.000
Khung giờ thấp điểm	200	588	508	16.000	
				Điện năng trừ phụ	3.379
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	483	1.075.158	
Toàn thời gian		2.226	4.417	9.832.242	
Khung giờ cao điểm		3.640	897	3.265.080	
Khung giờ thấp điểm		1.300	8.204	10.665.200	

ĐIỂM ĐO ĐẾM THỨ 4 : PD30000111326004

Địa chỉ lắp công tơ: Dự án khu đô thị thành phố Giao Lưu(Máy TT2)
Mục đích sử dụng điện: 100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ bình thường
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ cao điểm
100 % Chiếu sáng công cộng, cơ quan hành chính - Giờ thấp điểm

Cấp điện áp sử dụng		Dưới 380V			
CÔNG TƠ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)	
20032370					
Khung giờ thấp điểm	240	683	593	21.600	
				Điện năng trừ phụ	2.212
Khung giờ cao điểm	240	712	621	21.840	
				Điện năng trừ phụ	9.135
Khung giờ bình thường	240	1.837	1.600	56.880	
				Điện năng trừ phụ	56.880
KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN		ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)	
Toàn thời gian		2.226	12.705	28.281.330	
Toàn thời gian		2.226	19.388	43.157.688	

TỔNG CỘNG

Tổng điện năng tiêu thụ (kWh) 89.875

Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)	207.949.332
Thuế suất GTGT	8%
Thuế GTGT (đồng)	16.635.947
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)	224.585.279

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi bốn triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
 Mã số thuế: 0100106225
 Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00124847



GIẤY BÁO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy báo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 02 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGERBA
 Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội
 Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy
 Mã số thuế: 0101164854 Thời gian sử dụng: 04/01/2025 - 03/02/2025

Mã hóa đơn: 525020020319
 Mã số khách hàng: 572234161
 Số hộ sử dụng: 1
 Khối - Số đọc: B015 - 1105

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1814932	1796004	18928			
			18.928	SX 16.000	302.848.000
Cộng tiền hàng :					302.848.000
Thuế Suất: 5 %					15.142.400
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					30.284.800
Tổng tiền thanh toán:					348.275.200
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bốn mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Đã ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
 Ngày ký: 05/02/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://mmssofha noi.v50.vuivn.vn>)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9860)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
 Mã số thuế: 0100106225
 Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy.

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00255962



GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 03 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A
 Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, PC6 Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội
 Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy
 Mã số thuế: 0101164854 Thời gian sử dụng: 04/02/2025 - 03/03/2025
 Mã hóa đơn: 525030100161
 Mã số khách hàng: 572234161
 Số hệ sử dụng: I
 Khối - Số đọc: B015 - 1105

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1831769	1814932	16837			
			16.837	SX 16.000	269.392.000
Cộng tiền hàng :					269.392.000
Thuế Suất: 5 %					13.469.600
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					26.939.200
Tổng tiền thanh toán:					309.800.800
Số tiền bằng chữ: Ba trăm linh chín triệu tám trăm nghìn tám trăm đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
 Ngày ký: 05/03/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vn/nuocvece.vn/>)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
 Mã số thuế: 0100106225
 Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00381695



GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 04 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A Mã hóa đơn: 525040130343
 Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội Mã số khách hàng: 572234161
 Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy Số hộ sử dụng: 1
 Mã số thuế: 0101164854 Thời gian sử dụng: 04/03/2025 - 03/04/2025 Khối - Số đọc: B015 - 1105

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1852061	1831769	20292			
			20.292	SX 16.000	324.672.000
Cộng tiền hàng :					324.672.000
Thuế Suất: 5 %					16.233.600
Phí BVMT đối với nước thải SH 10% :					32.467.200
Tổng tiền thanh toán:					373.372.800
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
 Ngày ký: 07/04/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn - Công thông tin điện tử về hóa đơn: <https://misoachthanoi.v59.vn/invoice.vn/>)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 4866)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 00494672

GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 05 năm 2025



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGIBA

Mã hóa đơn: 525050020397

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, PCố Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Tp Hà Nội

Mã số khách hàng: 572234161

Tài khoản: 21510000501398 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Số hộ sử dụng: 1

Mã số thuế: 0101164854

Thời gian sử dụng: 04/04/2025 - 03/05/2025

Khối - Số đgc: B015 - 1105

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1873336	1852061	21275			
			21.275	SX 16.000	340.400.000
Cộng tiền hàng :					340.400.000
Thuế Suất: 5 %					17.020.000
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					34.040.000
Tổng tiền thanh toán:					391.460.000
Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
Ngày ký: 06/05/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu kỹ tập, giao nhận hóa đơn). Cổng thông tin điện tử ra của hóa đơn: <https://nhoosachhanoi.v50.vn/voivoc.vn/>
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9800)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 00630953



GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 06 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Cổ Nhuế 1, Q.Bắc Từ Liêm, Tp.Hà Nội

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Mã số thuế:0101164854

Thời gian sử dụng:04/05/2025 - 03/06/2025

Mã hóa đơn:525060142735

Mã số khách hàng: 572234161

Số hộ sử dụng:1

Khối - Số đọc:B015 - 1105

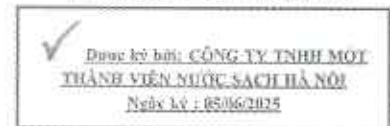
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1894485	1873336	21149			
			4.018	DV 29.000	116.522.000
			17.131	SX 16.000	274.096.000
Cộng tiền hàng :					390.618.000
Thuế Suất 5 %					19.530.900
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					39.061.800
Tổng tiền thanh toán:					449.210.700
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín triệu hai trăm mười nghìn bảy trăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lắp, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <http://mocsachhanoi.vso.vn/voics.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - Đ101352493 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Bz Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0100106225

XI nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 00758525

GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 07 năm 2025



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEBÀ

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy.

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 04/06/2025 - 03/07/2025

Số hệ chiếu:

Mã hóa đơn: 525070174375

Mã số khách hàng: 572234161

Số hộ sử dụng: 1

Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

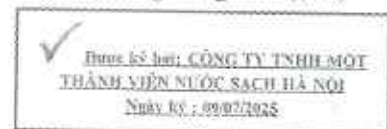
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1916845	1894485	22360			
			4.248	DV 29.000	123.192.000
			18.112	SX 16.000	289.792.000
Cộng tiền hàng :					412.984.000
Thuế Suất: 5 %					20.649.200
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					41.298.400
Tổng tiền thanh toán:					474.931.600
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn sáu trăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuncsachhanoi.v50.vininvoice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Mã số thuế: 0100106225
 Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00874116



GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 08 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGÉBA

Mã hóa đơn: S25080089301

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Mã số khách hàng: 572234161

Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Số hộ sử dụng: 1

Mã số thuế: 0101164854

Khối - Số đọc: B015 - 1105

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 04/07/2025 - 03/08/2025

Số hộ chiếu:

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1941462	1916845	24617			
			4,677	DV 29.000	135.633.000
			19,940	SX 16.000	319.040.000
Cộng tiền hàng :					454.673.000
Thuế Suất: 5 %					22.733.650
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					45.467.300
Tổng tiền thanh toán:					522.873.950
Số tiền bằng chữ: Năm trăm hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm năm mươi đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
 Ngày ký: 05/08/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu kỹ tập, giao nhận hóa đơn - Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vn/nuove/vu>)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0100106225

Xí nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 01118686



GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy báo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 10 năm 2025

Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 04/09/2025 - 03/10/2025

Số hộ chiếu:

Mã hòa đơn: 525100041316

Mã số khách hàng: 572234161

Số hộ sử dụng: 1

Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

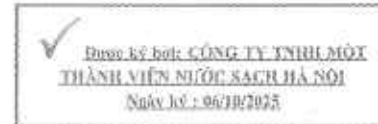
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1991549	1965483	26066			
			4.953	DV 29.000	143.637.000
			21.113	SX 16.000	337.808.000
Cộng tiền hàng :					481.445.000
Thuế Suất: 5 %					24.072.250
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					48.144.500
Tổng tiền thanh toán:					553.661.750
Số tiền bằng chữ: Năm trăm năm mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm năm mươi đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, gửi nhận hóa đơn - Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://mauconsethanos.v50.vn/voice.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0100106225

.Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 01246727

GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 11 năm 2025



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 04/10/2025 - 03/11/2025

Số hệ chiều:

Mã hóa đơn: 525110071739

Mã số khách hàng: 572234161

Số hộ sử dụng: 1

Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

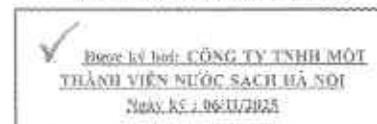
Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Đơn Giá	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
2019688	1991549	28139			
			5.346	DV 29.000	155.034.000
			22.793	SX 16.000	364.688.000
Cộng tiền hàng :					519.722.000
Thuế Suất: 5 %					25.986.100
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					51.972.200
Tổng tiền thanh toán:					597.680.300
Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn ba trăm đồng					

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.v50.vietnoco.vn>)
(Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**

Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0100106225

Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:

19004600

Số: 01373773

GIẤY BÁO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
(Giấy báo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)

Tháng 12 năm 2025



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A

Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phủ Diễn, Tp.Hà Nội

Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phủ Diễn, Tp.Hà Nội

Mã số thuế: 0101164854

Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy

Mã quan hệ ngân sách:

Số định danh:

Thời gian sử dụng: 04/11/2025 - 03/12/2025

Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 525120119619

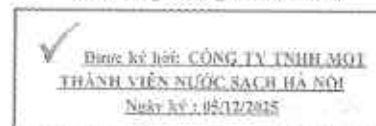
Mã số khách hàng: 572234161

Số hộ sử dụng: 1

Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
2046383	2019688	26695			
			5,072	DV 29.000	147.088.000
			21,623	SX 16.000	345.968.000
Cộng tiền hàng :					493.056.000
Thuế Suất: 5 %					24.652.800
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					49.305.600
Tổng tiền thanh toán:					567.014.400
Số tiền bằng chữ: Năm trăm sáu mươi bảy triệu không trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)Người bán hàng
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)(Chân kiểm tra, đối chiếu kỹ tập, giao nhận hóa đơn. Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://mrosachhanoi.v50.vn/voice.vn/>)
(Chức năng tự Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7360 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Mã số thuế: 0100106225
 Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00001136

GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy bảo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)
 Tháng 01 năm 2026



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A
 Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phủ Diễn, Tp.Hà Nội
 Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phủ Diễn, Tp.Hà Nội
 Mã số thuế: 0101164854
 Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy
 Mã quan hệ ngân sách:
 Số định danh: Thời gian sử dụng: 04/12/2025 - 03/01/2026
 Số hộ chiếu:

Mã hóa đơn: 526010011364
 Mã số khách hàng: 572234161
 Số hộ sử dụng: 1
 Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thu (m3)	Định Mức Tiêu Thu (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
2074745	2046383	28362			
			5.389	DV 29.000	156.281.000
			22.973	SX 16.000	367.568.000
Cộng tiền hàng :					523.849.000
Thuế Suất: 5 %					26.192.450
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%:					52.384.900
Tổng tiền thanh toán:					602.426.350
Số tiền bằng chữ: Sáu trăm linh hai triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Handwritten signature: Hồ Văn Hoàn

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Ngày ký: 06/01/2026

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lấy, giao nhận hóa đơn. Công thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.vn>, vnu.vn)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
 Địa chỉ: 44- đường Yên Phụ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Mã số thuế: 0100106225
 Xi nghiệp Kinh doanh Nước sạch Cầu Giấy

Điện thoại liên hệ:
 19004600
 Số: 00132060

GIẤY BẢO THANH TOÁN TIỀN NƯỚC
 (Giấy báo này không thay thế cho hóa đơn tiền nước)
 Tháng 02 năm 2026



Tên khách hàng: Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A
 Địa chỉ: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội
 Địa chỉ sử dụng nước: Số 232, Đường Phạm Văn Đồng, P.Phú Diễn, Tp.Hà Nội
 Mã số thuế: 0101164854
 Tài khoản: 21510000501298 Ngân Hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam- CN Cầu Giấy
 Mã quan hệ ngân sách:
 Số định danh: Thời gian sử dụng: 04/01/2026 - 03/02/2026
 Số hồ chiếu:

Mã hóa đơn: 526020061303
 Mã số khách hàng: 572234161
 Số hộ sử dụng: 1
 Khối - Số đọc: B015 - 1105

Quốc tịch:

Số Đọc Tháng Nay	Số Đọc Tháng Trước	Số Lượng Tiêu Thụ (m3)	Định Mức Tiêu Thụ (m3)	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
2102219	2074745	27474			
			5.220	DV 29.000	151.380.000
			22.254	SX 16.000	356.064.000
Cộng tiền hàng :					507.444.000
Thuế Suất: 5 %					25.372.200
Phí BVMT đối với nước thải SH 10%					50.744.400
Tổng tiền thanh toán:					583.560.600
Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng					

Người mua hàng
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Hồ Cẩm Hoàn
 Hồ Cẩm Hoàn

Người bán hàng
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NƯỚC SẠCH HÀ NỘI**
 Ngày ký: 04/02/2026

(Cần kiểm tra, đối chiếu kỹ tập, giao nhận hóa đơn - Cổng thông tin điện tử tra cứu hóa đơn: <https://nuocsachhanoi.vn/nuocsach>)
 (Khởi tạo từ Phần mềm VN-Invoice - Công ty Cổ phần VNIS - 0101352495 - Hotline: 024 7300 9866)

EnvirGreen



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV-4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 4993*25T6

Mã KH: HN296

STT ký: 9311

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

1. Đại diện: Đỗ Văn Tiến Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Tiến Đức Chức vụ: NV

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.25T6.NT2	N: 21°3'16" E: 105°46'28.5"	

Số TN: 0684/QT.VH/2025/1700/BPT/MTX-KQ/HN296/9311

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 02/06/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	14,2	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	7,2	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<LOQ (0,15)	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	2,96	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<LOQ (3,0)	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,451	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,98	6
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	13	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- NT2 (HN296.25T6.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.
- (*) Được phân tích bởi thấu phụ; (*) Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC
Lương Văn Ninh



- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu.
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm

EnvirGreen
Lab



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Họ và Tên:, ngày 04 tháng 07 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỹ: 4993-257

Mã KH: HN296

STT kỹ: 9312

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

1. Đại diện: Minh Văn Tiến Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Tiến An Chức vụ: NV

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

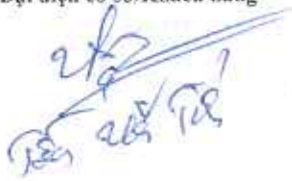
VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.25T7.NT2	N: 21°3'15,9" E: 105°46'28,4"	

Số lượng chỉ tiêu quan trắc và phân tích: Xem nội dung công việc kèm theo

Biên bản lấy mẫu và quan trắc được lập thành bản, mỗi bên giữ bản, có giá trị pháp lý như nhau

Đại diện cơ sở/Khách hàng Đại diện đơn vị quan trắc Đại diện..... Đại diện.....


Đại diện cơ sở/Khách hàng


Đại diện đơn vị quan trắc

.....

.....

Số TN: 0915/QTVH/2025/2211/BPT/MTX-KQ/HN296/9312

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
- Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
- Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Cầu Nhượng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Loại mẫu : Nước thải
- Ký hiệu mẫu : NT2
- Ngày lấy mẫu : 04/07/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	<LÔQ (6)	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	370	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,16	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	3,99	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,428	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,84	6
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	460	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- NT2 (HN296.25T7.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.
- (*) : Được phân tích bởi thầu phụ; (✓) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỜNG PHÒNG

(Signature)

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

(Signature)

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2025



(Signature)
GIÁM ĐỐC
Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



EnvirGreen
Lab



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 1 tháng 8 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 4993*2518

Mã KH: HN296

STT ký: 9313

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Trần Văn Tiến Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Nguyễn Văn Hiếu Chức vụ: NVQT
2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:
2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào	HN296.25T8.NT1	N: <u>21° 03' 15.3</u> E: <u>105° 46' 29.7</u>	
2	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.25T8.NT2	N: <u>21° 03' 15.9</u> E: <u>105° 46' 28.4</u>	
3	Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	HN296.25T8.KK	N: <u>21° 03' 15.9</u> E: <u>105° 46' 28.5</u>	

Số TN: 1012/QTVH/2025/2460/BPT/MTX-KQ/HN296/9313

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT1; NT2
6. Ngày lấy mẫu : 01/08/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	76,5	11,0	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	560	350	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,42	<LOQ (0,15)	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ :E:2023	21,98	0,54	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,0	<1,0	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	9,803	1,94	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,07	1,42	6
8	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3600	410	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- NT1 (HN296.25T8.NT1): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào ; NT2 (HN296.25T8.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.
- (*) : Được phân tích bởi thuê phụ; (v) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIAM ĐỐC
Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



SỐ TN: 1013/QTVH/2025/2461/BPT/MTX-KQ/HN296/9313

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK
6. Ngày lấy mẫu : 01/08/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK	QCVN 26:2010/ BTNMT (KVTT 6h - 21h)
1	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,7	70

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/ BTNMT (KVTT 6h - 21h): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Đối với khu vực thông thường 6 giờ đến 21 giờ.

- KK (HN296.25T8.KK): Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.

(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



ĐAI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



EnvirGreen
Lab



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV-4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 13 tháng 09 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 4993*2519

Mã KH: HN296

STT ký: 9314

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Nguyễn Văn Tiến Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công nghệ Môi trường Xanh

1. Đại diện: Đỗ Văn An Chức vụ: NV

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.2519.NT2	N: 21°3'16,0" E: 105°46'28,5"	

Số TN: 1257/QTVH/2025/2977/BPT/MTX-KQ/HN296/9314

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
 2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
 3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt KĐT mới, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
 4. Loại mẫu : Nước thải
 5. Ký hiệu mẫu : NT2
 6. Ngày lấy mẫu : 13/09/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	6,5	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	460	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<LOQ (0,15)	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	13,62	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,221	5
7	Phosphat (PO ₄ ²⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,28	6
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	KPH	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- NT2 (HN296.25T9.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.

(*) : Được phân tích bởi thủ phụ; (*) : Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 4993.25T10

Mã KH: HN.296

STT ký: 9315

I. Tên khách hàng:

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000 m³/ngày, trạm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt kéo dài, P. Cầu
Đống, TP. HN

1. Đại diện: Trần Văn Tiến Chức vụ:

2. Đại diện:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Trần Trung Hiếu Chức vụ: NVQT

2. Đại diện:

III. Đơn vị:

1. Đại diện:

2. Đại diện:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện:

2. Đại diện:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Cơ sở đang hoạt động

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.25T10.NT2	N: 21° 5' 15,8" E: 105° 46' 28,5"	

Số TN: 1449/QTVH/2025/3372/BPT/MTX-KQ/HN296/9315

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT2
6. Ngày lấy mẫu : 03/10/2025



STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	8,5	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	310	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	<LOQ (0,15)	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	1,96	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,092	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,18	6
8	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	790	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- NT2 (HN296.25T10.NT2): MẪU nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.

(*): Được phân tích bởi đầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc đo mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



EnvirGreen
Lab



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH
PHÒNG QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Ô DV- 4, Lô số 25, P. Hoàng Liệt, Tp. Hà Nội

Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã ký: 4993*25111

Mã KH: HN296

STT ký: 9316

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m²/ngày.đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

1. Đại diện: Trần Văn Tiến Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: Nguyễn Văn Hiền Chức vụ: NVQT

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào	HN296.25T11.NT1	N: 21° 03' 15.5 E: 105° 46' 29.9	
2	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.25T11.NT2	N: 21° 03' 15.9 E: 105° 46' 28.5	
3	Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	HN296.25T11.KK	N: 21° 03' 15.8 E: 105° 46' 28.5	

Số TN: 1554/QTVH/2025/3638/BPT/MTX-KQ/HN296/9316



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Nước thải
5. Ký hiệu mẫu : NT1; NT2
6. Ngày lấy mẫu : 05/11/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	98,4	8,7	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	350	300	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,82	<LOQ (0,15)	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	0,21	14,25	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<LOQ (3,0)	<1,0	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	8,178	0,186	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	5,65	1,13	6
8	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3100	790	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- NT1 (HN296.25T11.NT1): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào ; NT2 (HN296.25T11.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.
(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đơn đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 1555/QTVH/2025/3639/BPT/MTX-KQ/HN296/9316

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK
6. Ngày lấy mẫu : 05/11/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK	QCVN 26:2025/ BTNMT (KVE 6h - 21h)
1	Tiếng ồn (Leq)	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	64,3	70

Ghi chú:

- QCVN 26:2025/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng cho khu vực E.
- KK (HN296.25T11.KK): Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.
(*): Được phân tích bởi thủ phụ; (°): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIAM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
- 2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
- 3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
- 4. Loại mẫu : Nước thải
- 5. Ký hiệu mẫu : NT1; NT2
- 6. Ngày lấy mẫu : 02/02/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	NT1	NT2	QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A)
1	Nhu cầu oxy sinh hóa BOD ₅	mg/L	TCVN6001-1:2021	67,2	10,0	30
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	HDHT.MTX.01	260	190	500
3	Sunfua	mg/L	TCVN 6637:2000	0,92	<0,05	1
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E: 2023	0,25	9,80	30
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<LOQ (3,0)	<LOQ (3,0)	10
6	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	11,455	0,206	5
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	6,52	3,94	6
8	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	3800	120	3000

Ghi chú:

- QCVN 14 : 2008 /BTNMT (A): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- NT1 (HN296.26T2.NT1): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào ; NT2 (HN296.26T2.NT2): Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý.
- (*): Được phân tích bởi thử phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2026



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
TƯ VẤN VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG XANH

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- 1. Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- 2. Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- 3. Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- 4. Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm



Số TN: 0144/QTVH/2026/449/BPT/MTX-KQ/HN296/1731

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Tên khách hàng : Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam
2. Cơ sở được lấy mẫu : Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm
3. Địa chỉ : Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội
4. Loại mẫu : Không khí xung quanh
5. Ký hiệu mẫu : KK
6. Ngày lấy mẫu : 02/02/2026

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	KK	QCVN 26:2025/ BTNMT (KVE 6h - 21h)
1	Tiếng ồn (Leq)	dBA	TCVN 7878-2:2018	64,3	70

Ghi chú:

- QCVN 26:2025/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng cho khu vực E.
- KK (HN296.26T2.KK): Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải.
(*): Được phân tích bởi thầu phụ; (*): Được chứng nhận Vilas; (#) Không quy định trong quy chuẩn; (KPH): Không phát hiện; (-): Không quy định; (+): Không phân tích

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Hiền

QA/QC

Bùi Phương Thảo



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC

Lương Văn Ninh

- Thông tin mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu
- Không sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của PTN (Phòng thí nghiệm)
- Phiếu kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc do mẫu của PTN lấy về
- Thời gian lưu mẫu 07 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại thử nghiệm





Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

BIÊN BẢN XÁC NHẬN CÔNG VIỆC
ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Mã kỹ: 5982*26T2

Mã KH: HN296

STT kỹ: 1731

I. Tên khách hàng: Công ty cổ phần môi trường ETC Việt Nam

Cơ sở lấy mẫu: Trạm xử lý nước thải 1000m³/ngày.đêm

Địa chỉ quan trắc: Khu đô thị Thành Phố Giao Lưu, Hoàng Quốc Việt Kéo dài, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

1. Đại diện: *Nguyễn Văn Tiến* Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

II. Tên đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Môi Trường Xanh

1. Đại diện: *Đỗ Tiến Đức* Chức vụ: *NV*

2. Đại diện: Chức vụ:

III. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

IV. Đơn vị:

1. Đại diện: Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Cùng nhau thực hiện, tham gia chứng kiến công việc đo đạc, lấy mẫu môi trường tại cơ sở được quan trắc.

V. Điều kiện quan trắc tại cơ sở:

Hoạt động bình thường

VI. Nội dung quan trắc môi trường tại cơ sở

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu HT	Tọa độ	Ghi chú
1	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu vào	HN296.26T2.NT1	N: 21°3'15.14" E: 105°46'30.4"	
2	Mẫu nước thải sinh hoạt tại vị trí đầu ra sau xử lý	HN296.26T2.NT2	N: 21°3'16.0" E: 105°46'28.3"	
3	Khu vực lắp đặt hệ thống xử lý nước thải	HN296.26T2.KK	N: 21°3'15.16" E: 105°46'28.3"	

PHỤ LỤC II. DANH MỤC BẢN VẼ

1. Bản vẽ quy hoạch chi tiết 1/500 của cơ sở theo Quyết định số 2785/QĐ-UBND ngày 04/6/2025
2. Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa, thoát nước thải
3. Bản vẽ hoàn công trạm xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý mùi công suất 950 m³/h.
4. Bản vẽ thiết kế hệ thống xử lý nước thải công suất 1.210 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý mùi công suất 9.000 m³/h.

PHỤ LỤC II.1
BẢN VẼ QUY HOẠCH CHI TIẾT 1/500 THEO
QUYẾT ĐỊNH SỐ 2785/QĐ-UBND NGÀY 04/6/2025

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU, TỶ LỆ 1:5000
TẠI CÁC ĐẤT QUY HOẠCH KỸ THUẬT NT2, CT4, NT1, NT3, TH, THCS, THPT, CKXK, XDVD, H, GL4
ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG CỐ NHUỆ 1, PHÚ ĐIỀN - QUẬN BẮC TỪ LIÊM VÀ PHƯỜNG MAI DỊCH - QUẬN CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI
(NÀY LÀ PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN SAU SẮP XẾP)
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN PHƯƠNG AN ĐIỀU CHỈNH



NT1
NT2
TH
THCS
THPT
CKXK
XDVD
H
GL4

PTM
0 10M 20M 30M 40M 50M
0 2 4 6 8 10

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI GIỚI CỬU LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
- RANH GIỚI QUẬN
- RANH GIỚI PHƯỜNG
- MẶT NƯỚC
- CÂY XANH, SÂN VƯỜN, ĐƯỜNG ĐẠO
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH
- TRẠM BIẾN ÁP

CHÚ THÍCH:

A: KÝ HIỆU CHỨC NĂNG Ở ĐẤT
 B: DIỆN TÍCH Ở ĐẤT (M²)

CKXT: ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ
 PTH: ĐẤT TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRUNG HỌC
 THCS: ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
 TH: ĐẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC
 NT: ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
 CT: ĐẤT NHÀ CHUNG CỤ
 PH: ĐẤT NHÀ CHUNG CỤ HỒN HỢP
 HO: HỒ ĐIỀU HÒA
 CL: ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
 ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 278/QĐ-UBND NGÀY 04 THÁNG 6 NĂM 2015
 CƠ QUAN THAM DÍNH:
 SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC HÀ NỘI

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 08/TT-CHYT-CHYT NGÀY 20 THÁNG 01 NĂM 2015,
 BÁO CÁO THAM DÍNH SỐ 30/BC-CHYT-CHYT NGÀY 24 THÁNG 01 NĂM 2015
 VÀ CÔNG VĂN SỐ 24/CTV-CHYT-CHYT NGÀY 28 THÁNG 01 NĂM 2015
 CÔNG TY TƯ CHỨC LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH:
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIEBA

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 198/CV-VIGIEBA NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2014
 TÊN CÔNG TRÌNH:
 ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU, TỶ LỆ 1:5000
 TẠI CÁC ĐẤT QUY HOẠCH KỸ THUẬT NT2, CT4, NT1, NT3, TH, THCS, THPT, CKXK, XDVD, H, GL4
 ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG CỐ NHUỆ 1, PHÚ ĐIỀN - QUẬN BẮC TỪ LIÊM VÀ PHƯỜNG MAI DỊCH - QUẬN CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI
 (NÀY LÀ PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN SAU SẮP XẾP)

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN PHƯƠNG AN ĐIỀU CHỈNH
 BẢN VẼ: 01-05A GHIẾP: 05A0 TỶ LỆ: 1:5000 HT: 1/1
 CS: 1/1

TRUNG TÂM QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC 2

THỂ HIỆN: NGUYỄN QUANG ANH
 THIẾT KẾ: NGUYỄN QUANG ANH
 CHỦ TRÌ: ĐẶNG MAI HƯƠNG
 CHỦ NHIỆM: LÁ MẠNH HOÀNG
 KIỂM TRA: NGUYỄN KIẾN
 GIÁM ĐỐC: PHAN TUẤN VINH
 PHÓ VIỆN TRƯỞNG

LÊ CHÍNH TRỰC
 VIỆN TRƯỞNG

LƯU QUANG HUY
 ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI
 SỐ TỜ CHỨC DUYỆT: 01/2015/UB-UBND NGÀY 20 THÁNG 01 NĂM 2015

PHỤ LỤC II.2
BẢN VẼ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA,
THOÁT NƯỚC THẢI

HẠ TẦNG KỸ THUẬT DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ "THÀNH PHỐ GIAO LƯU"
 BÌNH ĐỒ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA HIỆN TRẠNG



GHI CHÚ:

- CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
- - - - - DÂY CHẠM GPMB
- DÂY CHẠM GPMB



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI CÔNG TY CỔ PHẦN C&D HÀ NỘI		CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
GIÁM ĐỐC: TRẦN VĂN LINH CH. Đ. ÁN: HỒ TRỌNG CẦU CHỦ TRÌ TK: NGUYỄN THỊ HỒNG THIẾT KẾ: NGUYỄN THỊ HỒNG QL.KT: ĐÀO VĂN DỊNH	 	CÔNG TRÌNH: KỸ THUẬT MƯA HIỆN TRẠNG KHU ĐÔ THỊ "THÀNH PHỐ GIAO LƯU" NỘI DUNG: THIẾT KẾ MƯA HIỆN TRẠNG HẠNG MỤC: HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA THỜI ĐIỂM: 08/2011	HT: 08-2011 TL: 1/500 BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ HTTN MƯA HIỆN TRẠNG BỐTNM - 01

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG

TRƯỜNG ĐƯỜNG LƯƠNG

KÝ HIỆU:

	PHẦN BT
	CÁC THẠM NƯỚC
	KHOẢNG CÁCH - ĐƯỜNG - ĐƯỜNG
	KHOẢNG CÁCH
	ĐƯỜNG CẤP NƯỚC
	ĐƯỜNG THẢI NƯỚC



CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG



22 PHẠM VĂN ĐỒNG, CỐ NHUỆ, TỪ LIÊM, HÀ NỘI
ĐT: 04.62651311; FAX: 04.62651310

TÊN DỰ ÁN:
**KHU ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ GIAO LƯU**

ĐỊA ĐIỂM:
**232 PHẠM VĂN ĐỒNG, CỐ NHUỆ
TỪ LIÊM, HÀ NỘI**

GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN: BVHC
HOÀN THÀNH:

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG

BỘ HỒ SƠ:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỈ LỆ:
SỐ BẢN VẼ: **HC**



22 PHẠM VĂN ĐỒNG, CÔ NHUỆ, TỪ LIÊM, HÀ NỘI
 ĐT: 04.62651311; FAX: 04.62651310

TÊN DỰ ÁN:
KHU ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ GIAO LƯU

ĐỊA ĐIỂM:
232 PHẠM VĂN ĐỒNG, CÔ NHUỆ
TỪ LIÊM, HÀ NỘI

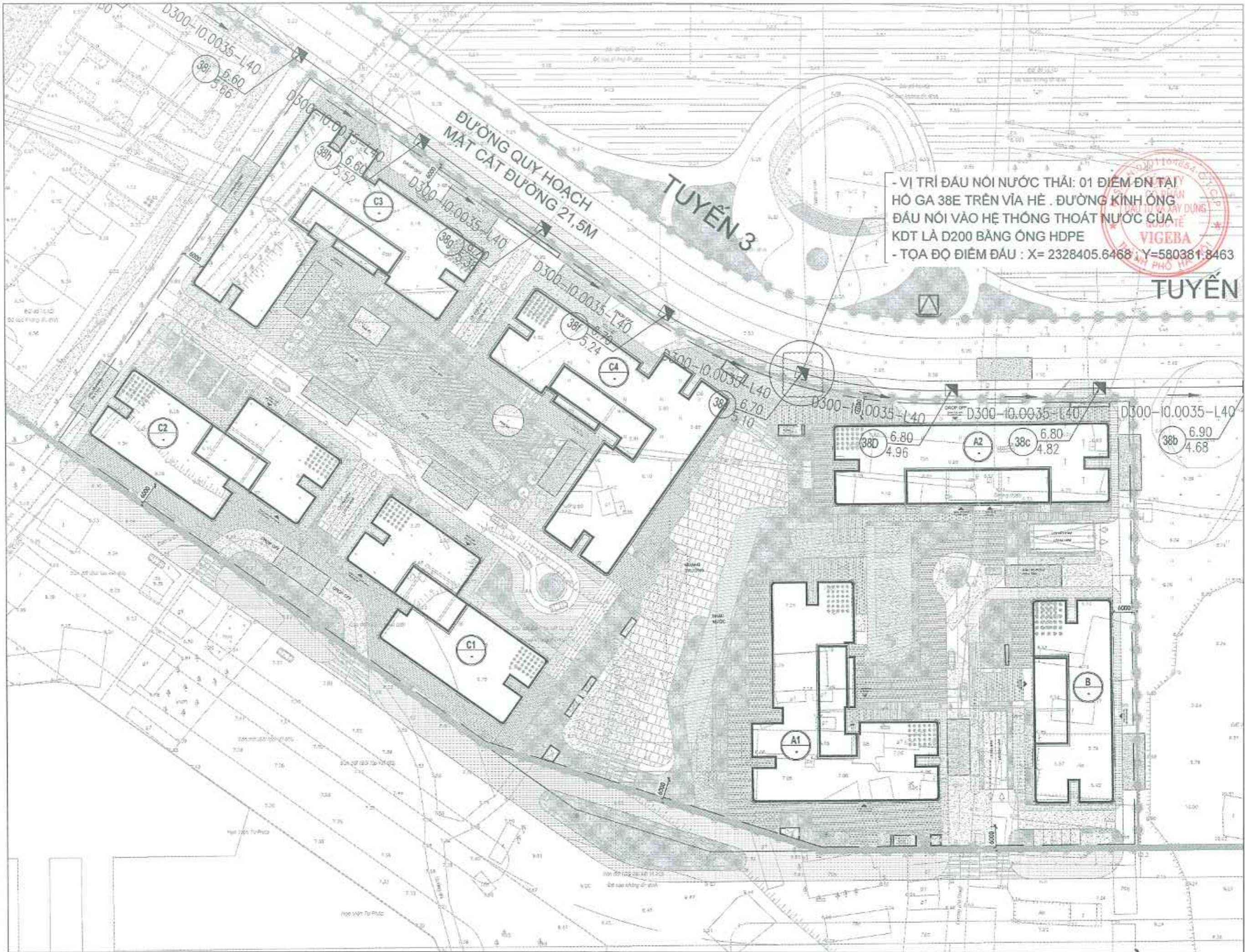
GIẢI ĐOẠN THỰC HIỆN: BVHC

HOÀN THÀNH:

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA, TNT

BỘ HỒ SƠ:
BẢN VẼ THIẾT KẾ

TỈ LỆ:
 SỐ BẢN VẼ: **HC**



- VỊ TRÍ ĐẦU NỒI NƯỚC THẢI: 01 ĐIỂM ĐẾN TẠI HỒ GA 38E TRÊN VÍA HÉ. ĐƯỜNG KÍNH ỒNG ĐẦU NỒI VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CỦA KĐT LÀ D200 BẰNG ỒNG HDPE
 - TỌA ĐỘ ĐIỂM ĐẦU : X= 2328405.6468 ; Y=580381.8463



TUYẾN

PHỤ LỤC II.3
BẢN VẼ HOÀN CÔNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC
THẢI CÔNG SUẤT 1.000 M³/NGÀY ĐÊM VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI CÔNG SUẤT 950 M³/H.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

GÓI THẦU : THI CÔNG XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/ NGÀY ĐÊM
HẠNG MỤC : TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/ NGÀY ĐÊM
CÔNG TRÌNH : HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU ĐÔ THỊ "THÀNH PHỐ GIAO LƯU"
ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG CỔ NHUẾ 1, QUẬN BẮC TỪ LIÊM, TP HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
ĐƠN VỊ TVGS : CÔNG TY CP TƯ VẤN CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG - CONINCO
ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK

CHỦ ĐẦU TƯ



KI. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Tân

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Tuấn

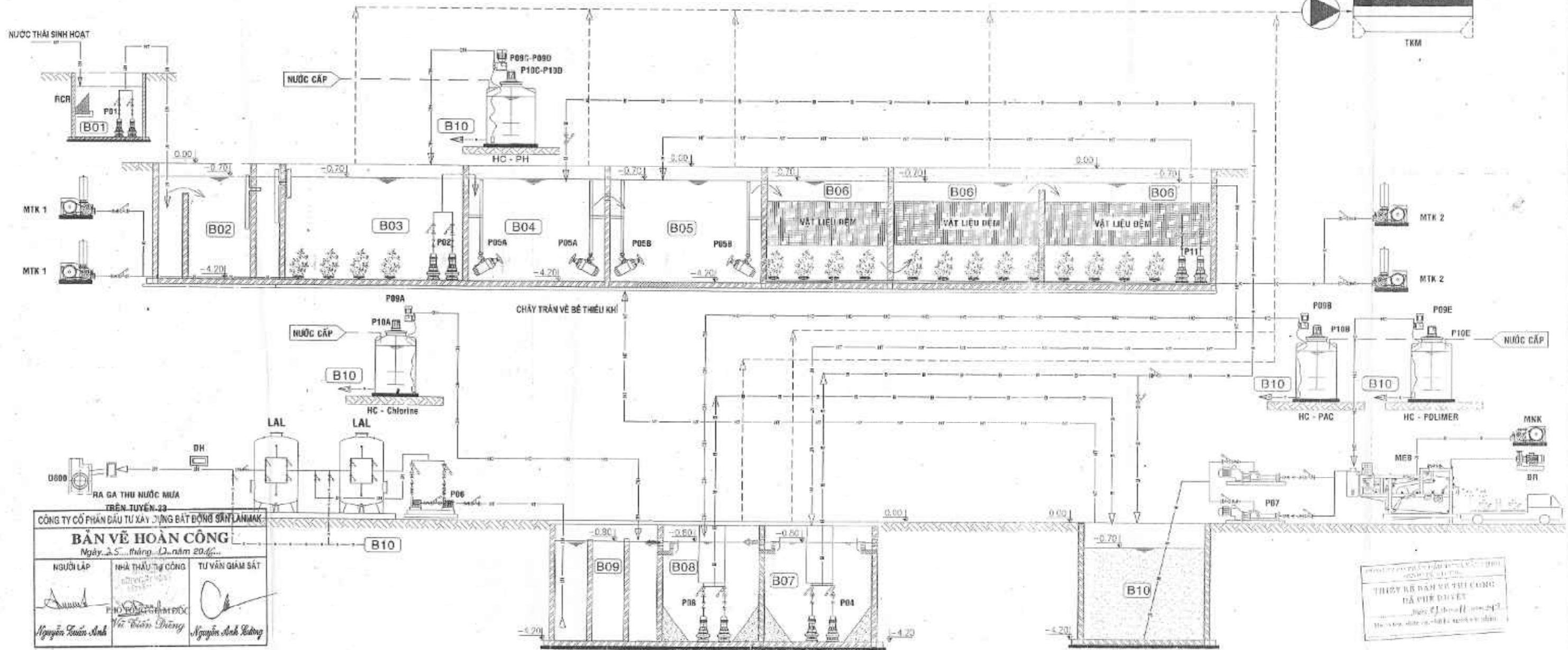
ĐƠN VỊ THI CÔNG



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Tiên Dũng

**SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT Q=1000m³/NG.Đ**

DẪN RA HỒ GA GẦN NHẤT



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMARK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 25 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THÍ CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Phan Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Anh Hùng</i>

THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NÀY ĐÃ ĐƯỢC CHẤM Duyệt
Ngày 25 tháng 12 năm 2011

CHỮ THÍCH:

STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT	STT	KÝ HIỆU	TÊN CHI TIẾT
1	B01	TRẠM BƠM NƯỚC THẢI	11	P01	BƠM NƯỚC THẢI TRẠM BƠM	27	MEB	MÁY PHẪN RÁP
2	B02	BỂ TÁCH DẦU MỖ	12	P02	BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA	28	RCR	RỌ CHẮN RÁC
3	B03	BỂ ĐIỀU HÒA	13	ER	BƠM HÉA	29	LAL	LỌC ÁP LỰC
4	B04	BỂ KHUY KHÍ	14	P03	BƠM BỒN TỰ ĐỘNG HỒN + BỒN THẢI	30	HC-CLORINE	HÓA CHẤT CLORINE
5	B05	BỂ ĐIỀU HÒA	15	P04A, P05A	MÁY KHUY KHÍ CHỖM	31	HC-POLIMER	HÓA CHẤT POLIMER
6	B06	BỂ ĐIỀU HÒA	16	P06	BƠM LY TÂM SỬ XỬ HÉA ÁP LỰC	32	HC-PH	HÓA CHẤT PH
7	B07	BỂ LẮNG THỦ CẤP 1	17	P07	BƠM BỒN TRỰC VẬT	33	HC-PAC	HÓA CHẤT PAC
8	B08	BỂ LẮNG THỦ CẤP 2	18	P08	BƠM BỒN THẢI HÉO TỤ	34	TKM	THÁP KHÔ MÈ
9	B09	BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH LẠNG	19	P09A, P...	BƠM ĐỊNH LƯỢNG			
10	B10	BỂ CHỨA BỤN	20	P10A, B...	MÁY KHUY KHÍ HÓA CHẤT			
			21	MTK1	MÁY THỜI KHÍ 1			
			22	MTK2	MÁY THỜI KHÍ 2			
			23	P11	BƠM NƯỚC TỰ ĐỘNG HỒN BỂ ĐIỀU KH			
			24	DH	QUẠT HỤT KHÍ			
			25	DKK	MÁY MÈN KHÍ			
			26					

© TẬP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI
ĐÃ THẨM TRA
Bản vẽ được lập theo yêu cầu
Ngày 25 tháng 12 năm 2011

<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIỆT NAM</p> <p>TRAM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHỆ SINH HOẠT SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ</p>	<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIỆT NAM</p> <p>TRAM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHỆ SINH HOẠT SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ</p>	<p>T.K.B.V.T.C</p> <p>02100000</p> <p>HT</p> <p>6/2015</p> <p>CN-01</p>
---	--	---



TUYẾN SỐ 23

RANH GIỚI KHU ĐẤT TRẠM XỬ LÝ

ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN

TUYẾN SỐ 9

- CHỈ THỊ**
- 1. Phòng xử nước thải
 - 2. Phòng xử nước
 - 3. Phòng xử nước
 - 4. Phòng xử nước
 - 5. Phòng xử nước
 - 6. Phòng xử nước
 - 7. Phòng xử nước
 - 8. Phòng xử nước
 - 9. Phòng xử nước
 - 10. Phòng xử nước
 - 11. Phòng xử nước
 - 12. Phòng xử nước
 - 13. Phòng xử nước
 - 14. Phòng xử nước
 - 15. Phòng xử nước
 - 16. Phòng xử nước
 - 17. Phòng xử nước
 - 18. Phòng xử nước
 - 19. Phòng xử nước
 - 20. Phòng xử nước
 - 21. Phòng xử nước
 - 22. Phòng xử nước
 - 23. Phòng xử nước
 - 24. Phòng xử nước
 - 25. Phòng xử nước
 - 26. Phòng xử nước
 - 27. Phòng xử nước
 - 28. Phòng xử nước
 - 29. Phòng xử nước
 - 30. Phòng xử nước
 - 31. Phòng xử nước
 - 32. Phòng xử nước
 - 33. Phòng xử nước
 - 34. Phòng xử nước
 - 35. Phòng xử nước
 - 36. Phòng xử nước
 - 37. Phòng xử nước
 - 38. Phòng xử nước
 - 39. Phòng xử nước
 - 40. Phòng xử nước
 - 41. Phòng xử nước
 - 42. Phòng xử nước
 - 43. Phòng xử nước
 - 44. Phòng xử nước
 - 45. Phòng xử nước
 - 46. Phòng xử nước
 - 47. Phòng xử nước
 - 48. Phòng xử nước
 - 49. Phòng xử nước
 - 50. Phòng xử nước
 - 51. Phòng xử nước
 - 52. Phòng xử nước
 - 53. Phòng xử nước
 - 54. Phòng xử nước
 - 55. Phòng xử nước
 - 56. Phòng xử nước
 - 57. Phòng xử nước
 - 58. Phòng xử nước
 - 59. Phòng xử nước
 - 60. Phòng xử nước
 - 61. Phòng xử nước
 - 62. Phòng xử nước
 - 63. Phòng xử nước
 - 64. Phòng xử nước
 - 65. Phòng xử nước
 - 66. Phòng xử nước
 - 67. Phòng xử nước
 - 68. Phòng xử nước
 - 69. Phòng xử nước
 - 70. Phòng xử nước
 - 71. Phòng xử nước
 - 72. Phòng xử nước
 - 73. Phòng xử nước
 - 74. Phòng xử nước
 - 75. Phòng xử nước
 - 76. Phòng xử nước
 - 77. Phòng xử nước
 - 78. Phòng xử nước
 - 79. Phòng xử nước
 - 80. Phòng xử nước
 - 81. Phòng xử nước
 - 82. Phòng xử nước
 - 83. Phòng xử nước
 - 84. Phòng xử nước
 - 85. Phòng xử nước
 - 86. Phòng xử nước
 - 87. Phòng xử nước
 - 88. Phòng xử nước
 - 89. Phòng xử nước
 - 90. Phòng xử nước
 - 91. Phòng xử nước
 - 92. Phòng xử nước
 - 93. Phòng xử nước
 - 94. Phòng xử nước
 - 95. Phòng xử nước
 - 96. Phòng xử nước
 - 97. Phòng xử nước
 - 98. Phòng xử nước
 - 99. Phòng xử nước
 - 100. Phòng xử nước

BÌNH VỊ ĐOẠN ống qua đường ĐIỆN HÌNH

1	WP/PC 005
2	WP/PC 007
3	WP/PC 007
4	WP/PC 007
5	WP/PC 007
6	WP/PC 007
7	WP/PC 010

KHU TT2-A

TUYẾN SỐ 15B

49

48

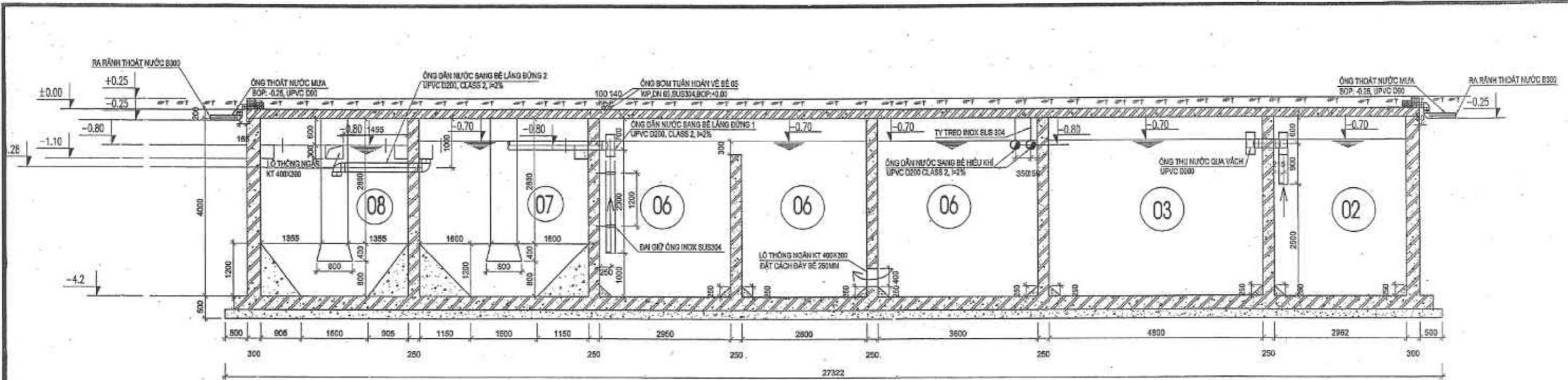
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LAMKAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 15/5/2016, tháng 05, năm 2016.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM BÁT
<i>Nguyễn Xuân Anh</i>	<i>Nguyễn Anh Cường</i>	<i>Nguyễn Anh Cường</i>
CHỖ TỰNG GIÁM ĐỐC	CHỖ TỰNG GIÁM ĐỐC	CHỖ TỰNG GIÁM ĐỐC

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 HỒ SƠ DUYỆT
 Ngày 15/5/2016, tháng 05, năm 2016.

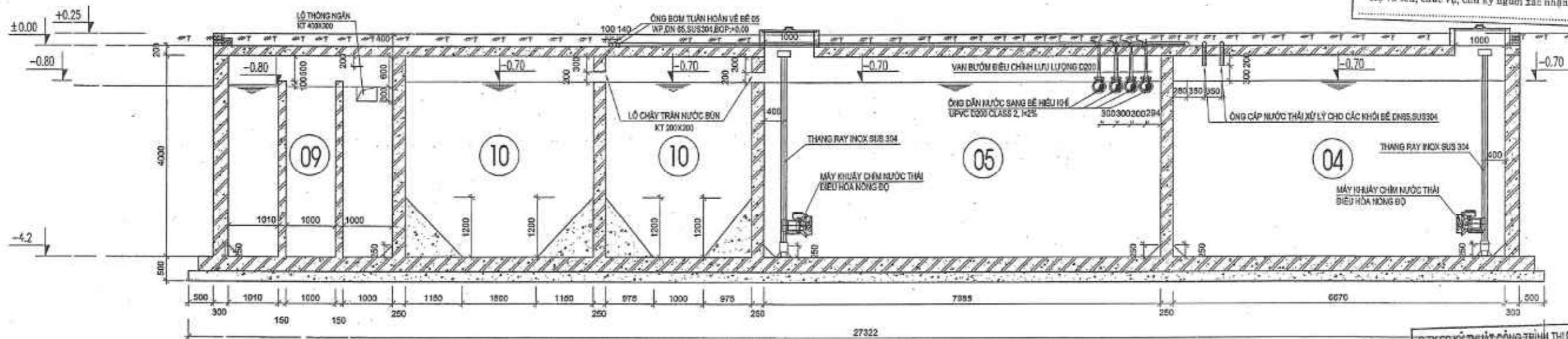
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo quy định
 331/2012/TT-BXD
 Ngày 15/5/2016, tháng 05, năm 2016.

ST	HT	CN
0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9
10	10	10
11	11	11
12	12	12
13	13	13
14	14	14
15	15	15
16	16	16
17	17	17
18	18	18
19	19	19
20	20	20
21	21	21
22	22	22
23	23	23
24	24	24
25	25	25
26	26	26
27	27	27
28	28	28
29	29	29
30	30	30
31	31	31
32	32	32
33	33	33
34	34	34
35	35	35
36	36	36
37	37	37
38	38	38
39	39	39
40	40	40
41	41	41
42	42	42
43	43	43
44	44	44
45	45	45
46	46	46
47	47	47
48	48	48
49	49	49
50	50	50
51	51	51
52	52	52
53	53	53
54	54	54
55	55	55
56	56	56
57	57	57
58	58	58
59	59	59
60	60	60
61	61	61
62	62	62
63	63	63
64	64	64
65	65	65
66	66	66
67	67	67
68	68	68
69	69	69
70	70	70
71	71	71
72	72	72
73	73	73
74	74	74
75	75	75
76	76	76
77	77	77
78	78	78
79	79	79
80	80	80
81	81	81
82	82	82
83	83	83
84	84	84
85	85	85
86	86	86
87	87	87
88	88	88
89	89	89
90	90	90
91	91	91
92	92	92
93	93	93
94	94	94
95	95	95
96	96	96
97	97	97
98	98	98
99	99	99
100	100	100



MẶT CẮT C-C ĐƯỜNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.



MẶT CẮT D-D ĐƯỜNG NƯỚC

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
 ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 271.2017/MOT.../CN...
 Ngày... tháng... năm 2017.

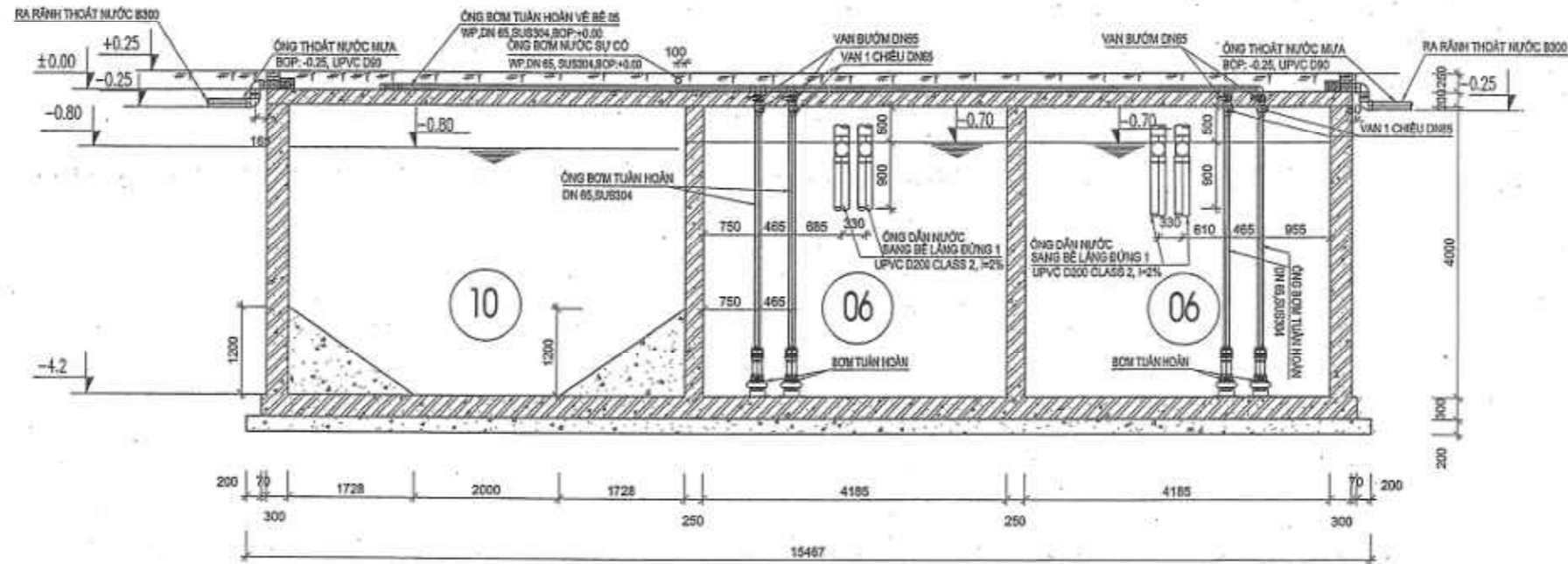
CHỦ THÍCH

- | | | | |
|----------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------|
| ① TRẠM BOM NƯỚC THẢI | ⑭ BỂ HIỆU KHÍ | ⑲ NHÀ THỜI KHÍ | ⑳ CỤM BOM LỌC ÁP LỰC |
| ② BỂ TÁCH MỖ | ⑮ BỂ LẮNG ĐỨNG 1 | ⑳ NHÀ ÉP BÙN | ㉑ GA THU MỖ |
| ③ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑯ BỂ LẮNG ĐỨNG 2 | ㉒ NHÀ HÓA CHẤT | ㉒ CÔNG VÀO |
| ④ BỂ YẾM KHÍ | ⑰ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỮA NƯỚC SAU LẮNG | ㉓ NHÀ ĐIỀU HÀNH | |
| ⑤ BỂ THIỂU KHÍ | ⑱ BỂ NÉN BÙN | ㉔ NHÀ XỬ LÝ KHÍ | |
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

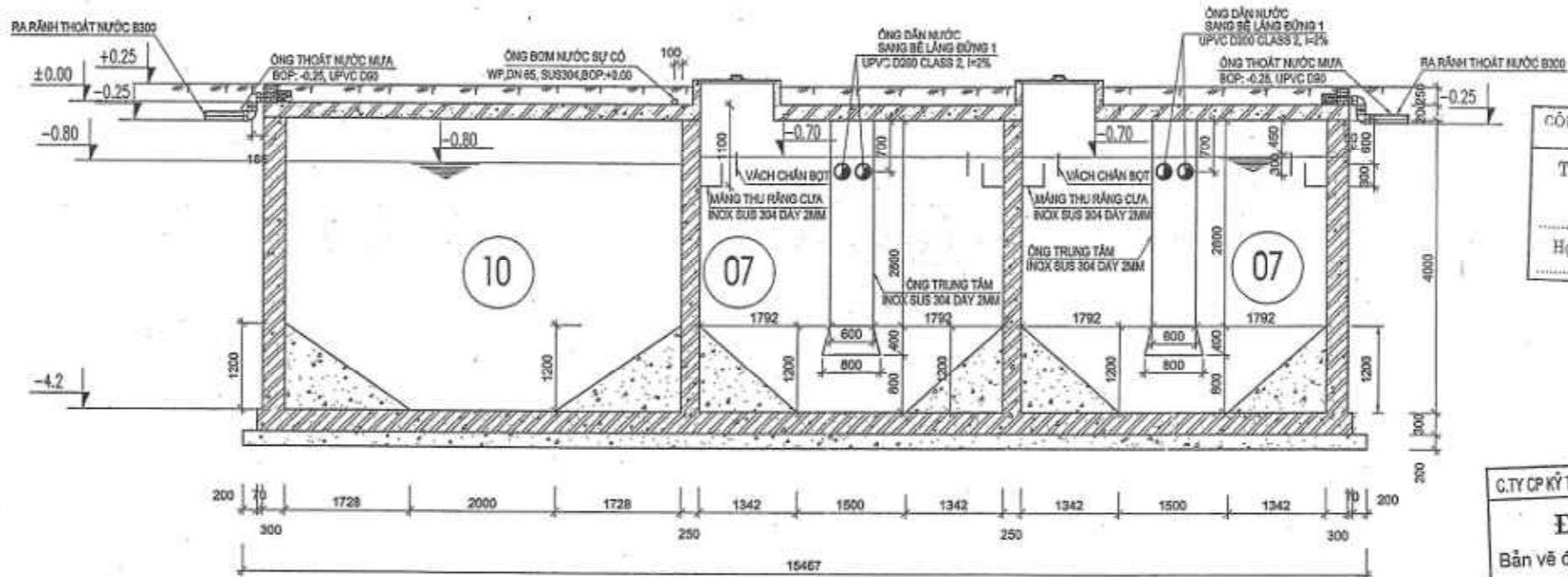
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 25... tháng... 12... năm 2016.

NGƯỜI LẬP	NHÀ ĐẦU THỊ CÔNG CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN	TU VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiến Dũng</i> PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	<i>Nguyễn Anh Cường</i>

C				
B				
A				
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG	
			CHỦ ĐẦU TƯ	T.K.B.V.T.C
			CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA	12345678910
TỔNG GIÁM ĐỐC			CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÁNH PHỐ GIAO LƯU	HT
GB TRUNG TÂM			HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY	5-2015
CHỦ NHIỆM CT			ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHỰT - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY	CN - 09
THIẾT KẾ			MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC	
Q.L.K.T				



MẶT CẮT 3-3 ĐƯỜNG NƯỚC



MẶT CẮT 4-4 ĐƯỜNG NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
DÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 27/ 2015/ TTCT. C.N.C.C
 Ngày 22 tháng 10 năm 2015

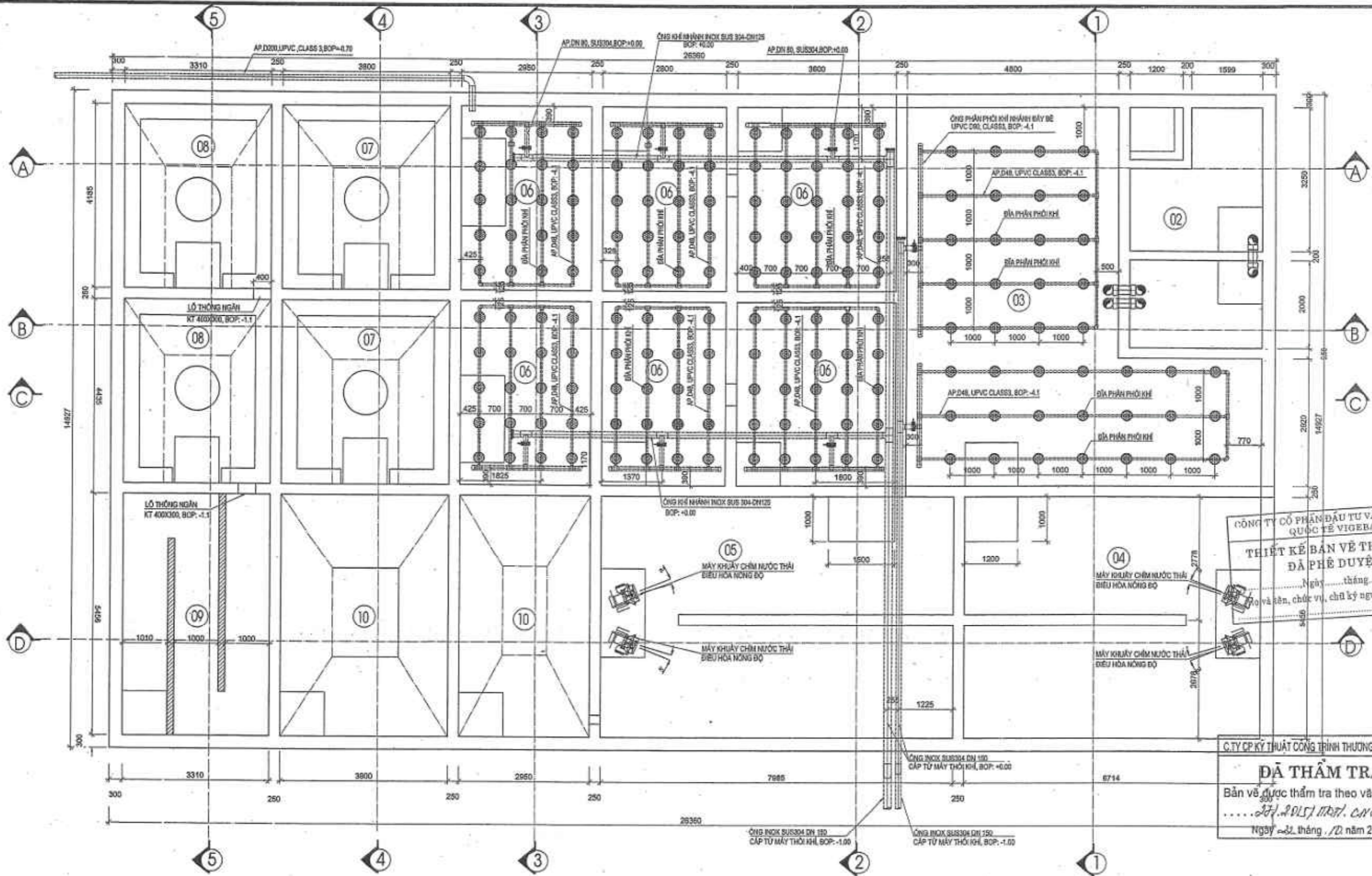
- CHÚ THÍCH**
- ① TRẠM BƠM NƯỚC KHẨU
 - ② BỂ TÁCH MỠ
 - ③ BỂ ĐIỀU HÒA
 - ④ BỂ YẾM KHÍ
 - ⑤ BỂ THIỂU KHÍ
 - ⑥ BỂ HIỆU KHÍ
 - ⑦ BỂ LẮNG ĐÓNG 1
 - ⑧ BỂ LẮNG ĐÓNG 2
 - ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG
 - ⑩ BỂ NÉN BÚN
 - ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
 - ⑫ NHÀ ÉP BÓN
 - ⑬ NHÀ HÓA CHẤT
 - ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - ⑮ NHÀ XỬ LÝ KHÍ
 - ⑯ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - ⑰ GA THU MỠ
 - ⑱ CÔNG VÀO

GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiên Dũng</i>	<i>Nguyễn Anh Hoàng</i>

C			
B			
A			
KI HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỨC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM PHƯỜNG CỔ NHIE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA T.K.B.V.T.C 12252015807V
TỔNG GIÁM ĐỐC			HT
GB TRUNG TÂM			5 - 2015
CHỦ NHIỆM CT			
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ			
THIẾT KẾ			
Q.L.K.T			
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC			CN - 11



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo vận bản số:
 271.2.015/1707. C.N.C.C.
 Ngày... tháng... năm 20.../T.

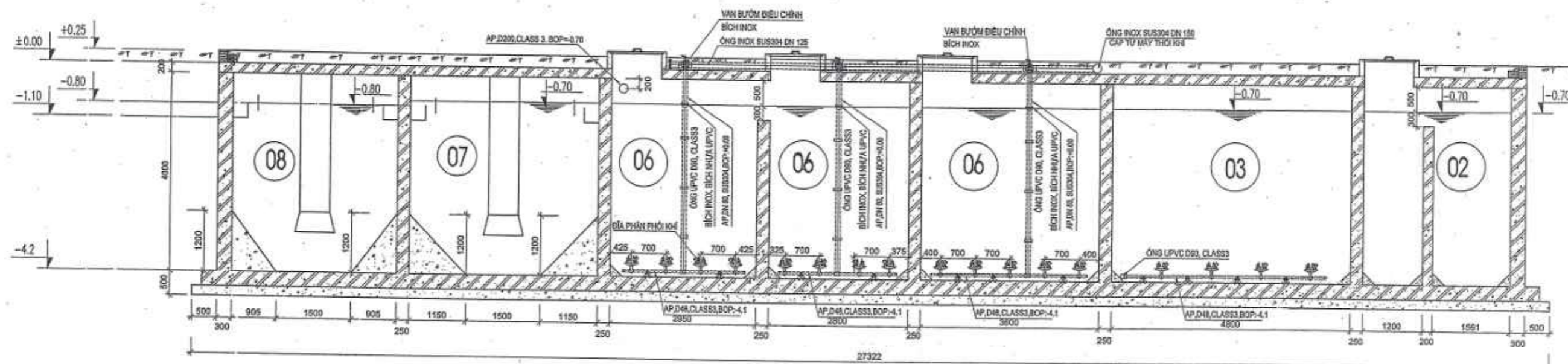
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 20.../T.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TU VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Xuân Anh</i>	<i>Vũ Tiên Dũng</i>	<i>Nguyễn Anh Cường</i>

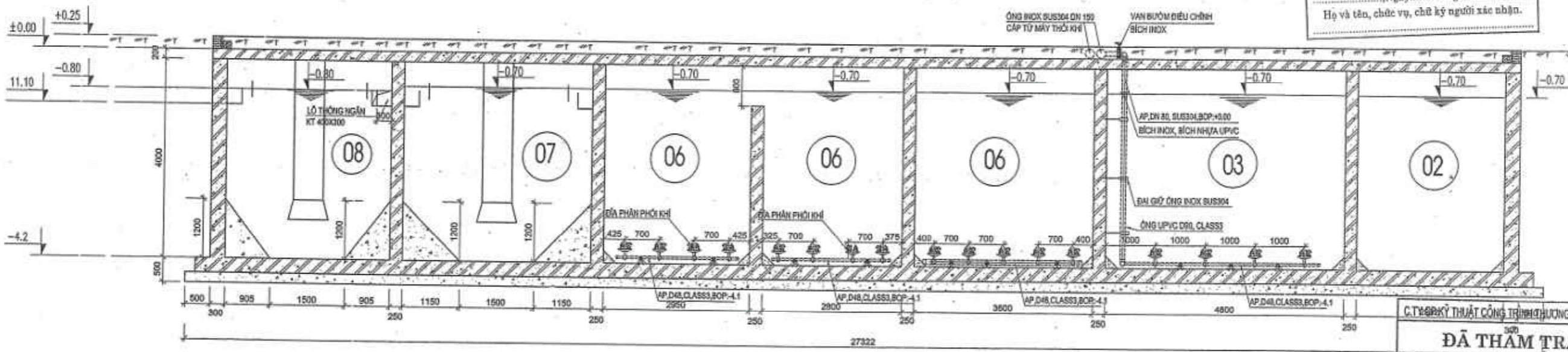
- CHÚ THÍCH**
- 01 TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - 02 BỂ TÁCH MỠ
 - 03 BỂ ĐIỀU HÒA
 - 04 BỂ YẾM KHÍ
 - 05 BỂ THIỂU KHÍ
 - 06 BỂ HIỆU KHÍ
 - 07 BỂ LẮNG ĐỨNG 1
 - 08 BỂ LẮNG ĐỨNG 2
 - 09 BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỮA NƯỚC SAU LẮNG
 - 10 BỂ NÉN BÙN
 - 11 NHÀ THỜI KHÍ
 - 12 NHÀ ÉP BÙN
 - 13 NHÀ HÒA CHẤT
 - 14 NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - 15 NHÀ XỬ LÝ KHÍ
 - 16 CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - 17 GA THU MỠ
 - 18 CỐNG VÀO
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYẾT ĐỐI +6.70

KÝ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG	T.K.B.V.T.C
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA	12052015HDV
			CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIANG LƯU HANG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHIE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	HT
			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ KHỞI BÉ	5 - 2015
				CN - 13



MẶT CẮT A-A ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBTA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.



C. T. Y. KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH HƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày 22 tháng 10 năm 2015.

MẶT CẮT B-B ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ

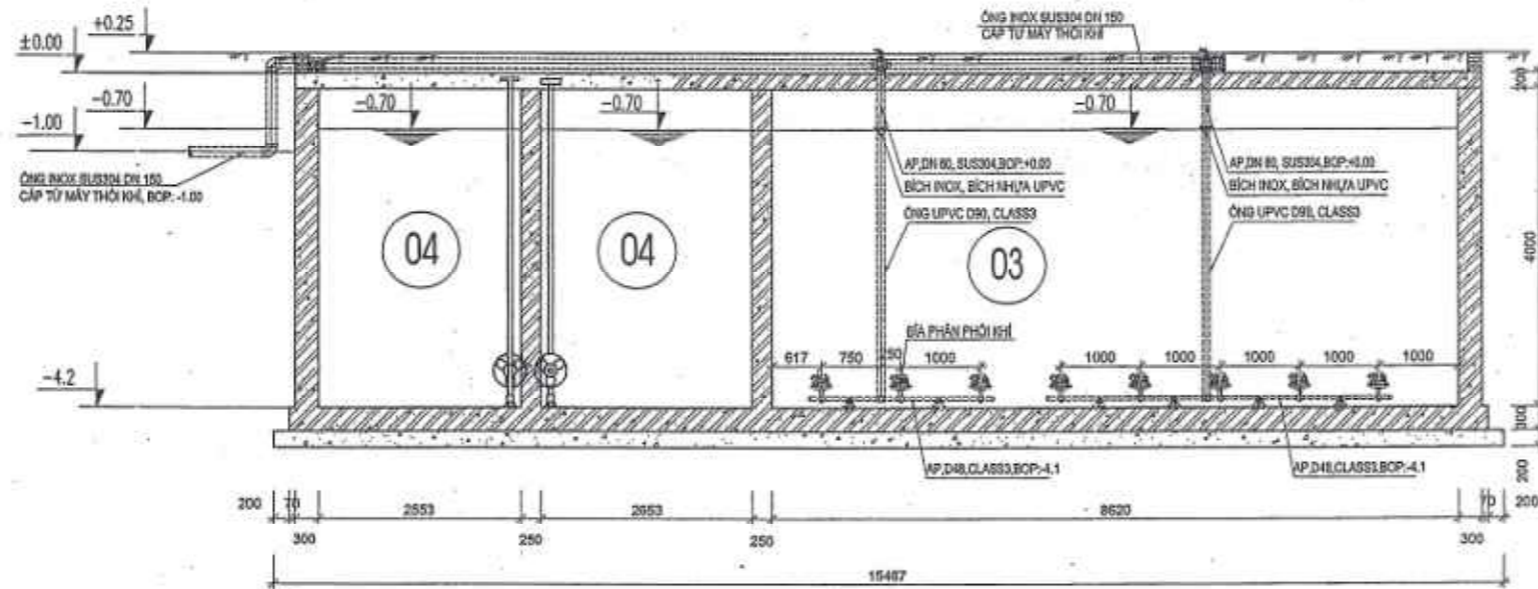
- CHÚ THÍCH**
- ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - ② BỂ TÁCH MỠ
 - ③ BỂ ĐIỀU HÒA
 - ④ BỂ YẾM KHÍ
 - ⑤ BỂ THIÊU KHÍ
 - ⑥ BỂ HIỆU KHÍ
 - ⑦ BỂ LẮNG ĐỨNG 1
 - ⑧ BỂ LẮNG ĐỨNG 2
 - ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG
 - ⑩ BỂ NÉN BÓN
 - ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
 - ⑫ NHÀ ÉP BÓN
 - ⑬ NHÀ HÓA CHẤT
 - ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - ⑮ NHÀ XỬ LÝ KHÍ
 - ⑯ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - ⑰ GA THU MỠ
 - ⑱ CÔNG VÀO

GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

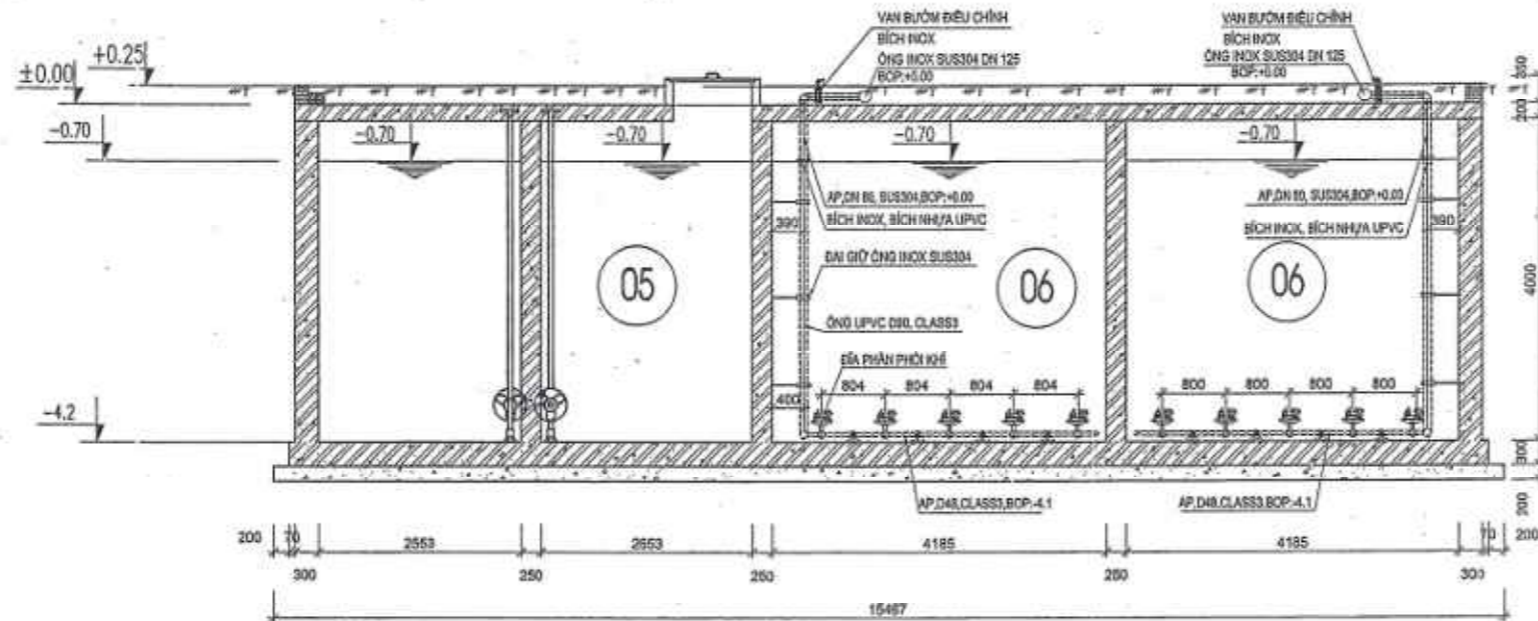
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiến Dũng</i>	<i>Nguyễn Anh Hoàng</i>
	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	

C			
B			
A			
KÝ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ
			CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBTA
			T.K.B.V.T.C
			12/52015/HTV
			CÔNG TRÌNH: KHU DÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY
			HT
			5 - 2015
			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY
			MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG KHÍ
			CN - 14



MẶT CẮT 1-1 ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ



MẶT CẮT 2-2 ĐƯỜNG ống DẪN KHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

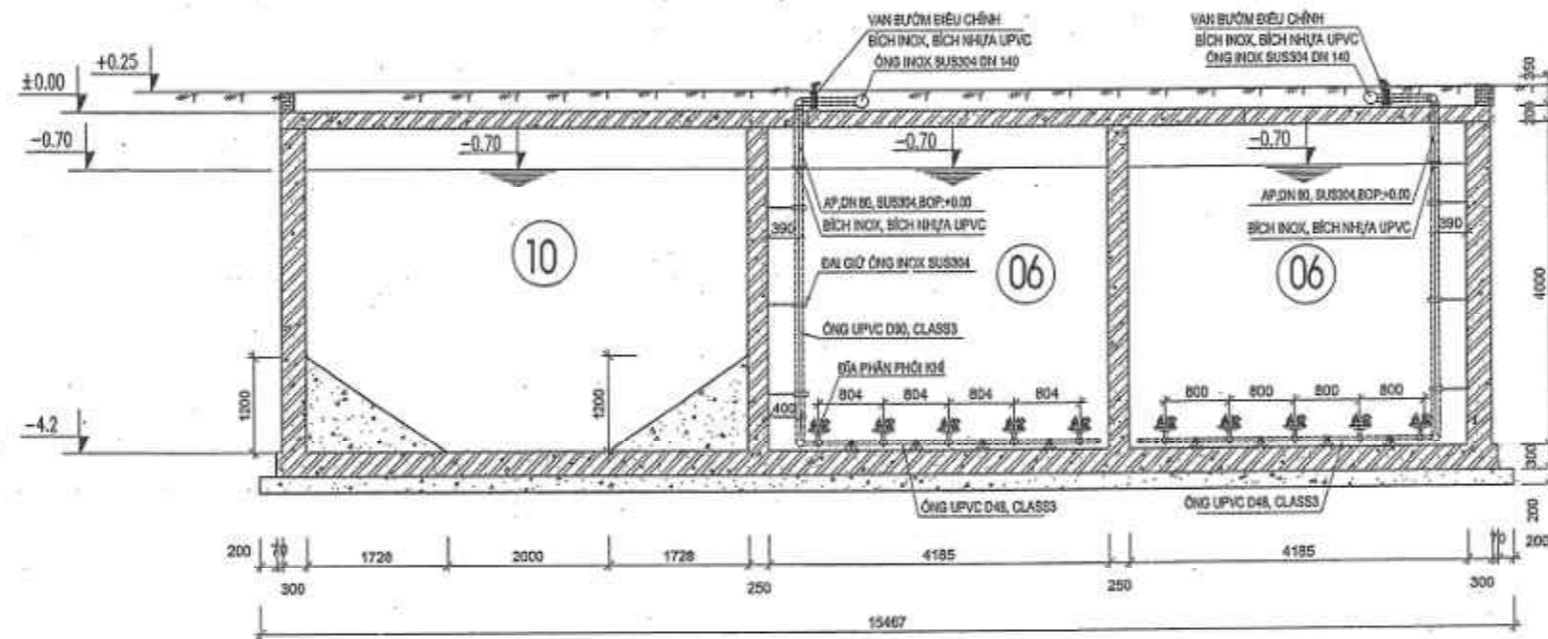
C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 .../71.2015/ST.Đ.T. CMTC...
 Ngày... tháng... năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 25... tháng... 12... năm 2016...

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TU VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiên Dữ</i>	<i>Nguyễn Anh Lương</i>

- CHÚ THÍCH**
- ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - ② BỂ TÁCH MỠ
 - ③ BỂ ĐIỀU HÒA
 - ④ BỂ YẾM KHÍ
 - ⑤ BỂ THIỂU KHÍ
 - ⑥ BỂ HIỆU KHÍ
 - ⑦ BỂ LẮNG ĐỨNG 1
 - ⑧ BỂ LẮNG ĐỨNG 2
 - ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG
 - ⑩ BỂ NÉN BÙN
 - ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
 - ⑫ NHÀ ÉP BÙN
 - ⑬ NHÀ HÓA CHẤT
 - ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - ⑮ NHÀ XỬ LÝ KHÍ
 - ⑯ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - ⑰ GA THU MỠ
 - ⑱ CÔNG VÀO
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI ±0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGIBA CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ ĐÀ LẠT PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHIEU - QUẬN BẮC TỬ LEM - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC			T.K.B.V.T.C
QUẢN LÝ THI CÔNG			1229/2015/HTV
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			HT
THIẾT KẾ			5 - 2015-
QUẢN LÝ THI CÔNG			CN - 15



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

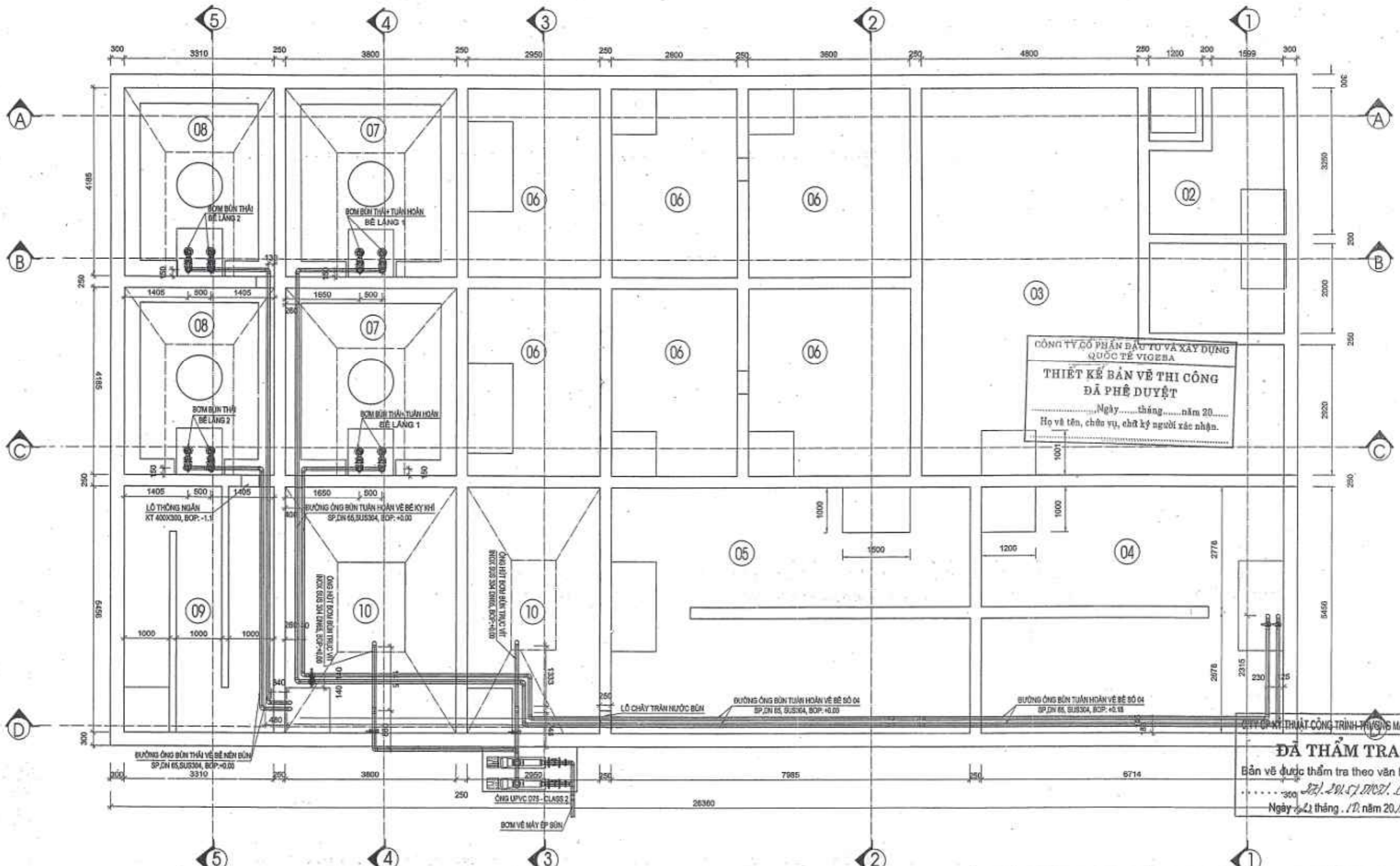
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LAN ANH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 25... tháng... 12... năm 20... 16.
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Tuấn Anh
 NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LAN ANH
 TƯ VẤN GIÁM SÁT: Vũ Tiến Dũng Nguyễn Anh Cường

C. TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: ... 271.2015/1021.COM...
 Ngày 02 tháng 10 năm 2015

CHÚ THÍCH

- ⑩ TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
 - ⑫ BỂ TÁCH MỠ
 - ⑬ BỂ ĐIỀU HÒA
 - ⑭ BỂ YẾM KHÍ
 - ⑮ BỂ THIẾU KHÍ
 - ⑯ BỂ HIỆU KHÍ
 - ⑰ BỂ LẮNG ĐỨNG 1
 - ⑱ BỂ LẮNG ĐỨNG 2
 - ⑲ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỮA NƯỚC SAU LẮNG
 - ⑳ BỂ NÉN BÙN
 - ㉑ NHẢ THỜI KHÍ
 - ㉒ NHẢ ÉP BÙN
 - ㉓ NHẢ HÓA CHẤT
 - ㉔ NHẢ ĐIỀU HÀNH
 - ㉕ NHẢ XỬ LÝ KHÍ
 - ㉖ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - ㉗ GA THU MỠ
 - ㉘ CÔNG VÀO
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

C			
R			
A			
KI HIEU	NGAY	TEN	NỘI DUNG
		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHỰE - QUẬN SẮC TÔ LỆM - TP. HÀ NỘI	
TỔNG GIÁM ĐỐC	HÀ MINH TRUNG	T.K.B.V.T.C	12/25/2015/HTV
ĐI TRUNG TÂM	HÀ MINH TRUNG	HT	
CHỦ NHIỆM CT	ĐINH MINH TUẤN	5 - 2015	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY	
THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG	MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG KHÍ	CN - 16
QL.KT	ĐINH MINH TUẤN		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGESA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

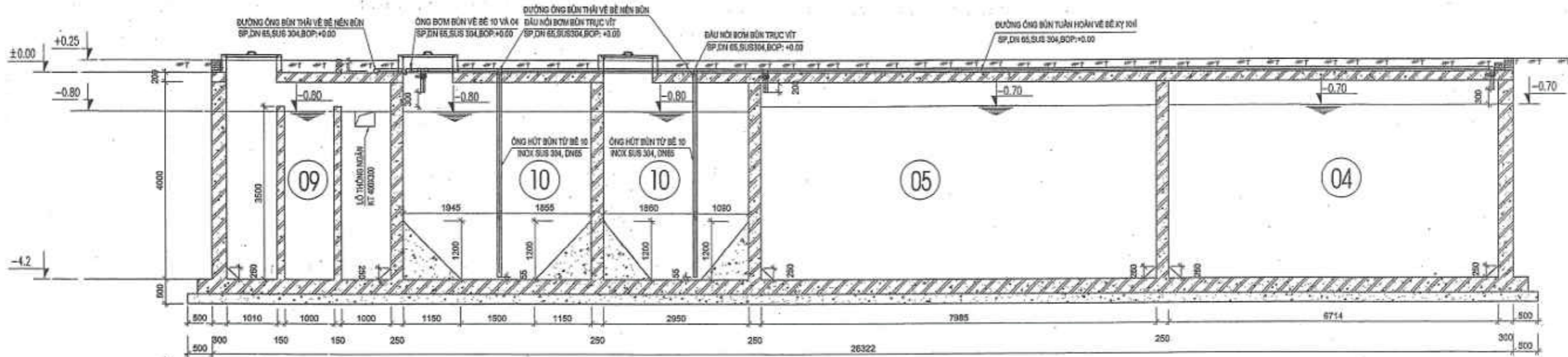
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 .../.../...
 Ngày... tháng... năm 2015

- CHÚ THÍCH**
- ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
 - ② BỂ TÁCH MỠ
 - ③ BỂ ĐIỀU HÒA
 - ④ BỂ YẾM KHÍ
 - ⑤ BỂ THIỂU KHÍ
 - ⑥ BỂ HIỆU KHÍ
 - ⑦ BỂ LẮNG ĐỨNG 1
 - ⑧ BỂ LẮNG ĐỨNG 2
 - ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG
 - ⑩ BỂ NÉN BÙN
 - ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
 - ⑫ NHÀ ÉP BÙN
 - ⑬ NHÀ HÓA CHẤT
 - ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - ⑮ NHÀ XỬ LÝ KHÍ
 - ⑯ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
 - ⑰ GA THU MỠ
 - ⑱ CÔNG VÀO
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYẾT ĐỐI +6.70

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẠNG BỤN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 2015

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiến Dũng</i> PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	<i>Nguyễn Anh Hùng</i>

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGESA CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỸ C. TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐÁI ĐIỂM PHƯỜNG CỔ NHỰE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	
TỔNG GIÁM ĐỐC	 ANH	T.K.B.V.T.C	122/0315HDV
GB TRUNG TÂM	 KHÁNH	HT	5 - 2015
CHỦ NHIỆM CT	 THÁNH	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY	
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	 HÀ MINH TRUNG	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG BỤN KHÔI BỂ	
THIẾT KẾ	 HÀ MINH TRUNG		
Q.L.K.T	 ĐÌNH MINH TUẤN		



MẶT CẮT D-D ĐƯỜNG BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 25 tháng 12 năm 2016.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Vũ Tiến Dũng</i>	<i>Nguyễn Anh Cường</i>
	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	

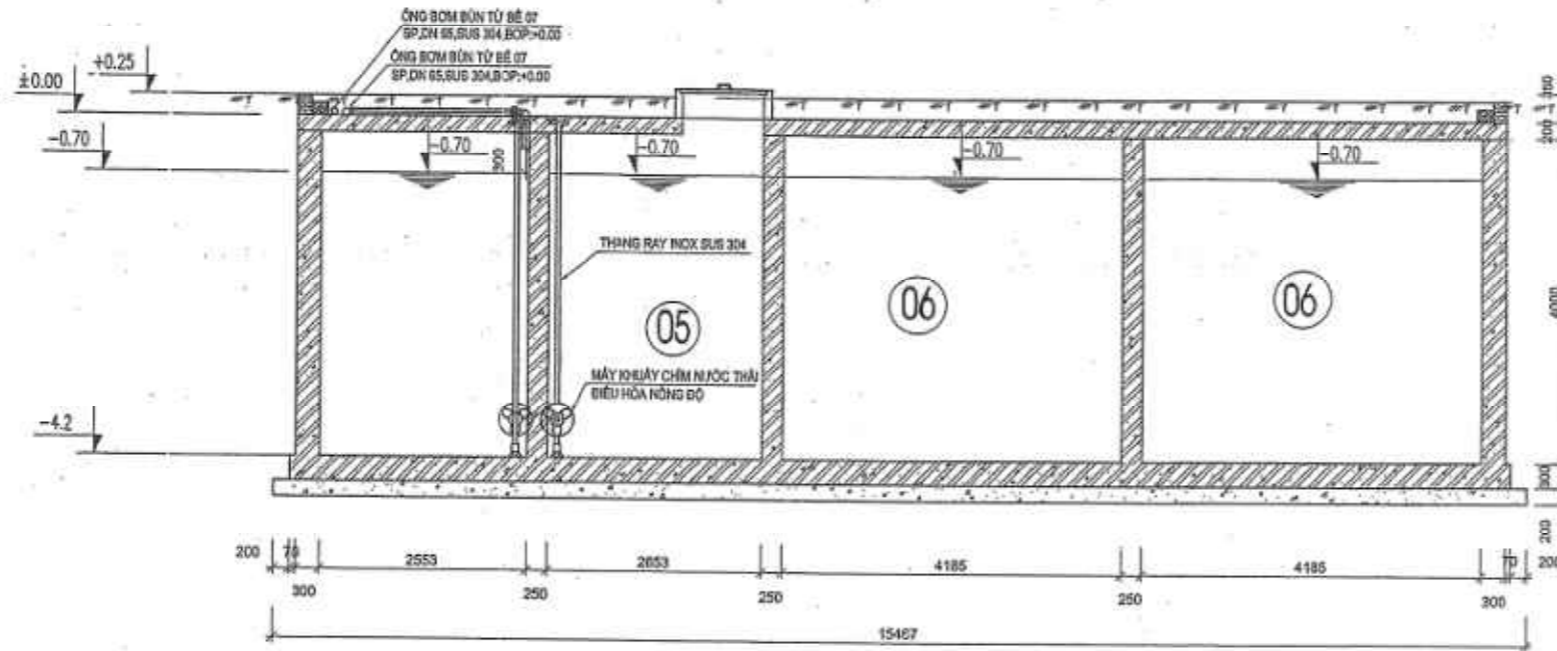
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C. TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: ... 27/2015/TTT.C.N.C.C...
 Ngày 22 tháng 10 năm 2015.

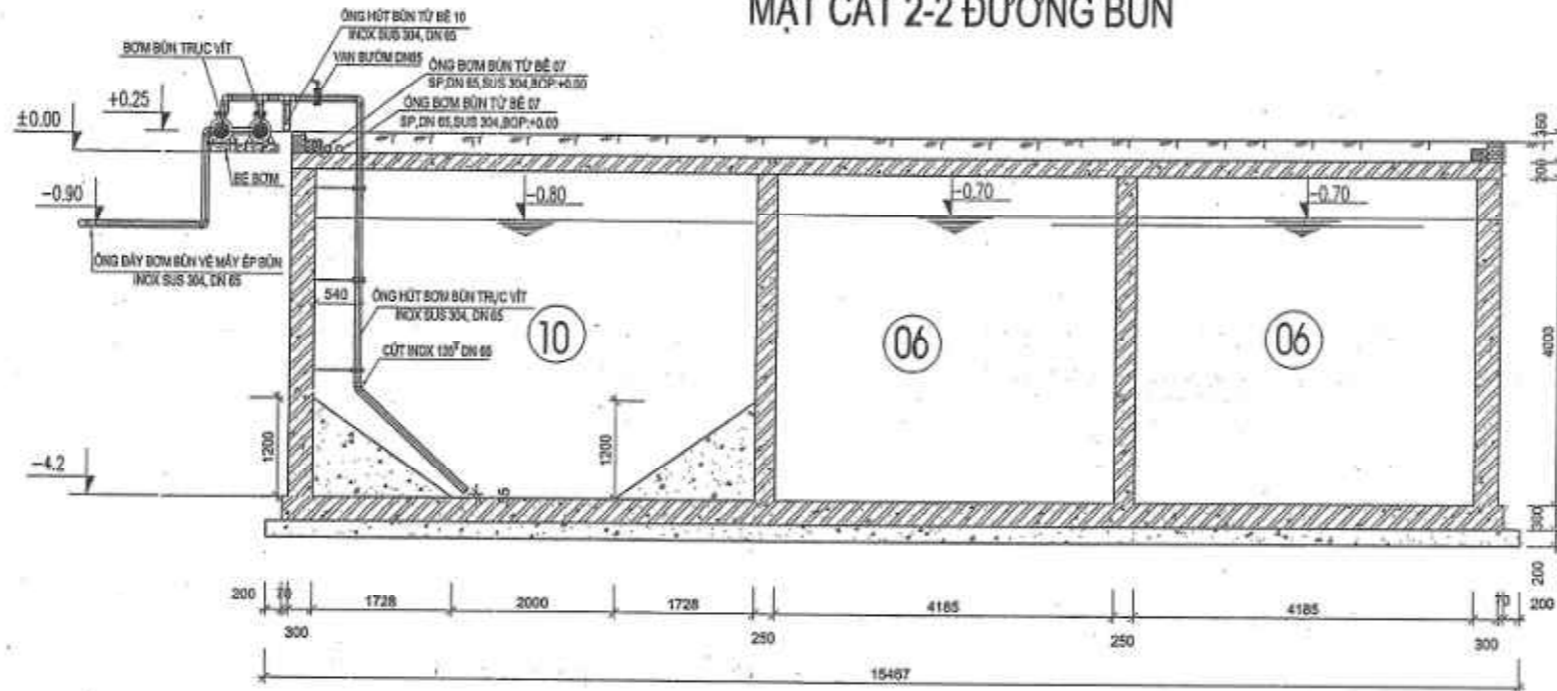
CHÚ THÍCH

- | | | | |
|----------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------|
| ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI | ⑥ BỂ HIẾU KHÍ | ⑪ NHÀ THỜI KHÍ | ⑮ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC |
| ② BỂ TÁCH MỠ | ⑦ BỂ LẮNG ĐỨNG 1 | ⑫ NHÀ ÉP BÙN | ⑯ GA THU MỠ |
| ③ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑧ BỂ LẮNG ĐỨNG 2 | ⑬ NHÀ HÓA CHẤT | ⑰ CÔNG VÀO |
| ④ BỂ YẾM KHÍ | ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG | ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH | |
| ⑤ BỂ THIẾU KHÍ | ⑩ BỂ NÉN BÙN | ⑰ NHÀ XỬ LÝ KHÍ | |
- GHI CHÚ: CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ BẾN PHỐ GIAO LƯU HẠNG MẠC - TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHUỆ - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG BÙN
TỔNG GIÁM ĐỐC			T.K.B.V.T.C
GD TRUNG TÂM			123/2015/HTV
CHỦ NHIỆM CT			HT
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG		5 - 2015
THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG		
QL.KT	ĐÌNH MINH TUẤN		CN - 19



MẶT CẮT 2-2 ĐƯỜNG BÙN



MẶT CẮT 3-3 ĐƯỜNG BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 2412/DT/NT/CTCC.....
 Ngày 24 tháng 12 năm 2015.

CHÚ THÍCH

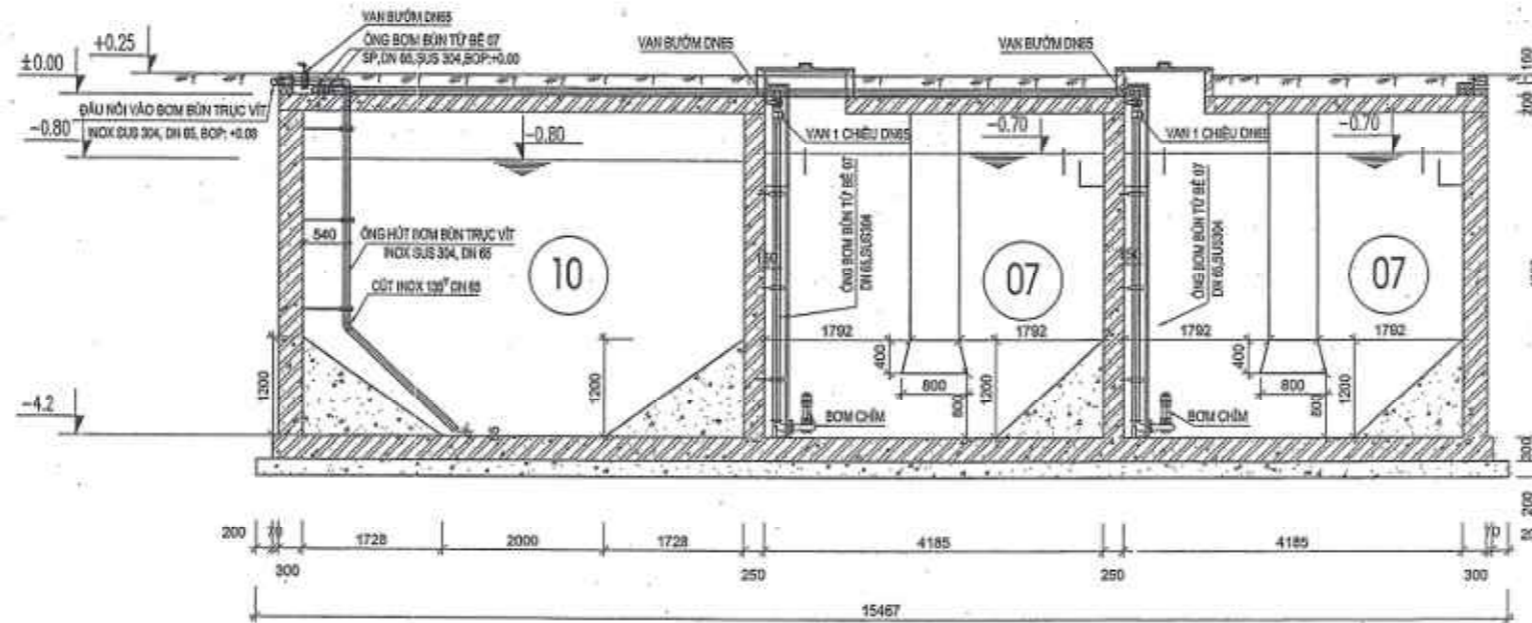
- ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI
- ② BỂ TÁCH MỠ
- ③ BỂ ĐIỀU HÒA
- ④ BỂ YẾM KHÍ
- ⑤ BỂ THIẾU KHÍ
- ⑥ BỂ HIẾU KHÍ
- ⑦ BỂ LẮNG ĐÓNG 1
- ⑧ BỂ LẮNG ĐÓNG 2
- ⑨ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG
- ⑩ BỂ NÉN BÙN
- ⑪ NHÀ THỜI KHÍ
- ⑫ NHÀ ÉP BÙN
- ⑬ NHÀ HÓA CHẤT
- ⑭ NHÀ ĐIỀU HÀNH
- ⑮ NHÀ XỬ LÝ KHÍ
- ⑯ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC
- ⑰ GA THU MỠ
- ⑱ CÔNG VÀO

GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

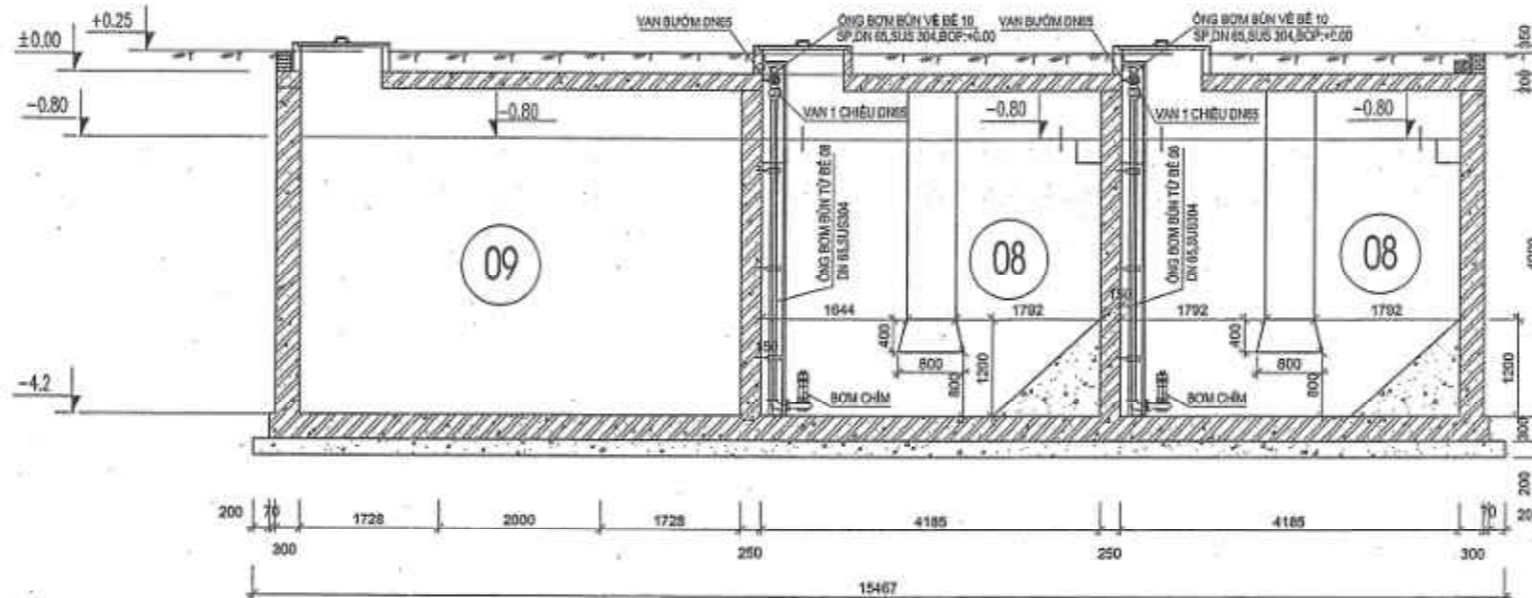
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 12 năm 2015

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Phó Tổng Giám Đốc Nguyễn Anh Lương</i>	<i>Nguyễn Anh Lương</i>

C			
B			
A			
KI HIEU	NGAY	TEN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA T.K.B.V.T.C 12/2015/HTV
TỔNG GIÁM ĐỐC			CÔNG TRÌNH KHU DÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐIỂM PHƯỜNG CỔ NHAI - QUẬN BẮC TÂY MÃI - TP. HÀ NỘI
GB TRUNG TÂM			HT
CHỦ NHIỆM CT			5 - 2015
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG		TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG BÙN CN - 20
THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG		
Q.L.K.T	ĐINH MINH TUẤN		



MẶT CẮT 4-4 ĐƯỜNG BÙN



MẶT CẮT 5-5 ĐƯỜNG BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày.....tháng.....năm 30.....
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.P
 ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
27/2015/MH.C.N.C.P.....
 Ngày 26 tháng 10 năm 2015

CHÚ THÍCH

- | | | | |
|----------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------|
| ① TRẠM BƠM NƯỚC THẢI | ⑫ BỂ HIỆU KHÍ | ⑮ NHÀ THỜI KHÍ | ⑲ CỤM BƠM LỌC ÁP LỰC |
| ② BỂ TÁCH MỠ | ⑬ BỂ LẮNG ĐỨNG 1 | ⑯ NHÀ ÉP BÙN | ⑳ GA THU MỠ |
| ③ BỂ ĐIỀU HÒA | ⑭ BỂ LẮNG ĐỨNG 2 | ⑰ NHÀ HÓA CHẤT | ㉑ CÔNG VÀO |
| ④ BỂ YẾM KHÍ | ⑮ BỂ KHỬ TRÙNG VÀ CHỨA NƯỚC SAU LẮNG | ⑱ NHÀ ĐIỀU HÀNH | |
| ⑤ BỂ THIẾU KHÍ | ⑯ BỂ NÉN BÙN | ㉒ NHÀ XỬ LÝ KHÍ | |
- GHI CHÚ : CỘT TƯƠNG ĐỐI +0.00 TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI CỘT TUYỆT ĐỐI +6.70

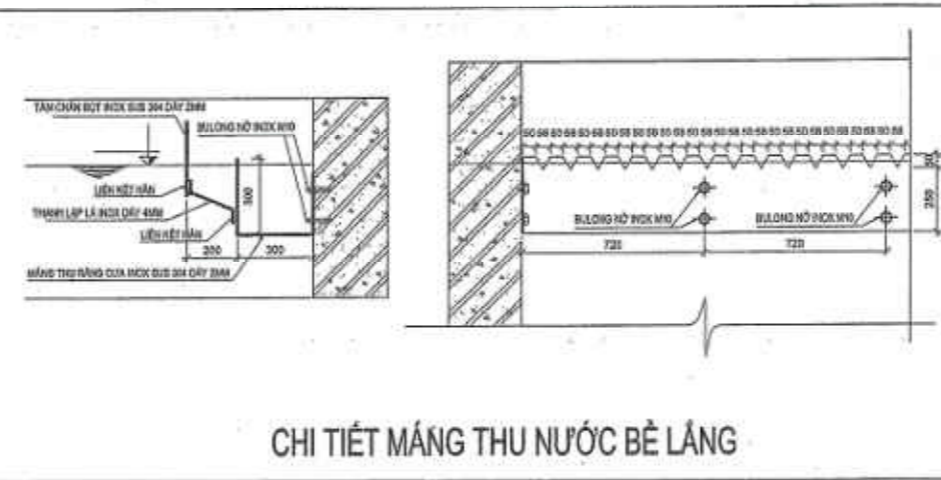
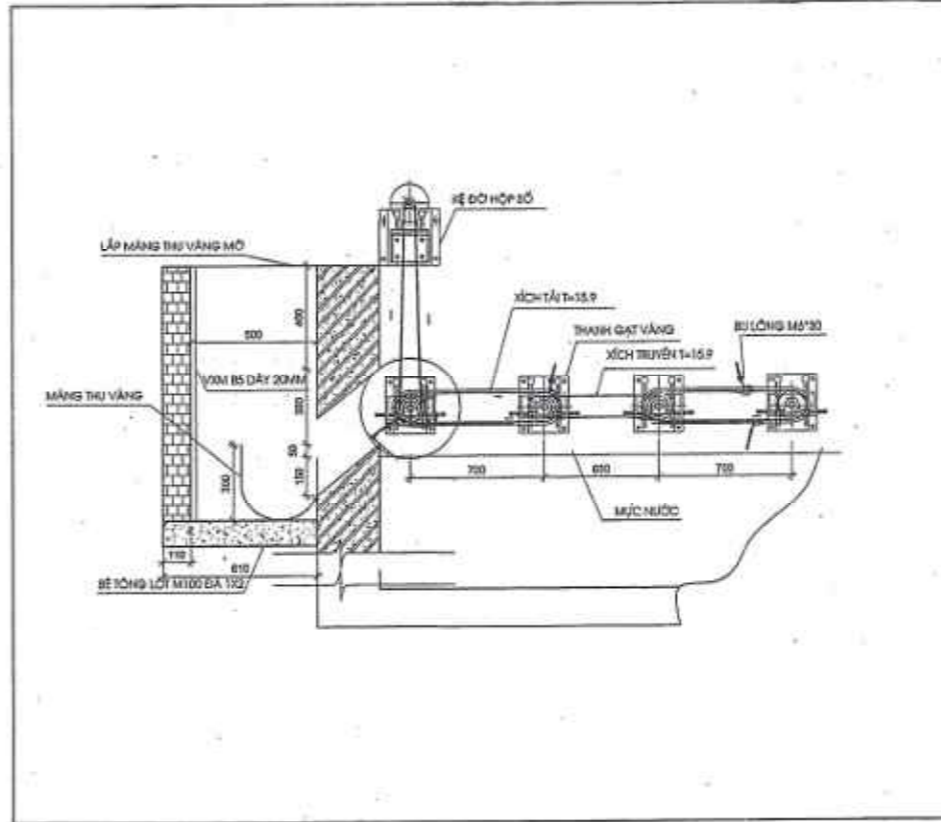
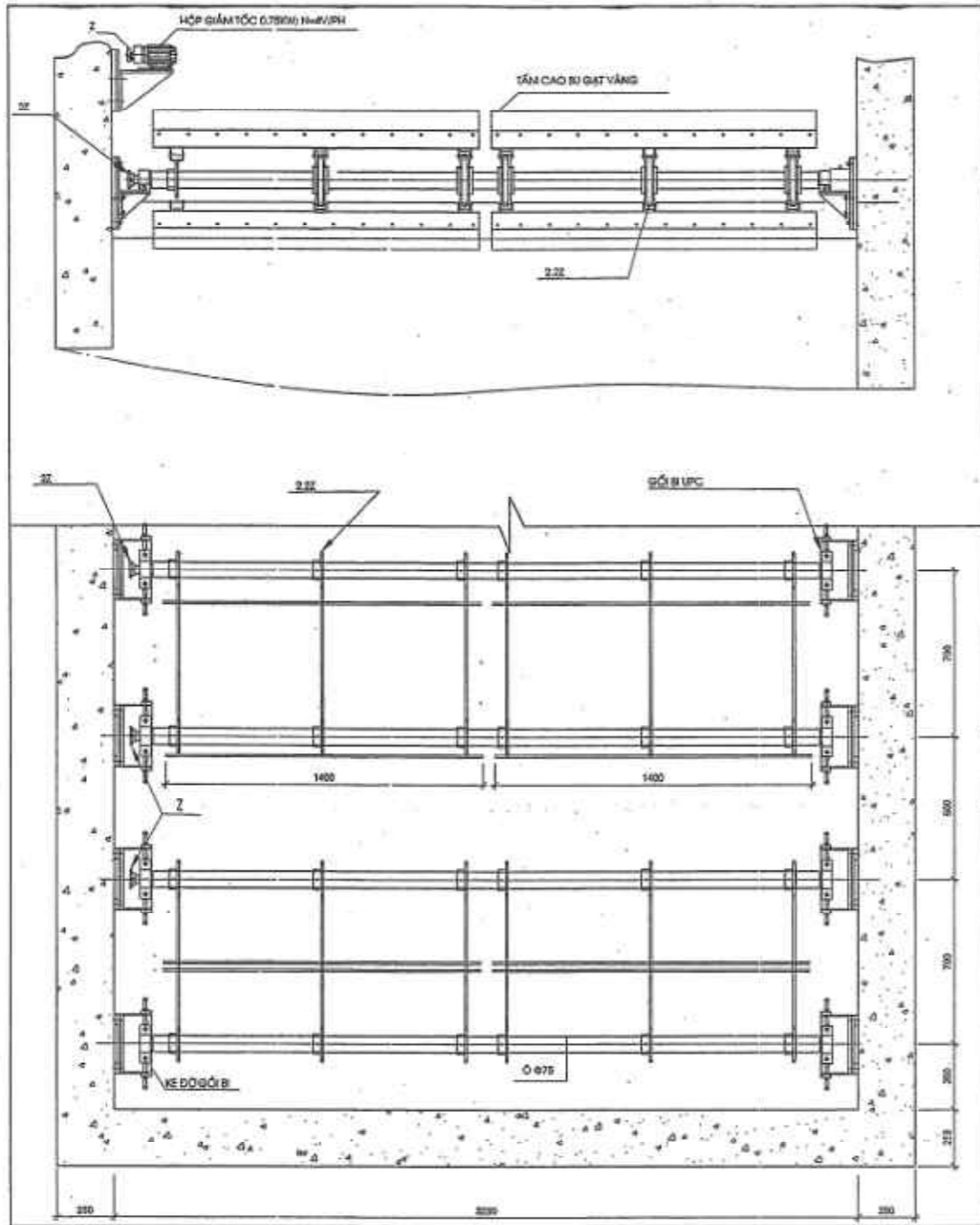
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 12 năm 2016

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Phó Tổng Giám Đốc</i> Vũ Văn Dũng	<i>Nguyễn Anh Lương</i>

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
		CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA CÔNG TÊN KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐỂM: PHƯỜNG CỐ NHỰE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	
TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN ANH		T.K.B.V.T.C 122502015HHTV	
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGUYỄN VĂN KHÁNH		HT 5 - 2015	
CHỦ NHIỆM CT NGUYỄN VĂN ANH		TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY	
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ HÀ MINH TRUNG		MẶT CẮT ĐƯỜNG ỐNG BÙN	
THIẾT KẾ ĐINH MINH TUẤN		CN - 21	

CHI TIẾT HỆ THỐNG GẠT VÁNG BỂ TÁCH MỠ

- YÊU CẦU CHUNG**
- THIẾT BỊ LÀM VIỆC VỚI V=10MPH, CE=0.75KW
 - KHÔNG BỞ PHẬN CHẾ TẠO SÁNG INOX 304
 - KHÔNG BỞ PHẬN TỰ CHUẨN GỮ NGUYÊN MẪU CỦA NHÀ CUNG CẤP.



CHI TIẾT MĂNG THU NƯỚC BỂ LẮNG

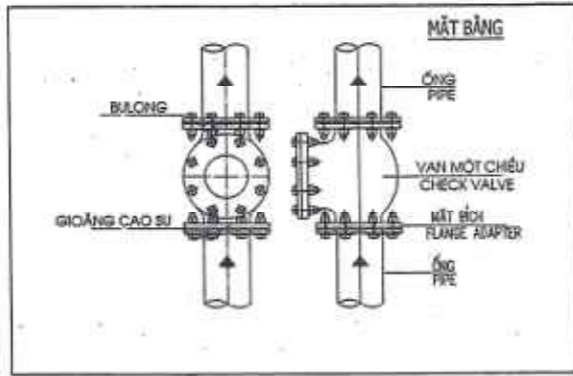
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEDA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.ƠC
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
27/2015/TKT.CPTA.....
 Ngày 27 tháng 10 năm 2015

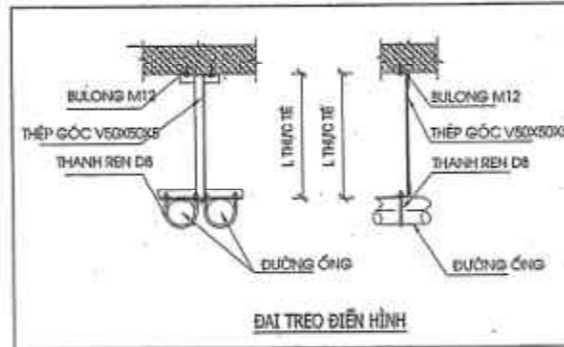
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 12 năm 2016.

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Tuấn Anh</i>	<i>Phó Tổng Giám Đốc</i> Vũ Tiến Dũng	<i>Nguyễn Anh Cường</i>

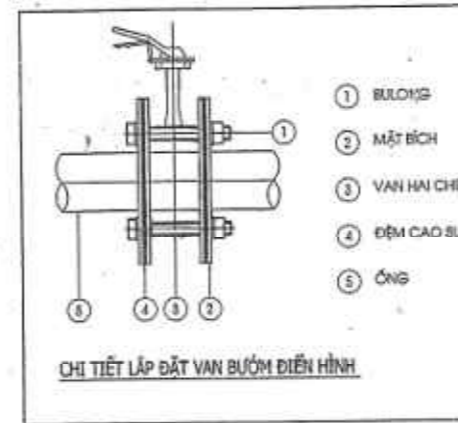
C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEDA CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHỰE - QUẬN BẮC TÔ LỆM - TP. HÀ NỘI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY BẢN VẼ CHI TIẾT
			T.K.B.V.T.C 1235015HDIV
			HT
			5 - 2015
			CN - 23



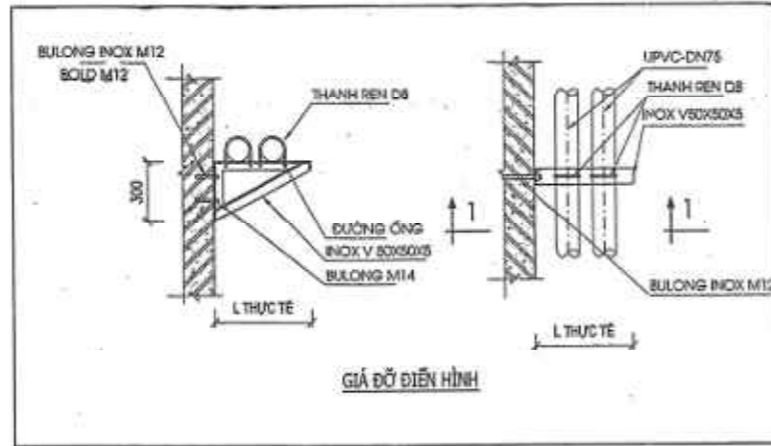
CHI TIẾT LẮP ĐẶT VAN MỘT CHIỀU



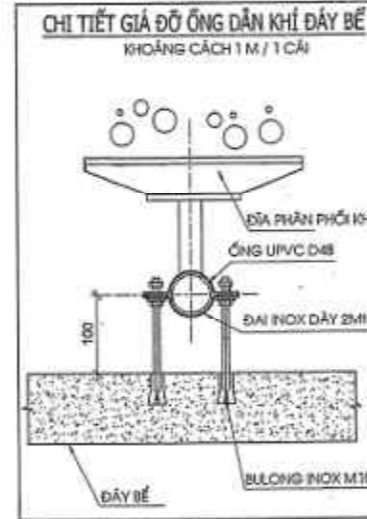
ĐAI TREO ĐIỆN HÌNH



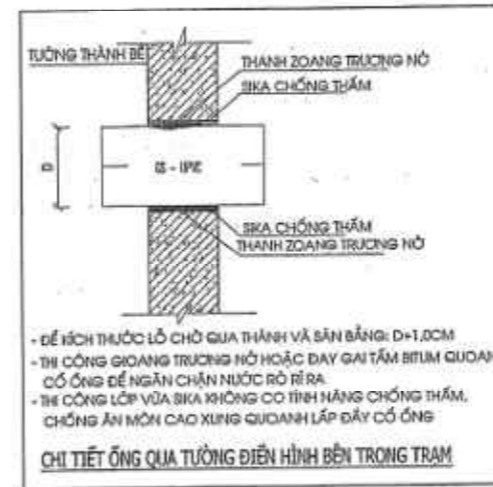
CHI TIẾT LẮP ĐẶT VAN BƯỚM ĐIỆN HÌNH



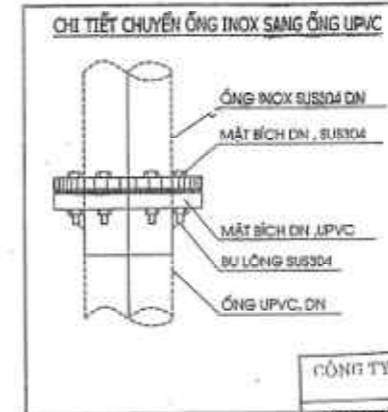
GIÁ ĐỠ ĐIỆN HÌNH



CHI TIẾT GIÁ ĐỠ ỚNG DẪN KHÍ ĐÁY BỂ
KHOẢNG CÁCH 1 M / 1 CÁI

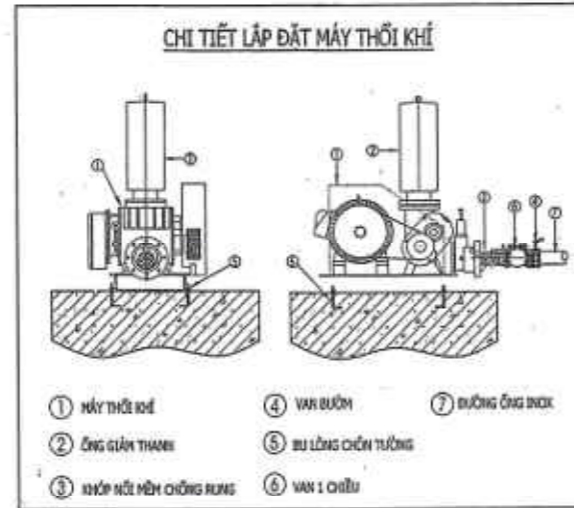


CHI TIẾT ỚNG QUA TƯỜNG ĐIỆN HÌNH BÊN TRONG TRAM

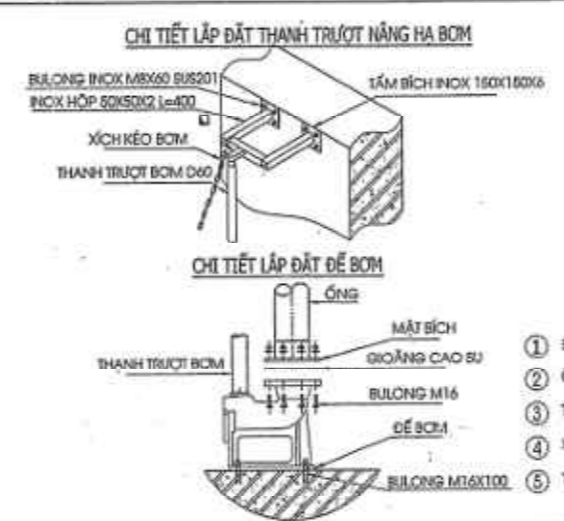


CHI TIẾT CHUYỂN ỚNG INOX SANG ỚNG UPVC

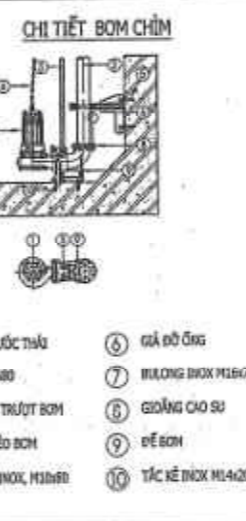
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBEA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÁ PHÊ DUYỆT
 Ngày.....tháng.....năm 20.....
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.



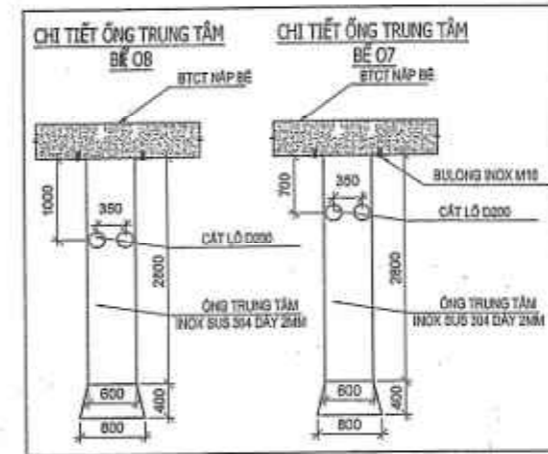
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ



CHI TIẾT LẮP ĐẶT THANH TRƯỢT NẶNG HẠ BƠM



CHI TIẾT BƠM CHÌM



CHI TIẾT ỚNG TRUNG TÂM BỂ 08

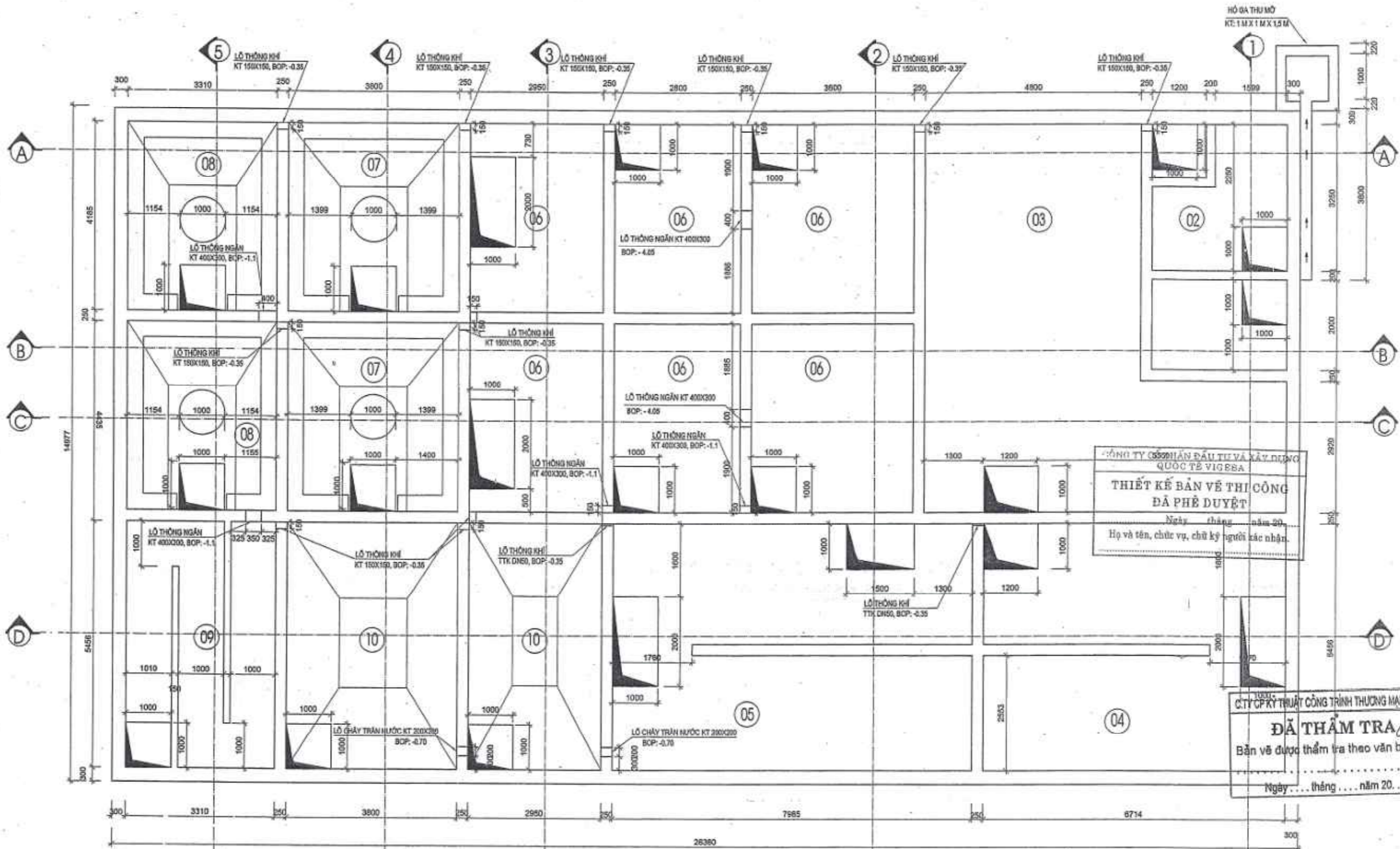
CHI TIẾT ỚNG TRUNG TÂM BỂ 07

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày 22 tháng 12 năm 2015

BẢN VẼ CHI TIẾT LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 25 tháng 12 năm 2016

NGƯỜI LẬP <i>Nguyễn Tuấn Anh</i> Nguyễn Tuấn Anh	NHÀ THẦU THI CÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VIGEBEA PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Vũ Tiến Dũng	TU VẤN GIÁM SÁT <i>Nguyễn Anh Lương</i> Nguyễn Anh Lương
--	--	--

C	B	A	KI HIEU	NGAY	TEN	NỘI DUNG	T.K.B.V.T.C
						CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBEA CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HANG MỤC TRAM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NGHỆ - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGÀY BẢN VẼ CHI TIẾT	12/25/16/HTV HT 5-2015 CN-24



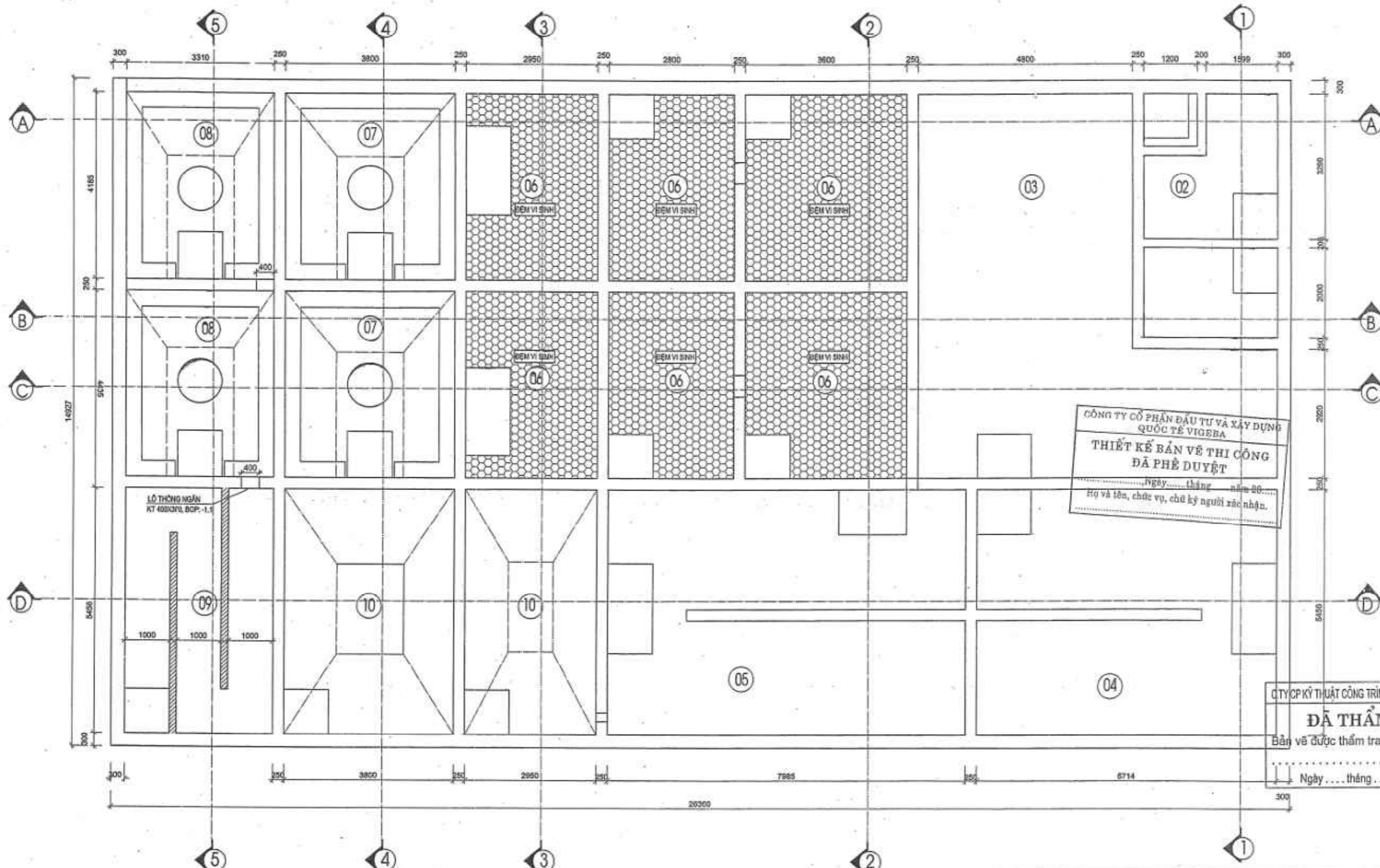
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C. T. Y. C. P. K. Y. T. R. U. T. C. O. N. G. T. R. I. N. H. T. H. U. O. N. G. M. A. I. C. O. N. G.
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số...
 Ngày... tháng... năm 20...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN KINH MẠI
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NẬP THẨM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 2015...

NGƯỜI LẬP Nguyễn Tuấn Anh	NHÀ THẦU THI CÔNG HÀU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN KINH MẠI	TƯ VẤN GIÁM SÁT Nguyễn Anh Cường
-------------------------------------	---	--

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA CÔNG TRÌNH: NHÀ DÒ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: RỪNG CỎ NHÉ - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ NẬP THẨM
			T.K.B.V.T.C 12232015HDTV
			HT
			5 - 2015
			CN - 25



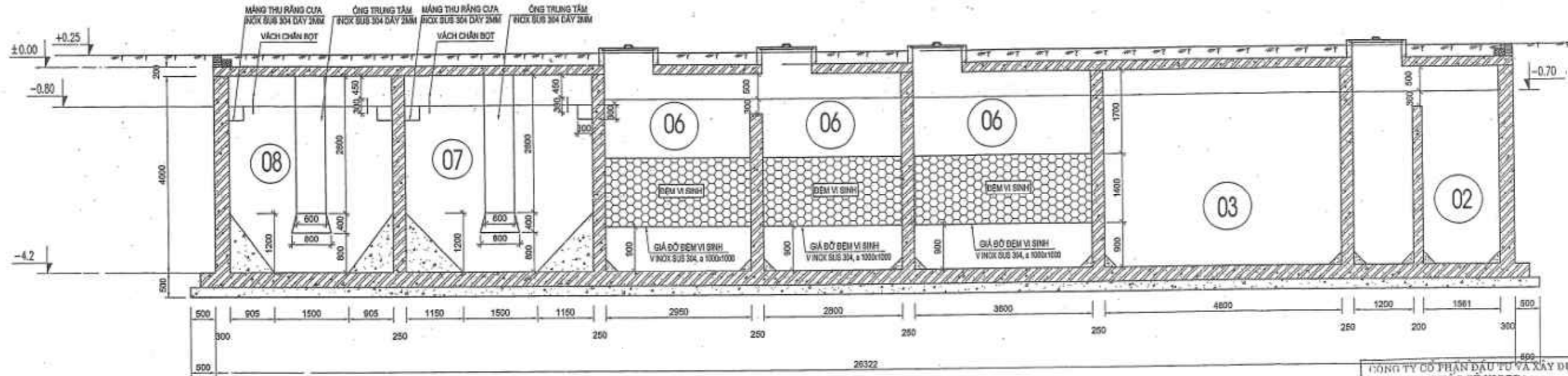
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

CITY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày... tháng... năm 20...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
MẶT BẰNG ĐEM VI SINH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 25... tháng... 12... năm 20... 16.

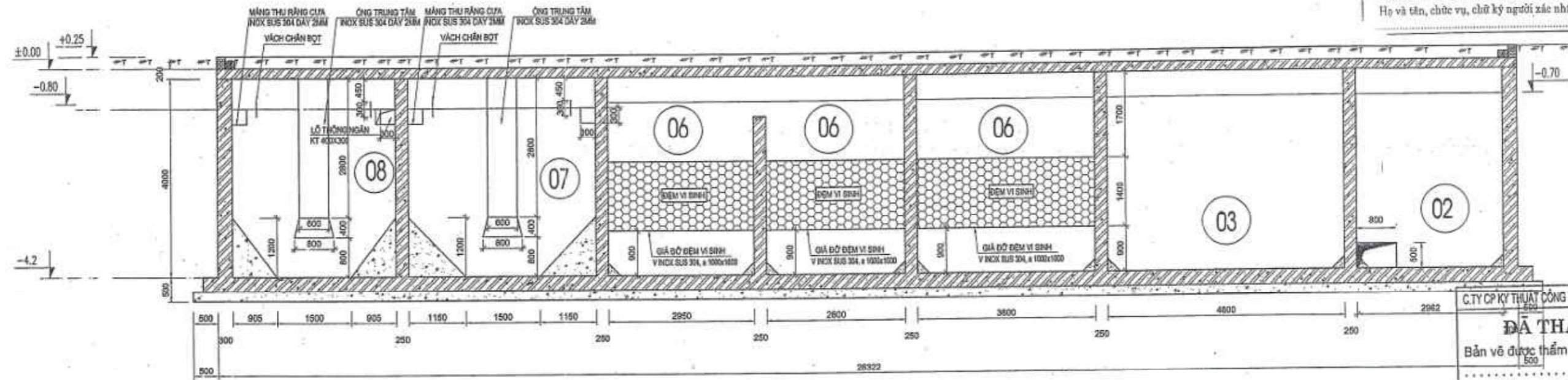
NGƯỜI LẬP	NHA THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>	<i>(Signature)</i>
Nguyễn Tuấn Anh	Vũ Tiên Dũng	Nguyễn Anh Cường

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIANG LƯU HẠNG MỨC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHAI - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC	TRƯỞNG BAN XÂY DỰNG	TRƯỞNG BAN KỸ THUẬT	T.K.B.V.T.C
GB TRUNG TÂM	TRƯỞNG BAN KỸ THUẬT	TRƯỞNG BAN KỸ THUẬT	12/25/2016/HTV
CHỦ NHIỆM CT	TRƯỞNG BAN KỸ THUẬT	TRƯỞNG BAN KỸ THUẬT	HT
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG	ĐỖ TIẾN THÀNH	5 - 2015
THIẾT KẾ	HÀ MINH TRUNG		
QL.KT	ĐINH MINH TUẤN		
			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY
			MẶT BẰNG ĐEM VI SINH
			CN - 26



MẶT CẮT A-A ĐỆM VI SINH

HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA
 THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.



MẶT CẮT B-B ĐỆM VI SINH

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày... tháng... năm 20...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... 2.5... tháng... 12... năm 20... 16..

NGƯỜI LẬP	PHẦN THẦU THI CÔNG	TU VẤN GIÁM SÁT
<i>Nguyễn Xuân Anh</i>	<i>Vũ Tiên Dũng</i>	<i>Nguyễn Anh Lương</i>

C			
B			
A			
KI HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ
TỔNG QUẢN LÝ			CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEGA
GD TRUNG TÂM			CÔNG TRÌNH: KHU DỒI THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU HẠNG MỨC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGĐ
CHỦ NHIỆM CT			ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHỰE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NGĐ
THIẾT KẾ			MẶT CẮT ĐỆM VI SINH
QLKT			
			T.K.B.V.T.C
			1225/2015/HTV
			HT
			5 - 2015
			CN - 27

TT	TÊN GỌI - QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC				
1	ỐNG UPVC Ø200 CLASS 2	M	42	
2	VÁN BƯỚM Øx200	CÁI	04	
3	TÊ UPVC Ø200	CÁI	14	
4	CỘT UPVC 90 ØØ Ø200	CÁI	08	
5	ỐNG UPVC Ø125 CLASS 2	M	105	
6	TÊ UPVC Ø125	CÁI	02	
7	CỘT UPVC 90 ØØ Ø125	CÁI	05	
8	ỐNG INOX SUS 304 DN 100	M	30	
9	TÊ INOX SUS 304 DN 100	CÁI	14	
10	CỘT INOX SUS 304 DN 100	CÁI	14	
11	VÁN BƯỚM TAY GẠT DN 100	CÁI	12	
12	VÁN 1 CHIỀU LẮP BÍCH DN 100	CÁI	02	
13	KHỚP NỐI MỀM DN 100	CÁI	02	
14	KHỚP NỐI MỀM DN 80	CÁI	02	
15	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 100	CÁI	30	
16	ỐNG INOX SUS 304 DN 85	M	100	
17	VÁN 1 CHIỀU LẮP BÍCH DN 85	CÁI	07	
18	VÁN BƯỚM Øx85	CÁI	07	
19	KHỚP NỐI MỀM DN 85	CÁI	07	
20	TÊ INOX SUS 304 DN 85	CÁI	10	
21	CỘT INOX SUS 304 DN 85	CÁI	36	
22	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 85	CÁI	10	
23	ỐNG UPVC Ø90 CLASS 2	M	10	
24	CỘT UPVC 90 ØØ Ø90	CÁI	4	
25	ỐNG UPVC Ø75 CLASS 2	M	15	
26	CỘT UPVC 90 ØØ Ø75	CÁI	6	
27	BÍCH UPVC Ø75	CÁI	06	
28	TÊ UPVC Ø75	CÁI	03	
29	ỐNG UPVC Ø32 CLASS 2	M	10	
30	ỐNG UPVC Ø25 CLASS 2	M	40	
31	TÊ UPVC Ø25	CÁI	03	
32	CỘT 90 ØØ UPVC Ø32	CÁI	03	
33	CỘT 90 ØØ UPVC Ø25	CÁI	10	
34	VÁN 1 CHIỀU PVC Ø25	CÁI	01	
35	VÁN KHÓA PVC Ø25	CÁI	01	
36	OLEPHIN (CHỖ BOM)	CÁI	01	
37	QUÁ ĐÓ ỐNG	BỘ	12	
38	QUÁ TẠO ỐNG	BỘ	40	

TT	TÊN GỌI - QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC				
1	ỐNG INOX SUS 304 DN 150	M	80	
2	VÁN BƯỚM TAY GẠT DN 150	CÁI	04	
3	KHỚP NỐI MỀM DN 150	CÁI	04	
4	TÊ THỦ INOX SUS 304 DN 150/125	CÁI	02	
5	TÊ THỦ INOX SUS 304 DN 150/80	CÁI	02	
6	CỘT 90 ØØ INOX SUS 304 DN 150	CÁI	08	
7	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 150	CÁI	04	
8	BÍCH ĐỎ INOX SUS 304 DN 150 (BỊ ĐẦU ỐNG)	CÁI	02	
9	ỐNG INOX SUS 304 DN 125	M	18	
10	TÊ THỦ INOX SUS 304 DN 125/80	CÁI	06	
11	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 125	CÁI	03	
12	BÍCH ĐỎ INOX SUS 304 DN 125 (BỊ ĐẦU ỐNG)	CÁI	03	
13	ỐNG INOX SUS 304 DN 80	M	10	
14	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 80	CÁI	14	
15	VÁN BƯỚM TAY GẠT DN 80	CÁI	08	
16	KHỚP NỐI MỀM DN 80	CÁI	08	
17	ỐNG UPVC Ø90 CLASS 3	M	48	
18	CỘT 90 ØØ UPVC Ø90	CÁI	16	
19	TÊ UPVC Ø90	CÁI	6	
20	TÊ THỦ UPVC Ø90/48	CÁI	36	
21	BỊT UPVC Ø90	CÁI	10	
22	ỐNG UPVC Ø48 CLASS 3	M	160	
23	TÊ THỦ UPVC Ø48/27	CÁI	160	
24	ĐẦU MỔ ZEN TRONG Ø27	CÁI	180	
25	BỊT UPVC Ø48	CÁI	40	
26	ĐÁ PHẪN PHỐI XẾ THỎ	CÁI	41	
27	ĐÁ PHẪN PHỐI XẾ THẸP	CÁI	130	
28	ỐNG UPVC Ø200 CLASS 3	M	18	
29	CỘT UPVC 90 ØØ Ø200	CÁI	3	
30	TÊ UPVC Ø200	CÁI	1	
31	QUÁ ĐÓ ỐNG	BỘ	20	
32	QUÁ ĐÓ ỐNG DẪN HỒI SẠC	BỘ	200	
VẬT TƯ ĐƯỜNG ỐNG DẪN HỒI SẠC				
1	ỐNG UPVC Ø27 CLASS 2	M	80	
2	TÊ UPVC Ø27	CÁI	20	
3	CỘT 90 ØØ UPVC Ø27	CÁI	20	
4	VÁN 1 CHIỀU PVC Ø27	CÁI	03	
5	VÁN KHÓA PVC Ø27	CÁI	08	
6	OLEPHIN (CHỖ BOM)	CÁI	03	
7	INOX 304 TẮM KÉ: 3800X900	TẦM	01	
8	V INOX 304 KÉ: 30X30X2	M	15	
9	ĐÁNH MỀ INOX 304 KÉ: 60X60X5	BỘ	08	
VẬT TƯ INOX LẮP HẬP TRONG BẾ				
1	HÌNH THỦ INOX SUS 304 DÂY 2MM	BỘ	04	
2	ỐNG TRILING TẦM Ø600 INOX SUS 304 DÂY 2MM	CÁI	04	
3	V INOX SUS 304 KÉ: 50X50X5 MM (DÂY ĐÓ KÉM V 2MM)	M	500	
4	LƯỚI INOX TẦM SUS 304 MẬT LƯỚI 20X20MM	M2	150	
5	HẬP THỦM	CÁI	22	
6	VẬT TƯ PHỤ TÙNG BẾNG SẠC VẬT TƯ CHIẾM (BULBING, DAN TẠO, KÉO CẮM ỐNG UPVC...)			

TT	TÊN GỌI - QUY CÁCH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	ỐNG UPVC Ø75 CLASS 2	M	10	
2	TÊ UPVC Ø75	CÁI	3	
3	CỘT UPVC 90 ØØ Ø75	CÁI	5	
4	VÁN BƯỚM Øx75	CÁI	8	
5	VÁN 1 CHIỀU INOX LẮP BÍCH DN 85	CÁI	8	
6	BÍCH UPVC Ø75	CÁI	24	
7	ỐNG INOX SUS 304 DN 85	M	140	
8	TÊ INOX SUS 304 DN 85	CÁI	4	
9	CỘT INOX SUS 304 DN 85	CÁI	36	
10	VÁN BƯỚM TAY GẠT DN 85	CÁI	08	
11	BÍCH HỒNG INOX SUS 304 DN 85	CÁI	06	
12	KHỚP NỐI MỀM DN 85	CÁI	08	
13	QUÁ ĐÓ ỐNG	BỘ	16	
14	QUÁ TẠO ỐNG	BỘ	4	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

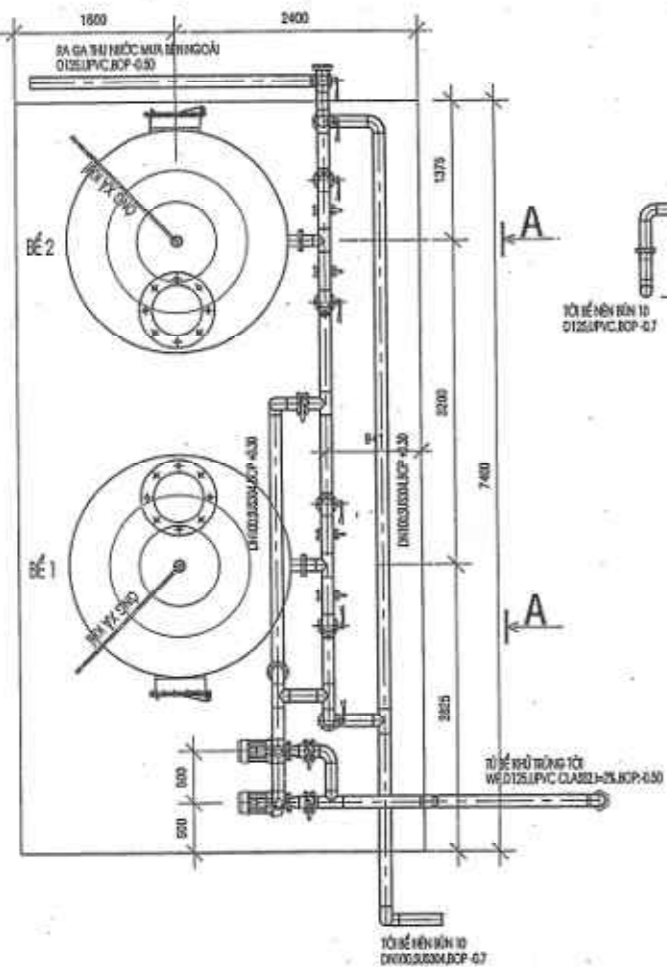
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 20...
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Tuấn Anh
 NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
 TƯ VẤN GIÁM SÁT: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Vũ Tiến Đạt
 TỔNG GIÁM ĐỐC: Nguyễn Anh Cường

ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số: ...
 Ngày... tháng... năm 20...

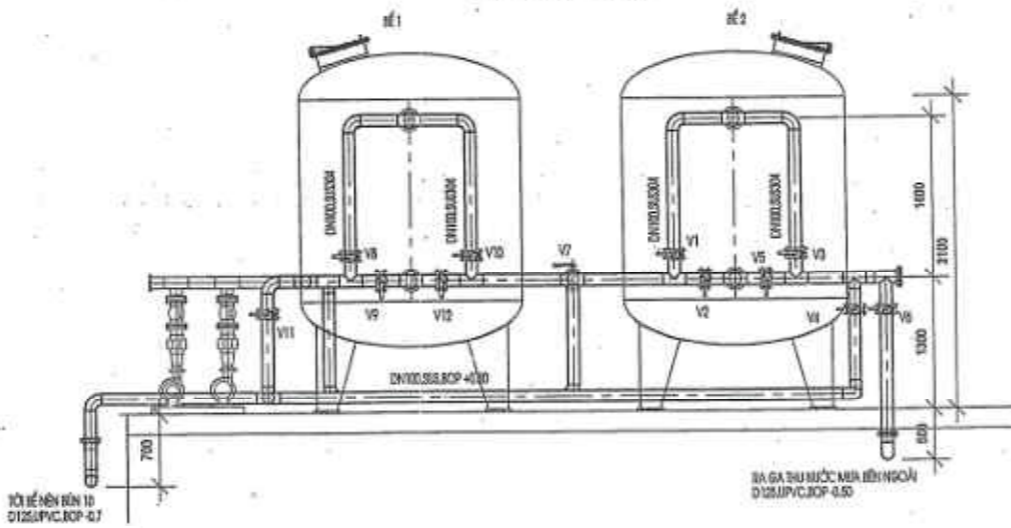
C	B	A	NỘI DUNG	T.K.B.V.T.C
KH	NG	TÊN		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA			CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA	12282015H0TV
CÔNG TRÌNH: KHU BỜ THỊ TRƯỜNG GIANG LƯU			CÔNG TRÌNH: KHU BỜ THỊ TRƯỜNG GIANG LƯU	HT
MANG MẠC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NG			MANG MẠC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NG	5 - 2015
ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHỰE - QUẬN SẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI			ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHỰE - QUẬN SẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NG			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M3/NG	
BẢNG THÔNG KÊ VẬT TƯ				CN - 28

MAY 0 2 2 0 1 5

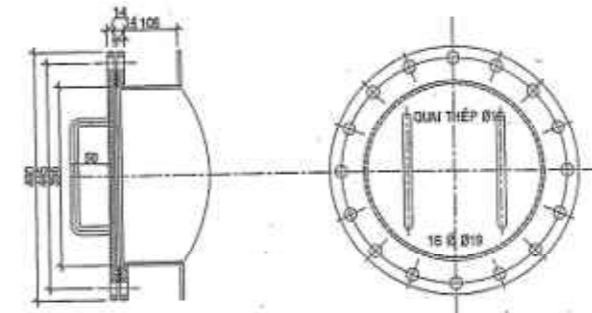
CHI TIẾT CỤM LỌC



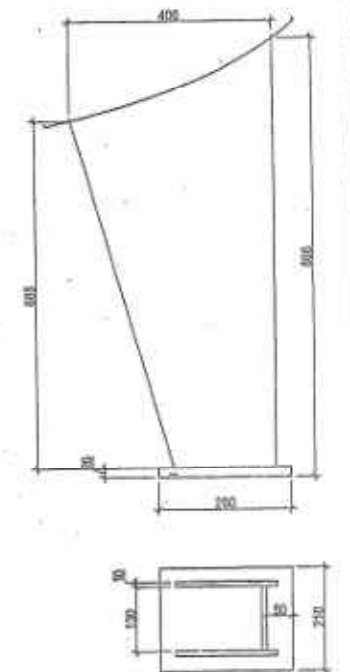
MẶT CHIẾU A-A



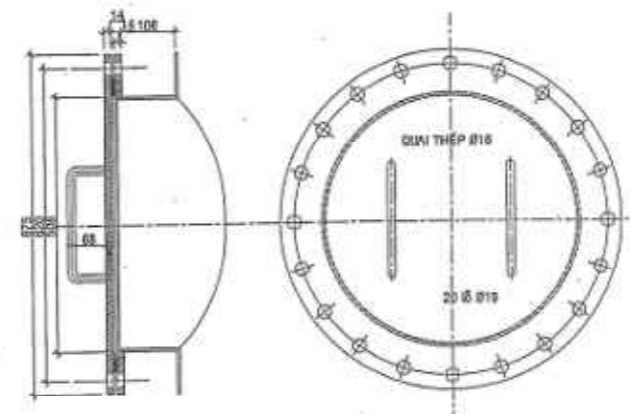
CHI TIẾT CỬA XÀ VẬT LIỆU LỌC



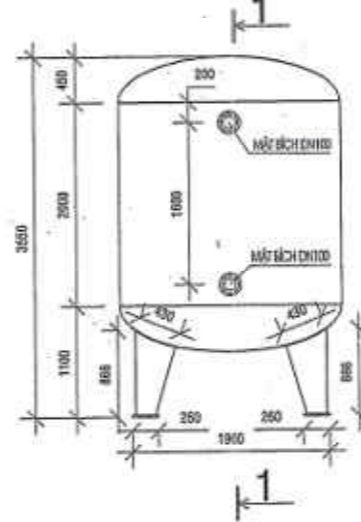
CHI TIẾT CHÂN



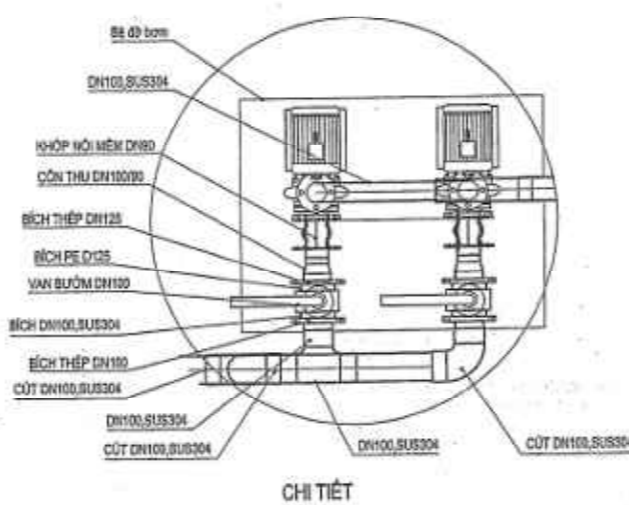
CHI TIẾT CỬA NGƯỜI



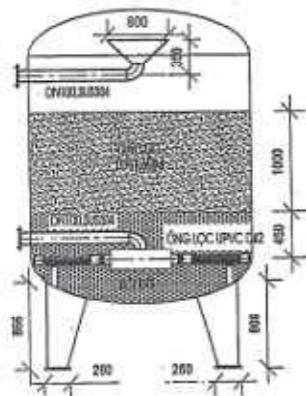
MẶT ĐỨNG BỒN LỌC CÁT & THAN



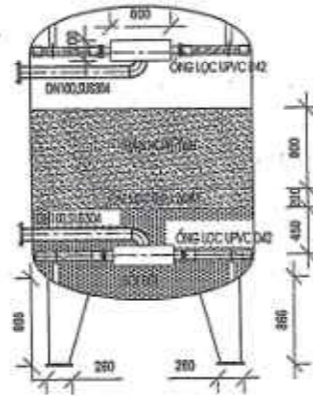
CHI TIẾT CỤM BƠM



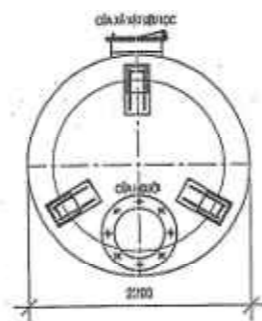
MẶT CẮT 1-1 BỒN LỌC CÁT



MẶT CẮT 1-1 BỒN LỌC THAN



MẶT BẰNG BỒN LỌC CÁT & THAN



CHIẾU LỌC SỐ 1

VAN SỐ 8	VAN SỐ 9	VAN SỐ 10	VAN SỐ 11	VAN SỐ 12	VAN SỐ 6	VAN SỐ 7
MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	ĐỒNG	MỎ	MỎ	ĐỒNG

CHIẾU LỌC SỐ 2

VAN SỐ 1	VAN SỐ 2	VAN SỐ 3	VAN SỐ 4	VAN SỐ 5	VAN SỐ 6	VAN SỐ 7	VAN SỐ 8	VAN SỐ 10	VAN SỐ 12
ĐỒNG	MỎ	MỎ	MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	ĐỒNG

CHIẾU LỌC SỐ 3

VAN SỐ 1	VAN SỐ 2	VAN SỐ 3	VAN SỐ 4	VAN SỐ 5	VAN SỐ 6	VAN SỐ 7
MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	ĐỒNG	MỎ	MỎ	ĐỒNG

CHIẾU LỌC SỐ 4

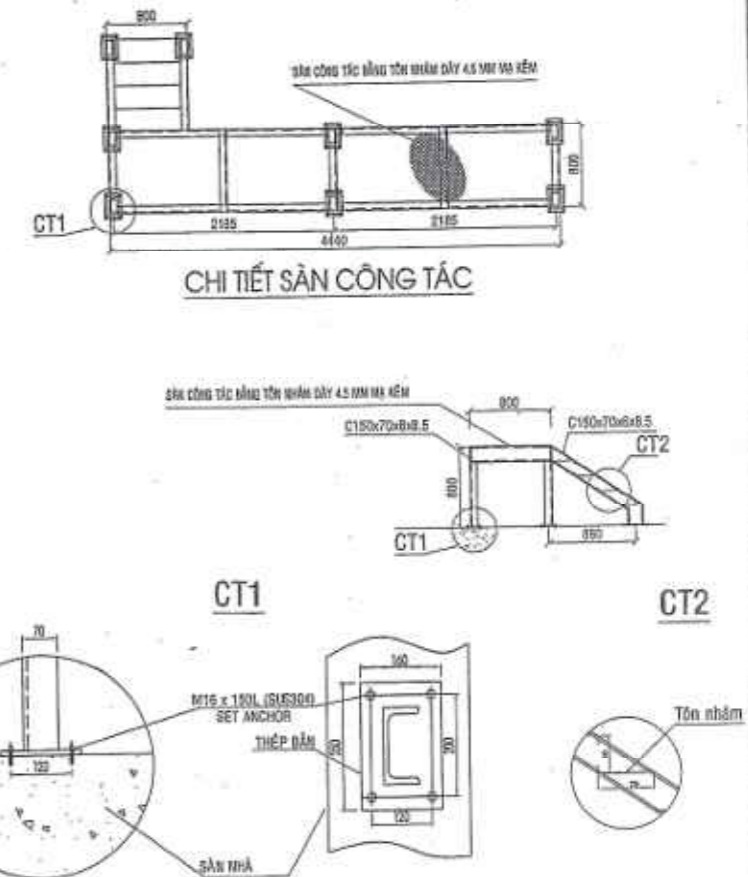
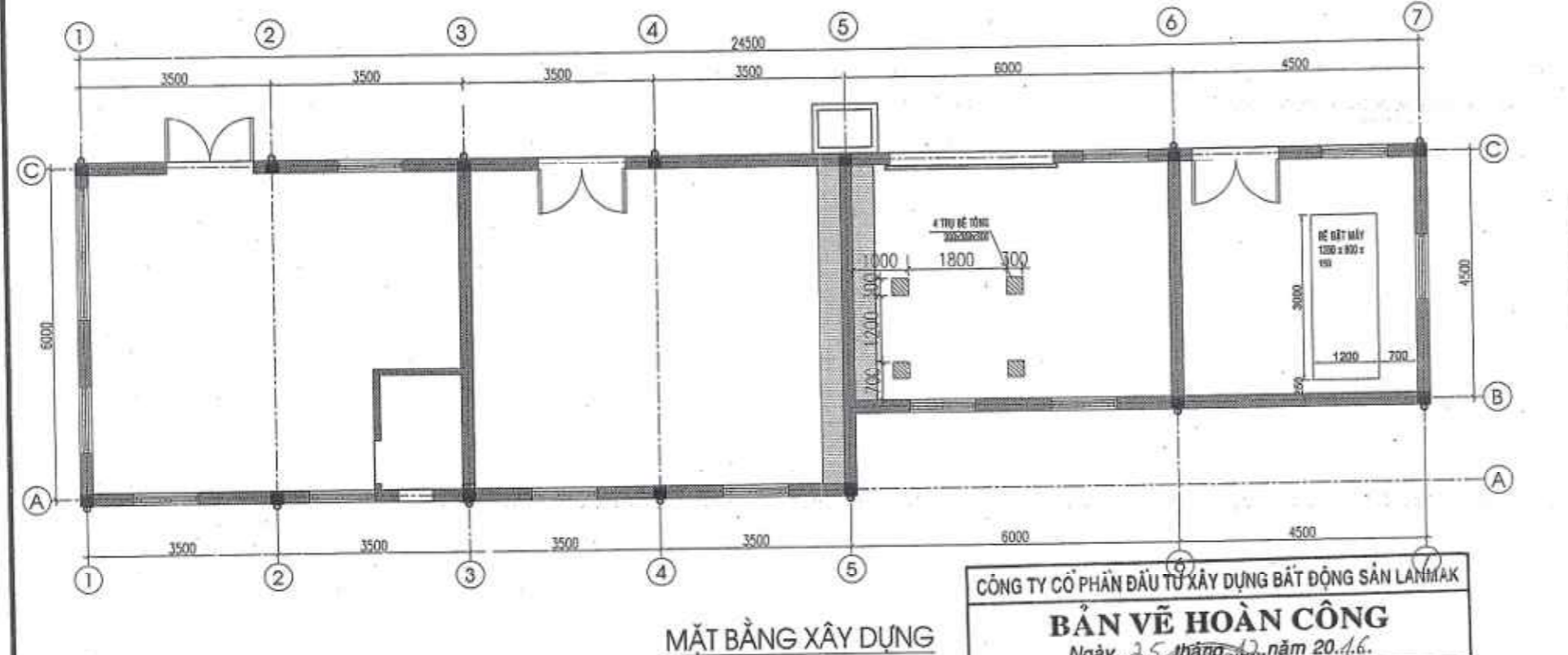
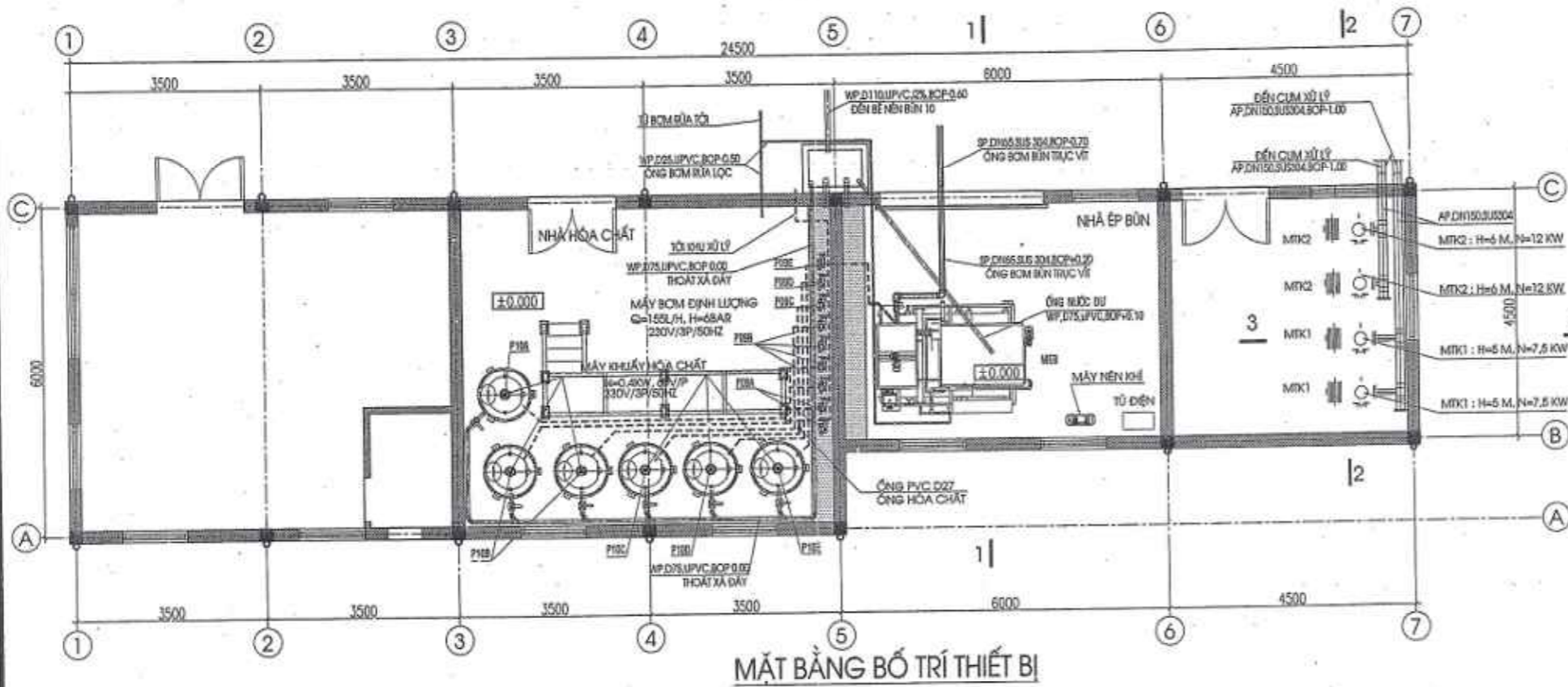
VAN SỐ 1	VAN SỐ 2	VAN SỐ 3	VAN SỐ 4	VAN SỐ 5	VAN SỐ 6	VAN SỐ 7	VAN SỐ 8	VAN SỐ 10	VAN SỐ 12
ĐỒNG	MỎ	MỎ	MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	MỎ	ĐỒNG	ĐỒNG	ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÁ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày... tháng... năm 20...

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 20...
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Xuân Anh
 NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMAK
 TƯ VẤN GIÁM SÁT: Nguyễn Anh Lương
 HỒ TÔNG GIÁM ĐỐC: Vũ Tiến Dũng

C					
B					
A					
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG		
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A		
			T.K.B.V.T.C 12/15/2015/HT		
			CÔNG TRÌNH: KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GẠO LỤU HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỐ NHIE - QUẬN BẮC TỐ LIÊM - TP. HÀ NỘI		
			5 - 2015		
			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY CHI TIẾT LẬP ĐẠT CỤM BỒN LỌC		
			CN - 30		



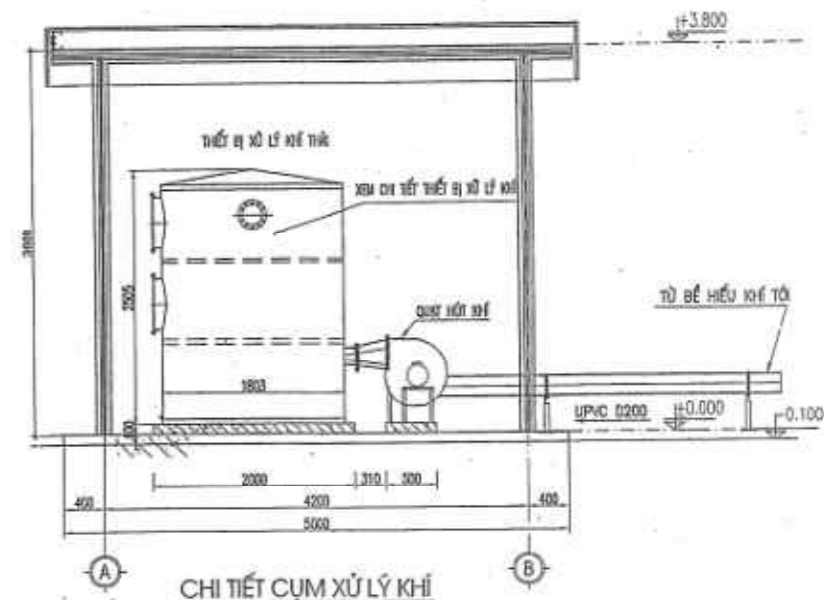
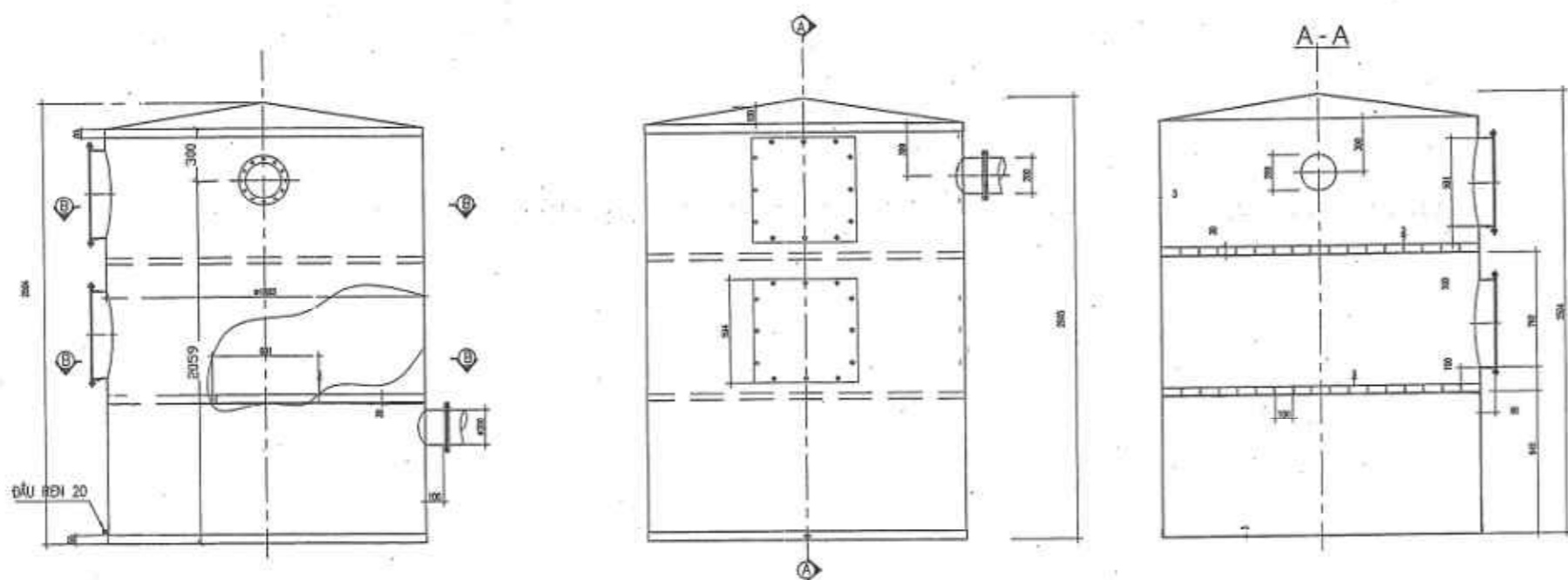
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBTA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

C.TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày... tháng... năm 20...

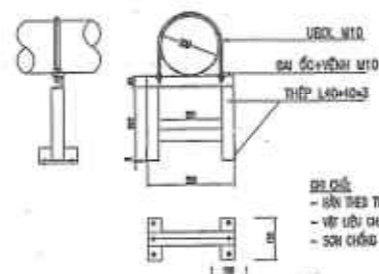
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANHAK
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 20...
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Tuấn Anh
 NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANHAK
 TƯ VẤN GIÁM SÁT: Nguyễn Anh Cường
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC: Vũ Tiên Dũng

C	B	A	KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG	T.K.B.V.T.C
						CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBTA	T25021510TV
						CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GAO LƯU HẠNG MỨC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHỰE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI	HT 6 - 2015
						TỔNG GIÁM ĐỐC: TRẦN HUY ANH GIÁM ĐỐC: BÙI MINH HẢI ANH CHỦ NHIỆM CT: ĐỖ TIẾN THÀNH	
						CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ: HÀ MINH TRUNG THIẾT KẾ: HÀ MINH TRUNG QL.KT: ĐINH MINH TUẤN	
						TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỐ TRÍ THIẾT BỊ	CN - 31

CHI TIẾT THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ



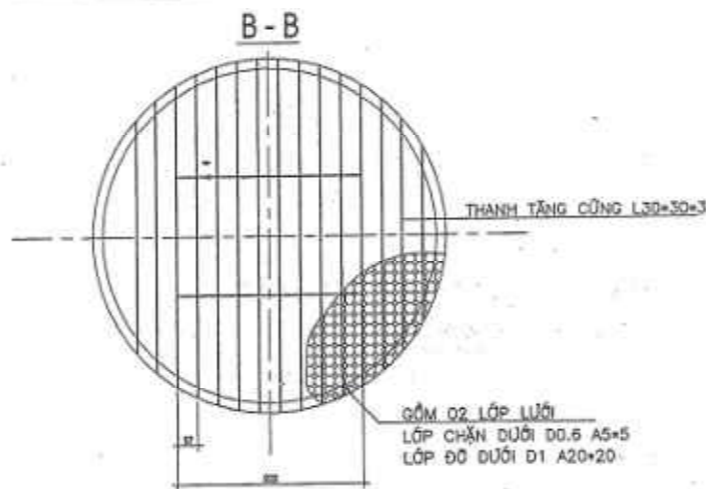
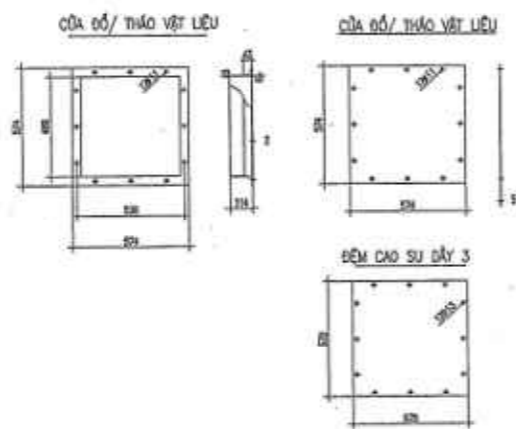
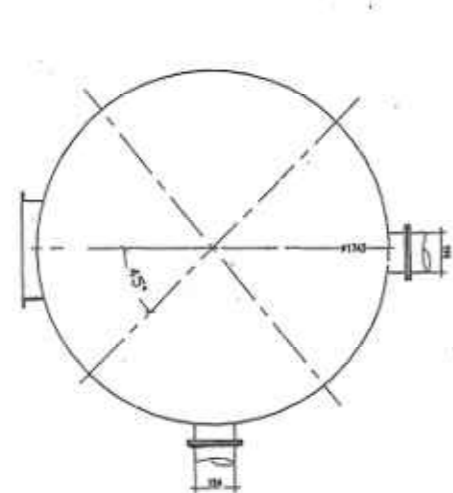
CHI TIẾT GIÁ ĐỘ ỐNG THU GOM KHÍ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEDA
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Ngày... tháng... năm 20...
 Họ và tên, chức vụ, chữ ký người xác nhận.

- ĐIỀU:
- SƠN THẠCH TOÀN 170-180
 - VẬT LIỆU CHẾ TẠO HÉP CT3
 - SƠN CHỐNG ỨỚ 3 MỨC (MỘT LỚP MÀU CH. 1 LỚP SƠN LỬN)

C. TY CP KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI C.N.C.C
ĐÃ THẨM TRA
 Bản vẽ được thẩm tra theo văn bản số:
 Ngày... tháng... năm 20...



- CHI CHỮ:
- VẬT LIỆU THÉP CT3 DÂY 3MM
 - SƠN 2 LỚP EPOXY, SƠN MÀU CHI SÁNG
 - TRONG BAO GỒM SẴNG ĐÓ VÀ THANH HOẠT TÍNH
 - 02 LỚP THAN HOẠT TÍNH, MỖI LỚP DÂY 50MM

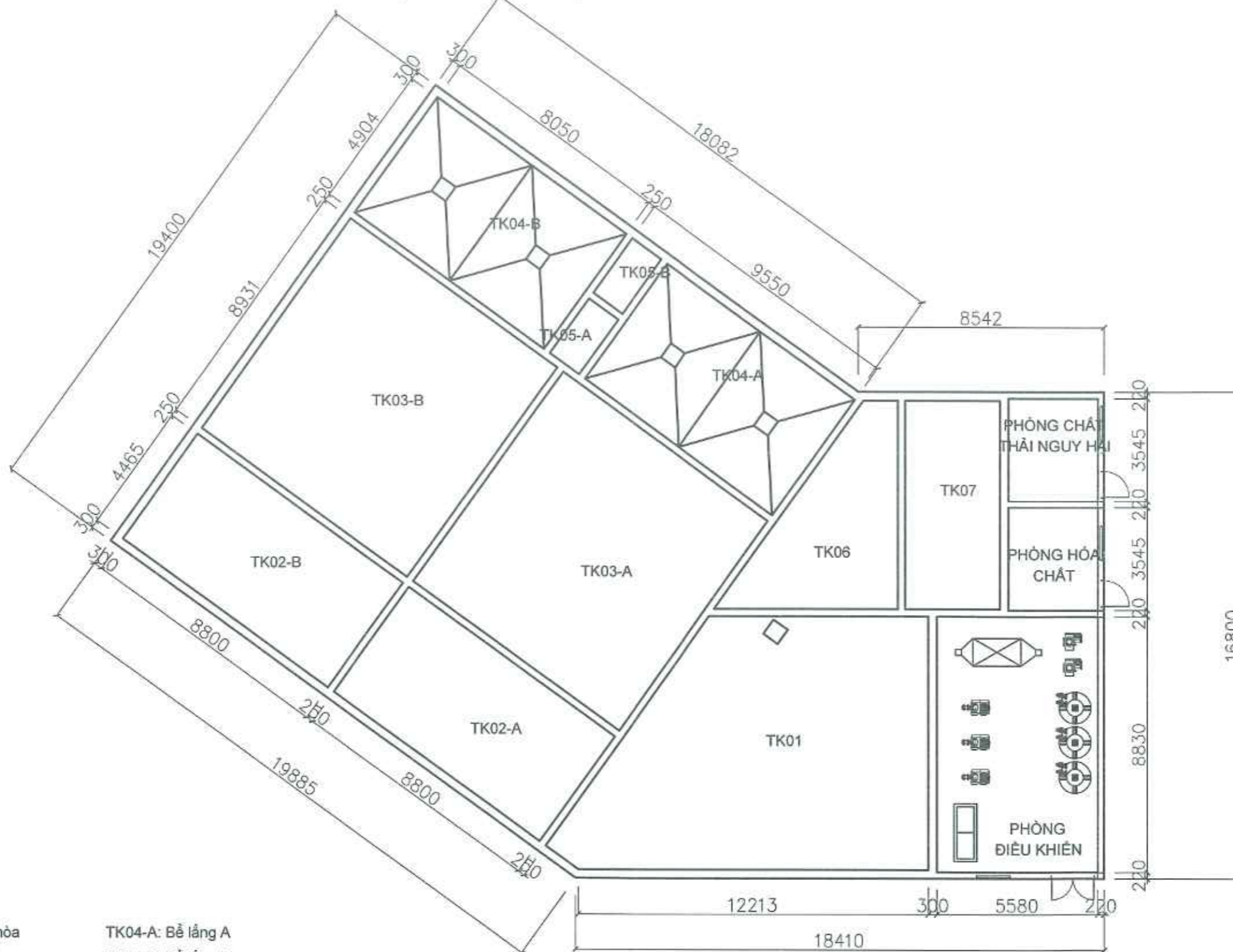
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMART

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày... tháng... năm 20...
 NGƯỜI LẬP: Nguyễn Tuấn Anh
 NHÀ THẦU THI CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẤT ĐỘNG SẢN LANMART
 TU VẤN GIÁM SÁT: Nguyễn Anh Cường
 HỒ TÔNG GIÁM ĐỐC: Vũ Tiến Dũng

C			
B			
A			
KÍ HIỆU	NGÀY	TÊN	NỘI DUNG
			CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEDA
			T.K.B.V.T.C 1255015H01V
TỔNG GIÁM ĐỐC			CÔNG TRÌNH KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU
CĐ TRUNG TÂM			HÀNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY
CHỦ TRƯ THIẾT KẾ			ĐỊA ĐIỂM: PHƯỜNG CỔ NHÌE - QUẬN BẮC TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI
THIẾT KẾ			TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 1000M ³ /NGÀY
Q.L.K.T			MẶT BẰNG, MẶT CẮT BỐ TRÍ THIẾT BỊ
			CN - 33

PHỤ LỤC II.4
BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC
THẢI CÔNG SUẤT 1.210 M³/NGÀY ĐÊM VÀ
HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI CÔNG SUẤT 9.000 M³/H.

MẶT BẰNG ĐÁY TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

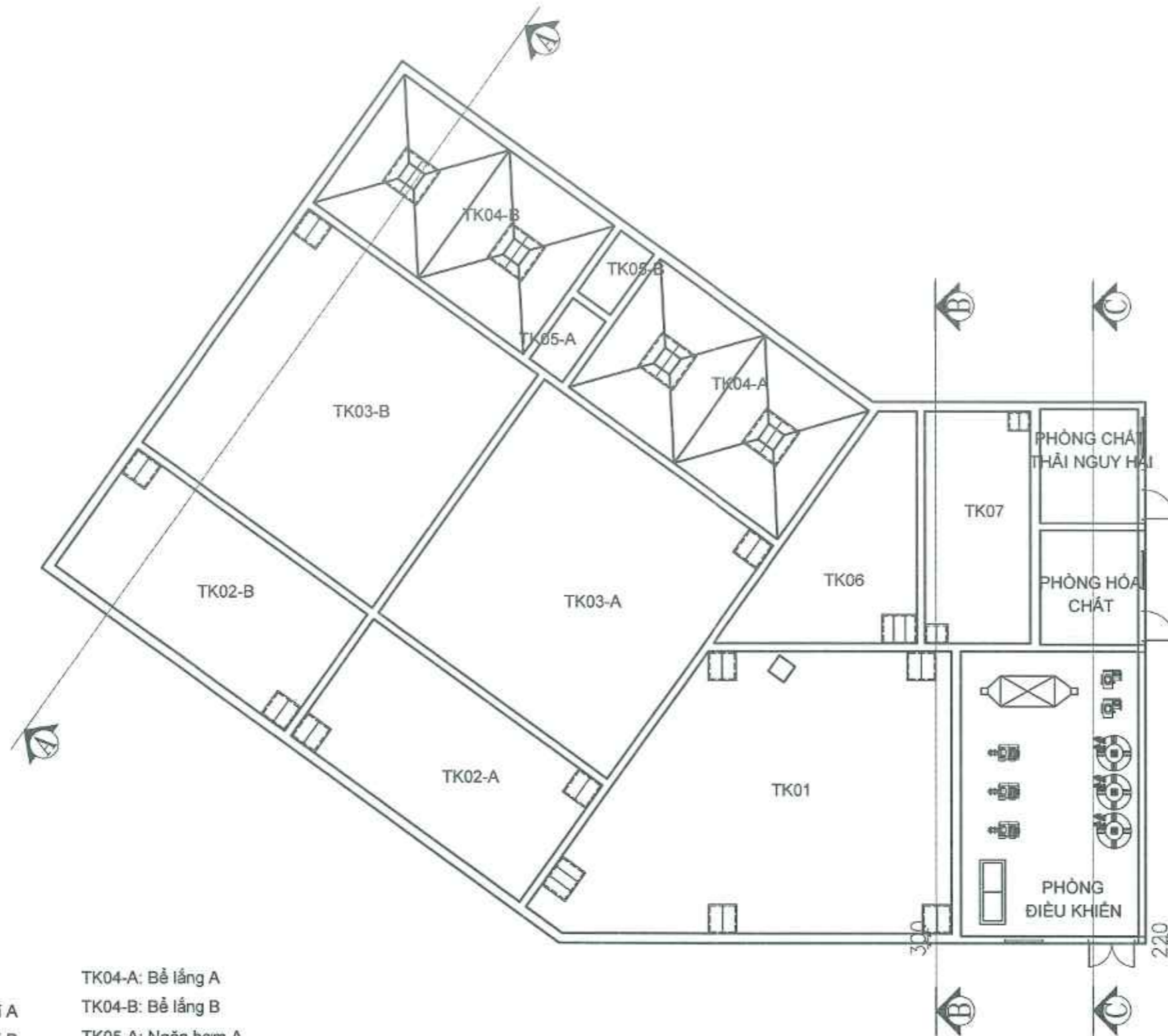


GHI CHÚ

- TK01: Bể điều hòa
- TK02-A: Bể thiếu khí A
- TK02-B: Bể thiếu khí B
- TK03-A: Bể hiếu khí A
- TK03-B: Bể hiếu khí B
- TK04-A: Bể lắng A
- TK04-B: Bể lắng B
- TK05-A: Ngăn bơm A
- TK05-B: Ngăn bơm B
- TK06: Bể khử trùng và xả
- TK07: Bể chứa bùn

SỬA ĐỔI		
SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN	
<p>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEB A THÀNH PHỐ HÀ NỘI</p>		
KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU		
Ô ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIAO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 1210M ³ /NGÀY.ĐÊM		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ		
<p>ETC VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG</p>		
<p>VIỆT NAM THÀNH PHỐ HÀ NỘI</p>		
NGUYỄN NHƯ TIẾN		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ		
<p>NGUYỄN NHƯ TIẾN</p>		
<p>NGUYỄN NHƯ TIẾN</p>		
<p>NGUYỄN NHƯ TIẾN</p>		
MẶT BẰNG ĐÁY TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
	03/2026	

MẶT BẰNG THỂ HIỆN NẮP THẨM VÀ NHÀ ĐIỀU HÀNH

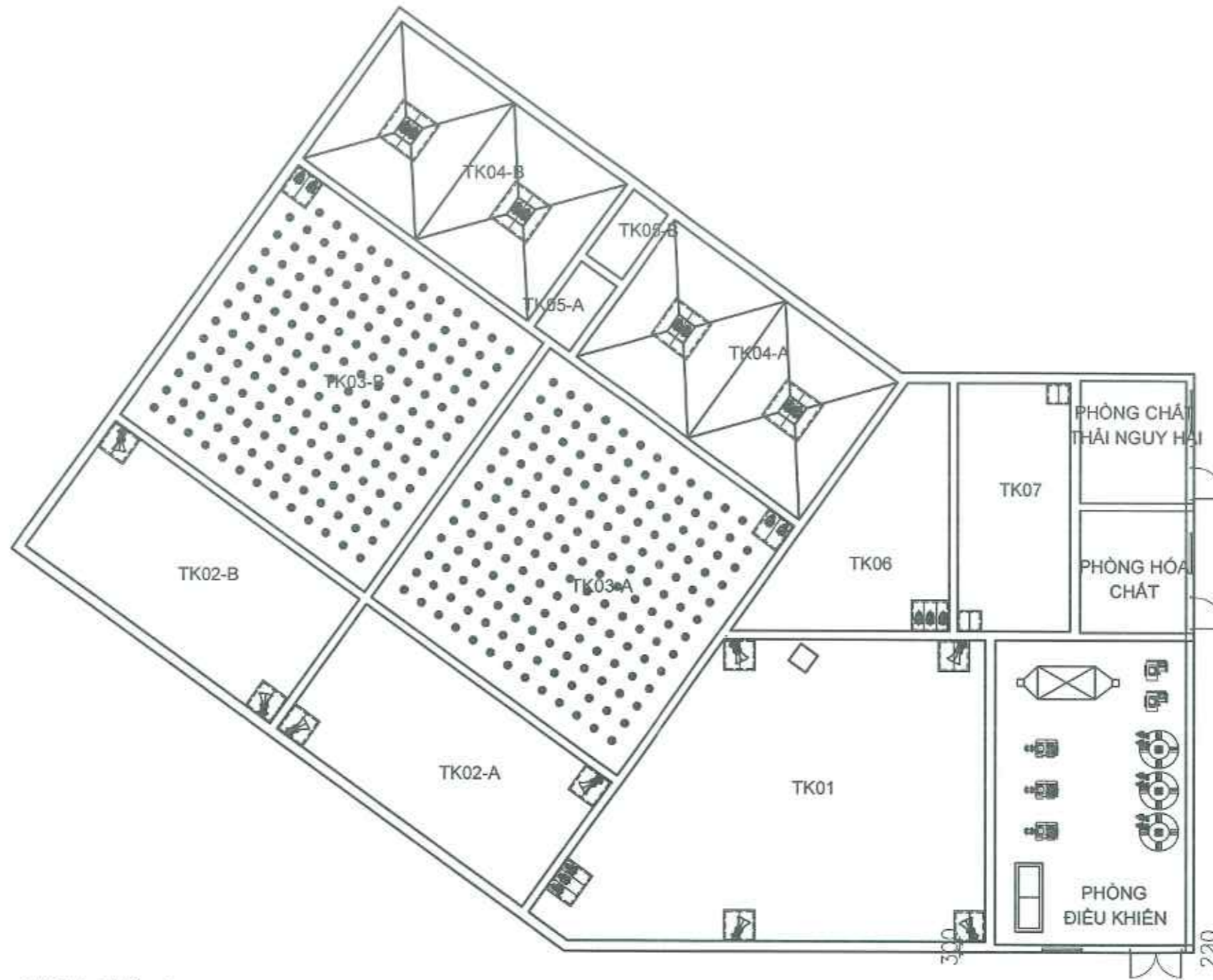


GHI CHÚ

- TK01: Bể điều hòa
- TK02-A: Bể thiếu khí A
- TK02-B: Bể thiếu khí B
- TK03-A: Bể hiếu khí A
- TK03-B: Bể hiếu khí B
- TK04-A: Bể lắng A
- TK04-B: Bể lắng B
- TK05-A: Ngăn bơm A
- TK05-B: Ngăn bơm B
- TK06: Bể khử trùng và xả
- TK07: Bể chứa bùn

SỬA ĐỔI		
SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN	
KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU		
Ô ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIAO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 1210M ³ /NGÀY.ĐÊM		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 		
NGUYỄN NHƯ TIẾN CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGUYỄN NHƯ TIẾN		
NGUYỄN NHƯ TIẾN NGUYỄN NHƯ TIẾN		
MẶT BẰNG THỂ HIỆN NẮP THẨM VÀ NHÀ ĐIỀU HÀNH		
TỶ LỆ	HOÀN THÁNH	SỐ HIỆU
	03/2026	

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



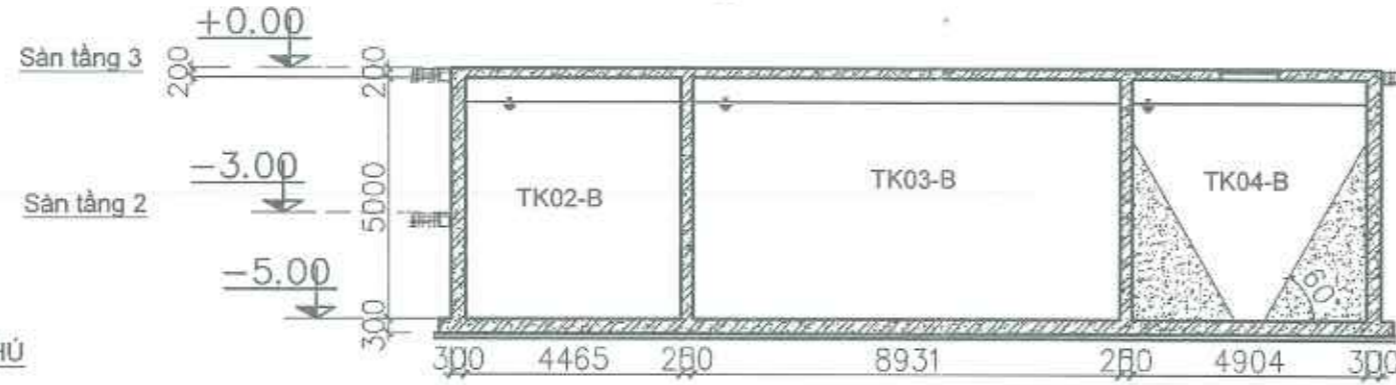
GHI CHÚ

- TK01: Bể điều hòa
- TK02-A: Bể thiếu khí A
- TK02-B: Bể thiếu khí B
- TK03-A: Bể hiếu khí A
- TK03-B: Bể hiếu khí B
- TK04-A: Bể lắng A
- TK04-B: Bể lắng B
- TK05-A: Ngăn bơm A
- TK05-B: Ngăn bơm B
- TK06: Bể khử trùng và xả
- TK07: Bể chứa bùn

SỬA ĐỔI		
SỬA ĐỔI	XÁC NHẬN	
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEDA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU		
Ô ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIAO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 1210M ³ /NGÀY.ĐÊM		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM 		
NGUYỄN NHƯ TIẾN		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ NGUYỄN NHƯ TIẾN		
NGUYỄN NHƯ TIẾN		
MẶT BẰNG ĐÁY TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
TỶ LỆ	HOÀN THÀNH	SỐ HIỆU
	03/2026	

854
 Y. N. Y. D. E. J. A.
 H. P.

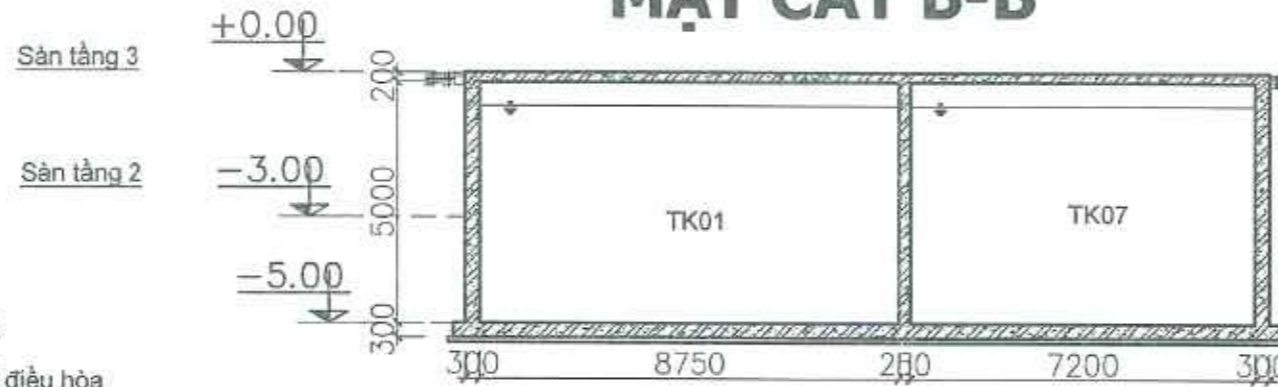
MẶT CẮT A-A



GHI CHÚ

- TK02-A: Bể thiếu khí A
- TK03-B: Bể hiếu khí B
- TK04-B: Bể lắng B

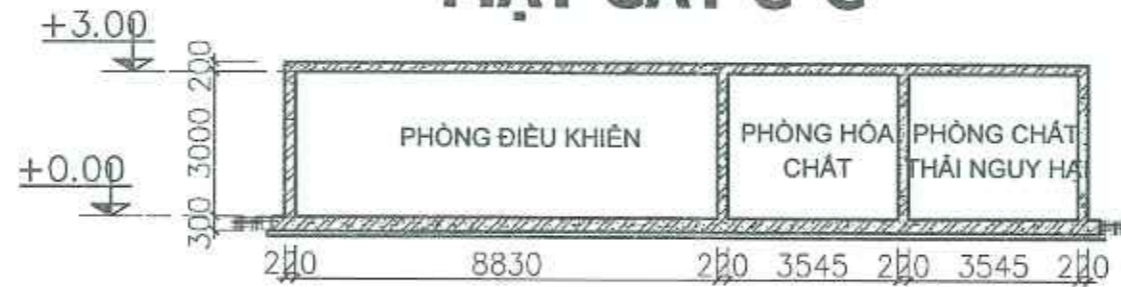
MẶT CẮT B-B



GHI CHÚ

- TK01: Bể điều hòa
- TK07: Bể chứa bùn

MẶT CẮT C-C



SỬA ĐỔI

SỬA ĐỔI XÁC NHẬN

M.S.Đ. N10T1164 454-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGÉBA
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU

Ô ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIAO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 1210M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

ETC
 VIỆT NAM ENVIRONMENT LLC

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG

ETC VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
 M.Đ.Đ. N10T1164 454-C.T.C.P
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN NHƯ TIẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

NGUYỄN NHƯ TIẾN

NGUYỄN NHƯ TIẾN

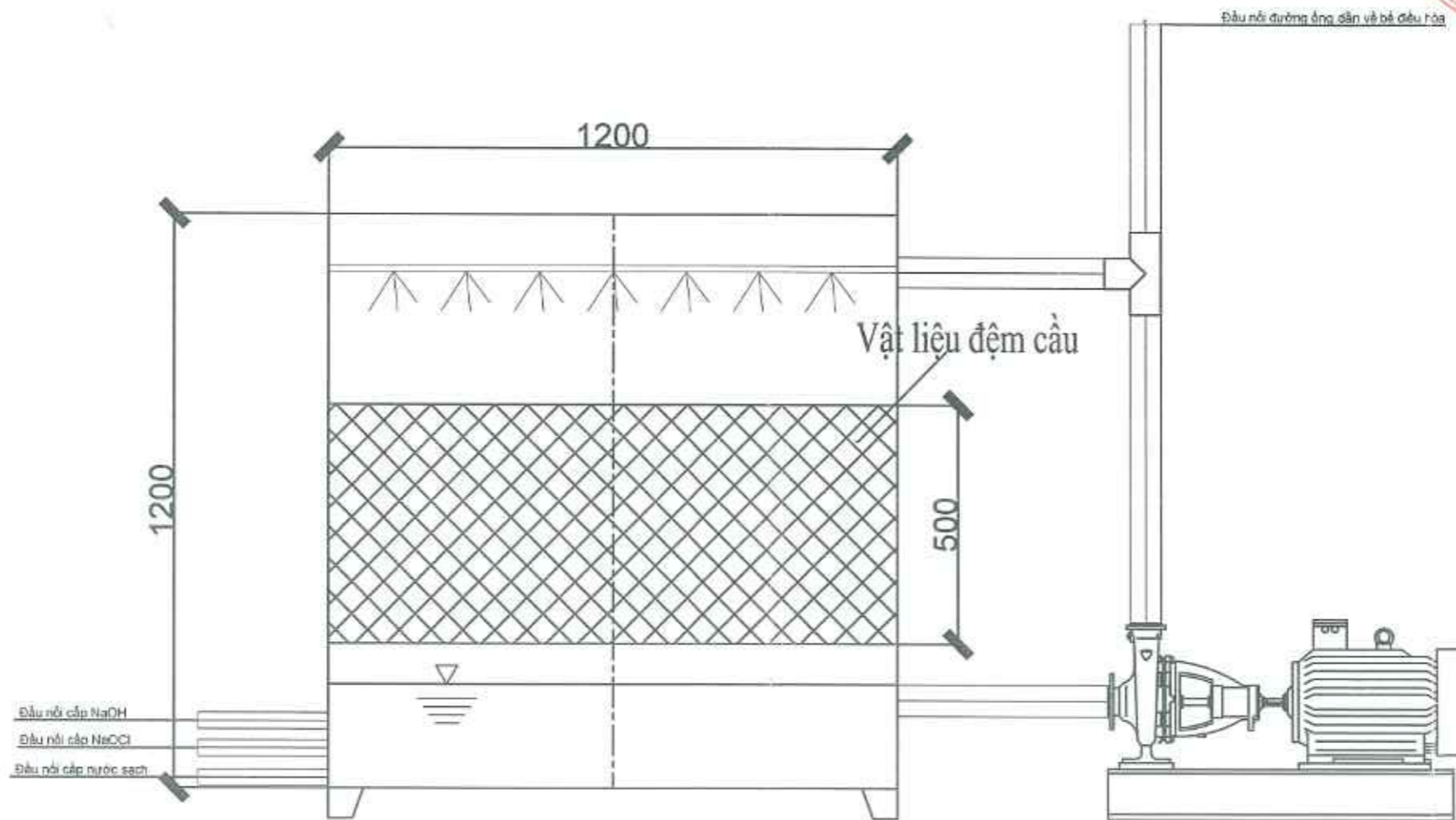
NGUYỄN NHƯ TIẾN

MẶT CẮT TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỶ LỆ HOÀN THÀNH SỐ HIỆU

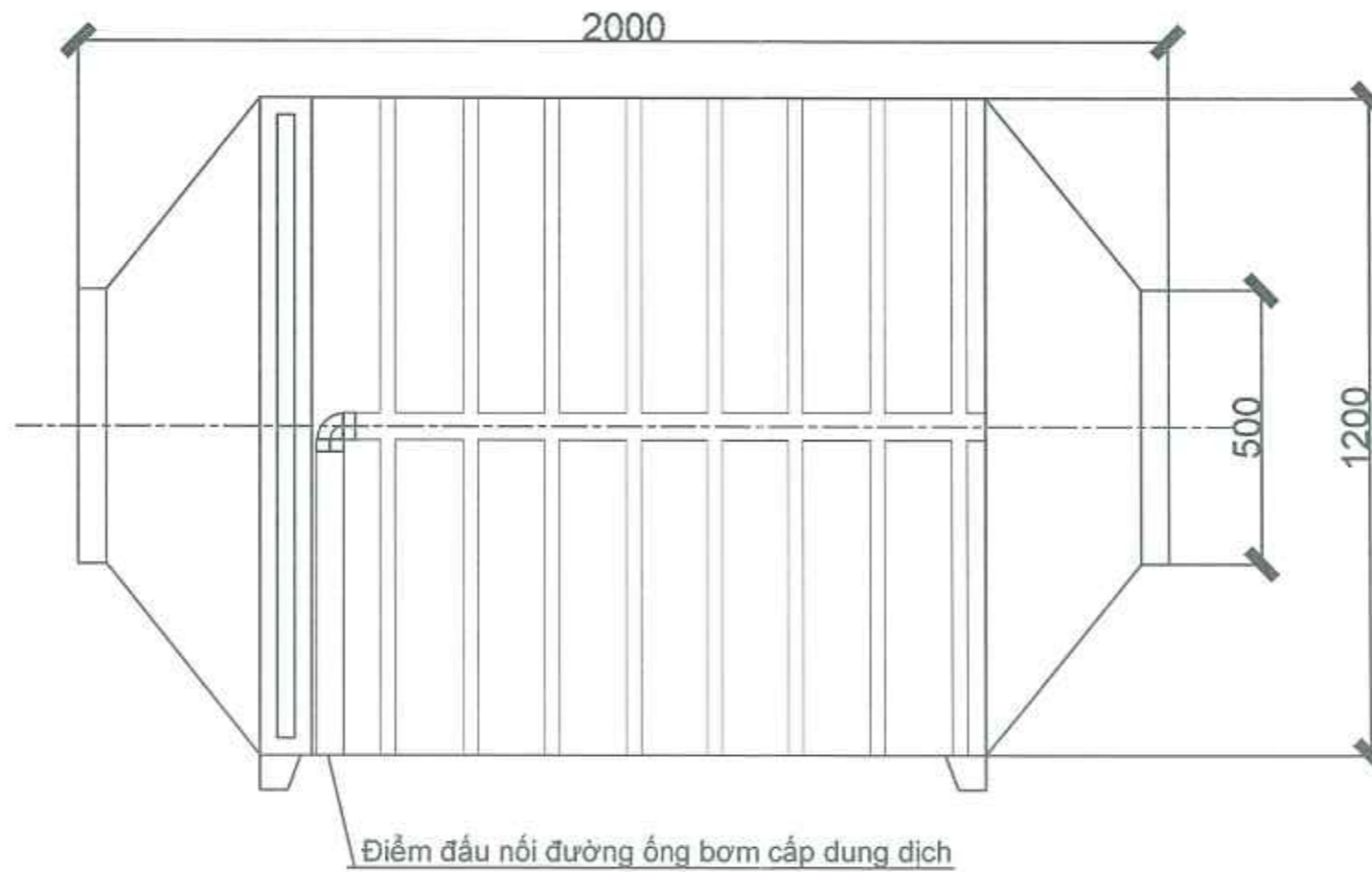
03/2026

THÁP XỬ LÝ MÙI



ANH	TRƯỜNG	HỌ TÊN
ĐƠN	QUỐC	QUỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
NHÀ THẦU CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM TÊN NHÀ THẦU: 66 PHỐ LỘC, P. XÃM GIỚI, HÀ NỘI TEL: (+84) 96 113225 Email: info@etcgroup.vn@gmail.com		
GIÁM ĐỐC: TRẦN NGỌC HOÀNG		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN NHƯ TIẾN		
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN KIẾT		
THIẾT KẾ: TRẦN THANH HIỀN		
TÊN DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIÁO LƯU ĐỊA ĐIỂM Ô ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIÁO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
HẠNG MỤC TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 1210 M3/NGÀY ĐÊM		
TÊN BẢN VẼ THÁP XỬ LÝ MÙI		
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG NGÀY HOÀN THÀNH: 04-2026		
KHO GIẤY: A3	BẢN VẼ SỐ:	CR-

MẶT BẰNG THÁP XỬ LÝ MÙI



LM	KW	KTCQ
SĐ	SĐ	SĐ
M.S.D. No. 0101 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIGEBA		
ĐƠN THẦU: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ETC VIỆT NAM		
TÊN NHÀ ĐƠN: 66 PHỐ LỘC, P.ĐĨA BÈN, H. HỒ		
TEL: (84) 966 112255 Email: nhatran@etc.vn; nhatran@etc.com		
GIÁM ĐỐC: TRẦN HẠC NAM		
CHỦ THÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN NHẬT NAM		
KIỂM TRA: NGUYỄN TUẤN KIẾT		
THIẾT KẾ: TRẦN THANH HIỆN		
TÊN DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ GIAO LƯU		
ĐỊA ĐIỂM: O ĐẤT CT4, KHU ĐÔ THỊ TP GIAO LƯU, PHƯỜNG PHÚ ĐIỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
HẠNG MỤC: TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 1210 HỒN NGÀY ĐÊM		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THÁP XỬ LÝ MÙI		
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THÌ CÔNG NGÀY HOÀN THÀNH: 04/2026		
KHỒ GẤY: A3	BẢN VẼ SỐ: 01-	